BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TIẾNG VIỆT 2

**TẬP MỘT**

SÁCH GIÁO VIÊN



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
BÙI MẠNH HÙNG – TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Đồng Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – VŨ THỊ THANH HƯƠNG
VŨ THỊ LAN – NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – TRẦN KIM PHƯỢNG

# TIẾNG VIỆT 2

**TẬP MỘT**
SÁCH GIÁO VIÊN

*(Tái bản lần thứ ba)*

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

# LỜI NÓI ĐẦU

*Tiếng Việt 2* – Sách giáo viên (SGV) là tài liệu dùng cho các thầy cô dạy sách giáo khoa (SGK) *Tiếng Việt 2*, biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

*Tiếng Việt 2* là cuốn sách thuộc bộ SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tiếp nối *Tiếng Việt 1*, *Tiếng Việt 2* được biên soạn theo quan điểm dạy tiếng hiện đại, ứng dụng những cách tiếp cận mới nhất trong biên soạn SGK dạy học ngôn ngữ của nhiều quốc gia tiên tiến, đồng thời có chú ý kế thừa kinh nghiệm từ các SGK *Tiếng Việt* lâu nay. *Tiếng Việt 2* – SGV giới thiệu và hướng dẫn giáo viên (GV) triển khai một phương án dạy học để đạt đến mục tiêu dạy học được quy định trong chương trình.

*Tiếng Việt 2* – SGV gồm hai phần: phần một là *Hướng dẫn chung*, phần hai là *Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể*. Phần hai vừa có những hướng dẫn cụ thể vừa tạo độ mở khá rộng cho người sử dụng. Trên cơ sở những hướng dẫn này, GV có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng học sinh (HS). Như vậy, thay vì thiết kế những quy trình mà GV cần tuân thủ hay những chỉ dẫn chi tiết mà GV cần làm theo, *Tiếng Việt 2* - SGV chỉ đưa ra những gợi ý, cung cấp những hỗ trợ cần thiết để GV có thể tự thiết kế kế hoạch bài học theo những phương án tốt nhất và hiệu quả nhất.

Hi vọng cuốn sách này là tài liệu hướng dẫn dạy học hữu ích, giúp quý thầy cô đổi mới dạy học tiếng Việt, giúp HS sử dụng tiếng Việt một cách hiệu quả trong học tập và đời sống. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, song chắc hẳn *Tiếng Việt 2* - SGV cũng khó tránh những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy cô góp ý để sách được cập nhật và ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy học tiếng Việt của GV và HS.

**Các tác giả**

## QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

| | |
|---|---|
| GV | giáo viên |
| HS | học sinh |
| SGV | sách giáo viên |
| SHS | sách học sinh |
| SGK | sách giáo khoa |
| VB | văn bản |
| VD | ví dụ |

# MỤC LỤC


TRANG

**PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG ..... 4**

**PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI ..... 15**

**EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY ..... 15**

**Tuần 1 ..... 15**

Bài 1. Tôi là học sinh lớp 2 ..... 15

Bài 2. Ngày hôm qua đâu rồi? ..... 22

**Tuần 2 ..... 28**

Bài 3. Niềm vui của Bi và Bống ..... 28

Bài 4. Làm việc thật là vui ..... 33

**Tuần 3 ..... 40**

Bài 5. Em có xinh không? ..... 40

Bài 6. Một giờ học ..... 45

**Tuần 4 ..... 56**

Bài 7. Cây xấu hổ ..... 56

Bài 8. Cầu thủ dự bị ..... 62

**ĐI HỌC VUI SAO ..... 70**

**Tuần 5 ..... 70**

Bài 9. Cô giáo lớp em ..... 70

Bài 10. Thời khoá biểu ..... 76

**Tuần 6 ..... 83**

Bài 11. Cái trống trường em ..... 83

Bài 12. Danh sách học sinh ..... 89

**Tuần 7 ..... 95**

Bài 13. Yêu lắm trường ơi! ..... 95

Bài 14. Em học vẽ ..... 102

**Tuần 8 ..... 110**

Bài 15. Cuốn sách của em ..... 110

Bài 16. Khi trang sách mở ra ..... 116

TRANG

**Tuần 9 ..... 124**

Ôn tập giữa học kì 1 ..... 124

**NIỀM VUI TUỔI THƠ ..... 130**

**Tuần 10 ..... 130**

Bài 17. Gọi bạn ..... 130

Bài 18. Tớ nhớ cậu ..... 136

**Tuần 11 ..... 147**

Bài 19. Chữ A và những người bạn ..... 147

Bài 20. Nhím nâu kết bạn ..... 152

**Tuần 12 ..... 159**

Bài 21. Thả diều ..... 159

Bài 22. Tớ là lê-gô ..... 165

**Tuần 13 ..... 173**

Bài 23. Rồng rắn lên mây ..... 173

Bài 24. Nặn đồ chơi ..... 179

**MÁI ẤM GIA ĐÌNH ..... 187**

**Tuần 14 ..... 187**

Bài 25. Sự tích hoa tỉ muội ..... 187

Bài 26. Em mang về yêu thương ..... 193

**Tuần 15 ..... 200**

Bài 27. Mẹ ..... 200

Bài 28. Trò chơi của bố ..... 207

**Tuần 16 ..... 213**

Bài 29. Cánh cửa nhớ bà ..... 213

Bài 30. Thương ông ..... 218

**Tuần 17 ..... 224**

Bài 31. Ánh sáng của yêu thương ..... 224

Bài 32. Chơi chong chóng ..... 230

**Tuần 18 ..... 237**

Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1 ..... 237


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# HƯỚNG DẪN CHUNG

## I YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT LỚP 2

| Yêu cầu cần đạt | Nội dung |
|---|---|
| **ĐỌC**<br>KĨ THUẬT ĐỌC<br>• Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng). Thuộc bảng chữ cái tiếng Việt; biết phân biệt tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...) mà chữ cái và con chữ biểu hiện.<br>• Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, VB thông tin ngắn. Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ.<br>• Bước đầu phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp.<br>• Biết đọc thầm.<br>• Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh hoạ, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản.<br>• Điền được những thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách.<br>ĐỌC HIỂU<br>**VB văn học**<br>*Đọc hiểu nội dung*<br>• Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong VB như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?<br>• Hiểu điều tác giả muốn nói qua VB đơn giản dựa vào gợi ý.<br>*Đọc hiểu hình thức*<br>• Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện.<br>• Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh.<br>• Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại.<br>• Nhận biết được vần trong thơ.<br>*Liên hệ, so sánh, kết nối*<br>• Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao. | **KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**<br>1. Bảng chữ cái tiếng Việt, sự khác nhau giữa tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...)<br>2. Vốn từ theo chủ điểm<br>3.1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất<br>3.2. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu<br>4.1. Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời<br>4.2. Đoạn văn<br>• Đoạn văn kể lại một sự việc<br>• Đoạn văn miêu tả ngắn, đơn giản theo gợi ý<br>• Đoạn văn nói về tình cảm của mình với những người thân yêu<br>• Đoạn văn giới thiệu loài vật, đồ vật; VB hướng dẫn thực hiện một hoạt động, bưu thiếp, danh sách, mục lục sách, thời khoá biểu, thời gian biểu<br>5. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Đọc mở rộng*

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 VB văn học có thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học.
- Thuộc lòng ít nhất 6 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 45 chữ.

**VB thông tin**

*Đọc hiểu nội dung*

- Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của VB như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?
- Dựa vào gợi ý, trả lời được: VB viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý.

*Đọc hiểu hình thức*

- Nhận biết được một số loại VB thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của VB: mục lục sách, danh sách HS, thời khoá biểu, thời gian biểu, VB giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc VB hướng dẫn thực hiện một hoạt động.
- Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong VB.

*Liên hệ, so sánh, kết nối*

- Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ VB.
- Nhận biết được thông tin cơ bản của VB thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh.

*Đọc mở rộng*

Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 VB thông tin có kiểu VB và độ dài tương đương với các VB đã học.

## VIẾT

### KĨ THUẬT VIẾT

- Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.
- Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương.
- Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.
- Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.

### VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN

*Quy trình viết*

- Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: "Viết về cái gì?"; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của GV, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.

## KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Đề tài (viết, kể về điều gì)
2. Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật
3. Tình cảm, thái độ giữa các nhân vật
4. Vần trong thơ

## NGỮ LIỆU

1.1. VB văn học

- Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả
- Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè

Độ dài của VB: truyện khoảng 180 – 200 chữ, bài miêu tả khoảng 150 – 180 chữ, thơ khoảng 70 – 90 chữ

1.2. VB thông tin

- VB giới thiệu về loài vật, đồ dùng; VB hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu
- Danh sách HS; mục lục sách; thời khoá biểu; thời gian biểu

Độ dài của VB: khoảng 110 – 140 chữ

2. Gợi ý chọn VB: xem danh mục gợi ý

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Thực hành viết*

- Viết được 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu giới thiệu về một đồ vật quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Biết đặt tên cho một bức tranh.
- Biết viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi.

**NÓI VÀ NGHE**

NÓI

- Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe.
- Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe.
- Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem.
- Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên VB, nội dung VB, nhân vật yêu thích).

NGHE

- Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì chưa rõ khi nghe.
- Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó.
- Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện.

NÓI NGHE TƯƠNG TÁC

- Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý.
- Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói.

## II GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA *TIẾNG VIỆT 2*

### 2.1. Quan điểm biên soạn

Tiếp nối SHS *Tiếng Việt 1*, SHS *Tiếng Việt 2* được biên soạn dựa trên quan điểm: a. Dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên

và gần gũi với đời sống; b. Sách hấp dẫn đối với HS, khơi gợi được hứng thú của các em qua ngữ liệu và cách khai thác ngữ liệu phù hợp.

*Tiếng Việt 2* cần phát triển một cách hợp lí kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã có được sau khi học xong lớp 1 để các em vừa được học theo sức của mình, vừa đáp ứng được yêu cầu của Chương trình Tiếng Việt lớp 2. Tiến trình dạy học nếu đi quá chậm hay quá nhanh đều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả học tập của năm học này cũng như những năm học tiếp theo. Tiếp tục quan điểm dạy học tiếng mẹ đẻ ở lớp 1, SGK *Tiếng Việt 2* chú trọng khai thác vốn tiếng Việt mà HS sử dụng hằng ngày để phát huy hiệu quả dạy học ngôn ngữ trong nhà trường.

## 2.2. Những điểm mới cơ bản của SGK *Tiếng Việt 2*

**2.2.1.** Sách được biên soạn theo mô hình SGK dạy tiếng hiện đại, có học hỏi từ mô hình SGK của các nước phát triển và tiếp thu hợp lí kinh nghiệm biên soạn SGK Tiếng Việt lâu nay tại Việt Nam. Tính hiện đại của sách thể hiện rõ nhất ở việc các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được thiết kế theo cách kết nối và tích hợp chặt chẽ trong một bài học. Trung tâm để tạo nên sự kết nối và tích hợp đó là VB thuộc các kiểu loại khác nhau. HS đọc VB, sau đó, các em viết, nói và nghe đều dựa trên những nội dung được gợi ra từ VB vừa đọc. Các VB trong một bài học được gắn kết với nhau theo từng chủ điểm. Từ tập hai của *Tiếng Việt 1*, các bài học cũng đã được thiết kế theo cách này, nhưng do ở lớp 2, việc thiết kế các bài đọc phải tính đến thêm yêu cầu viết đoạn (4 – 5 câu) có định hướng kiểu loại (biểu cảm, thuyết minh, tả, thuật sự việc), nên ở *Tiếng Việt 2*, sự kết nối giữa các bài đọc với nhau và giữa nội dung bài đọc với hoạt động viết cần được tính toán kĩ lưỡng hơn và dụng công hơn.

Tương tự *Tiếng Việt 1*, trong sách này, người đọc không tìm thấy các "phân môn" mà chỉ nhìn thấy các hoạt động giao tiếp. Cách tiếp cận tích hợp này giúp cho hoạt động dạy học ngôn ngữ gần với giao tiếp thực tế, vì vậy tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học.

**2.2.2.** Nhận rõ dạy học kĩ năng viết là một điểm yếu của SGK *Tiếng Việt* lâu nay, *Tiếng Việt 2* dành thời gian nhiều để dạy viết cho HS và thiết kế các hoạt động viết theo một trình tự khoa học và hợp lí. Ngoài viết 1 – 2 câu ở tất cả các bài nhỏ (theo VB), cuối mỗi bài lớn (theo chủ điểm) đều có hoạt động viết đoạn văn ngắn (4 – 5 câu) theo yêu cầu của Chương trình Tiếng Việt lớp 2 năm 2018, từ viết đoạn thể hiện cảm nghĩ đến viết đoạn để giới thiệu, tả, viết đoạn để kể hay thuật lại sự việc. Trước khi viết một đoạn văn ngắn, HS được tích luỹ hiểu biết, trải nghiệm từ nội dung của các bài đọc và của các hoạt động nói và nghe xung quanh những ý tưởng, thông tin được gợi ra từ bài đọc. Các em cũng được trang bị kiến thức tiếng Việt và thực hành các bài tập về chính tả, từ ngữ, câu. Sách coi những hiểu biết, trải nghiệm được tích luỹ, những kiến thức tiếng Việt được trang bị đó như là công cụ giúp HS viết đoạn văn ở cuối mỗi bài lớn

(chủ điểm). Bằng cách đó, HS được chuẩn bị tốt cho việc rèn luyện kĩ năng viết, tránh tình trạng HS sao chép bài viết của người khác hoặc viết tuỳ tiện vì các em không được chuẩn bị cả về nội dung lẫn phương tiện ngôn ngữ để viết.

**2.2.3.** Trong hoạt động dạy học đọc hiểu, ngoài những câu hỏi liên quan đến những nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn ở mức đơn giản, *Tiếng Việt 2* còn thiết kế hoạt động tìm hiểu các yếu tố của kiểu loại VB như nhân vật trong truyện, vần trong thơ, trình tự các ý trong VB thông tin,... Bằng hoạt động này, *Tiếng Việt 2* từng bước định hình cho HS "mô hình đọc hiểu" VB; bước đầu giúp HS phát triển kĩ năng đọc hiểu VB theo kiểu loại.

*Tiếng Việt 2* thiết kế nhiều hoạt động để HS được trao đổi nhóm, huy động các hiểu biết, trải nghiệm để tiếp cận VB đọc. Các em được khuyến khích thể hiện chủ kiến của mình trước những vấn đề được đặt ra từ bài học. Theo hướng tiếp cận như vậy, GV và HS có điều kiện đổi mới phương pháp dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên cũng như định kì có nhiều nội dung kiểm tra, đánh giá hơn, đáp ứng tốt định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá.

**2.2.4.** Ngữ liệu bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa VB văn học và VB thông tin. Tăng thêm tỉ lệ VB thông tin và giảm tỉ lệ VB văn học so với các SGK *Tiếng Việt* lâu nay. Hệ thống chủ điểm đa dạng, phong phú, bao quát được nhiều lĩnh vực trong đời sống của HS, đáp ứng ở mức độ cao nhất nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới của các em. Nội dung của ngữ liệu được chọn lựa phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm đã có của người học; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập. Nhờ đó, ngoài việc giúp HS phát triển hiệu quả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, *Tiếng Việt 2* còn góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng cho HS tình yêu quê hương, đất nước; tình yêu gia đình, bạn bè; lòng nhân ái, khoan dung; tình yêu thiên nhiên;... Các em cũng được phát triển kĩ năng quan sát, tư duy suy luận, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**2.2.5.** Theo yêu cầu của Chương trình 2018, *Tiếng Việt 2* chú ý dành thời gian cho hoạt động Đọc mở rộng. Qua hoạt động này, HS có cơ hội được tự chọn ngữ liệu (truyện, thơ, VB thông tin,...) để đọc ở nhà hoặc ở lớp và nói, trình bày với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp. Nhờ đó, HS từng bước hình thành thói quen và hứng thú đọc sách. Đây không phải là nét đặc sắc riêng của bộ sách, nhưng là một đổi mới đáng kể của SGK lần này.

### 2.3. Cấu trúc sách và các bài học

*Tiếng Việt 2* được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần, trung bình mỗi tuần 10 tiết), tập hai dành cho học kì 2 (17 tuần, trung bình mỗi tuần 10 tiết). Mỗi tập

sách đều có các thành phần cơ bản: mục lục (đặt ở đầu sách), bảng tra cứu thuật ngữ (ở cuối sách), hệ thống các chủ điểm (bài lớn, tương ứng với chương, phần) và các bài học (theo hệ thống các VB được dùng làm ngữ liệu). Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách và cấu trúc của từng bài học trong 2 tập là như nhau. Điểm khác biệt đáng kể là yêu cầu về các kiến thức và kĩ năng ở tập hai dĩ nhiên là cao hơn tập một.

### 2.3.1. Cấu trúc sách

Tập một có 4 bài (lớn), tương ứng với 4 chủ điểm. Các chủ điểm tiếp tục được triển khai theo mạch như hệ thống chủ điểm đã được thiết kế ở tập hai của *Tiếng Việt 1*, tuy nhiên có nâng cao hơn và khai thác sâu hơn một số phương diện cuộc sống, phù hợp với sự phát triển của HS lớp 2 so với lớp 1. Mỗi bài dạy trong 4 tuần (40 tiết). Tổng cộng 16 tuần; có hai tuần dành cho ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa học kì 1 và cuối học kì 1 (20 tiết).

Tập hai có 5 bài (lớn), tương ứng với 5 chủ điểm. Các chủ điểm ở tập hai được mở rộng dần sang những lĩnh vực khác của đời sống, giúp HS có thêm hiểu biết, trải nghiệm, chẳng hạn chủ điểm *Giao tiếp và kết nối, Hành tinh xanh của em, Việt Nam quê hương em*. Mỗi bài dạy từ 2 – 4 tuần (40 tiết). Tổng cộng 15 tuần; có hai tuần dành cho ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa học kì 2 và cuối học kì 2 (10 tiết).

Ở cả hai tập sách, mỗi bài (lớn) đều có 8 VB (bài nhỏ), mỗi tuần có 2 VB. Do mỗi tuần 10 tiết, nên số tiết cho bài học mỗi VB lần lượt là 4 và 6 để thuận lợi cho việc tổ chức dạy học. Tất cả các bài đều có "phần lõi" 4 tiết như nhau. Ở bài 6 tiết có 2 tiết cho *Nghe – viết chính tả, Viết* đoạn văn ngắn và *Đọc mở rộng*. Trong tiết 5 và 6 của các bài 6 tiết, *Tiếng Việt 2* thiết kế các nội dung dạy học khá mở để GV có điều kiện triển khai các nội dung dạy học một cách linh hoạt. GV có thể sử dụng tiết 6 để cho HS được kể chuyện, đọc thơ, chia sẻ ý tưởng từ bài đọc mở rộng và cho HS chỉnh sửa bài viết, tạo ra các sản phẩm theo cách sáng tạo riêng. Các thầy cô cũng có thể cho HS làm các bài tập trong các tài liệu bổ trợ nếu HS đã hoàn thành tốt các nội dung trong SHS.

### 2.3.2. Cấu trúc bài học

Mỗi VB đọc là trung tâm của một bài nhỏ. Khởi đầu bài học là hoạt động *khởi động* nhằm huy động trải nghiệm, hiểu biết và tạo tâm thế để HS đọc hiểu VB tốt hơn. Sau hoạt động *khởi động* là *đọc thành tiếng, đọc hiểu* (thể hiện qua trả lời câu hỏi). Khác với *Tiếng Việt 1*, trong *Tiếng Việt 2*, như đã nói ở trên, nội dung đọc hiểu không chỉ tập trung vào các nội dung tường minh hay nội dung suy luận đơn giản mà còn đặt ra yêu cầu HS nhận biết được một số yếu tố kiểu loại VB ở mức đơn giản, chẳng hạn đối với thơ, HS được luyện tập nhận biết vần, số chữ trong một dòng thơ, số dòng thơ trong

một khổ thơ (HS cũng được học thuộc lòng 1 – 2 khổ thơ hoặc cả bài); đối với truyện, HS nhận biết được bối cảnh (địa điểm, thời gian), nhân vật và các sự việc chính của câu chuyện; đối với VB thông tin, HS nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng được thể hiện trong VB. Khác với *Tiếng Việt 1*, trong *Tiếng Việt 2*, không chỉ các bài có ngữ liệu là truyện, VB miêu tả, VB thông tin mà các bài có ngữ liệu là thơ cũng có thực hành viết (câu trả lời), nói và nghe (theo tranh).

Hoạt động cuối của "phần lõi" 4 tiết là *Luyện tập tiếng Việt*, gồm bài tập chính tả, bài tập từ ngữ, bài tập luyện câu. Đây là phần tập trung giúp HS luyện tập các kĩ năng viết chính tả, dùng từ ngữ, đặt câu dựa trên những hiểu biết sơ giản về tiếng Việt. Nội dung này sẽ được phát triển dần ở các lớp trên để HS có được kiến thức hiển ngôn về tiếng Việt, nhờ đó sử dụng tiếng Việt hiệu quả hơn. Từ bỏ quan điểm dạy học ngôn ngữ thông qua việc cung cấp một cách hệ thống kiến thức về cấu trúc tiếng Việt, nhưng SGK *Tiếng Việt 2* và SGK *Tiếng Việt* ở các lớp trên vẫn chủ trương trang bị cho HS một số hiểu biết tối thiểu về tiếng Việt, được dùng như tri thức công cụ để thực hành sử dụng tiếng Việt. Chẳng hạn, trong *Tiếng Việt 2*, phần bài tập về từ ngữ, HS bước đầu phân biệt được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; phần bài tập luyện câu, tuy GV chưa nêu khái niệm câu và thành phần câu, nhưng thông qua hướng dẫn HS thực hành và sửa lỗi câu cho HS, GV cần giúp các em cảm nhận được thế nào là câu và thế nào chưa phải là câu để HS viết câu đúng ngữ pháp và sửa lỗi ngữ pháp nếu có(*).

Như đã nêu trên, ngoài nội dung "phần lõi" 4 tiết, bài 6 tiết ở tuần thứ nhất của mỗi chủ điểm có 2 tiết cho *Nghe – viết chính tả* và *Đọc mở rộng*. Sau *Đọc mở rộng*, HS có thể kể chuyện, trao đổi về những gì vừa đọc tuỳ theo kiểu loại VB đọc mở rộng là truyện, thơ hay VB thông tin. Còn bài 6 tiết ở tuần thứ hai có 2 tiết cho *Viết* đoạn văn ngắn. HS được luyện viết theo mô hình của từng kiểu loại VB. Quy trình dạy viết ở đây được thiết kế dựa theo các lí thuyết và thực tiễn dạy viết của nhiều nước phát triển, thể hiện cụ thể nhất qua phần dạy viết trong SGK của Hoa Kì, Vương quốc Anh, Australia,... Sau khi viết, HS được GV hướng dẫn chỉnh sửa bài viết. Đôi khi có *Góc sáng tạo* để HS có được cơ hội sáng tạo ra một sản phẩm được gợi ý từ các hoạt động trước đó.

---

(*) Lên lớp 4, HS sẽ được học kiến thức hiển ngôn về câu và cấu trúc câu tiếng Việt. Trong ngôn ngữ viết, câu thường đầy đủ hai thành phần. Khi viết một câu, ta cần nêu ra một sự vật (ai, cái gì,...) (thành phần thứ nhất) và nói điều gì đó về sự vật đó (thành phần thứ hai). Chẳng hạn, câu *"Câu chuyện về chữ A rất thú vị."* có hai thành phần chính: *Câu chuyện về chữ A* (thành phần thứ nhất chỉ cái gì được nói đến) và *rất thú vị* (thành phần thứ hai cho biết câu nói gì về cái được nói đến ở thành phần thứ nhất). Ở lớp 2, GV chưa đề cập đến các thành phần câu, nhưng có thể đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS để các em có ý thức khi viết câu và biết cách sửa câu sai, ví dụ: *Trong câu này, em viết về ai (cái gì)?* (mẹ em/lớp học của em/câu chuyện về chữ A); *Em muốn nói gì về người đó (cái đó)?* (rất yêu thương em/có 35 HS/rất thú vị). Lưu ý, cấu trúc câu được phân tích ở đây khác với cách hướng dẫn HS nhận biết câu và thực hành viết câu theo gợi ý: *Ai là gì?; Ai làm gì?; Ai thế nào?;...*

Cuối mỗi tập sách có phần ôn tập và đề tham khảo để GV có thể dựa vào đó thiết kế để kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề kiểm tra. Còn độ khó thì cần được linh hoạt trong giới hạn cho phép tuỳ theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương và nhà trường.

## III GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO VIÊN

### 3.1. Cấu trúc bài hướng dẫn dạy học trong sách giáo viên

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGV. Tương tự *Tiếng Việt 1 – SGV*, mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: ***Mục tiêu***, ***Chuẩn bị***, ***Hoạt động dạy học***.

Phần ***Mục tiêu*** có nội dung và cách thể hiện phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

Phần ***Chuẩn bị*** bao gồm hai nội dung: a. kiến thức (tiếng Việt và đời sống) mà GV cần có để dạy tốt bài học; và b. phương tiện dạy học cần có và nên có. (Ngoài những phương tiện dạy học được nêu trong SGV, GV có thể sử dụng các phương tiện phù hợp khác. Do phương tiện dạy học cần chuẩn bị cho các bài về cơ bản giống nhau, nên nội dung này không được trình bày thành mục riêng ở mỗi bài, tránh trùng lặp.)

Phần ***Hoạt động dạy học*** bám sát các mục của bài học trong SHS. Ngoài ra, ở đầu bài học có mục ôn bài cũ, tạo tâm thế cho bài học mới; ở cuối bài học có mục ***Củng cố***, giúp GV và HS tóm tắt lại những nội dung đã học và GV nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của HS. Tuỳ tình hình thực tế, GV vận dụng linh hoạt thời gian cho mỗi hoạt động dạy học.

### 3.2. Phương pháp dạy học

a. Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 2* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của chương trình môn Ngữ văn và chương trình giáo dục phổ thông nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS.

b. Ở từng kiểu bài học, đối với từng hoạt động dạy học nhằm phát triển từng kĩ năng (đọc, viết, nói, nghe) cho HS, GV cần có những phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu dạy học được quy định đối với lớp 2.

***Đọc:*** Dạy đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Khác với lớp 1, ở lớp 2, yêu cầu phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu đều quan trọng như nhau. HS được đọc các VB có độ dài và độ khó cao hơn so với lớp 1 và phù hợp với yêu cầu của chương trình.

Tiếp nối lớp 1, đối với đọc thành tiếng, phương pháp dạy học chủ yếu là GV đọc mẫu và HS thực hành theo mẫu. Đọc phân vai dựa theo một truyện kể cũng cần được chú ý khai thác nhiều hơn. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu vẫn là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung của VB đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, cho HS thảo luận nhóm. Trước khi đọc VB, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán nội dung VB. Ở lớp 1, hoạt động này chỉ nên áp dụng đối với một số VB và những đối tượng HS phù hợp, nhưng lên lớp 2, GV nên áp dụng với nhiều đối tượng HS hơn. Phương châm là dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

***Viết:*** Qua giai đoạn lớp 1, HS đã được hình thành và phát triển kĩ năng viết chữ (tập viết, chính tả). Ở lớp 2, kĩ năng đó tiếp tục được phát triển, nhưng kĩ năng viết câu sáng tạo cần được chú ý hơn so với lớp 1. Đặc biệt là HS cần được học viết đoạn văn ngắn. Dạy viết đoạn văn cần theo một quy trình phù hợp, qua từng bước, bắt đầu từ hoạt động tìm kiếm, huy động thông tin và ý tưởng bằng hình thức làm việc cá nhân rồi trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm, trước lớp, sau đó HS thực hành viết dựa trên thông tin và ý tưởng được chuẩn bị. Trước khi viết, GV có thể cho HS lập dàn ý bằng cách hướng dẫn các em điền những thông tin, ý tưởng đã được chuẩn bị (làm việc cá nhân, làm việc nhóm,...) vào mẫu cho sẵn (thiết kế trong vở *Tập viết*). HS chỉ cần viết ra dưới hình thức các từ ngữ ngắn gọn, chưa phải viết thành câu. Từ dàn ý đã lập như vậy, các em thực hành viết đoạn văn trọn vẹn. Việc đặt hoạt động viết đoạn văn (tập làm văn) vào cuối mỗi chủ điểm, kết nối, tích hợp giữa đoạn văn cần viết với nội dung cũng như kiểu loại VB của các bài đọc trong toàn chủ điểm và hướng dẫn HS viết theo quy trình vừa nêu trên nhằm bảo đảm HS được chuẩn bị đầy đủ các công cụ và chất liệu cho hoạt động viết để các em vừa viết đúng yêu cầu của chương trình vừa có khả năng sáng tạo.

***Nói và nghe:*** Ở lớp 2, dạy nói và nghe cũng cần chú ý vận dụng phương pháp GV làm mẫu và HS thực hành theo mẫu; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, HS thảo luận nhóm rồi trình bày trước nhóm và trước lớp; nghe kể chuyện và kể lại hoặc đóng vai diễn lại câu chuyện đã nghe. Khác với lớp 1, ở lớp 2, HS nói và nghe về nhiều nội dung được thiết kế mở hơn. Tuy vẫn gắn với nội dung bài đọc, nhưng nội dung nói và nghe đòi hỏi HS phải có nhiều liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của người học. Qua hoạt động nói và nghe, GV cần chú ý tạo cơ hội để HS được tranh luận về một số nội dung có ý kiến khác biệt hay trái ngược nhau, từng bước giúp các em phát triển tư duy độc lập.

c. Các nghiên cứu về dạy học và thực tiễn dạy học các lớp đầu cấp tiểu học trên thế giới đều cho thấy hiệu quả của quy trình dạy học sau: GV trình bày và làm mẫu những kĩ năng và chiến lược mới cho cả lớp. Sau đó, HS hoạt động nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm

nhiều hơn hai), chẳng hạn hỏi và trả lời, chia sẻ ý tưởng, đọc lại câu chuyện cho bạn nghe,... và học cá nhân để vận dụng những kĩ năng mới học được. Kết hợp dạy học chung cả lớp, sau đó HS học theo nhóm và học độc lập là hình thức cần được áp dụng phổ biến, linh hoạt và cân bằng.

d. Ở lớp 2, GV cần tiếp tục khuyến khích HS tham gia vào những hoạt động có tính tương tác, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học và trưởng thành. Hoạt động tương tác chủ yếu ở lớp 2 là HS trao đổi nhóm, cùng tham gia hoàn thành một nhiệm vụ. Đối với dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp thì các hoạt động có tính tương tác càng có ý nghĩa. Nó giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kĩ năng xã hội một cách hiệu quả; các em trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, tôn trọng sự khác biệt và có động lực học cao hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian làm việc với những HS hay nhóm HS cần hỗ trợ.

đ. Cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS gặp khó khăn trong phát triển các kĩ năng giao tiếp. Tương tự như vậy, cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS tự tin, năng động, có khả năng đọc, viết, nói và nghe tốt hơn so với các HS khác.

### 3.3. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 2* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung và tiếp tục quan điểm đổi mới đánh giá được triển khai ở lớp 1.

***a. Về mục tiêu***, đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

***b. Về nội dung,*** đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

– ***Về phẩm chất***, đánh giá HS thông qua các biểu hiện về: yêu thiên nhiên; yêu quê hương, nơi sinh sống; yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô và những người khác xung quanh.

– ***Về năng lực chung***

***Năng lực tự chủ và tự học:*** Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.

***Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.

***Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*** Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

– ***Về năng lực đặc thù*** *(đọc, viết, nói, nghe)*

***Đọc:*** Đánh giá kĩ năng đọc gồm kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Ở lớp 2, HS đã vượt qua giai đoạn đánh vần. Vì vậy, việc đánh giá cần tập trung vào kĩ năng đọc VB với yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy và theo tốc độ như chương trình quy định. Đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến không chỉ những nội dung tường minh như ở lớp 1 mà cả những nội dung hàm ẩn đơn giản. Bên cạnh đó, *Tiếng Việt 2* cũng thiết kế một số câu hỏi tạo cơ hội cho HS tìm hiểu về đặc điểm thể loại hay kiểu loại VB và đặc điểm ngôn ngữ của VB đọc. Việc thiết kế những câu hỏi này giúp HS từng bước định hình được "mô hình đọc hiểu" đối với từng thể loại hay kiểu loại VB.

***Viết:*** Đánh giá kĩ năng viết dựa trên nhiều hình thức viết đa dạng với những yêu cầu khác nhau: nghe – viết chính tả, viết lại câu trả lời, viết sáng tạo một hai câu ngắn và viết đoạn văn (4 – 5 câu) theo yêu cầu về kiểu loại VB viết được quy định trong Chương trình. Ngoài đánh giá kĩ năng viết chữ đúng nét, viết đúng chính tả, cần chú ý đến đánh giá kĩ năng dùng từ ngữ, đặt câu và đặc biệt là kĩ năng viết đoạn văn dựa trên những ý tưởng sáng tạo và đúng với yêu cầu về kiểu loại VB theo yêu cầu của Chương trình. Đây là bước khởi đầu để HS có được kĩ năng viết bài văn hoàn chỉnh ở các lớp trên.

***Nói và nghe:*** Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng phát âm đúng, rõ với tốc độ phù hợp; khả năng tập trung vào nội dung cần nói và sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện hiểu được nội dung đã nghe.

***c. Về cách thức đánh giá***, các phẩm chất và năng lực chung được đánh giá bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét, thực hiện trong suốt năm học. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được đánh giá vừa bằng định tính, thực hiện trong suốt năm học; vừa bằng định lượng, được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm. Cuối tuần ôn tập của mỗi học kì có một đề kiểm tra tham khảo. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu về đọc, viết, nói và nghe để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với HS của mình.

# HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI

## EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

## TUẦN 1

### Bài 1 TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2 (4 tiết)

#### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các tiếng có âm dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương. Bước đầu biết đọc đúng lời kể chuyện và lời nói trực tiếp của nhân vật được đặt trong dấu ngoặc kép với ngữ điệu phù hợp.

   b. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện *Tôi là học sinh lớp 2*. Hiểu được cảm xúc háo hức, vui vẻ của bạn học sinh trong ngày khai giảng năm học lớp 2.

2. Biết viết chữ viết hoa *A* (chữ cỡ vừa và cỡ nhỏ); viết câu ứng dụng *Ánh nắng tràn ngập sân trường.*

3. Nhận biết được các sự việc trong tranh minh hoạ về kì nghỉ hè của các bạn nhỏ; nói được điều đáng nhớ trong kì nghỉ hè của mình.

4. a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (nhận biết được nhân vật, hiểu được diễn biến các sự việc diễn ra trong câu chuyện).

   b. Có cảm xúc hãnh diện, tự hào khi trở thành học sinh lớp 2; có tình cảm thân thiết, quý mến đối với bạn bè; có niềm vui đến trường; có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

#### II CHUẨN BỊ

##### 1. Kiến thức

– Cách đọc – hiểu thể loại truyện tự sự. Chú ý cách đọc lời người kể chuyện theo ngôi thứ nhất và cách chuyển đổi giọng đọc lời nhân vật theo lời dẫn trực tiếp.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

## 2. Phương tiện dạy học

– Sưu tầm tranh ảnh về các hoạt động của trẻ em trong kì nghỉ hè để HS tham khảo trong phần *Nói và nghe*.

– Mẫu chữ viết hoa *A*, vở *Tập viết 2 tập một*.

# III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1 – 2

### ĐỌC

## 1. Khởi động

– GV cho HS quan sát tranh minh hoạ, thấy được hình ảnh ngôi trường, cảnh HS nô đùa, cảnh phụ huynh dắt tay con đến trường. GV dẫn dắt: Năm nay các em đã lên lớp 2, là anh chị của các em học sinh lớp 1. Quang cảnh ngày khai trường, ngày đầu đến lớp đã trở nên quen thuộc với các em, không còn bỡ ngỡ như năm ngoái nữa. Đây là bài học trong chủ điểm *Em lớn lên từng ngày* mở đầu môn Tiếng Việt học kì 1, lớp 2 sẽ giúp các em hiểu: mỗi ngày đến trường là một ngày vui, là mỗi ngày em học được bao điều mới lạ để em lớn khôn.

– GV dẫn dắt vào bài đọc bằng cách cho HS trả lời một số câu hỏi gợi ý:

+ Em đã chuẩn bị những gì để đón ngày khai giảng? (đồ dùng học tập, trang phục,…)

+ Em chuẩn bị một mình hay có ai giúp em?

+ Em cảm thấy như thế nào khi chuẩn bị cho ngày khai giảng?

+ ...

– GV mời 2 – 3 HS nói về những việc mình đã chuẩn bị cho ngày khai giảng. (VD: đã cùng mẹ mua ba lô mới, đồng phục mới; cảm giác rất hồi hộp, phấn khởi,…)

– GV giới thiệu về bài đọc (câu chuyện kể về một bạn học sinh lớp 2 rất háo hức đón ngày khai trường).

## 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV đọc mẫu toàn VB, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. HS đọc thầm theo.

+ GV nêu một số từ ngữ dễ phát âm nhầm do ảnh hưởng của tiếng địa phương: *loáng, rối rít, ríu rít, rụt rè, níu, vùng dậy* để HS đọc.

+ GV hướng dẫn cách đọc lời của nhân vật được đặt trong dấu ngoặc kép (GV đọc giọng nhanh, thể hiện cảm xúc phấn khích, vội vàng).

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Nhưng vừa đến cổng trường,/ tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp/ đang ríu rít nói cười/ ở trong sân.; Ngay cạnh chúng tôi,/ mấy em lớp 1/ đang rụt rè/ níu chặt tay bố mẹ,/ thật giống tôi năm ngoái.;...*

+ GV mời 3 HS đọc nối tiếp bài đọc (HS1 đọc từ đầu đến *sớm nhất lớp*; HS2 đọc phần tiếp theo đến *cùng các bạn*, HS3 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc theo nhóm.

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HS (*tủm tỉm*: kiểu cười không mở miệng, chỉ cử động môi một cách kín đáo; *háo hức*: vui sướng nghĩ đến và nóng lòng chờ đợi một điều hay, vui sắp tới; *ríu rít*: từ diễn tả cảnh trẻ em tụ tập cười nói rộn ràng như bầy chim; *rụt rè*: tỏ ra e dè, không mạnh dạn làm gì đó).

– Luyện đọc theo nhóm:

+ Từng nhóm 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trong nhóm (như 3 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai trường?*

a. vùng dậy
b. muốn đến sớm nhất lớp
c. chuẩn bị rất nhanh
d. thấy mình lớn bổng lên

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu ý kiến của mình, cả nhóm góp ý.

+ Cả nhóm lựa chọn các đáp án. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất đáp án (*a, b* và *c*). GV khen các nhóm đã tích cực trao đổi và tìm được đáp án đúng.

– Nếu HS trả lời câu hỏi nhanh, GV có thể mở rộng câu hỏi: Em có cảm xúc gì khi đến trường vào ngày khai giảng?

**Câu 2.** *Bạn ấy có thực hiện được mong muốn đến sớm nhất lớp không? Vì sao?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu từng câu hỏi, HS đọc thầm đoạn 2 để tìm câu trả lời.

+ Một số (2 – 3 HS trả lời câu hỏi). GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất đáp án. (Bạn ấy không thực hiện được mong muốn đó vì các bạn khác cũng muốn đến sớm và nhiều bạn đã đến trước bạn ấy.)

**Câu 3.** *Bạn ấy nhận ra mình thay đổi như thế nào khi lên lớp 2?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu câu hỏi, HS tìm câu trả lời (2 – 3 HS trả lời câu hỏi).

+ GV và HS nhận xét thống nhất đáp án. (Bạn ấy thấy mình lớn bổng lên.)

– GV có thể mở rộng câu hỏi liên hệ bản thân: Các em thấy mình có gì khác so với khi các em vào lớp 1/ so với các em lớp 1? (GV gợi ý: Điểm khác biệt có thể là về tính cách của bản thân (tự tin, nhanh nhẹn hơn), học tập (đã biết đọc, biết viết/ đọc viết trôi chảy), quan hệ bạn bè (nhiều bạn bè hơn, biết tất cả các bạn trong lớp, có bạn thân trong lớp,…), tình cảm với thầy cô (yêu quý các thầy cô), tình cảm với trường lớp (biết tất cả các khu vực trong trường, nhớ vị trí các lớp học,…)

**Câu 4.** *Tìm tranh thích hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.*

– HS làm việc nhóm hoặc cá nhân:

+ HS quan sát, phân tích tranh, tìm những nội dung trong câu chuyện tương ứng với mỗi tranh.

+ Từng HS sắp xếp lại tranh theo trình tự xuất hiện trong câu chuyện và nói trong nhóm.

+ Các nhóm nêu đáp án đúng trước lớp.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi bằng cách sử dụng các từ liên kết *đầu tiên, sau đó, cuối cùng.* (Đầu tiên là tranh 3: Bạn nhỏ đã chuẩn bị xong mọi thứ để đến trường; Sau đó là tranh 2: Bạn nhỏ chào mẹ để chạy vào trong cổng trường; Cuối cùng là tranh 1: Các bạn nhỏ gặp nhau trên sân trường).

## 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1**. *Từ nào dưới đây nói về các em lớp 1 trong ngày khai trường?*

a. *ngạc nhiên* b. *háo hức* c. *rụt rè*

HS làm việc nhóm:

– Từng HS nêu đáp án và lí do lựa chọn đáp án của mình.

– Đại diện nhóm nêu kết quả. GV và HS thống nhất đáp án đúng (đáp án c).

**Câu 2.** *Thực hiện các yêu cầu sau:*

a. *Nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đến trường.*

– Cả lớp:

+ GV mời 1 – 2 HS nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đi đến trường (GV và cả lớp góp ý). VD: Con chào mẹ, con đi học đây ạ.

+ GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.

– Cặp/ nhóm:

+ Từng em đóng vai con để nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đến trường. (GV động viên HS đưa ra các cách nói lời chào tạm biệt khác nhau) VD: Con chào mẹ ạ, con đi học chiều con về mẹ nhé...

+ GV khuyến khích HS mở rộng thêm các tình huống khác nhau để nói lời tạm biệt mẹ. (VD: chào tạm biệt mẹ đi công tác (Con chào mẹ ạ, mẹ sớm về với con mẹ nhé), chào tạm biệt mẹ để về quê với ông bà (Con chào mẹ, con sẽ gọi điện cho mẹ hằng ngày nhé),…)

b. *Nói lời chào thầy, cô giáo khi đến lớp.*

– Cả lớp:

+ GV mời 2 HS đóng vai. 1 đóng vai thầy/ cô giáo, 1 đóng vai HS. HS nói lời chào với thầy/ cô giáo khi đến lớp (GV và cả lớp góp ý). (VD: Em chào thầy/cô ạ.)

+ GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.

– Cặp/ nhóm:

+ HS thực hành luyện nói lời chào thầy/ cô dưới hình thức đóng vai: HS nói lời chào, GV đáp lời chào.

+ GV khuyến khích HS mở rộng tình huống: chào người lớn tuổi nói chung (ông, bà, chú, bác,…). HS đóng vai theo cặp để nói lời chào.

c. *Cùng bạn nói và đáp lời chào khi gặp nhau ở trường.*

– Cả lớp:

+ Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: Đóng vai theo cặp, luân phiên nói và đáp lời chào.

+ GV khuyến khích HS nói lời chào bạn bằng nhiều cách khác nhau trong nhóm, càng phong phú càng tốt. (VD: 1. Chào trực tiếp: *Chào cậu!; Chào + tên của bạn;* 2. Chào gián tiếp: *Cậu đã ăn sáng chưa?; Cậu đến trường sớm thế?*,... 3. Chào bằng các ngôn ngữ khác nếu HS biết,…)

– GV nhận xét chung.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *A* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát chữ viết hoa *A*: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ viết hoa *A*.

• Độ cao: 5 li; độ rộng: 5,5 li.

• Chữ viết hoa *A* gồm 3 nét: nét 1 gần giống nét móc ngược trái nhưng hơi lượn ở phía trên và nghiêng về bên phải, nét 2 là nét móc ngược phải và nét 3 là nét lượn ngang.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *A* trên màn hình, nếu có).

+ GV viết mẫu:

• Nét 1: đặt bút ở đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 2, viết nét móc ngược trái từ dưới lên, nghiêng về bên phải và lượn ở phía trên, dừng bút ở giao điểm của đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 5.

• Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét móc ngược phải đến điểm giao đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 5,5 thì dừng lại.

• Viết nét lượn ngang: Từ điểm kết thúc nét 2, lia bút lên đến phía trên đường kẻ ngang 3 và viết nét lượn ngang thân chữ.

– HS tập viết chữ viết hoa *A* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *A* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một.*

– GV nhận xét phần viết của HS.

## 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Ánh nắng tràn ngập sân trường.*

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn HS:

+ Viết chữ viết hoa *A* đầu câu.

+ Cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường: Nét 1 của chữ *n* tiếp liền với điểm kết thúc nét 3 của chữ viết hoa *A*.

+ Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong câu bằng khoảng cách viết chữ cái o.

+ Lưu ý HS độ cao của các chữ cái: chữ cái hoa *A*, *h*, *g* cao 2,5 li (chữ *g* cao 1,5 li dưới đường kẻ ngang); chữ *p* cao 2 li (1 li dưới đường kẻ ngang); chữ *t* cao 1, 5 li; các chữ còn lại cao 1 li.

+ Cách đặt dấu thanh ở các chữ cái: dấu sắc đặt trên chữ hoa *A (Ánh)* và chữ *ă (nắng)*, dấu huyền đặt trên chữ cái *a (tràn)* và giữa *ơ (trường)*, dấu nặng đặt dưới chữ cái *â (ngập)*.

+ Vị trí đặt dấu chấm cuối câu: ngay sau chữ cái *g* trong tiếng *trường*.

– Học sinh viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

# TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

## 1. Kể về điều đáng nhớ nhất trong kì nghỉ hè của em.

GV có thể hướng dẫn HS cách thực hiện như sau:

– Làm việc chung cả lớp:

+ Quan sát tranh.

+ Nêu nội dung các bức tranh: Tranh vẽ cảnh ở đâu? Trong tranh có những ai? Mọi người đang làm gì?

+ GV gọi một số (3 – 4) HS trả lời. (VD: Tranh 1 vẽ cảnh cả nhà về thăm quê, mọi người có lẽ vừa xuống xe ô tô đi về phía cầu bắc qua con kênh nhỏ; Tranh 2 vẽ cảnh bãi biển, mọi người tắm biển, xây lâu đài cát, thả diều,... Tranh 3 vẽ các bạn trai chơi đá bóng.)

GV có thể hỏi: Theo em, các bức tranh muốn nói về các sự việc diễn ra trong thời gian nào? (Trong kì nghỉ hè)

GV giao nhiệm vụ: Các em vừa trải qua kì nghỉ hè sau 9 tháng học tập ở nhà trường. Các em hãy kể về kì nghỉ hè vừa qua của mình theo các câu hỏi gợi ý trong SHS, chỉ nên chọn kể về những gì đáng nhớ nhất.

– HS làm việc theo nhóm/ cặp:

+ Từng HS nói theo gợi ý trong SHS.

+ Mỗi bạn có thể kể trong 1 phút, tập trung vào điều đáng nhớ nhất.

+ Cả nhóm hỏi thêm để biết được rõ hơn về hoạt động trong kì nghỉ hè của từng bạn.

+ Nhóm nhận xét, góp ý.

### 2. Em cảm thấy thế nào khi trở lại trường sau kì nghỉ hè?

GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

– Bước 1: Làm việc cá nhân. Nhớ lại những ngày sắp kết thúc kì nghỉ hè, nhớ lại suy nghĩ, cảm xúc của mình trong những ngày đầu trở lại trường đi học.

– Bước 2: Làm việc nhóm. Từng em phát biểu ý kiến, cần mạnh dạn nói lên suy nghĩ, cảm xúc thật của mình. Các bạn trong nhóm nhận xét những điểm giống hoặc khác nhau trong suy nghĩ, cảm xúc của các bạn trong nhóm.

– Bước 3: Một số HS trình bày trước lớp.

+ Kể về điều nhớ nhất trong kì nghỉ hè.

+ Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc khi tạm biệt kì nghỉ hè để trở lại trường lớp.

GV nhận xét tiết học.

## VẬN DỤNG

### Viết 2 – 3 câu về những ngày hè của em.

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng.

– Viết 2 – 3 câu về kì nghỉ hè (có thể viết về: một hoạt động em thích nhất; một nơi em đã từng đến, một người em đã từng gặp trong kì nghỉ hè; cảm xúc, suy nghĩ của em về kì nghỉ hè,...).

– GV lưu ý: HS có thể vẽ tranh minh hoạ về ngày hè của mình (nếu thích).

## CỦNG CỐ

GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

Sau bài học *Tôi là học sinh lớp 2*, các em đã:

– Đọc – hiểu bài *Tôi là học sinh lớp 2*.

– Viết đúng chữ viết hoa *A* và câu ứng dụng.

– Nói được điều đáng nhớ nhất trong kì nghỉ hè của em.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

# Bài 2 NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI? (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?*, biết ngắt đúng nhịp thơ, nhấn giọng phù hợp.

   b. Trả lời được các câu hỏi có liên quan đến bài đọc. Tự tìm đọc một bài thơ yêu thích theo chủ đề; chia sẻ với người khác tên bài thơ, tên nhà thơ và những câu thơ em thích. Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích. Học thuộc tên các chữ cái trong bảng chữ cái.
2. Viết chính tả một đoạn ngắn theo hình thức nghe – viết và hoàn thành bài tập chính tả âm vần. Viết được 2 – 3 câu tự giới thiệu về bản thân.
3. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc có liên quan đến VB đọc; trao đổi về nội dung của bài thơ và các chi tiết trong tranh.
4. Phát triển vốn từ chỉ người, chỉ vật; phát triển kĩ năng đặt câu giới thiệu về bản thân.
5. Biết quý trọng thời gian, yêu lao động, hình thành năng lực tự chủ trong học tập và sinh hoạt. Có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc; phát triển năng lực quan sát: tranh, ảnh; quan sát hệ thống ngôn từ trong VB đọc.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– GV có kiến thức về đặc điểm VB thơ, ngôn ngữ thơ, cách ngắt nhịp trong thơ; có năng lực cảm thụ bài thơ trên cơ sở phát hiện đúng các tín hiệu nghệ thuật trong bài thơ; hiểu được nội dung bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* (Thông qua hình thức trò chuyện giữa bố và con, bằng ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên mà sâu lắng, tác giả muốn gửi tới bạn đọc thông điệp hãy biết quý trọng thời gian và hãy luôn làm tốt các công việc của ngày hôm nay, hôm qua và ngày mai).

– GV nắm được đặc điểm bình diện âm thanh của ngôn ngữ và hướng dẫn HS luyện đọc thành tiếng.

– GV nắm được đặc điểm của bình diện ngữ nghĩa và vận dụng hướng dẫn HS Đọc – hiểu.

– Cách nhận diện VB thơ.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ phóng to (tranh minh hoạ nội dung bài đọc).

– Phiếu học tập: có thể làm phiếu bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

– SHS; vở bài tập thực hành; vở chính tả (nếu HS sử dụng vở ô li để viết chính tả).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó. Cụ thể:

+ Kiểm tra đọc thành tiếng. HS có thể đọc thành tiếng đoạn theo yêu cầu của GV.

+ Kiểm tra Đọc – hiểu: Trả lời câu hỏi Đọc – hiểu; hiểu nghĩa của từ trong bài; nắm được nội dung bài đọc.

GV có thể tổ chức nội dung ôn, kiểm tra bài cũ bằng nhiều hình thức linh hoạt phù hợp với đối tượng HS.

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động khởi động (làm việc nhóm).

HS kể cho bạn nghe việc đã làm trong ngày hôm qua. (Chú ý: HS được tự do nói (kể lại) về những việc em đã làm được và mạnh dạn nói lên những việc em chưa làm được. Nội dung trao đổi này có tác dụng giúp cho HS tự ý thức được công việc mình phải làm và phải hoàn thành trong học tập, trong cuộc sống. Phát triển năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Kết nối với cuộc sống: khơi gợi ở HS những điều các em đã biết và nói về những điều đã biết, đã làm).

– GV kết nối vào bài mới. VD: Vừa rồi chúng ta đã nói được rất nhiều việc mà các em đã làm được và chưa làm được của ngày hôm qua. Thời gian đã trôi đi thì không trở lại. Nhưng muốn thời gian ở lại, mọi người, mọi vật đều phải cố gắng làm việc hằng ngày. Một bạn nhỏ đã hỏi bố một câu hỏi rất ngộ nghĩnh: Ngày hôm qua đâu rồi? Chúng ta cùng đọc và tìm hiểu bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* sẽ tìm được câu trả lời thú vị.

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV đọc bài thơ. Chú ý ngắt đúng nhịp thơ, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm bài thơ trong khi nghe GV đọc.

+ GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng khổ thơ; GV kết hợp hướng dẫn HS ngắt đúng nhịp thơ. (GV sử dụng linh hoạt hình thức tổ chức hoạt động. Có thể cho HS đọc nối tiếp trong nhóm hoặc đọc trước lớp.)

+ GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ dễ bị lẫn theo từng phương ngữ. VD: *lịch cũ, nụ hồng, toả, hạt lúa, chín vàng, gặt hái, vẫn còn.*

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng khổ thơ.

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của một số từ ngữ khó trong VB (nếu có). VD: *vở hồng* (Vở hồng không phải là vở màu hồng mà là quyển vở ghi nhiều lời nhận xét hay, nhiều thành tích tốt).

+ HS đọc một khổ thơ trong nhóm (nhóm 2). Một số (2 – 3) HS đọc trước lớp. HS và GV nhận xét.

– HS đọc bài thơ: 1 – 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.

– GV đọc lại bài thơ.

### 3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi.

– HS làm việc nhóm (có thể yêu cầu một HS đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi và trả lời cho từng câu hỏi.

– GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. (GV có thể linh hoạt sử dụng các hình thức tổ chức dạy học khác nhau)

– GV và HS thống nhất câu trả lời (1. Bạn nhỏ đã hỏi bố ngày hôm qua đâu rồi; 2. Theo lời bố, ngày hôm qua ở lại trong hạt lúa mẹ trồng, trên cành hoa trong vườn, nụ hồng lớn thêm mãi, đợi đến ngày toả hương, trong vở hồng của em; 3. Bố đã dặn bạn nhỏ học hành chăm chỉ để "ngày qua vẫn còn".)

– GV có thể sử dụng câu hỏi mở rộng (tuỳ đối tượng HS), VD: Bài thơ đã giúp em nhận ra điều gì về thời gian? (Bài thơ đã cho em hiểu được giá trị của thời gian vì thời gian sẽ ở lại mãi nếu chúng ta biết tận dụng thời gian làm nhiều việc tốt.) Hoặc cho HS phát biểu những suy nghĩ của các em sau khi đọc bài thơ.

*Lưu ý:* GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi trong SHS. Tuỳ đối tượng HS, GV có thể chia nhỏ câu hỏi để dẫn dắt HS trả lời hoặc giảm độ khó hoặc mở rộng. GV có thể linh hoạt lựa chọn theo cách nào là tuỳ thuộc vào khả năng của HS.

– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng khổ thơ bất kì. Cụ thể, GV có thể sử dụng hình thức xoá dần các chữ trong từng dòng thơ (Lưu ý, lần 1 xoá những chữ HS dễ nhớ; lần 2 xoá nhiều hơn; lần 3 xoá chỉ để lại 1 – 2 chữ làm điểm tựa để HS dễ nhớ và thuộc lòng; HS nối tiếp đọc thuộc lòng từng khổ thơ).

– HS đọc thuộc lòng trong nhóm (nhóm 2).

– HS thi đọc thuộc lòng trước lớp cả 2 khổ thơ.

### 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Dựa vào tranh minh hoạ bài đọc, tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật.*

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV phân tích mẫu, hướng dẫn HS cách làm.
– HS làm việc theo nhóm.
– Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.
– HS và GV nhận xét.
(Một số từ ngữ có thể tìm được:
Từ ngữ chỉ người: *mẹ, con, bạn nhỏ*
Từ ngữ chỉ vật: *tờ lịch, lúa, sách vở, bông hồng,…)*

**Câu 2.** *Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.*

– HS xác định yêu cầu của bài tập: Chọn 2 từ ngữ ở trên và đặt câu với mỗi từ ngữ được chọn.
– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV phân tích mẫu để giúp HS biết cách làm.
– HS (cá nhân) làm bài tập.
– HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.
– HS và GV nhận xét.
– GV chốt. (VD: *Hoa hồng toả hương dịu ngọt./ Bạn nhỏ học tập chăm chỉ.)*

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Nghe – viết

– GV hướng dẫn HS phát hiện các hiện tượng chính tả.
+ GV đọc đoạn nghe – viết (lưu ý đọc đúng các tiếng HS dễ viết sai; HS nghe và quan sát đoạn viết trong SHS – hai khổ cuối bài thơ).
+ 1 – 2 HS đọc lại đoạn thơ nghe – viết.
+ GV hướng dẫn HS nhận biết các hiện tượng chính tả: Đoạn thơ có những chữ nào viết hoa? Đoạn thơ có chữ nào dễ viết sai? Khi viết đoạn thơ, cần viết như thế nào?
+ HS viết nháp một số chữ dễ viết sai, VD: *ở lại, trồng, ước mong,…*
– HS nghe – viết:
+ GV đọc to, rõ ràng, tốc độ vừa phải (quan sát HS viết để xác định tốc độ), đúng trọng âm; mỗi dòng thơ đọc 2 – 3 lần.
– GV đọc soát lỗi chính tả. GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức soát lỗi chính tả. VD: HS đổi vở soát lỗi cho nhau. GV đọc soát lỗi.
– GV nhận xét bài viết của HS.

### 2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

– HS đọc yêu cầu của bài tập.
– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV có thể làm mẫu (nếu cần).

– HS làm bài tập theo nhóm.
– HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.
– HS và GV nhận xét.
– GV chốt bảng chữ cái và tên chữ. HS đọc thành tiếng (cá nhân/ cả lớp).

| Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái |
|---|---|---|
| 1 | a | a |
| 2 | ă | á |
| 3 | â | ớ |
| 4 | b | bê |
| 5 | c | xê |

| Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái |
|---|---|---|
| 6 | d | dê |
| 7 | đ | đê |
| 8 | e | e |
| 9 | ê | ê |

– GV hướng dẫn HS học thuộc bảng chữ cái: đưa chữ cái và yêu cầu HS đọc tên chữ cái đó. (Có thể cho HS làm việc nhóm, các bạn tự kiểm tra cho nhau hoặc tổ chức dưới hình thức trò chơi.)

### 3. Sắp xếp các chữ cái theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái.

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.
– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV có thể làm mẫu (nếu cần).
– HS làm bài tập theo cặp.
– HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.
– HS và GV nhận xét.
– GV chốt: *a, b, c, d, đ, ê.*

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động.

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.
– GV hướng dẫn HS nắm yêu cầu của bài tập.
– HS làm việc nhóm (2 nhóm), quan sát tranh và tìm từ ngữ thích hợp với mỗi hình.
– HS trình bày kết quả trước lớp. GV có thể hỏi thêm HS câu hỏi mở rộng. VD: Vì sao em biết tranh 1 là *đi học*? (Mục tiêu của câu hỏi nhằm kích thích HS nói được những suy luận của mình).
– GV chốt (VD: tranh 1: đi học; tranh 2: khăn mặt; tranh 3: cô giáo; tranh 4: quần áo; tranh 5: mũ; tranh 6: chải đầu; tranh 7: cặp sách; tranh 8: bác sĩ).

**2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập.

– HS làm việc nhóm (nhóm 2). Một số HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS và GV nhận xét.

– GV chốt:

*Bạn Hà là học sinh lớp 2A.*

*Bố em là bác sĩ.*

*Trường em là Trường Tiểu học Lê Quý Đôn.*

**3. Đặt một câu giới thiệu theo mẫu ở bài tập 2.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập 3 trong SHS.

– GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập.

– HS làm việc cá nhân. Một số HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS và GV nhận xét.

– GV chốt: VD: *Tôi là học sinh lớp 2B.*

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập (đọc cả phần lời của nhân vật). Cả lớp đọc thầm.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS cách nói lời và đáp lời khi giới thiệu về mình.

– HS (2 nhóm) làm việc nhóm dưới hình thức hỏi đáp.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV chốt:

a. Bình và Khang gặp nhau và chào nhau ở sân bóng.

b. Khang giới thiệu tên, lớp mình học (2C) và sở thích của bạn ấy (đá bóng).

**2. Viết 2 – 3 câu tự giới thiệu về bản thân.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét và chữa lỗi cho HS và trưng bày một số bài viết mẫu.

(VD: Tôi tên là Nguyễn Trí Tâm, học sinh lớp 2A, Trường Tiểu học Thành Công. Tôi thích học môn Toán và môn Tiếng Việt.)

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi. Nói với các bạn tên bài thơ, câu chuyện và tên tác giả.**

(Trong buổi học trước, HS được giao nhiệm vụ tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện phù hợp và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– HS đọc nội dung hoạt động mở rộng. GV hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu hoạt động mở rộng.

– HS làm việc nhóm (nhóm 2) trao đổi về từng nội dung.

+ Nói tên bài thơ đã tìm được.

+ Nói tên tác giả bài thơ đó.

**2. Đọc một số câu thơ hay cho các bạn nghe.**

– HS đọc nội dung hoạt động mở rộng.

– GV hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu hoạt động mở rộng.

– HS làm việc nhóm (2 nhóm) đọc một số câu thơ mà em thích cho các bạn nghe.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính:

+ Đọc – hiểu bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?*.

+ Nhận biết từ ngữ chỉ người, chỉ vật.

+ Viết bài chính tả và làm bài tập chính tả. Viết lại được tên chữ cái theo thứ tự bảng chữ cái. Viết đoạn văn 2 – 3 câu tự giới thiệu về mình.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

# TUẦN 2

## Bài 3 NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc các lời nói, lời đối thoại của các nhân vật trong bài *Niềm vui của Bi và Bống*(*). Hiểu được nội dung câu chuyện và tình cảm giữa hai anh em Bi và Bống.

(*) Theo *Điều mơ ước; 108 truyện mẹ kể con nghe;* Thuỳ Linh *sưu tầm và tuyển chọn*; NXB Thanh Niên – Công ty TNHH TM và DV Văn hoá Đinh Tị; 2017.

b. Quan sát tranh và nhận ra được các chi tiết trong tranh. (Bức tranh thể hiện khung cảnh câu chuyện: Cầu vồng hiện ra, hai anh em vui sướng khi nhìn thấy cầu vồng và cùng mơ ước.)

2. Biết viết chữ viết hoa *Ă, Â*; viết câu ứng dụng: *Ăn quả nhớ người trồng cây.*

3. Biết trao đổi về nội dung của VB và các chi tiết trong tranh, đặc biệt ở mục *Nói và nghe* (HS kể lại câu chuyện *Niềm vui của Bi và Bống)*. Biết dựa vào tranh và lời gợi ý dưới tranh để kể lại 1 – 2 đoạn trong câu chuyện.

4. Hình thành và phát triển năng lực văn học (cảm nhận được ý nghĩa câu chuyện).

5. Có tình cảm thương yêu đối với người thân, biết quan tâm đến người thân; biết ước mơ và luôn lạc quan; có khả năng làm việc nhóm.

## II CHUẨN BỊ

– GV nắm được đặc điểm và nội dung VB truyện (nội dung câu chuyện được kể chủ yếu qua đối thoại), cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong VB (Nhân vật chính của truyện là hai anh em trong một gia đình, rất yêu thương nhau. Cả hai đều vô tư, trong sáng và nhiều mơ ước).

– GV chuẩn bị thêm tranh ảnh minh hoạ cho phần kể chuyện.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Ngày hôm qua đâu rồi?*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV cho HS thảo luận nhóm về câu hỏi: *Bức tranh dưới đây vẽ những gì? Đoán xem hai bạn nhỏ nói gì với nhau.*

– Một số (3 – 4) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung.

– GV giới thiệu bài học: Hai bạn nhỏ trong tranh là hai anh em Bi và Bống. Câu chuyện kể về niềm vui và mơ ước của Bi và Bống khi nhìn thấy cầu vồng.

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV đọc mẫu toàn bài đọc. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật. Lời thoại của hai anh em được đọc theo giọng điệu trẻ con, thể hiện được sự vui mừng, trong sáng và vô tư. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn kĩ cách đọc theo lời thoại của từng nhân vật.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ GV gọi 3 HS đọc theo đoạn (Đoạn 1: từ đầu đến *quần áo đẹp*; đoạn 2 tiếp đến *đủ các màu sắc*; đoạn 3: phần còn lại) hoặc đọc phân vai (người kể chuyện, nhân vật Bi, nhân vật Bống).

+ GV giải thích nghĩa của từ ngữ trong VB (từ *hũ* có thể giải thích bằng tranh minh hoạ; có thể sử dụng tranh số 1 trong phần *Nói và nghe*).

– Luyện đọc theo nhóm 3:

HS đọc theo nhóm như cách GV đã hướng dẫn.

– Đọc cá nhân:

+ Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

### 3. Trả lời câu hỏi

GV có thể hướng dẫn HS làm việc nhóm hoặc làm chung cả lớp.

**Câu 1**. *Nếu có bảy hũ vàng, Bi và Bống sẽ làm gì?*

GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Xem lại đoạn văn 1, tìm câu có chứa đáp án.

+ Nhìn tranh minh hoạ (Tranh vẽ những gì? Tranh vẽ ô tô, quần áo, búp bê, ngựa).

+ Tách ý, trả lời câu hỏi: Bi sẽ làm gì? Bống sẽ làm gì?

– GV và HS thống nhất đáp án: Nếu có bảy hũ vàng, Bi sẽ mua một con ngựa hồng và một cái ô tô; Bống sẽ mua búp bê và quần áo đẹp.

– GV có thể khai thác sâu hơn (tuỳ đối tượng HS): Vì sao Bi nói số hũ vàng dưới chân cầu vồng là 7? (Vì cầu vồng có 7 màu nên Bi tưởng tượng như vậy.)

**Câu 2**. *Không có bảy hũ vàng, hai anh em làm gì?*

GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Xem lại đoạn văn 2, tìm câu có chứa đáp án.

+ Tách ý, trả lời câu hỏi: Bi sẽ làm gì? Bống sẽ làm gì?

– GV và HS thống nhất đáp án: Bống sẽ lấy bút màu ở nhà để vẽ tặng anh ngựa hồng và ô tô; còn Bi sẽ vẽ tặng em búp bê và quần áo đủ các màu sắc.

– GV lưu ý HS: Bống ước mua búp bê và quần áo đẹp nhưng lại muốn vẽ ngựa hồng và ô tô để tặng anh. Bi ước mua ô tô và ngựa hồng, nhưng lại muốn vẽ búp bê và quần áo đẹp để tặng em. Những chi tiết này liên quan đến câu hỏi 3.

**Câu 3**. *Tìm những câu nói cho thấy hai anh em rất quan tâm và yêu quý nhau.*

GV cho HS thảo luận nhóm, gọi đại diện nhóm trả lời. Nên tách câu nói của Bi và câu nói của Bống để hỏi thành 2 câu hỏi. GV và HS thống nhất đáp án (Câu nói của Bống: *Em sẽ lấy bút màu để vẽ tặng anh ngựa hồng và ô tô*; câu nói của Bi: *Còn anh sẽ vẽ tặng em nhiều búp bê và quần áo đủ các màu sắc*).

GV có thể hỏi thêm: Vì sao những câu nói này lại thể hiện sự yêu thương của hai anh em dành cho nhau? (Vì cả hai hiểu được mong muốn của nhau, luôn nghĩ đến nhau, muốn làm cho nhau vui.)

## 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– HS tập đọc lời đối thoại dựa theo cách đọc của GV.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1**. *Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.*

– GV cho HS làm việc nhóm, đọc các từ ngữ, bàn phương án sắp xếp.

– GV gọi đại diện nhóm trả lời, chốt đáp án:

a. Từ ngữ chỉ người: *Bi, Bống, anh, em*

b. Từ ngữ chỉ vật: *hũ vàng, búp bê, quần áo, ô tô*

**Câu 2**. *Tìm trong bài những câu cho thấy sự ngạc nhiên của Bi khi nhìn thấy cầu vồng.*

– GV cho HS rà soát bài đọc để tìm câu trả lời. GV chốt đáp án (câu Bi nói với Bống: *Cầu vồng kìa! Em nhìn xem! Đẹp quá!*).

– GV có thể gọi một số HS đọc/ nói câu trên với ngữ điệu thể hiện sự ngạc nhiên.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *Ă, Â* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ hoa.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ hoa trên màn hình, nếu có). GV nhắc lại quy trình viết chữ *Ă, Â* tương tự quy trình viết hoa chữ *A* ở bài *Tôi là học sinh lớp 2*, sau đó viết thêm dấu á (viết nét cong dưới nhỏ trên đỉnh đầu chữ *A*) hoặc dấu mũ (viết nét thẳng xiên ngắn trái nối với nét thẳng xiên ngắn phải trên đầu chữ *A*).

– HS tập viết chữ hoa (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ hoa *Ă, Â* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một*.

## 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Ăn quả nhớ người trồng cây.*

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa của câu tục ngữ. Nghĩa đen: "Quả" là thứ quý giá và thơm ngon nhất của cây. Để có được nó, người trồng cây phải bỏ thời gian, công sức chăm bón cho cây. Chính vì thế, khi ăn quả, hãy luôn biết ơn công lao của người trồng. Nghĩa bóng: câu tục ngữ nhắc nhở chúng ta nhớ ơn những người giúp đỡ, chăm sóc, bỏ công sức để cho ta có được những điều tốt đẹp.

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn viết chữ hoa *Ă* đầu câu, cách nối chữ, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

**1. Nói tiếp để hoàn thành câu dưới tranh.**

GV hướng dẫn HS quan sát tranh theo thứ tự (từ tranh 1 đến tranh 4). Đọc thầm các gợi ý dưới tranh. GV có thể hỏi thêm: Các nhân vật trong tranh là ai? (hai anh em Bi và Bống); Nét mặt hai anh em thế nào? (vui vẻ, hào hứng,…); Câu chuyện diễn ra vào lúc nào? (khi cầu vồng hiện ra; khi cầu vồng biến mất).

Tranh 1. Khi cầu vồng hiện ra, Bi nói dưới chân cầu vồng có bảy hũ vàng.

Tranh 2. Có bảy hũ vàng, Bống sẽ mua búp bê và quần áo đẹp; Bi sẽ mua ngựa hồng và ô tô.

Tranh 3. Khi cầu vồng biến mất, Bống nói sẽ vẽ tặng Bi ngựa hồng và ô tô; Bi nói sẽ vẽ tặng Bống búp bê và quần áo đẹp.

Tranh 4. Không có bảy hũ vàng, hai anh em vẫn cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc.

**2. Chọn kể lại 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.**

– GV yêu cầu HS trao đổi nhóm, tập kể cho nhau nghe.

– GV gọi HS chọn kể 1 – 2 đoạn trong câu chuyện. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV có thể cho HS đóng vai Bi và Bống, kể lại toàn bộ câu chuyện (tuỳ vào khả năng của HS từng lớp).

– GV nhấn mạnh ý nghĩa câu chuyện: Hai bạn nhỏ luôn vui vẻ và hồn nhiên; hai anh em rất quan tâm và yêu thương nhau.

### VẬN DỤNG

**Kể cho người thân nghe câu chuyện *Niềm vui của Bi và Bống*.**

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– Đọc lại bài *Niềm vui của Bi và Bống*.

– Quan sát các tranh minh hoạ và câu hỏi dưới mỗi tranh, nhớ lại nội dung từng đoạn câu chuyện.

– Kể lần lượt từng đoạn câu chuyện cho người thân nghe (không cần kể đúng từng chữ, từng lời của câu chuyện).

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau khi học xong bài *Niềm vui của Bi và Bống*, các em đã:

+ Đọc và hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài: Bài đọc nói lên niềm vui của hai anh em Bi và Bống vào một ngày mưa, khi nhìn thấy cầu vồng. Cả hai đều muốn làm những điều tốt đẹp cho người khác. Điều đó thể hiện tình cảm yêu thương, gắn bó của hai anh em Bi và Bống.

+ Biết viết chữ hoa *Ă, Â* và câu ứng dụng.

+ Biết phân biệt các từ ngữ chỉ người và chỉ đồ vật.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS kể lại câu chuyện đã học cho người thân nghe.

# Bài 4 LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng bài đọc *Làm việc thật là vui*, biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp.
b. Trả lời được các câu hỏi có liên quan đến bài đọc. Tự tìm đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi; trao đổi, chia sẻ với các bạn về bài đã đọc: tên tác giả, tên bài đọc và những hình ảnh, chi tiết, nhân vật em thích.
2. Viết chính tả một đoạn ngắn theo hình thức nghe – viết và hoàn thành bài tập chính tả; ghi nhớ được chữ cái và tên chữ cái trong bảng chữ cái; biết vận dụng trong cuộc sống những kiến thức đã học. Viết được 2 – 3 câu kể về một việc em đã làm ở nhà.
3. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc có liên quan đến bài đọc; trao đổi về nội dung của bài đọc và các chi tiết trong tranh.
4. Phát triển vốn từ chỉ hoạt động, chỉ sự vật (những từ ngữ chỉ đồ vật trong nhà); phát triển kĩ năng đặt câu giới thiệu việc làm mình yêu thích.
5. Biết quý trọng thời gian, yêu lao động, hình thành năng lực tự chủ trong học tập và sinh hoạt. Có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc. Biết chia sẻ, hoà đồng với mọi người. Phát triển năng lực quan sát.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– GV nắm được đặc điểm VB văn xuôi; nắm được đặc điểm của các chi tiết trong bài đọc; có năng lực cảm thụ bài văn và biết cách hướng dẫn, tổ chức HS hiểu bài văn.

– GV nắm được đặc điểm bình diện âm thanh của ngôn ngữ và hướng dẫn HS luyện đọc thành tiếng.

– GV nắm được đặc điểm của bình diện ngữ nghĩa và vận dụng hướng dẫn HS Đọc – hiểu.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ bài đọc và tranh minh hoạ các hoạt động trong bài học.

– Phiếu học tập: có thể làm phiếu bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

– SHS; vở bài tập thực hành; vở chính tả (nếu HS sử dụng vở ô li để viết chính tả).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Niềm vui của Bi và Bống*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó. Cụ thể:

+ Kiểm tra đọc thành tiếng. HS có thể đọc thành tiếng đoạn theo yêu cầu của GV.

+ Kiểm tra Đọc – hiểu: Trả lời câu hỏi Đọc – hiểu; hiểu nghĩa của từ trong bài; nắm được nội dung bài đọc.

GV có thể tổ chức nội dung ôn, kiểm tra bài cũ bằng nhiều hình thức linh hoạt phù hợp với đối tượng HS.

### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động khởi động (làm việc nhóm).

HS quan sát tranh và nói được mỗi vật, mỗi người trong tranh đang làm gì. (Chú ý: HS được nói (kể lại) tự nhiên về những công việc trong tranh. Nội dung trao đổi này có tác dụng giúp cho HS tự ý thức được mọi vật, mọi người đều hăng say làm việc và làm việc với tinh thần vui vẻ; phát triển năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm).

– GV kết nối vào bài mới. VD: Mỗi người, mỗi vật đều có công việc của riêng mình nhưng có điểm giống nhau là mọi người, mọi vật đều thấy rất vui. Bài đọc *Làm việc thật là vui* của nhà văn Tô Hoài cũng nói về điều này.

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

– GV đọc bài văn. GV chú ý ngắt nghỉ, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm bài văn trong khi nghe GV đọc.

– GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng đoạn (GV sử dụng linh hoạt hình thức tổ chức hoạt động. Có thể cho HS đọc nối tiếp trong nhóm hoặc đọc trước lớp.)

– GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ dễ bị lẫn theo từng vùng phương ngữ. VD: *làm việc, tích tắc, thức dậy, nở hoa, có ích, mọi vật, nhặt rau, luôn luôn, lúc nào,…*

– GV kết hợp hướng dẫn HS cách ngắt, nghỉ khi đọc câu dài. VD: *Con gà trống gáy vang ò ó o, báo cho mọi người biết trời sắp sáng, mau mau thức dậy.; Cành đào nở hoa/ cho sắc xuân thêm rực rỡ,/ ngày xuân thêm tưng bừng.*

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp:

– HS đọc đoạn.

+ GV chia đoạn: (chia tương đối để thuận lợi cho HS luyện đọc)

Đoạn 1: Từ đầu đến *thức dậy*;

Đoạn 2: tiếp đến *tưng bừng*;

Đoạn 3: Phần còn lại.

+ HS đọc nối tiếp từng đoạn (2 – 3 lần).

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài (nếu có).

+ HS đọc đoạn trong nhóm (nhóm 2). Một số (2 – 3) HS đọc trước lớp. HS và GV nhận xét.

– (1 – 2) HS đọc thành tiếng cả bài.

– GV đọc lại cả bài.

### 3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài văn và trả lời các câu hỏi.

– HS làm việc nhóm (có thể yêu cầu một HS đọc to từng câu hỏi trong SHS), cùng nhau trao đổi và trả lời cho từng câu hỏi.

– GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. (GV có thể linh hoạt sử dụng các hình thức tổ chức hoạt động tìm hiểu bài.)

– GV và HS thống nhất câu trả lời:

**Câu 1.** *Những con vật nào được nói đến trong bài?* (gà trống, con tu hú, chim, chim cú mèo)

**Câu 2.** *Đóng vai một con vật trong bài, nói về công việc của mình.*

HS hoạt động nhóm, tự chọn con vật mình thích để nói về công việc của mình với các bạn trong nhóm. VD, HS đóng vai con gà trống: Tôi là gà trống, tôi như chiếc đồng hồ báo thức, báo cho mọi người mau mau thức dậy.

**Câu 3.** *Kể tên những việc bạn nhỏ trong bài đã làm.* (làm bài, đi học, quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ).

**Câu 4.** *Theo em, mọi người, mọi vật làm việc như thế nào?*

HS trao đổi nhóm và mỗi HS tự đưa ra ý kiến nhận xét. VD: Mọi người, mọi việc luôn bận rộn nhưng lúc nào cũng vui.

– GV có thể có câu hỏi mở rộng (tuỳ đối tượng HS), VD: Vì sao mọi người lại thấy rất vui khi được làm việc? (ý nghĩa của lao động). Hoặc cho HS phát biểu những suy nghĩ của

các em sau khi đọc bài văn. Hoặc yêu cầu kể tên những việc các em đã làm ở nhà (câu hỏi kết hợp rèn kĩ năng sống). Hoặc cho HS đặt một tên khác cho bài đọc (HS tự do tìm tên khác cho câu chuyện theo cách hiểu của các em. GV có thể hỏi thêm: Vì sao em chọn tên đó?).

*Lưu ý:* GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi trong SHS. Tuỳ đối tượng HS, GV có thể chia nhỏ câu hỏi để dẫn dắt HS trả lời hoặc giảm độ khó hoặc mở rộng. GV có thể linh hoạt lựa chọn theo cách nào là tuỳ thuộc vào khả năng của HS.

### 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.*

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV có thể làm mẫu (nếu cần).

– HS (2 nhóm) làm bài tập trong nhóm.

– HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS và GV nhận xét.

– GV chốt:

*Con gà trống gáy vang báo trời sắp sáng.*

*Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ.*

*Cái đồng hồ tích tắc, tích tắc, báo phút, báo giờ.*

**Câu 2.** *Đặt một câu nêu hoạt động của em ở trường.*

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.

– HS (nhóm 2) làm bài tập trong nhóm.

– HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS và GV nhận xét.

VD: Em đọc sách.

## TIẾT 3

## VIẾT

### 1. Nghe – viết

– GV hướng dẫn HS phát hiện các hiện tượng chính tả.

+ GV đọc đoạn nghe – viết (lưu ý đọc đúng các tiếng HS dễ viết sai; HS nghe và quan sát đoạn viết trong SHS).

+ 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn nghe – viết.

+ GV hướng dẫn HS nhận biết các hiện tượng chính tả: Đoạn văn có những chữ nào viết hoa? (Những chữ đầu câu viết hoa.) Đoạn văn có chữ nào dễ viết sai? (HS có thể phát hiện các chữ dễ viết sai; GV chủ động đưa các chữ dễ viết sai nếu HS chưa phát hiện ra. VD: *làm việc, báo giờ, sắp sáng, sắc xuân, rực rỡ,…*) Khi viết đoạn văn, cần viết như thế nào? (Cách trình bày đoạn văn, thụt đầu dòng 1 chữ, viết hoa chữ cái đầu tiên.)

+ HS viết nháp một số chữ dễ viết sai, VD: *làm việc, báo giờ, sắp sáng, sắc xuân, rực rỡ,…*

– HS nghe – viết:

+ GV đọc to, rõ ràng, tốc độ vừa phải (quan sát HS viết để xác định tốc độ), mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần.

– GV đọc soát lỗi chính tả. (GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức soát lỗi chính tả.)

– GV nhận xét bài viết của HS.

**2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV có thể làm mẫu (nếu cần).

– HS (2 nhóm) làm bài tập trong nhóm.

– HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS và GV nhận xét.

– GV chốt bảng chữ cái và tên chữ. HS đọc thành tiếng (cá nhân/ cả lớp).

| Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái |
|---|---|---|
| 10 | g | giê |
| 11 | h | hát |
| 12 | i | i |
| 13 | k | ca |
| 14 | l | e-lờ |

| Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái |
|---|---|---|
| 15 | m | em-mờ |
| 16 | n | en-nờ |
| 17 | o | o |
| 18 | ô | ô |
| 19 | ơ | ơ |

– GV cho HS đọc lại toàn bộ bảng chữ cái và tên chữ cái sau khi đã hoàn thành. HS học thuộc bảng chữ cái.

*Lưu ý:* GV có thể mở rộng giúp HS tìm cách nhớ chữ cái và tên chữ cái. VD: cho HS quan sát tên của những chữ cái là phụ âm và tên của những chữ cái là nguyên âm xem chúng có điểm gì khác nhau? (Các chữ cái là phụ âm thường có tên gọi chữ khác với tên âm; những chữ cái là nguyên âm có tên chữ cái và tên âm giống nhau.) GV có thể tổ chức thực hiện hoạt động dưới hình thức trò chơi.

**3. Dựa vào chữ cái đầu tiên, sắp xếp tên các cuốn sách theo thứ tự trong bảng chữ cái.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.

– HS (2 nhóm) làm bài tập trong nhóm.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV thống nhất kết quả: *Gà trống nhanh trí, Hoa mào gà, Kiến và chim bồ câu, Nàng tiên Ốc, Ông Cản Ngũ.*

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Tìm và gọi tên các vật trong tranh.

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV hướng dẫn HS quan sát, tưởng tượng để tìm ra các đồ vật ẩn trong bức tranh.

– HS làm việc theo nhóm.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV thống nhất kết quả:

Tên các vật trong tranh: ghế, quạt trần, quạt điện, bát, đĩa, chổi, mắc áo, giường, chăn, gối, ấm chén, nồi, ti vi.

### 2. Tìm 3 – 5 từ ngữ chỉ hoạt động gắn với các vật trong tranh ở bài tập 1.

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. Làm mẫu (nếu cần).

– HS làm việc theo nhóm.

– Từng nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV thống nhất kết quả.

VD: quạt máy – làm mát; chổi – quét nhà; mắc áo – treo quần áo; nồi – nấu thức ăn; ghế – ngồi;...

### 3. Đặt một câu nói về việc em làm ở nhà.

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. Phân tích mẫu giúp HS hiểu và nắm vững cách làm.

– HS (cá nhân) làm bài tập.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV lưu ý HS những điểm cần chú ý khi đặt câu.

## TIẾT 5 – 6

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Nhìn tranh, kể về các việc bạn nhỏ đã làm.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV hướng dẫn HS quan sát tranh để nhận biết việc làm trước, việc làm sau. Nội dung các bức tranh chính là nội dung HS sẽ kể (nói).

– HS làm việc theo nhóm.

– Từng nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV lưu ý HS những điểm cần chú ý khi kể (nói) bằng giọng kể tự nhiên (tránh nhầm lẫn với giọng đọc).

**2. Viết 2 – 3 câu kể một việc em đã làm ở nhà.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.

– HS (cá nhân) làm bài tập.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV lưu ý HS những điểm cần chú ý khi viết. HS có thể viết trên 2 – 3 câu, tuỳ năng lực của các em.

### ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi.**

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi. GV có thể chuẩn bị một số bài viết phù hợp (có thể tìm trên internet, trong các sách báo thiếu nhi) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

**2. Trao đổi với các bạn về bài đã đọc dựa vào gợi ý.**

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. Hướng dẫn HS cách thức trao đổi với nhau dựa vào gợi ý trong SHS.

– HS trao đổi theo cặp.

– GV mời một số HS trình bày trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV lưu ý liên hệ thực tế.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính:

+ Đọc – hiểu bài *Làm việc thật là vui.*

+ Biết đặt câu nói về việc em làm ở nhà.

+ Thuộc tên các chữ cái từ *g* đến *ơ*.

+ Nghe – viết đúng bài chính tả. Viết được đoạn văn 2 – 3 câu kể một việc em đã làm ở nhà.

+ Nhận biết được tên đồ vật.

+ Đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

# TUẦN 3

## Bài 5 EM CÓ XINH KHÔNG? (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các tiếng dễ đọc sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương (VD: *xinh, hươu, đôi sừng, đi tiếp, bộ râu, gương*...), bước đầu biết cách đọc lời đối thoại của các nhân vật trong bài *Em có xinh không?*.

   b. Nhận biết một số loài vật qua bài đọc, nhận biết được các nhân vật, sự việc và những chi tiết trong diễn biến câu chuyện (chuyện voi em đi tìm và tìm thấy sự tự tin ở chính bản thân mình). Nhận biết được thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc.
2. Biết viết chữ viết hoa *B* cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Bạn bè chia ngọt sẻ bùi*.
3. Biết dựa vào tranh và những gợi ý để nói về các nhân vật, sự việc trong tranh. Biết chọn và kể lại 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn mỗi đoạn của câu chuyện trong bài đọc) và kể với người thân về nhân vật voi em trong câu chuyện.
4. Có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm; có sự tự tin vào chính bản thân mình.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB truyện kể.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Một số tranh ảnh về loài vật.

– Mẫu chữ viết hoa *B* vở *Tập viết 2 tập một*.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS đọc lại một đoạn trong bài *Làm việc thật là vui* và nêu nội dung của đoạn vừa đọc (hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc).

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– Cả lớp: GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu.

VD: Các em quan sát tranh minh hoạ và làm việc theo cặp (hoặc nhóm) để trả lời được câu hỏi *Em thích được khen về điều gì?*, trình tự các bước có thể như sau:

+ Các bức tranh thể hiện điều gì?

(Tranh gợi ý về những vẻ đẹp hay năng lực của con người: bạn gái có mái tóc dài hay má lúm đồng tiền, một bạn nam đá bóng giỏi hoặc bơi giỏi).

+ GV có thể cho HS chia sẻ: em có thích mình giống như các bạn trong tranh không?

– Cặp đôi/ nhóm: Cùng nhau chia sẻ về điều mà mỗi HS thích được khen.

– GV giới thiệu về bài đọc.

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ Quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh (VD: Tranh minh hoạ voi em đang đứng cùng hươu với cặp sừng bằng cành cây khô trên đầu).

+ GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn, HS đọc thầm theo.

+ GV nêu một số từ khó phát âm do ảnh hưởng của phát âm địa phương để HS đọc.

+ GV hướng dẫn cách đọc lời của các nhân vật (của voi anh, voi em, hươu và dê).

+ GV mời 2 HS đọc nối tiếp (HS1 đọc từ đầu đến *vì cậu không có bộ râu giống tôi*; HS2 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc theo cặp.

– Luyện đọc theo cặp:

+ Từng cặp HS đọc nối tiếp 2 đoạn trong nhóm (như 2 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

#### 3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.

**Câu 1.** *Voi em đã hỏi voi anh, hươu và dê điều gì?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu ý kiến giải thích của mình, các bạn góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất cách trả lời (*Em có xinh không?*).

**Câu 2.** *Sau khi nghe hươu và dê nói, voi em đã làm gì?*

– HS làm việc nhóm:

+ Từng em trả lời câu của mình, cả nhóm góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất các câu trả lời phù hợp.

(Sau khi nghe hươu nói, voi em đã nhặt vài cành cây khô rồi gài lên đầu. Sau khi nghe dê nói, voi em đã nhổ một khóm cỏ dại bên đường và gắn vào cằm.)

**Câu 3.** *Trước sự thay đổi của voi em, voi anh đã nói gì?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu câu trả lời của mình, các bạn góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất cách trả lời.

(Trước sự thay đổi của voi em, voi anh đã nói: "Trời ơi, sao em lại thêm sừng và râu thế này? Xấu lắm!".)

**Câu 4.** *Em học được điều gì từ câu chuyện của voi em?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu ý kiến của mình, cả nhóm góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất các câu nói phù hợp, VD: Em chỉ đẹp khi là chính mình/ Em nên tự tin vào vẻ đẹp của mình/…

*Lưu ý:* GV có thể cho nhiều HS trả lời vì đây là câu hỏi mở. Trả lời theo cách nào là tuỳ thuộc vào nhận biết và suy nghĩ của HS.

## 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– HS tập đọc lời đối thoại dựa theo cách đọc của GV.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Những từ ngữ nào chỉ hành động của voi em?*

– GV yêu cầu HS đọc thầm lại VB xem voi em đã làm những việc gì; HS thảo luận nhóm để tìm ra câu trả lời; mời một số HS trả lời (GV và cả lớp góp ý).

– Cả lớp thống nhất câu trả lời (3 từ ngữ chỉ hành động của voi em: *nhặt cành cây, nhổ khóm cỏ dại, ngắm mình trong gương*).

**Câu 2.** *Nếu là voi anh, em sẽ nói gì sau khi voi em bỏ sừng và râu?*

– HS làm việc cá nhân: suy nghĩ về câu nói của mình nếu là voi anh.

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em trong nhóm nói câu nói của mình.

+ Nhóm trưởng tổng hợp lại những câu mà các bạn trong nhóm mình nói.

– Cả lớp:

+ Các nhóm nói một câu mà nhóm mình cho là hay nhất trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.

– GV nhận xét chung.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *B* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ *B*: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ hoa *B*.

GV có thể hướng dẫn HS quy trình như sau:

• Nét 1 (móc ngược trái có phần trên hơi lượn sang phải, đầu móc hơi cong): Từ điểm đặt bút ở giao điểm đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 4 đưa bút xuống vị trí giao điểm đường kẻ ngang 2 và kẻ dọc 3 thì lượn sang trái tạo nét cong. Điểm kết thúc ở giao điểm đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 2.

• Nét 2 (nét cong lượn thắt): Đặt bút tại giao điểm của đường kẻ ngang 5 và khoảng giữa đường kẻ dọc 2, 3 rồi viết nét cong vòng lần 1, tạo nét thắt bên dưới dòng kẻ ngang 4, tiếp tục viết nét cong phải. Điểm kết thúc nằm trên đường kẻ dọc 4 và quãng giữa hai đường kẻ ngang 2, 3.

+ HS quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ hoa *B* trên màn hình, nếu có).

– HS tập viết chữ viết hoa *B* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ hoa *B* (chữ cỡ vừa và cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Bạn bè chia ngọt sẻ bùi.*

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn viết chữ hoa *B* đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

**1. Quan sát tranh, nói tên các nhân vật và sự việc được thể hiện trong tranh.**

– HS làm việc theo nhóm: Đọc yêu cầu 1, lần lượt từng em nói tên các nhân vật và sự việc được thể hiện trong mỗi tranh.

VD:

+ Tranh 1: nhân vật là voi anh và voi em, sự việc là voi em hỏi voi anh *Em có xinh không?*

+ Tranh 2: nhân vật là voi em và hươu, sự việc là sau khi nói chuyện với hươu, voi em bẻ vài cành cây, gài lên đầu để có sừng giống hươu;

+ Tranh 3: nhân vật là voi em và dê, sự việc là sau khi nói chuyện với dê, voi em nhổ một khóm cỏ dại bên đường, dính vào cằm mình cho giống dê;

+ Tranh 4: nhân vật là voi em và voi anh, sự việc là voi em (với sừng và râu giả) đang nói chuyện với voi anh ở nhà, voi anh rất ngỡ ngàng trước việc voi em có sừng và râu.

– Cả nhóm góp ý.

– 2 HS nối tiếp nhau nêu nhân vật và sự việc trong 4 tranh.

– GV khen ngợi các em nhớ nội dung câu chuyện.

**2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.**

– GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm về nội dung mỗi bức tranh. HS có thể kể lại nội dung các đoạn theo từng bức tranh như sau:

+ Tranh 1: Voi em thích mặc đẹp và thích được khen xinh. Ở nhà, nó luôn hỏi anh "Em có xinh không?", voi anh bao giờ cũng khen "Em xinh lắm!".

+ Tranh 2 : Một hôm, voi em gặp hươu con, nó hỏi "Tớ có xinh không?". Hươu trả lời "Chưa xinh lắm vì cậu không có đôi sừng giống tớ".

+ Tranh 3: Gặp dê, voi hỏi "Em có xinh không?", dê trả lời "Không, vì cậu không có bộ râu giống tôi". Nghe vậy, voi liền nhổ một khóm cỏ dại bên đường, gắn vào cằm rồi về nhà.

+ Tranh 4: Có đôi sừng và bộ râu giả, về nhà, voi em hớn hở hỏi anh "Anh, em có xinh hơn không?", voi anh chê voi em xấu khi có thêm sừng và râu. Voi em ngắm mình trong gương và thấy xấu thật. Nó liền bỏ đôi sừng và chòm râu đi và thấy mình xinh đẹp hẳn lên.

– GV gọi HS chọn kể 1 – 2 đoạn trong câu chuyện.

Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*Lưu ý:* GV có thể cho HS đóng vai voi em, voi anh, hươu và dê để kể lại 1 – 2 đoạn hay toàn bộ câu chuyện (tuỳ vào khả năng của HS từng lớp). HS có thể kể chuyện phân vai hoặc kể theo từng bức tranh nếu khả năng kể chuyện phân vai của các em chưa tốt. Nếu kể theo tranh, HS có thể chưa thể kể được toàn bộ câu chuyện, GV chỉ yêu cầu kể những đoạn em thích hoặc em nhớ nhất.

– GV mời một HS xung phong kể lại 1 – 2 đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện hoặc mời 2 HS kể nối tiếp cả 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng.

### VẬN DỤNG

**Kể với người thân về nhân vật voi em trong câu chuyện.**

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– Trước khi kể, em xem lại các tranh minh hoạ và câu gợi ý dưới mỗi tranh, nhớ lại những diễn biến tâm lí của voi em.

– Kể cho người thân nghe những hành động của voi em sau khi gặp hươu con và dê con, rồi sau khi về nhà gặp voi anh. Hành động của voi em sau khi nghe voi anh nói và cuối cùng, voi em đã nhận ra điều gì.

– Em lắng nghe ý kiến của người thân sau khi nghe em kể chuyện.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

Sau bài học *Em có xinh không?*, các em đã:

– Đọc – hiểu bài *Em có xinh không?*

– Viết đúng chữ viết hoa *B* và câu ứng dụng: *Bạn bè chia sẻ ngọt bùi.*

– Nghe – kể được câu chuyện *Em có xinh không?*

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích nhân vật nào ? Vì sao? Em không thích nhân vật nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

*Lưu ý:* Nếu có thời gian và trong trường hợp cần thiết, GV có thể củng cố một cách chi tiết hơn như tóm lược những nội dung chính của bài đọc *Em có xinh không?*, những lưu ý khi viết chữ viết hoa (lưu ý về chính tả, cách đặt dấu câu),… Cũng có thể hướng dẫn HS rút ra những bài học bổ ích qua bài học.

## Bài 6 MỘT GIỜ HỌC (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ ngữ, đọc rõ ràng câu chuyện *Một giờ học;* bước đầu biết đọc lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp. Chú ý cách đọc ngắt hơi, nghỉ hơi ở những lời nói thể hiện sự lúng túng của nhân vật Quang (VD: *À... ờ... Em ngủ dậy.*). Hiểu nội dung bài đọc: Từ câu chuyện và tranh minh hoạ, nhận biết được sự thay đổi của nhân vật Quang từ rụt rè, xấu hổ đến tự tin.

2. a. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn bài *Một giờ học*; biết trình bày tên bài và đoạn văn; biết viết hoa chữ cái đầu tên truyện, đầu câu.

b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt chữ cái và tên chữ cái từ số thứ tự 20 đến 29; thuộc tên các chữ cái và biết sắp xếp chúng theo thứ tự bảng chữ cái (từ: *pê, quy,...* đến *ích-xì, i dài*).

3. a. Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm; bước đầu biết đặt câu nêu đặc điểm ngoại hình của một bạn trong lớp.

b. Viết được 3 – 4 câu kể về những việc em thường làm trước khi đi học.

4. Tìm đọc được một bài thơ/ câu chuyện/ bài báo viết về trẻ em làm việc nhà.

5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ và văn học trong việc kể về một hoạt động gắn với trải nghiệm của HS; có ý thức rèn luyện phẩm chất tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Truyện *Một giờ học* thuộc thể loại VB tự sự (Sự kiện được kể theo trật tự thời gian trước sau; diễn biến tâm lí của nhân vật được thể hiện thông qua lời nói, hành động). Truyện kể lại một sự việc từ ngôi thứ ba; cách sắp xếp các chi tiết trong VB theo trật tự thời gian trước sau (thể hiện qua từ ngữ: *đầu tiên, cuối cùng*) nhằm làm rõ sự thay đổi của nhân vật trong câu chuyện.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

### 2. Phương tiện dạy học

– Thẻ từ ghi từ ngữ chỉ đặc điểm ngoại hình cơ thể người để tổ chức cho HS luyện tập.

– Phiếu học tập: có thể làm phiếu bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

GV yêu cầu HS nhắc lại tên bài học trước *Em có xinh không?* và nói về những điều thú vị trong bài học đó.

GV có thể sử dụng hình thức trò chơi để thực hiện hoạt động ôn bài cũ cho HS.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– Cả lớp: GV có thể cho HS nghe bài hát *Những em bé ngoan* của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, sau đó hỏi HS: Bạn nhỏ trong bài hát được ai khen? Những việc làm nào của bạn nhỏ được cô khen?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Cặp đôi/ nhóm: Cùng nói cho nhau nghe về những việc làm được thầy/ cô giáo khen và cảm xúc của em khi được thầy/ cô khen.

+ Một số câu hỏi gợi ý: *Nói về việc làm của em được thầy/ cô khen.* (Em hát rất hay; Em trả lời rất tự tin; Em luôn giúp đỡ bạn; Em chú ý nghe cô giáo giảng bài; Em viết đẹp hơn; Em không còn mắc lỗi chính tả; Em không còn làm việc riêng trong giờ học; Em chơi với bạn rất đoàn kết và thân thiện; Em tham gia thảo luận nhóm rất tích cực; Em đọc bài lưu loát, rõ ràng;...).

+ *Em cảm thấy thế nào khi được thầy/ cô khen.* (Em không biết/ vui/ thích/ hãnh diện,...).

– GV gọi một số HS trình bày kết quả thảo luận. GV và HS chốt nội dung thảo luận.

– GV dẫn dắt vào bài mới.

## 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: Bài đọc kể về nhân vật Quang trong một giờ học. Quang được thầy giáo mời lên nói trước lớp. Lúc đầu bạn ấy lúng túng, rụt rè. Sau đó, nhờ sự động viên, khích lệ của thầy giáo, bạn bè và sự cố gắng của bản thân, Quang đã nói năng lưu loát, trở nên tự tin.

Trong bài đọc, có lời đối thoại của thầy giáo và nhân vật. Khi đọc bài, các em chú ý cách đọc lời nhân vật.

+ GV đọc mẫu toàn bài đọc.

+ GV hướng dẫn kĩ cách đọc lời nhân vật thầy giáo và lời nhân vật Quang. GV đọc rõ ràng, lời người kể chuyện có giọng điệu tươi vui; ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. (Chú ý ngữ điệu khi đọc *Em...; À... ờ; Rồi sau đó...ờ... à...; Mẹ... ờ... bảo.*). HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em như: *lúng túng, kiên nhẫn,...*

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài (VD: *Quang thở mạnh một hơi/ rồi nói tiếp:/ "Mẹ... ờ... bảo:/ Con đánh răng đi./ Thế là em đánh răng".*)

+ GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *mình thích.;* đoạn 2: tiếp theo đến *thế là được rồi đấy!*; đoạn 3: tiếp theo đến *em đi học.*; đoạn 4: còn lại). GV hướng dẫn HS quan sát 4 đoạn văn được chia trong SHS.

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ GV lưu ý HS cách đọc: Trong bài đọc, có lời đối thoại của thầy giáo và nhân vật Quang. Khi đọc bài, các em chú ý đọc đúng, rõ ràng lời các nhân vật. Chú ý ngữ điệu khi đọc *Em....; À..... ờ...; Rồi... ờ...; Rồi sau đó.... ờ... à; Mẹ... ờ... bảo.*

+ HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm cho đến hết bài.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

+ GV mời 4 HS đại diện cho 4 nhóm đọc nối tiếp đoạn trước lớp; phát hiện từ ngữ khó đọc với HS (VD: *lúng túng, kiên nhẫn*); GV mời 1 – 2 HS đọc lời giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB.

+ GV tổ chức thi đọc giữa các nhóm.

+ HS và GV nhận xét. GV chú ý sửa lỗi cho HS.

– GV mời một HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đọc thầm theo.

*Lưu ý:*

+ GV có thể hướng dẫn HS giải nghĩa từ ngữ khó và luyện đọc câu dài ngay sau hoạt động đọc mẫu toàn bài của GV, hoặc có thể lồng vào phần luyện đọc trước lớp của các nhóm.

+ Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể cho HS đọc phân vai hoặc tổ chức cho HS đóng kịch (Người dẫn chuyện, thầy giáo, Quang).

### 3. Trả lời câu hỏi

Tuỳ đối tượng HS, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, nhóm.

**Câu 1.** *Trong giờ học, thầy giáo yêu cầu cả lớp làm gì?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ Một HS đọc to câu hỏi.

+ GV nhắc cả lớp đọc thầm đọc lại đoạn 1 và tìm câu trả lời.

+ GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời.

Đáp án: Trong giờ học, thầy giáo yêu cầu cả lớp tập nói trước lớp về bất cứ điều gì mình thích.

**Câu 2.** *Vì sao lúc đầu Quang lúng túng?*

– Để giúp HS hiểu bài sâu hơn/ thuận lợi hơn khi trả lời câu hỏi 2, trước đó, GV nên hỏi thêm một số câu hỏi kết nối: Ai là người được thầy giáo mời lên nói đầu tiên? (Bạn Quang). Từ ngữ nào cho biết cảm xúc của Quang khi được mời lên nói trước lớp? (lúng túng, đỏ mặt). Để biết lí do vì sao Quang lúng túng, các nhóm đọc đoạn 2, đoạn 3 và cùng nhau thảo luận để tìm câu trả lời.

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Một HS đọc to câu hỏi. Cả lớp đọc thầm.

+ Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm.

– Cả lớp làm việc:

+ GV mời 2 – 3 HS đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi.

+ GV và HS nhận xét câu trả lời, thống nhất đáp án (Vì bạn cảm thấy nói với bạn bên cạnh thì dễ nhưng đứng trước cả lớp mà nói thì sao mà khó thế.).

**Câu 3.** *Theo em, điều gì khiến Quang trở nên tự tin?*

HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ GV hướng dẫn HS dựa vào nội dung đoạn 2 và đoạn 3 để tìm câu trả lời.

+ Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm thống nhất đáp án trong nhóm

Cả lớp làm việc:

+ 2 – 3 HS đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi.

+ GV và HS nhận xét câu trả lời, thống nhất đáp án (Thầy giáo và các bạn động viên, cổ vũ Quang; Quang rất cố gắng).

+ Từ nội dung thảo luận câu 3, GV có thể cài vào bài học giáo dục đạo đức cho HS. (HS trong lớp học cần giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn, cần động viên, khen ngợi bạn khi bạn làm được việc tốt; Tự tin giúp em làm được nhiều việc tưởng như rất khó: không còn sợ bóng đêm, không còn sợ nói trước đông người, nói năng lưu loát khi phát biểu ý kiến.)

**Câu 4.** *Khi nói trước lớp, em cảm thấy thế nào?*

– HS làm việc nhóm:

+ Một HS đọc yêu cầu.

+ GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, khuyến khích HS mạnh dạn nói với bạn cảm xúc, suy nghĩ của bản thân khi nói trước lớp.

+ Các nhóm thảo luận. GV khích lệ HS trả lời theo trải nghiệm của mỗi em. Nếu HS lúng túng trong thảo luận, GV có thể đưa ra các tình huống như HS phát biểu ý kiến, thuyết trình, kể chuyện trước lớp,... để các em trao đổi và nói về cảm xúc của mình trong những tình huống đó.

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV mời 3 – 4 HS đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV chưa nên chốt câu trả lời mà có thể hỏi một số HS khác trong lớp: Em thấy ý kiến nào phù hợp với suy nghĩ của em?,...

+ GV và cả lớp nhận xét câu trả lời. GV chốt câu trả lời.

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm những câu hỏi có trong bài đọc. Đó là câu hỏi của ai dành cho ai?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ GV yêu cầu HS đọc thầm câu hỏi 1.

+ GV nhắc HS đọc lướt toàn bài để tìm câu trả lời. Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm.

– Cả lớp làm việc:

+ GV mời 2 – 3 HS đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi.

+ Các nhóm khác nhận xét. GV và cả lớp chốt nội dung trả lời (Những câu hỏi có trong bài đọc: *Sáng nay ngủ dậy em làm gì?*; *Rồi gì nữa?*. Đó là câu hỏi của thầy giáo dành cho Quang).

*Lưu ý:* Các nhóm trả lời nhanh có thể thi đố nhau: Đố bạn, dấu câu nào đặt cuối câu hỏi *Sáng nay ngủ dậy em đã làm gì?...* để rèn cho HS kĩ năng nhận biết hình thức câu hỏi.

**Câu 2**. *Đóng vai các bạn và Quang, nói và đáp lời khen khi Quang trở nên tự tin.*

– Một HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS sắm vai trong nhóm và làm mẫu: Từng cặp, thay nhau đóng vai bạn trong lớp và Quang để nói và đáp lời khen. Bạn nói lời khen trước, sau đó bạn đóng vai Quang sẽ đáp lại lời khen.

+ GV nêu câu hỏi và mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi: Để khen bạn tự tin, chúng ta khen thế nào? (Bạn giỏi thế!); Để đáp lại lời khen đó, chúng ta nói thế nào? (Cảm ơn bạn rất nhiều!)

+ GV mời 2 HS sắm vai trước lớp để thực hiện yêu cầu: nói và đáp lời khen Quang khi bạn đã trở nên tự tin.

+ GV và cả lớp nhận xét: câu khen và đáp lời khen (đúng/ hay); Nói rõ ràng, lưu loát.

– HS làm việc nhóm đôi:

+ Từng cặp HS thay phiên nhau đóng vai bạn và Quang để nói và đáp lời khen. GV khuyến khích các em mạnh dạn nói theo quan điểm của cá nhân mình.

– Làm việc cả lớp:

+ Một số cặp đóng vai trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét. GV tổng hợp những lời khen – đáp lời khen của các nhóm và khen các nhóm cố gắng, biết nói và đáp đúng, hay lời khen; biết hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ.

(Đáp án: Câu khen: Bạn giỏi thật đấy./ Bạn rất cừ./…

Câu đáp lời khen: Cảm ơn bạn./ Cảm ơn bạn đã động viên tớ./ Cảm ơn bạn, tớ sẽ cố gắng hơn nữa…).

– GV nhận xét tiết học.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết.

– GV đọc một lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn trước lớp.

– GV hướng dẫn HS :

+ Quan sát những dấu câu có trong đoạn văn sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn viết trên màn hình), giúp các em biết nêu tên các dấu câu: dấu chấm (3 lần xuất hiện), dấu phẩy (2 lần xuất hiện),…

+ Viết hoa chữ cái đầu tên bài, viết hoa chữ đầu câu, viết hoa các chữ sau dấu chấm.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.VD: *Quang, ngượng nghịu, lưu loát.*

– GV đọc tên bài, đọc từng câu cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

## 2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

– GV nêu yêu cầu của bài tập: Đọc tên chữ cái ở cột 3, viết vào vở bài tập những chữ cái tương ứng.

– Cả lớp làm vào vở.

– GV chữa bài trên bảng.

Đáp án:

| Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái |
|---|---|---|
| 20 | p | pê |
| 21 | q | quy |
| 22 | r | e-rờ |
| 23 | s | ét-sì |
| 24 | t | tê |

| Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái |
|---|---|---|
| 25 | u | u |
| 26 | ư | ư |
| 27 | v | vê |
| 28 | x | ích-xì |
| 29 | y | i dài |

– GV hướng dẫn HS học thuộc bảng chữ cái: đưa chữ cái và yêu cầu HS đọc tên chữ cái đó. (Có thể cho HS làm việc nhóm, các bạn tự kiểm tra cho nhau hoặc tổ chức dưới hình thức trò chơi.)

## 3. Sắp xếp tên các bạn theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái. Viết lại tên các bạn theo thứ tự đã sắp xếp.

– HS làm việc cá nhân:

+ Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn cách làm bài tập: Đối chiếu tên các bạn với bảng chữ cái ở bài tập 2 để sắp xếp tên theo đúng thứ tự.

+ GV làm mẫu: mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi: Đối chiếu với bảng chữ cái, tên bạn Quân nên xếp ở vị trí nào? Tại sao lại xếp tên bạn vào vị trí thứ nhất? (Vì trong số 5 bạn không có bạn nào có tên bắt đầu *quy* hay *pê*). Nhiệm vụ tiếp theo của cả lớp là xếp tên 4 bạn còn lại theo thứ tự. Sau đó viết vào vở kết quả tìm được.

+ Cả lớp làm vào vở.

– Làm việc cả lớp:

+ GV dán bảng 2 – 3 tờ phiếu, phát bút dạ mời 2 – 3 nhóm HS thay nhau thi làm bài tiếp sức. Đại diện nhóm đọc kết quả.

+ Cả lớp và GV nhận xét; GV chốt lại câu trả lời đúng: *Quân, Sơn, Tuấn, Vân, Xuân.*

– GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm.

– Làm việc cả lớp: GV chiếu chữ lên bảng, yêu cầu một HS đọc yêu cầu.

– HS làm việc theo cặp/ nhóm.

– Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án: *mượt mà, bầu bĩnh, sáng, cao, đen láy.*

*Lưu ý:* GV có thể phát cho mỗi nhóm 5 – 7 thẻ trắng (chưa ghi từ ngữ). HS có nhiệm vụ ghi mỗi từ ngữ tìm được vào 1 thẻ. Sau đó các nhóm lần lượt dán các thẻ từ lên bảng. GV cùng cả lớp nhận xét, bỏ bớt những thẻ từ trùng nhau hoặc không đúng. Tiếp theo GV yêu cầu HS tìm thêm các từ ngữ chỉ đặc điểm ngoài những từ ngữ đã cho. Cứ như vậy cho đến ý kiến cuối cùng. GV mời 2 HS đọc lại từ ngữ có trong thẻ từ gắn trên bảng.

+ GV khen ngợi các nhóm tìm từ ngữ đúng, nhanh.

### 2. Ghép các từ ngữ ở bài tập 1 để tạo câu nêu đặc điểm.

– Làm việc cả lớp:

+ Một HS đọc yêu cầu của bài tập 2.

+ GV hướng dẫn HS làm bài tập: HS lần lượt ghép các từ ngữ chỉ đặc điểm vừa tìm được ở bài tập 1 với các từ ngữ còn lại trong mỗi đám mây cho đến khi thấy hợp lí.

– HS làm việc theo nhóm:

+ HS trong nhóm nối tiếp nhau ghép các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người với từ ngữ chỉ đặc điểm. Có thể chơi trò tung bóng: một HS nói từ chỉ đặc điểm, một HS khác tìm từ ngữ phù hợp và nói câu hoàn chỉnh.

– GV tổ chức chữa bài trước lớp:

+ Đại diện một số nhóm phát biểu kết quả làm việc của nhóm.

### 3. Đặt một câu nêu đặc điểm ngoại hình của một bạn trong lớp em.

– HS làm việc cá nhân và nhóm.

+ Một HS đọc yêu cầu bài tập (đọc cả mẫu).

+ HS suy nghĩ, mỗi em tự đặt một câu. Sau đó nói cho bạn nghe câu đặt được. Cả nhóm nhận xét, góp ý câu của bạn.

– Đại diện một số nhóm nói câu của mình đã đặt trước cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

VD: Bạn Hà có đôi mắt đen láy; Khuôn mặt của Châu Anh bầu bĩnh; Dương có vầng trán cao;...

*Lưu ý:* Để giảm tải kiến thức, bài tập này không cung cấp cấu trúc câu: Ai thế nào?, chỉ đưa ra yêu cầu dựa vào kết quả làm được ở bài tập 2 để bước đầu biết đặt câu đơn giản. Vì thế khi HS trả lời, GV cần chú ý sửa lỗi câu sai ngữ pháp cho HS (từ ngữ chỉ đặc điểm phải phù hợp với từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người).

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

### 1. Nói về các hoạt động của bạn nhỏ trong tranh.

– Làm việc chung cả lớp:

Bài tập này yêu cầu HS quan sát tranh, nói về hoạt động của bạn nhỏ trong mỗi tranh để thực hành viết 3 – 4 câu về việc em thường làm. GV lưu ý HS đoán xem thời gian thực hiện các hoạt động đó vào lúc nào.

– Một HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, quan sát từng tranh theo câu hỏi gợi ý trong SHS.

**Tranh 1**

– Làm việc nhóm:

+ Từng em quan sát tranh.

+ Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi và mời các bạn trả lời.

+ Cả nhóm nhận xét.

– Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV và cả lớp nhận xét. GV tổng hợp ý kiến của các nhóm (Tranh vẽ cảnh bạn nhỏ ngủ dậy. Em đoán đây là cảnh thức dậy buổi sáng của bạn nhỏ. Bạn nhỏ ngồi trên giường, hai tay vươn cao. Vẻ mặt tươi cười. Em nghĩ là bạn nhỏ thức dậy và cảm thấy rất vui vẻ, thoải mái. Vì nét mặt bạn rất tươi tỉnh.)

*Lưu ý*: GV khuyến khích HS mạnh dạn nói về những gì các em quan sát được trong tranh. GV mời từng nhóm trình bày. GV có thể khích lệ HS đưa ra các ý kiến khác nhau. Cuối cùng, GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, khen các nhóm đã mạnh dạn, tự tin nói trước lớp, có trí tưởng tượng phong phú, nói lưu loát.

**Tranh 2:** Cách triển khai tương tự.

+ Bạn nhỏ đang làm gì? (đánh răng)

+ Bạn nhỏ làm việc đó vào lúc nào? (Buổi sáng, sau khi ngủ dậy)

+ Theo em, việc làm đó cho thấy bạn nhỏ là người thế nào? (Bạn nhỏ biết chăm sóc, giữ vệ sinh răng miệng)

Nội dung tranh 2: Buổi sáng, sau khi thức dậy, bạn nhỏ đánh răng. Em nghĩ là bạn nhỏ là người biết giữ vệ sinh cá nhân sạch sẽ.

**Tranh 3:** triển khai tương tự.

+ Bạn nhỏ đang làm gì? (ăn sáng)

+ Bạn nhỏ làm việc đó vào lúc nào? (Buổi sáng, sau khi đánh răng, rửa mặt)

+ Theo em, bạn nhỏ ăn sáng có ngon miệng không? Vì sao em biết? (Bạn nhỏ ăn sáng rất ngon miệng, vì vẻ mặt của bạn rất hào hứng)

Nội dung tranh 3: Sau khi làm vệ sinh cá nhân, bạn nhỏ ăn sáng. Vẻ mặt của bạn rất hào hứng. Có lẽ bạn thấy bữa sáng rất ngon.

**Tranh 4:** triển khai tương tự.

+ Bạn nhỏ đang làm gì? (đi học)

+ Vì sao em biết? (Bạn nhỏ mặc đồng phục, vai đeo cặp)

+ Em đoán xem, bạn nhỏ có vui không? Vì sao em biết? (Rất vui, vì vẻ mặt bạn tươi cười)

Nội dung tranh 4: Cuối cùng, bạn nhỏ đi học. Trong bộ đồng phục, vai đeo cặp, bạn nhỏ đến trường. Nét mặt của bạn rất vui.

*Lưu ý:* Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể đặt câu hỏi, khai thác tranh ở những mức độ khác nhau. Ở mức đơn giản nhất, chỉ cần HS nói được 4 câu kể về hoạt động trong 4 tranh.

– Sau khi các nhóm lần lượt nói về mỗi tranh, GV mời 2 – 3 HS nói lại nội dung trong cả 4 tranh. GV gợi ý HS sử dụng các từ ngữ *sau đó, tiếp theo, cuối cùng* trong phần nói của mình. VD: Bạn nhỏ vươn vai thức dậy. Sau đó, bạn ấy đánh răng. Tiếp theo, bạn ăn sáng. Cuối cùng bạn đến trường/ đi học.

+ GV khen các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## 2. Viết 3 – 4 câu kể những việc em thường làm trước khi đi học.

– Một HS đọc to yêu cầu trong khi cả lớp đọc thầm.

– GV yêu cầu HS viết ra nháp những việc các em thường làm trước khi đi học.

– GV hướng dẫn HS viết thành đoạn.

+ Đoạn văn viết về những việc em thường làm trước khi đi học.

+ Đoạn văn viết từ 3 – 4 câu.

+ Đầu câu viết hoa, cuối câu sử dụng dấu câu phù hợp.

+ Câu đầu tiên viết lùi vào 1 ô.

+ Tư thế ngồi viết.

...

– HS viết bài vào vở. GV quan sát, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

– HS đổi vở cho nhau, cùng soát lỗi.

– GV phân tích bài hay. GV có thể chiếu bài của HS lên bảng hoặc mời HS đọc bài viết của mình. Sau đó, GV và cả lớp nhận xét.

– GV hướng dẫn HS tự sửa lỗi sai (nếu có).

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về trẻ em làm việc nhà.**

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ hoặc một câu chuyện viết về trẻ em làm việc nhà. GV có thể chuẩn bị một số VB phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp hoặc mượn trong thư viện trường) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– GV cung cấp sách (hoặc HS chuẩn bị trước) và tổ chức cho HS đọc trong nhóm.

– HS chia sẻ bài thơ/ câu chuyện tìm được với bạn và thảo luận nhóm theo gợi ý:

+ Tên bài thơ/ câu chuyện là gì?

+ Tác giả của bài thơ/ câu chuyện là ai?

**2. Đọc cho các bạn nghe một đoạn em thích.**

HS làm việc nhóm:

– HS đọc đoạn thơ/ đoạn văn trong nhóm.

– GV mời một số HS đọc đoạn thơ/ đoạn văn trước lớp. Cả lớp nghe, nhận xét. GV có thể hỏi: Bạn nhỏ làm được việc gì? Em thấy bạn nhỏ trong bài thơ, câu chuyện là người thế nào?

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt những nội dung chính. Sau bài 6. *Một giờ học*, các em đã:

+ Hiểu được tự tin sẽ giúp chúng ta làm được những việc tưởng rất khó.

+ Nhận biết từ chỉ đặc điểm, biết dùng từ chỉ đặc điểm để nói câu nêu đặc điểm; Mở rộng vốn từ về bản thân.

+ Viết bài chính tả và làm bài tập chính tả.

+ Viết được đoạn văn 3 – 4 câu kể về những việc em thường làm trước khi đi học.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

# TUẦN 4

## Bài 7 CÂY XẤU HỔ (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các tiếng dễ đọc sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương (VD: *nổi lên, co rúm, xung quanh, xôn xao, quả nhiên, cành thanh mai, xuýt xoa, tiếc, con chim xanh, trở lại...*), biết cách đọc đúng lời người kể chuyện trong bài *Cây xấu hổ* với ngữ điệu phù hợp.

   b. Nhận biết về đặc điểm của loài cây xấu hổ qua bài đọc và tranh minh hoạ, nhận biết được các nhân vật, sự việc và những chi tiết trong diễn biến câu chuyện (thấy tiếng động, cây xấu hổ co rúm mình, nhắm mắt lại nhưng đã phải hối tiếc vì không thể nhìn thấy một con chim xanh rất đẹp),...

2. Biết viết chữ viết hoa *C* cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

3. Biết dựa vào tranh và những gợi ý để nói về các nhân vật, sự việc trong tranh. Biết chọn và kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện *Chú đỗ con* theo tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn mỗi đoạn của câu chuyện trong bài đọc) và kể với người thân về hành trình hạt đỗ trở thành cây đỗ.

4. Có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm; có sự tự tin vào chính bản thân mình.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB truyện kể.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Một số tranh ảnh về các loài cây.

– Mẫu chữ viết hoa *C*, vở *Tập viết 2 tập một*.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS đọc lại một đoạn trong bài *Một giờ học* và nêu nội dung của đoạn vừa đọc (hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc).

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– Cả lớp: GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu.

VD: Các em quan sát tranh minh hoạ cây xấu hổ với những mắt lá khép lại và làm việc theo cặp (hoặc nhóm) với câu hỏi và yêu cầu định hướng như sau:

+ Em biết gì về loài cây trong tranh?

+ Dựa vào tên bài đọc và tranh minh hoạ, thử đoán xem loài cây có gì đặc biệt.

– Cặp đôi/ nhóm: Cùng nhau chỉ vào tranh trong SGK, nói về đặc điểm của cây xấu hổ.

– GV cho HS xem tranh/ ảnh minh hoạ cây xấu hổ và giới thiệu về bài đọc (câu chuyện về một tình huống mà trong đó cây xấu hổ vì quá nhút nhát đã khép những mắt lá lại, không nhìn thấy một con chim xanh tuyệt đẹp để rồi tiếc nuối).

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ Quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh (VD: Tranh vẽ cây xấu hổ có một số mắt lá đã khép lại).

+ GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn, HS đọc thầm theo.

+ GV nêu một số từ khó phát âm như *xung quanh, xanh biếc, lóng lánh, xuýt xoa* để HS đọc.

+ GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài đọc (HS1 đọc từ đầu đến *không có gì lạ thật*; HS2 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc theo cặp.

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong SHS hoặc đưa thêm những từ ngữ HS chưa hiểu.

– Luyện đọc theo cặp:

+ Từng cặp HS đọc nối tiếp 2 đoạn trong nhóm (như 2 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

### 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1**. *Nghe tiếng động lạ, cây xấu hổ đã làm gì?*

– HS làm việc chung cả lớp: GV yêu cầu HS xem lại đoạn văn 1 và nhìn tranh minh hoạ (Tranh vẽ những gì? – cây xấu hổ với nhiều mắt lá đã khép lại).

– Cả lớp thống nhất câu trả lời: Nghe tiếng động lạ, cây xấu hổ đã co rúm mình lại.

– HS cũng có thể trả lời sáng tạo hơn (theo tranh) chứ không hoàn toàn theo bài đọc (VD: Nghe tiếng động lạ, cây xấu hổ đã khép những mắt lá lại.)

**Câu 2.** *Cây cỏ xung quanh xôn xao về chuyện gì?*

– HS làm việc nhóm:

+ Từng nhóm thảo luận, tìm những chi tiết nói về những điều khiến cây cỏ xung quanh xôn xao.

+ GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

+ GV mời đại diện một số nhóm trả lời.

– Cả lớp thống nhất câu trả lời: Cây cỏ xung quanh xôn xao chuyện một con chim xanh biếc, toàn thân lóng lánh không biết từ đâu bay tới rồi lại vội bay đi ngay.

**Câu 3.** *Cây xấu hổ nuối tiếc điều gì?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu ý kiến giải thích về điều làm cây xấu hổ tiếc.

+ Cả nhóm thống nhất cách giải thích phù hợp nhất (VD: Do cây xấu hổ nhút nhát nên đã nhắm mắt lại khi nghe tiếng động lạ/ Do cây xấu hổ sợ và nhắm mắt lại nên đã không nhìn thấy con chim xanh rất đẹp).

– Cả lớp:

+ Các nhóm nêu cách giải thích trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu giải thích của các nhóm, khen tất cả các nhóm đã mạnh dạn nêu cách hiểu của mình.

– Nếu HS có năng lực tốt, GV có thể khai thác sâu hơn: Câu văn nào thể hiện sự nuối tiếc của cây xấu hổ? Theo em, vì sao cây xấu hổ tiếc? Để không phải tiếc như vậy, cây xấu hổ nên làm gì?...

**Câu 4.** *Câu văn nào cho biết cây xấu hổ rất mong con chim xanh quay trở lại?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu ý kiến của mình, cả nhóm góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời: *Không biết bao giờ con chim xanh huyền diệu ấy quay trở lại?*

## 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– HS tập đọc lời đối thoại dựa theo cách đọc của GV.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Những từ ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm?*

– Cả lớp:

+ GV mời 1 – 2 HS đọc các từ ngữ cho trước.

+ GV mời một số HS tìm ra những từ ngữ chỉ đặc điểm trong số các từ đã cho.

+ Cả lớp thống nhất câu trả lời: *đẹp, lóng lánh, xanh biếc.*

**Câu 2.** *Nói tiếp lời cây xấu hổ: Mình rất tiếc (…).*

– Cả lớp:

+ Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: Thảo luận nhóm, mỗi HS tự tưởng tượng mình là cây xấu hổ và sẽ nói điều mình tiếc.

+ 1 – 2 HS nói tiếp lời cây xấu hổ. (VD: Mình rất tiếc vì đã không mở mắt để được thấy con chim xanh/ Mình rất tiếc vì đã không thể vượt qua nỗi sợ của mình/ Mình rất tiếc vì đã quá nhút nhát nên đã nhắm mắt lại, không nhìn thấy con chim xanh…)

+ Các HS khác nhận xét, góp ý cho nhau.

– GV nhận xét chung.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *C* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ viết hoa *C*: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết.

GV có thể hướng dẫn HS viết theo quy trình sau đây: Từ điểm đặt bút ở giao điểm đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 3 vòng xuống đến 2,5 ô vuông rồi vòng lên gặp đường kẻ ngang 6 và tiếp tục lượn xuống giống nét cong trái đến sát đường kẻ ngang 1, tiếp tục vòng lên đến đường kẻ ngang 3 và lượn xuống. Điểm kết thúc nằm trên đường kẻ ngang 2 và khoảng giữa hai đường kẻ dọc 3 và 4.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *C* trên màn hình, nếu có).

– HS tập viết chữ viết hoa *C* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *C* vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Có công mài sắt, có ngày nên kim* (Làm bất cứ việc gì nếu có sự kiên trì thì sẽ thành công).

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn viết chữ hoa *C* đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, vị trí đặt dấu phẩy để ngăn cách các vế trong câu và dấu chấm cuối câu, lưu ý luật chính tả để HS không viết nhầm *kim* và *cim*.

– Học sinh viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

### 1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

GV hướng dẫn HS quan sát tranh theo thứ tự (từ tranh 1 đến tranh 4) và cho biết nội dung các bức tranh (thể hiện qua các nhân vật và sự việc trong mỗi bức tranh).

(Tranh 1: Cuộc gặp gỡ giữa hạt đỗ và mưa xuân; Tranh 2: Cuộc gặp gỡ giữa hạt đỗ đã nảy mầm và gió xuân; Tranh 3: Cuộc gặp gỡ giữa hạt đỗ với mầm đã lớn hơn và mặt trời; Tranh 4: Hạt đỗ đã lớn thành cây đỗ và mặt trời đang toả nắng.)

Từ nội dung các bức tranh, HS đoán nội dung câu chuyện.

### 2. Nghe kể chuyện.

CHÚ ĐỖ CON

(1) Một chú đỗ con ngủ khì trong cái chum khô ráo và tối om một năm. Một hôm tỉnh cờ chú thấy mình nằm giữa những hạt đất li ti xôm xốp. Chợt có tiếng lộp độp bên ngoài. Đỗ hỏi: "Ai đó?" – "Cô đây!". Thì ra cô mưa xuân, cô đem nước đến cho đỗ con được tắm mát. Chú lại ngủ khì.

(2) Có tiếng sáo vi vu trên mặt đất làm chú tỉnh giấc. Chú khe khẽ cựa mình hỏi: "Ai đó?". Tiếng thì thầm dịu dàng trả lời: "Chị đây mà, chị là gió xuân đây. Dậy đi em, mùa xuân đẹp lắm!". Đỗ con lại cựa mình. Chú thấy mình lớn phổng lên làm nứt cả chiếc áo ngoài.

(3) Chị gió xuân bay đi. Có những tia nắng ấm áp lay chú đỗ con. Đỗ con hỏi: "Ai đó?". Một giọng nói ồm ồm, trầm ấm vang lên: "Bác đây, bác là mặt trời đây, cháu dậy đi thôi, sáng lắm rồi. Các cậu học trò cắp sách đến trường rồi đấy". Đỗ con rụt rè nói: "Nhưng mà trên đấy lạnh lắm!". Bác mặt trời khuyên: "Cháu cứ vùng dậy đi nào. Bác sưởi ấm cho cháu, cựa mạnh vào.".

(4) Đỗ con vươn vai một cái thật mạnh. Chú trồi lên khỏi mặt đất. Mặt đất sáng bừng ánh nắng xuân. Chú đỗ con xoè hai cánh tay nhỏ xíu hướng về phía mặt trời ấm áp.

(*Theo* Nhật Linh)

### 3. Chọn kể lại 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

GV yêu cầu HS trao đổi nhóm, trả lời những câu hỏi gợi ý dưới tranh:

Tranh 1. *Cuộc gặp gỡ của đỗ con và cô mưa xuân diễn ra như thế nào?*

HS trả lời. GV chốt phương án: Cô mưa xuân đến khi đỗ con nằm giữa những hạt đất li ti xôm xốp, cô đem nước đến cho đỗ con được tắm mát.

Tranh 2. *Cuộc gặp gỡ của đỗ con và cô gió xuân diễn ra như thế nào?*

HS trả lời. GV chốt phương án: Cô gió xuân bay đến, thì thầm dịu dàng gọi đỗ con dậy. Đỗ con cựa mình lớn phổng lên làm nứt cả chiếc áo ngoài.

Tranh 3. *Cuộc gặp gỡ của đỗ con và bác mặt trời diễn ra như thế nào?*

HS trả lời. GV chốt phương án: Bác mặt trời chiếu những tia nắng ấm áp lay đỗ con, bác đã động viên, khuyên đỗ con vùng dậy, bác hứa sẽ sưởi ấm cho đỗ con.

Tranh 4. *Cuối cùng, đỗ con đã làm gì?*

HS trả lời. GV chốt phương án: Đỗ con đã vươn vai thật mạnh, trồi lên khỏi mặt đất, xoè hai cánh tay nhỏ xíu hướng về phía mặt trời ấm áp.

GV gọi HS chọn kể 1 – 2 đoạn trong câu chuyện.

Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* GV có thể cho HS đóng vai đỗ con, mưa xuân, gió xuân và mặt trời để kể lại 1 – 2 đoạn hay toàn bộ câu chuyện (tuỳ vào khả năng của HS từng lớp).

## VẬN DỤNG

**Nói với người thân về hành trình hạt đỗ trở thành cây đỗ.**

GV hướng dẫn HS cách thực hiện Hoạt động vận dụng:

– Để nói được hành trình hạt đỗ con trở thành cây đỗ, HS xem lại các bức tranh và đọc các câu hỏi dưới mỗi tranh của câu chuyện *Chú đỗ con*, nhớ những ai đã góp phần giúp hạt đỗ nằm trong lòng đất có thể nảy mầm và vươn lên thành cây đỗ.

– HS có thể kể cho người thân nghe toàn bộ câu chuyện, hoặc chỉ cần nói tóm tắt: hạt đỗ con nảy mầm và lớn lên là nhờ có mưa, có gió, có nắng, và nhờ có cả lòng đất ấm nữa.

– HS có thể trao đổi với người thân xem câu chuyện muốn nói điều gì với các bạn nhỏ? (VD: nếu chỉ ở mãi trong nhà của mình hay ở nhà với mẹ, không dám đi ra ngoài, không dám khám phá thế giới xung quanh thì sẽ không thể lớn lên được.)

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

Sau bài học *Cây xấu hổ*, các em đã:

+ Đọc – hiểu bài *Cây xấu hổ*.

+ Viết đúng chữ viết hoa *C*, câu ứng dụng *Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

+ Nghe – kể được câu chuyện *Chú đỗ con.*

– HS nêu ý kiến về bài học (Em học được điều gì từ câu chuyện của cây xấu hổ?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

*Lưu ý:* Nếu có thời gian và trong trường hợp cần thiết, GV có thể củng cố một cách chi tiết hơn như tóm lược những nội dung chính của bài đọc *Câu xấu hổ*, những lưu ý khi viết chữ viết hoa *C* (lưu ý về chính tả, cách đặt dấu câu),… Cũng có thể hướng dẫn HS rút ra những bài học bổ ích qua bài học.

# Bài 8 CẦU THỦ DỰ BỊ (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng, rõ ràng câu chuyện *Cầu thủ dự bị*; biết phân biệt lời của người kể chuyện với lời của các nhân vật (gấu con, khỉ, các con vật khác); tốc độ đọc khoảng 45 – 50 tiếng/phút; hiểu được ý nghĩa của câu chuyện (Nhờ kiên trì luyện tập, gấu con từ chỗ đá bóng chưa giỏi, chỉ được làm cầu thủ dự bị, đã đá bóng giỏi và trở thành cầu thủ chính thức.).
2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn ngắn trong bài *Cầu thủ dự bị*; biết viết chữ viết hoa đầu câu và biết đặt đúng dấu phẩy, dấu chấm; làm đúng các bài tập chính tả viết hoa tên người.
3. a. Phát triển vốn từ chỉ sự vật (dụng cụ thể thao), tên gọi các trò chơi dân gian, đặt câu nêu hoạt động.

   b. Biết viết đoạn văn 3 – 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc một trò chơi đã tham gia.
4. Đọc mở rộng một bài viết về hoạt động thể thao và kể lại điều thú vị đã đọc được trong bài viết.
5. Hiểu được kết quả tốt đẹp của đức tính kiên trì, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân, khả năng làm việc nhóm.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB truyện có bối cảnh, sự việc và các nhân vật; nắm được nội dung VB *Cầu thủ dự bị*; cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong VB (gấu con rụt rè, khỉ quan tâm đến cảm xúc của gấu, các con vật mặc dù lúc đầu chưa thừa nhận gấu nhưng sau đó đã thay đổi thái độ khi tận mắt nhìn thấy sự tiến bộ của gấu).

– Nghĩa của từ ngữ khó trong VB (*dự bị*) và cách giải thích nghĩa của từ ngữ này. Một số trò chơi dân gian phổ biến với HS Tiểu học.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ có trong SHS và đoạn chính tả được phóng to trên máy tính hoặc viết ra giấy khổ lớn. Mặt nạ đơn giản hình gấu con và khỉ để HS đóng vai.

– Phiếu học tập: phiếu bài tập chính tả hoặc phiếu luyện từ và câu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS ôn bài theo cặp hoặc nhóm: nhắc lại tên bài học trước (*Cây xấu hổ*) và nói về một số điều thú vị từ bài học đó.

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ, trao đổi trong nhóm về những điều quan sát được trong tranh và trả lời các câu hỏi *Các bạn nhỏ đang chơi môn thể thao gì? Em có thích môn thể thao này không? Vì sao?*.

– Đại diện (3 – 4) nhóm chia sẻ trước lớp câu trả lời. Các nhóm khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.

– GV nhận xét chung và chuyển sang bài mới.

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu bài đọc. (Bài đọc nói về gấu con và các bạn của gấu. Gấu rất thích chơi bóng đá nhưng lúc đầu gấu chậm chạp và đá bóng chưa tốt nên chỉ được làm cầu thủ dự bị. Nhưng sau đó thì đội nào cũng muốn gấu đá cho đội mình. Vì sao vậy? Chúng ta cùng đọc bài *Cầu thủ dự bị* để biết.)

+ GV đọc mẫu toàn bài. Chú ý phân biệt giọng người kể chuyện và giọng các nhân vật (giọng khỉ nhẹ nhàng, tình cảm; giọng gấu lúc đầu buồn nhưng vui vẻ, hóm hỉnh về cuối). Nhấn giọng ở một số tiểu từ tình thái thể hiện cảm xúc: (*gấu*) *à, nhé, (giỏi) quá, đi, nhỉ* hoặc một số từ ngữ gợi tả *chạy thật nhanh, đá bóng ra xa, chạy đi nhặt, đá vào gôn, đá đi đá lại,...* HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với các em như *luyện tập, ngạc nhiên, hiệp,...*

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ mới trong VB (như phần giải thích từ ngữ bài đọc trong SHS). GV mời một số HS đọc to phần giải thích trong SHS.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Một hôm,/ đến sân bóng/ thấy gấu đang luyện tập,/ các bạn ngạc nhiên/ nhìn gấu/ rồi nói:/,...*)

– Luyện đọc theo nhóm:

+ GV chia VB làm 4 đoạn và hướng dẫn HS nhận diện các đoạn. (Đoạn 1: từ đầu đến *muốn nhận cậu*; Đoạn 2: tiếp theo đến *chờ lâu*; Đoạn 3: tiếp theo đến *càng giỏi hơn*; Đoạn 4: phần còn lại.)

+ GV mời 4 HS đọc nối tiếp bài đọc (mỗi HS đọc một đoạn) trước lớp.

+ HS thực hành đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm. HS trong nhóm góp ý cho nhau. GV giúp đỡ những HS còn có khó khăn.

### 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS đọc thầm từng đoạn hoặc cả bài để trả lời các câu hỏi. GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc nhóm. Đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp cùng thảo luận và thống nhất đáp án đúng.

**Câu 1.** *Câu chuyện kể về ai?*

– Một HS đọc to câu hỏi, các HS khác đọc thầm theo.

– Từng HS suy nghĩ để trả lời.

– GV yêu cầu 2 – 3 HS trả lời. GV và HS thống nhất câu trả lời. (Câu chuyện này kể về gấu con và các bạn của gấu con.)

**Câu 2.** *Vì sao lúc đầu chưa đội nào muốn nhận gấu con?*

– Một HS đọc to câu hỏi, các HS khác đọc thầm theo.

– GV nhắc HS xem đoạn 1 để tìm câu trả lời. Các nhóm làm việc.

– GV yêu cầu đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu trả lời. (Lúc đầu, chưa đội nào muốn nhận gấu con vì gấu con có vẻ chậm chạp và đá bóng không tốt.)

**Câu 3.** *Là cầu thủ dự bị, gấu con đã làm gì?*

– Một HS đọc to câu hỏi, các HS khác đọc thầm theo.

– GV nhắc HS xem đoạn 2 để tìm câu trả lời. Các nhóm làm việc.

– GV yêu cầu đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu trả lời. (Là cầu thủ dự bị, gấu con đã đi nhặt bóng cho các bạn. Gấu cố gắng chạy nhanh để các bạn không phải chờ lâu.)

**Câu 4.** *Vì sao cuối cùng cả hai đội đều muốn gấu con về đội của mình?*

– Một HS đọc to câu hỏi, các HS khác đọc thầm theo.

– GV nhắc HS xem đoạn 3 – 4 để tìm câu trả lời. Các nhóm làm việc.

– GV yêu cầu đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu trả lời. (Vì gấu đá bóng giỏi sau khi đã chăm chỉ luyện tập.)

– GV có thể hỏi thêm 1 – 2 câu hỏi liên hệ, khai thác bài học về đức tính kiên trì của gấu con, chẳng hạn: Gấu con có đức tính gì đáng học tập? Em thích điểm gì ở gấu con?...)

– GV nói với HS: Qua câu chuyện này, các em đã biết nhờ kiên trì luyện tập, bạn gấu con đã đá bóng giỏi và trở thành cầu thủ chính thức, được các bạn khâm phục. Đây chính là ý nghĩa của câu chuyện này, là bài học về đức tính kiên trì.

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS tự luyện đọc bài đọc.

– GV đọc mẫu toàn VB một lần.

– 1 – 2 HS đọc to toàn bài đọc trước lớp.

– Từng HS tự luyện đọc toàn bài đọc.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Câu nào trong bài là lời khen?*

– Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, xem lại đoạn 4 để tìm lời khen trong bài.

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả của nhóm. GV và HS thống nhất đáp án. (*Cậu giỏi quá!*)

**Câu 2.** *Nếu là bạn của gấu con trong câu chuyện trên, em sẽ nói lời chúc mừng gấu con như thế nào? Đoán xem, gấu con sẽ trả lời em ra sao.*

– Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– Cả lớp:

+ GV mời 2 HS đóng vai gấu con và khỉ (khỉ chúc mừng gấu con, gấu con đáp lời khỉ). GV có thể chuẩn bị sẵn 2 mặt nạ gấu và khỉ để HS đóng vai. GV và cả lớp góp ý.

VD: Khỉ: – Chúc mừng bạn đã trở thành cầu thủ chính thức.

Gấu: – Cảm ơn bạn.

– Cặp/ nhóm:

+ HS thay nhau đóng vai gấu và khỉ để luyện tập nói lời chúc mừng và đáp lời chúc mừng gấu con trở thành cầu thủ chính thức.

+ GV có thể hướng dẫn HS mở rộng sang nói lời chúc mừng sinh nhật bạn.

– Sau hoạt động nhóm, GV có thể mời 2 – 3 HS nói lời chúc mừng trước lớp. GV và HS cùng nhận xét và thống nhất cách chúc mừng bạn.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu (viết một đoạn bài *Cầu thủ dự bị*).

– GV trình chiếu đoạn chính tả cần viết (dùng máy chiếu hoặc dùng giấy khổ to đã viết sẵn đoạn chính tả).

– GV đọc đoạn nghe – viết (chú ý đọc đúng các tiếng HS dễ viết sai như *luyện tập, gôn, rủ*). HS nghe và quan sát đoạn viết trên màn hình.

– GV yêu cầu 1 – 2 HS đọc lại đoạn nghe – viết.

– GV hướng dẫn HS một số vấn đề chính tả trong đoạn nghe – viết:

+ Quan sát vị trí những dấu câu có trong bài sẽ viết: dấu phẩy (5 lần), dấu chấm (3 lần), và dấu ba chấm (một lần).

+ Viết chữ viết hoa chữ cái đầu câu (*H*) và tên bài (*C*).

– HS viết nháp những từ ngữ dễ viết sai.

– HS nghe và viết chính tả:

+ GV đọc tên bài và từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (*Hằng ngày,/ gấu đến sân bóng/ từ sớm/ để luyện tập,…*) Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.

+ Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.

+ HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.

+ GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

## 2. Tìm những tên riêng được viết đúng chính tả.

– Một HS đọc to yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm bài tập. Trước khi làm bài tập, GV giải thích cho HS tên riêng của người phải viết hoa. HS thảo luận trong nhóm để chọn ra đáp án đúng. Viết đáp án của nhóm ra giấy nháp.

GV mời 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trên bảng lớp. GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (*Hồng, Hùng, Phương, Giang*)

HS viết các tên riêng đó vào vở.

– HS tự chữa bài của mình (nếu sai).

## 3. Sắp xếp tên của các bạn học sinh theo thứ tự trong bảng chữ cái.

Một HS đọc to yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

GV hướng dẫn HS ôn luyện lại bảng chữ cái.

GV giải thích tên người đầy đủ gồm họ (*Nguyễn*), tên đệm (*Ngọc*), tên gọi (*Anh*). Các chữ cái đầu tiên trong tên đều phải viết hoa. Khi xếp theo thứ tự thì xếp theo tên gọi.

– HS làm việc nhóm, viết kết quả vào phiếu nhóm.

Các nhóm báo cáo kết quả. GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (*Nguyễn Ngọc Anh, Hoàng Văn Cường, Phạm Hồng Đào, Lê Gia Huy, Nguyễn Mạnh Vũ.*)

### 4. Viết vào vở họ và tên của em và hai bạn trong tổ.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS làm bài tập.

– Từng HS viết tên của mình và hai bạn trong tổ.

HS đổi vở cho nhau để kiểm tra và chỉnh sửa nếu có lỗi.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Nói tên các dụng cụ thể thao.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS làm việc nhóm: HS quan sát các hình và thảo luận về tên của các dụng cụ thể thao trong từng hình.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời. GV và HS thống nhất đáp án. (Hình 1. *vợt bóng bàn, quả bóng bàn*; Hình 2. *vợt cầu lông, quả cầu lông*; Hình 3: *quả bóng đá*)

Sau khi đã hoàn thành bài tập, GV có thể cho HS chia sẻ trải nghiệm hoặc suy nghĩ của các em về ba môn thể thao có các dụng cụ thể thao nói trên (môn bóng bàn, môn cầu lông, môn bóng đá). Đây là phần mở rộng, GV có thể linh hoạt, tuỳ thuộc vào trình độ của HS và thời gian của tiết học.

### 2. Dựa vào tranh và gợi ý dưới tranh, nói tên các trò chơi dân gian.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: HS cùng nhau quan sát các bức tranh, dựa vào gợi ý dưới tranh để nói tên các trò chơi dân gian trong từng bức tranh.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời. GV và HS thống nhất đáp án. (Tranh 1: Bịt mắt bắt dê; tranh 2: Chi chi chành chành; tranh 3: Nu na nu nống; tranh 4: Dung dăng dung dẻ)

Nếu còn thời gian, GV có thể hỏi HS xem các em có biết chơi các trò chơi đó không? Chơi như thế nào? Chơi với ai? Chơi ở đâu? Em thích trò chơi nào nhất? Vì sao?

### 3. Đặt câu về hoạt động trong mỗi tranh.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS quan sát tranh và nói tên của các hoạt động được miêu tả trong tranh. (Tranh 1: chơi bóng bàn; tranh 2: chơi cầu lông; tranh 3: chơi bóng rổ)

– GV hướng dẫn HS đặt câu theo mẫu:

+ GV yêu cầu HS quan sát tranh 1 và đọc câu mẫu *Hai bạn đang chơi bóng bàn.*

+ GV giải thích với HS là câu mẫu nói về hoạt động.

HS làm việc nhóm đôi để đặt câu cho tranh 2 (Hai bạn đang chơi cầu lông.), tranh 3 (Các bạn đang chơi bóng rổ.).

– GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung. GV tổng kết, đánh giá.

## TIẾT 5 – 6

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Nói về một hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.**

– Một HS đọc to yêu cầu của bài tập. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: quan sát tranh và thảo luận theo các câu hỏi gợi trong SHS.

+ *Hoạt động các bạn tham gia là gì*? (đá cầu, nhảy dây, kéo co, quan sát và cổ vũ).

+ *Hoạt động đó cần mấy người*? (nhảy dây: 3 người, đá cầu: 2 người, kéo co: 8 người, quan sát và cổ vũ: 5 người).

+ *Dụng cụ để thực hiện hoạt động là gì*? (dây để nhảy dây, quả cầu để đá cầu, dây để kéo co).

+ *Em đoán xem các bạn cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó*. (vui, khoẻ, hào hứng, thích thú,…)

– GV yêu cầu 2 – 3 HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác có thể bổ sung hoặc trao đổi thêm.

**2. Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc một trò chơi em đã tham gia ở trường.**

– GV đọc yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS làm việc cả lớp: kể về một hoạt động thể thao hoặc trò chơi em đã tham gia ở trường theo các câu hỏi gợi ý trong SHS.

– 2 – 3 HS kể trước lớp về một hoạt động em đã tham gia.

– Dựa vào kết quả trao đổi, GV hướng dẫn HS viết vào vở. GV quan sát và giúp đỡ HS gặp khó khăn.

– GV mời 2 – 3 HS đọc lại phần viết của mình. Cả lớp nhận xét.

– HS đổi vở cho nhau để đọc và góp ý bài cho nhau.

– GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

### ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc một bài viết về hoạt động thể thao.**

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện về thể thao. Ở nơi HS không có điều kiện tìm sách, GV có thể chuẩn bị một số bài thơ hoặc câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp. GV cũng có thể tổ chức hoạt động Đọc mở rộng ở thư viện của trường.)

## 2. Kể cho các bạn nghe điều thú vị em đọc được.

– HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 3, nhóm 4. Các em trao đổi với nhau về những nội dung sau: Nhan đề của bài viết về hoạt động thể thao các em đã đọc? Điều thú vị nhất trong bài viết về hoạt động thể thao đã đọc? Vì sao em coi điều đó là thú vị nhất?

– Một số (2 – 3) HS kể trước lớp về một điều thú vị em đọc được trong bài viết về hoạt động thể thao đã đọc. Các HS khác có thể nhận xét hoặc đặt câu hỏi.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ một số ý tưởng thú vị. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài 8, các em đã:

+ Hiểu về giá trị của sự kiên trì luyện tập qua câu chuyện *Cầu thủ dự bị*.

+ Nghe – viết bài chính tả và làm bài tập chính tả viết hoa tên người.

+ Mở rộng vốn từ chỉ dụng cụ thể thao, tên gọi một số trò chơi dân gian, biết cách đặt câu nêu hoạt động, biết viết đoạn văn kể về một hoạt động hoặc trò chơi đã tham gia.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# ĐI HỌC VUI SAO

## TUẦN 5

## Bài 9 CÔ GIÁO LỚP EM (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng các từ dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương; biết cách đọc bài thơ *Cô giáo lớp em* với giọng nhẹ nhàng, trìu mến.

   b. Nhận biết được các từ gợi tả, gợi cảm trong bài thơ. Hiểu nội dung bài thơ là những suy nghĩ, tình cảm của một HS đối với cô giáo của mình.

2. Biết viết chữ viết hoa *D* cỡ vừa và nhỏ, viết câu ứng dụng *Dung dăng dung dẻ/ Dắt trẻ đi chơi.*

3. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện *Cậu bé ham học*; kể lại được 1 – 2 đoạn câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện).

4. a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (biết liên tưởng, tưởng tượng để cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh cô giáo trong bài thơ).

   b. Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, kính trọng đối với thầy cô giáo; cảm nhận được niềm vui đến trường; có khả năng làm việc nhóm.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

Cách đọc hiểu thể thơ 5 chữ (thể thơ, ngắt nhịp, vần,...). Cảm nhận được nghệ thuật gợi tả, gợi cảm trong bài thơ.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ bài đọc, tranh minh hoạ phần Kể chuyện trên giấy khổ lớn (hoặc màn hình chiếu).

– Mẫu chữ viết hoa *D*, vở *Tập viết 2 tập một*.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Cầu thủ dự bị*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– Cả lớp: GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

+ GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh. (VD: Tranh vẽ cô giáo đang hướng dẫn các bạn học bài, cô giáo tươi cười, dịu dàng, trong khung cảnh nắng đang tràn vào lớp qua khung cửa sổ.)

+ GV cho HS nêu tên một số bài thơ hoặc bài hát về thầy cô.

+ GV và HS chọn một bài thơ hoặc một bài hát được nhiều bạn trong lớp biết.

+ 1 – 2 bạn HS đọc bài thơ, hoặc cả lớp hát bài hát đã được chọn.

– GV giới thiệu về bài đọc. (Bài thơ nói về suy nghĩ, tình cảm của một HS đối với cô giáo của mình – một cô giáo nhiệt huyết, say mê với nghề giáo; dịu dàng, tận tuỵ với các em học sinh.)

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng theo nhịp 2/3 hoặc 3/2 của bài thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ, HS đọc thầm theo.

+ GV nêu một số từ khó phát âm do ảnh hưởng của phát âm địa phương để HS đọc: *nào, lớp, lời, nắng, viết, vào, vở,...*

+ GV mời 3 HS đọc nối tiếp bài thơ (HS1 đọc khổ thơ đầu, HS2 đọc khổ thơ 2, HS3 đọc khổ thơ 3) để HS biết cách luyện đọc theo nhóm.

– Luyện đọc theo nhóm: Từng nhóm 3 HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ trong nhóm (như 3 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.

– Đọc cá nhân: Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài thơ.

– GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

#### 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Cô giáo đáp lại lời chào của học sinh như thế nào?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu câu hỏi, nhắc HS đọc thầm khổ 1 của bài thơ để tìm câu trả lời. (2 – 3 HS trả lời câu hỏi.)

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Cô giáo đáp lại lời chào của các bạn nhỏ bằng cách mỉm cười thật tươi.)

**Câu 2.** *Tìm những câu thơ tả cảnh vật khi cô dạy học.*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng em tự đọc thầm lại bài thơ và trả lời câu hỏi.

+ Trao đổi nhóm thống nhất đáp án.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Gió đưa thoảng hương nhài; Nắng ghé vào cửa lớp; Xem chúng em học bài.)

**Câu 3.** *Bạn nhỏ đã kể những gì về cô giáo của mình?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng em tự trả lời câu hỏi.

+ Trao đổi nhóm, bổ sung cho nhau để có câu trả lời hoàn chỉnh.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Cô đến lớp rất sớm, cô vui vẻ, dịu dàng (cô mỉm cười thật tươi để đáp lời chào của học sinh), cô dạy các em tập viết, cô giảng bài.)

**Câu 4.** *Qua bài thơ, em thấy tình cảm bạn nhỏ dành cho cô giáo thế nào?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ Từng HS tự đọc thầm lại bài thơ và trả lời câu hỏi.

+ GV có thể gợi ý HS chú ý những chi tiết (Lời cô giáo ấm trang vở, bạn HS yêu thương ngắm điểm 10 cô cho) và hướng dẫn HS gọi tên tình cảm của bạn HS dành cho cô giáo: yêu quý, yêu thương.

– GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

* *Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.*

HS học thuộc lòng theo cách đã hướng dẫn.

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Nói câu thể hiện sự ngạc nhiên của em khi:*

a. *Lần đầu được nghe một bạn hát rất hay*

– GV hướng dẫn chung về lời nói thể hiện sự ngạc nhiên:

+ Các câu thể hiện sự ngạc nhiên thường bắt đầu bằng: A!; Ôi!; Chao ôi!,...

+ Câu thể hiện sự ngạc nhiên cần thể hiện được cảm xúc của người nói.

– GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu a. GV có thể gợi ý:

+ Cảm xúc của em khi lần đầu nghe bạn hát rất hay là gì? Em chọn từ ngữ nào để thể hiện cảm xúc đó? (VD: bất ngờ, không ngờ, ngạc nhiên, thích, thú vị,...)

+ Em lựa chọn từ ngữ nào để nhận xét việc bạn hát rất hay? (VD: hay tuyệt, tuyệt vời, như ca sĩ,...)

– Cặp/ nhóm:

+ HS luân phiên nhau nói trong nhóm.

+ Các HS khác nhận xét, góp ý.

+ HS có thể đóng vai trong nhóm để tạo ngữ cảnh thực tế: một HS hát, các HS khác nói lời ngạc nhiên.

+ GV động viên HS đưa ra các cách nói lời ngạc nhiên khác nhau. (VD: Ôi! Bất ngờ quá, sao bạn hát hay thế!, Ôi chao, mình không ngờ bạn có thể hát hay đến thế!,...)

b. *Được bố mẹ tặng một món quà bất ngờ*

– GV có thể gợi ý:

+ Em có cảm xúc gì khi được bố mẹ tặng một món quà bất ngờ? Em chọn từ ngữ nào để thể hiện cảm xúc đó? (VD: bất ngờ, vui, thích, sung sướng,...)

+ Em hãy tưởng tượng đó là món quà gì. Hãy tìm một từ ngữ khen món quà đó. (VD: chiếc ba lô rất đẹp, bộ đồ chơi rất hấp dẫn,...)

+ Khi được tặng quà, em nên nói gì? (VD: Con cảm ơn mẹ ạ.)

– Cặp/ nhóm:

+ HS có thể đóng vai trong nhóm: một HS đóng vai bố mẹ tặng quà cho con, một HS nói câu thể hiện sự ngạc nhiên. (VD: Ôi! Bất ngờ quá, đúng đồ chơi con thích. Con cảm ơn bố ạ; A! Cái áo đẹp quá đi mất, con thích vô cùng. Con cảm ơn mẹ ạ;...)

– Nếu còn thời gian, GV có thể khuyến khích các nhóm mở rộng yêu cầu nói câu thể hiện sự ngạc nhiên của em khi:

+ Được bà tặng một cái khăn bà đan.

+ Được bạn tặng một quyển sách.

**Câu 2.** *Nói câu thể hiện tình cảm của em với thầy cô giáo của mình.*

– Cả lớp: Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: có thể chia nhỏ yêu cầu: 1. Em có tình cảm như thế nào với thầy cô giáo (hoặc với một thầy giáo/ cô giáo cụ thể)? 2. Em nói một câu thể hiện tình cảm đó.

– 1 – 2 HS nói trước lớp. (VD: Em rất yêu quý thầy/ cô giáo; Em nhớ thầy giáo cũ của em;...)

– Cặp/ nhóm:

+ Từng em trong nhóm nói câu thể hiện tình cảm với thầy cô.

+ HS trong nhóm/ cặp góp ý cho nhau.

– GV khen ngợi HS có cách nói hay và tự tin khi thể hiện.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *D* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát chữ mẫu viết hoa *D* (độ cao 5 li, độ rộng 4 li, gồm 2 nét cơ bản: nét lượn hai đầu (dọc) và nét cong phải nối liền nhau, tạo một vòng xoắn nhỏ ở chân chữ) và quy trình viết chữ viết hoa *D*.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *D* trên màn hình, nếu có).

+ GV viết mẫu:

• Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ ngang 6, viết nét lượn hai đầu theo chiều dọc rồi kéo thẳng xuống bên dưới đường kẻ ngang 2, nằm sát bên trên đường kẻ ngang 1.

• Nét 2: Chuyển hướng viết nét cong phải từ dưới đi lên, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, phần cuối nét cong lượn hẳn vào trong. Dừng bút trên đường kẻ ngang 5.

– HS tập viết chữ viết hoa *D* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *D* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: *Dung dăng dung dẻ*
*Dắt trẻ đi chơi.*

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn HS:

+ Viết chữ viết hoa *D* đầu câu.

+ Cách nối chữ hoa và chữ thường: Nét 1 của chữ *u* cách nét cong phải của chữ cái hoa *D* nửa ô li.

+ Độ cao của các chữ cái: chữ cái hoa *D*, *h*, *g* cao 2,5 li (chữ *g* 1,5 li dưới đường kẻ ngang); chữ cái *d*, *đ* cao 2 li; chữ cái *t* cao 1,5 li; chữ cái *r* cao 1,25 li; các chữ còn lại cao 1 li.

+ Cách đặt dấu thanh ở các chữ cái: dấu hỏi đặt trên chữ cái *e*, dấu sắc đặt trên chữ cái *ă*.

+ Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng 1 chữ *o*.

+ Vị trí đặt dấu chấm cuối câu: ngay sau chữ cái *i* của tiếng *chơi*.

– Học sinh viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

### 1. Nghe kể chuyện.

– GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh, dựa vào nhan đề (tên truyện) và câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh để trả lời câu hỏi: Mỗi bức tranh vẽ gì?

– Một số em phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV giới thiệu câu chuyện: Câu chuyện kể về cậu bé có tên là Vũ Duệ. Vì nhà nghèo nên Vũ Duệ không được đến trường, cậu thường cõng em đứng ở ngoài lớp học của thầy để nghe thầy giảng. Các em hãy lắng nghe câu chuyện để biết cậu bé Vũ Duệ đã được thầy giáo nhận vào lớp học của mình như thế nào nhé.

– GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.

– GV kể câu chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại để hỏi sự việc tiếp theo là gì để cho HS tập kể theo/ kể cùng GV, khích lệ các em nhớ chi tiết của câu chuyện.

– GV nêu các câu hỏi dưới mỗi tranh và mời một số em trả lời câu hỏi.

CẬU BÉ HAM HỌC

(1) Vũ Duệ đỗ Trạng nguyên ở triều đại nhà Lê. Ông là người nổi tiếng thông minh, có khí phách, được vua Lê tin dùng, các quan trong triều ai cũng kính nể.

(2) Thuở nhỏ, vì nhà nghèo, Vũ Duệ không được đi học, phải ở nhà trông em, lo cơm nước cho bố mẹ đi làm ngoài đồng. Ngày nào cũng vậy, mỗi buổi sáng, khi thầy đồ trong làng bắt đầu dạy học, Vũ Duệ lại cõng em đứng ở ngoài hiên, chăm chú nghe thầy giảng bài.

(3) Thầy đồ thấy Vũ Duệ ham học, trong lòng quý mến, muốn thử tài cậu bé. Thầy đặt một câu hỏi "hóc búa" cho cả lớp, không ai trả lời được. Thầy nhìn ra ngoài cửa lớp, bắt gặp ánh mắt sáng ngời của cậu bé đang nhìn mình, ý chừng muốn trả lời câu hỏi thay cho các bạn trong lớp. Thầy đồ bèn hỏi:

– Liệu con có trả lời được câu hỏi của ta không?

Cậu bé thưa:

– Dạ, thưa thầy con xin trả lời ạ!

Được thầy cho phép, Vũ Duệ trả lời câu hỏi trôi chảy, mạch lạc, đâu ra đấy. Thầy đồ gật đầu tán thưởng. Cả lớp thán phục. Thầy bước ra cửa lớp, xoa đầu Vũ Duệ, khen ngợi.

(4) Ngay sau buổi học đó, thầy đồ đến tận nhà cậu bé, khuyên cha mẹ cậu cho cậu đi học. Thế là Vũ Duệ được đi học, chính thức bên thầy bên bạn. Chỉ vài tháng sau, Vũ Duệ đã là trò giỏi nhất lớp.

(Theo *Kể chuyện thần đồng Việt Nam*, NXB Văn học)

**2. Chọn kể lại 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.**

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh, đọc câu hỏi dưới tranh, nhớ lại nội dung câu chuyện; chọn 1 – 2 đoạn nhớ nhất hoặc thích nhất để tập kể, không phải kể đúng từng câu từng chữ mà GV đã kể.

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (một em kể, một em lắng nghe để góp ý sau đó đổi vai người kể, người nghe).

*Lưu ý*: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc em nhớ nhất. Khích lệ những em kể được nhiều hơn 2 đoạn.

– GV mời 2 HS xung phong kể trước lớp (mỗi em kể 2 đoạn – kể nối tiếp đến hết câu chuyện). Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.

## VẬN DỤNG

**Kể cho người thân về cậu bé Vũ Duệ trong câu chuyện *Cậu bé ham học.***

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– Các em có thể kể cho người thân nghe câu chuyện về cậu bé Vũ Duệ, (hoặc kể 1 – 2 đoạn em thích nhất trong câu chuyện).

– Có thể nêu nhận xét của em về bạn HS trong câu chuyện (VD: Vũ Duệ là một HS rất ham học, chăm chỉ,...).

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

Sau bài học *Cô giáo lớp em*, các em đã:

+ Đọc – hiểu bài *Cô giáo lớp em.*

+ Viết đúng chữ viết hoa *D*, câu ứng dụng *Dung dăng dung dẻ/ Dắt trẻ đi chơi.*

+ Nghe – kể được câu chuyện *Cậu bé ham học.*

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

# Bài 10 THỜI KHOÁ BIỂU (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng danh sách học sinh, biết cách đọc các cột theo cột dọc, hàng ngang từ trái qua phải; biết nghỉ hơi sau khi đọc xong từng cột, từng dòng.

   b. Hiểu nội dung thông tin trong từng cột, từng hàng và toàn bộ danh sách. Hiểu cách sắp xếp nội dung trong thời khoá biểu.
2. Nghe – viết đúng chính tả bài *Thời khoá biểu* (từ đầu đến *thứ – buổi – tiết– môn)*; trình bày đúng đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *ch/tr; v/d.*
3. Phát triển vốn từ ngữ chỉ sự vật (các đồ vật HS thường có hoặc thường thấy ở trường, lớp), từ ngữ chỉ hoạt động (hoạt động của học sinh ở trường), đặt được câu nêu hoạt động. Biết lập thời gian biểu theo mẫu.
4. Đọc bảng tin của nhà trường và biết chia sẻ với các bạn thông tin mà em đọc được.
5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc kể về các hoạt động trong ngày của em.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– GV nắm được đặc điểm VB thông tin và kĩ thuật lập thời khoá biểu, thời gian biểu.

– GV nắm được cách đọc VB dưới hình thức biểu bảng như thời khoá biểu, thời gian biểu.

– GV có kĩ năng hướng dẫn HS cách lập thời khoá biểu, thời gian biểu.

### 2. Phương tiện dạy học

– Phóng to thời khoá biểu của lớp (bảng phụ hoặc phương tiện hiện đại).

– Phiếu học tập (nếu có điều kiện) để HS tự điền nội dung trong thời gian biểu cá nhân.

– SHS; vở bài tập thực hành; vở chính tả (nếu HS sử dụng vở ô li để viết chính tả).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

– HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó. Cụ thể:

+ Kiểm tra đọc thành tiếng. HS có thể đọc thành tiếng đoạn theo yêu cầu của GV.

+ Kiểm tra đọc hiểu: Trả lời câu hỏi đọc hiểu; hiểu nghĩa của từ trong bài; hiểu nghĩa của câu thơ...

– GV có thể tổ chức nội dung ôn, kiểm tra bài cũ bằng nhiều hình thức linh hoạt phù hợp với đối tượng HS.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động khởi động (làm việc nhóm).

– GV hướng dẫn HS (nhóm 2) trao đổi: *Em đã làm thế nào để biết được các môn học trong ngày, trong tuần?*

– GV kết nối vào bài mới. VD: Để biết được các môn học trong tuần, các em cần xem thời khoá biểu của lớp. Chúng ta cũng cần biết cách đọc thời khoá biểu cũng như các bài đọc trình bày dưới hình thức biểu bảng và cũng cần ghi nhớ các thông tin trong biểu bảng. Qua bài đọc *Thời khoá biểu*, chúng ta sẽ có thêm các kĩ năng đó.

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: Bài đọc *Thời khoá biểu* giúp chúng ta biết cách đọc một loại VB gồm có các cột dọc, hàng ngang, chia thành nhiều ô và trong mỗi ô chứa một thông tin cần thiết.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Khi đọc, các em cần chú ý vừa đọc vừa quan sát, ghi nhớ nội dung trong thời khóa biểu cũng như các bài đọc có hình thức trình bày giống như bài đọc *Thời khoá biểu* trong SHS.

+ GV đọc mẫu toàn bài đọc.

+ GV hướng dẫn kĩ cách đọc thời khoá biểu (treo hoặc viết thời khoá biểu trên bảng lớp hoặc chiếu thời khoá biểu trên màn hình nếu có điều kiện. Chú ý, GV vừa đọc vừa lấy thước chỉ vào từng cột, từng hàng. GV đọc ngắt giọng ở từng nội dung, đọc chậm, rõ để HS dễ theo dõi: đọc theo cột dọc, hàng ngang theo đúng nội dung bài đọc).

– GV đọc bài. GV chú ý ngắt, nghỉ, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc. (GV ngắt nghỉ ở mỗi lần chuyển cột, dòng)

– HS đọc nối tiếp từng cột hoặc từng hàng (2 – 3 lần). (GV sử dụng linh hoạt hình thức tổ chức hoạt động. Có thể cho HS đọc nối tiếp trong nhóm hoặc đọc trước lớp.)

– GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ dễ nhầm lẫn tuỳ theo từng vùng phương ngữ.

– GV kết hợp hướng dẫn HS cách ngắt khi đọc bảng thời khoá biểu.

VD: *Thứ Hai,/ buổi sáng,/ tiết 1 –/ Tiếng Việt,/ tiết 2 –/ Toán....*

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ HS đọc trong nhóm.

+ GV chia đoạn (chia tương đối để thuận lợi cho HS luyện đọc).

Đoạn 1: Từ đầu đến *thứ – buổi – tiết – môn*;

Đoạn 2: toàn bộ nội dung buổi sáng trong thời khoá biểu;

Đoạn 3: toàn bộ nội dung buổi chiều trong thời khoá biểu.

– GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của một số môn học trong thời khoá biểu.

– HS đọc đoạn trong nhóm (nhóm 2). Một số (2 – 3) HS đọc trước lớp. HS và GV nhận xét.

– HS (1 – 2 HS) đọc thành tiếng cả VB.

– GV đọc lại toàn bài.

### 3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài đọc và trả lời các câu hỏi.

– HS làm việc nhóm (có thể yêu cầu một HS đọc to từng câu hỏi trong SHS), cùng nhau trao đổi và trả lời cho từng câu hỏi.

– GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. (GV có thể linh hoạt sử dụng các hình thức tổ chức hoạt động tìm hiểu bài.)

– GV và HS thống nhất câu trả lời:

1. *Đọc thời khoá biểu của ngày thứ Hai.* (Thứ Hai, buổi sáng, tiết 1: Hoạt động trải nghiệm; tiết 2: Toán; tiết 3, 4: Tiếng Việt; buổi chiều, tiết 1: Tiếng Anh, tiết 2: Tự học có hướng dẫn.)

2. *Sáng thứ Hai có mấy tiết?* (Sáng thứ Hai có 4 tiết.)

3. *Thứ Năm có những môn học nào?* (Thứ Năm có môn Tiếng Việt, Giáo dục thể chất, Toán, Tự nhiên và Xã hội, Tự học có hướng dẫn.)

4. *Nếu không có thời khoá biểu, em sẽ gặp khó khăn gì?* (Câu hỏi cho HS tự suy luận.)

– GV có thể có câu hỏi mở rộng (tuỳ đối tượng HS), VD: VB đã giúp em nhận ra lí do vì sao HS cần có thời khoá biểu? Hoặc cho HS phát biểu những suy nghĩ của các em sau khi đọc VB.

*Lưu ý:* GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi trong SHS. Tuỳ đối tượng HS, GV có thể chia nhỏ câu hỏi để dẫn dắt HS trả lời hoặc giảm độ khó hoặc mở rộng. GV có thể linh hoạt lựa chọn theo cách nào là tuỳ thuộc vào khả năng của HS.

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Dựa vào thời khoá biểu ở trên, hỏi – đáp theo mẫu.*

– HS đọc yêu cầu của bài tập:

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh và tìm tên sự vật trong mỗi bức tranh.

– HS (nhóm 2) làm việc nhóm. Hình thức hỏi – đáp. HS nói tự nhiên.

– HS đọc kết quả trước lớp/ nhóm.

– HS, GV nhận xét.

– GV chốt: GV quan sát HS trao đổi, lưu ý các em về cách hỏi đáp để các em dần nắm được quy tắc giao tiếp.

**Câu 2.** *Nói một câu giới thiệu môn học hoặc hoạt động ở trường mà em thích.*

– GV hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu của bài tập. Hướng dẫn HS cách nói câu giới thiệu.

– HS (nhóm 2) làm việc nhóm. HS nói tự nhiên các môn học hoặc hoạt động mình thích.

– HS đọc kết quả trước lớp/ nhóm.

– HS, GV nhận xét.

– GV qua quan sát HS trao đổi nắm bắt được sở thích của các em. Từ đó có định hướng, điều chỉnh cách dạy cho phù hợp. GV cũng có thể nói về cái hay của môn học mà HS chưa có đủ điều kiện khám phá.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Nghe – viết

– GV hướng dẫn HS phát hiện các hiện tượng chính tả.

+ GV đọc đoạn nghe – viết (lưu ý đọc đúng các tiếng HS dễ viết sai; HS nghe và quan sát đoạn viết trong SHS).

+ 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn nghe – viết.

+ GV hướng dẫn HS nhận biết các hiện tượng chính tả: Đoạn văn có những chữ nào viết hoa? (Những chữ đầu câu viết hoa.) Đoạn văn có chữ nào dễ viết sai? (HS có thể phát hiện các chữ dễ viết sai; GV chủ động đưa các chữ dễ viết sai nếu HS chưa phát hiện ra. VD: *trình tự, tiết,...*) Khi viết đoạn văn, cần viết như thế nào? (Cách trình bày đoạn văn: thụt đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu tiên.)

+ HS viết nháp một số chữ dễ viết sai, VD: *trình tự, tiết,...*

– HS nghe – viết:

+ GV đọc to, rõ ràng, tốc độ vừa phải (quan sát HS viết để xác định tốc độ), đúng chính âm; mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần.

– GV đọc soát lỗi chính tả. GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức soát lỗi chính tả. VD: HS đổi vở soát lỗi cho nhau. GV đọc soát lỗi.

– GV nhận xét bài viết của HS.

## 2. Dựa vào tranh, viết tên đồ vật có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.

– HS đọc yêu cầu của bài tập:

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh và tìm tên sự vật trong mỗi bức tranh.

– HS làm việc cá nhân. Viết vào vở tên các sự vật trong mỗi tranh.

– HS đọc kết quả trước lớp/ nhóm.

– HS, GV nhận xét.

– GV chốt: *cái kéo, thước kẻ, cặp sách*. GV lưu ý HS hiện tượng chính tả của các chữ c/ k.

## 3. Chọn a hoặc b.

a. *Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.*

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc theo cặp.

– HS đọc thành tiếng trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV thống nhất kết quả:

Mặt **tr**ời mọc rồi lặn
**Tr**ên đôi chân lon ton
Hai **ch**ân **tr**ời của con
Là mẹ và cô giáo.

*Lưu ý:* GV có thể lựa chọn cách tổ chức thực hiện hoạt động linh hoạt nhằm tạo hứng thú cho HS. VD, tổ chức dưới hình thức trò chơi.

b. *Chọn v hoặc d thay cho ô vuông.*

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc theo cặp.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV thống nhất kết quả:

*Có con chim **v**ành khuyên nhỏ*
***D**áng trông thật ngoan ngoãn quá*
*Gọi **d**ạ, bảo **v**âng lễ phép ngoan nhất nhà.*

*Lưu ý:* GV có thể lựa chọn cách tổ chức thực hiện hoạt động linh hoạt nhằm tạo hứng thú cho HS. VD: tổ chức dưới hình thức trò chơi.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ hoạt động.

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập (GV phân tích mẫu).

– HS làm việc theo cặp.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV thống nhất kết quả. VD: – Từ ngữ chỉ sự vật: bàn, ghế, cây, sách,...

– Từ ngữ chỉ hoạt động: tập thể dục, vẽ, trao đổi,...

*Lưu ý:* GV có thể lựa chọn cách tổ chức thực hiện hoạt động linh hoạt nhằm tạo hứng thú cho HS. VD, tổ chức dưới hình thức trò chơi.

### 2. Đặt một câu nêu hoạt động với từ ngữ vừa tìm được.

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc theo cặp.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV thống nhất kết quả. VD: Các bạn đọc sách./ Hai bạn đang đá cầu.

*Lưu ý:* GV có thể lựa chọn cách tổ chức thực hiện hoạt động linh hoạt nhằm tạo hứng thú cho HS. VD, tổ chức dưới hình thức trò chơi.

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

### 1. Quan sát tranh, kể lại các hoạt động của bạn Nam.

– HS đọc yêu cầu của bài tập: Kể lại các hoạt động của bạn Nam.

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh và kể lại.

– HS làm việc theo nhóm: một HS kể – HS khác nghe (HS đổi vai cho nhau).

– Từng nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

*Lưu ý:* GV có thể lựa chọn cách tổ chức thực hiện hoạt động linh hoạt nhằm tạo hứng thú cho HS. VD, tổ chức dưới hình thức trò chơi. HS nói tự nhiên. GV tổ chức HS kể (nói) tự nhiên, liên hệ với thực tế về thời gian biểu của HS.

**2. Viết thời gian biểu của em từ 5 giờ chiều (17:00) đến lúc đi ngủ.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập trong SHS.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập và phân tích mẫu giúp HS nắm được cách trình bày khi lập thời gian biểu.

– HS làm việc cá nhân: viết bài theo yêu cầu.

– HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV chốt và lưu ý HS khi lập thời gian biểu.

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Đọc bảng tin của nhà trường.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV chú ý HS cách đọc bảng tin.

– HS làm việc theo cặp, trao đổi về nội dung của bảng tin mà em biết.

– HS nói kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV lưu ý HS những điểm cần chú ý khi đọc bảng tin.

**2. Chia sẻ với bạn những thông tin mà em quan tâm.**

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập. GV chú ý HS cách trao đổi (nói) và thái độ khi trao đổi.

– HS làm việc theo cặp, trao đổi về những điều em đã thực hiện tốt và chưa tốt về các quy định ở nơi công cộng.

– HS nói kết quả trước lớp.

– HS, GV nhận xét.

– GV lưu ý HS những điểm cần chú ý khi trao đổi cho phù hợp với quy tắc giao tiếp.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

Sau bài học *Thời khoá biểu*, các em đã:

+ Đọc – hiểu VB *Thời khoá biểu.*

+ Nghe – viết đúng đoạn chính tả *Thời khoá biểu*; viết đúng *ch/ tr; v/ d*. Mở rộng vốn từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động. Tạo lập câu nêu hoạt động.

+ Viết được thời gian biểu.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

# TUẦN 6

## Bài 11 CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các từ dễ đọc sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, đọc rõ ràng một bài thơ 4 chữ, biết cách ngắt nhịp thơ.

   b. Hiểu và nắm được nội dung bài thơ *Cái trống trường em*; nhận biết được các sự việc trong bài thơ. Hiểu được tình cảm gắn bó, thân thiết của các bạn học sinh với trống trường.

2. Biết viết chữ viết hoa *Đ* cỡ vừa và cỡ nhỏ, viết câu ứng dụng *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*.

3. Nhận biết được các sự việc trong tranh minh hoạ phần *Nói và nghe*, dựa vào tranh và lời gợi ý để nói cảm nhận của bản thân về trường mình.

4. a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (hiểu được các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, cảm nhận được tình cảm của các nhân vật qua nghệ thuật nhân hoá trong bài thơ); phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc nói về tình cảm, thái độ và mong muốn của bản thân.

   b. Bồi dưỡng tình cảm thương yêu, gắn bó đối với trường học; cảm nhận được niềm vui đến trường; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

### I CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB thơ (thể thơ, ngắt nhịp trong dòng thơ, vần trong khổ thơ). Nắm được cách thể hiện đặc điểm nhân vật theo lối nhân hoá để bày tỏ tình cảm nhớ trường, nhớ lớp, nhớ bạn bè thân thiết của HS sau ba tháng nghỉ hè.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ phần khởi động, tranh minh hoạ bài đọc, tranh minh hoạ phần Nói và nghe (in trên giấy khổ lớn, hoặc chiếu trên màn hình chiếu).

– Mẫu chữ viết hoa Đ, vở *Tập viết 2 tập một*.

### I HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Thời khoá biểu*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– Cả lớp: GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu. VD: HS quan sát tranh minh hoạ các thời điểm có tiếng trống trường và làm việc theo cặp (hoặc nhóm) như sau:

+ Nói thời điểm em nghe thấy tiếng trống trường (đầu buổi học, khi hết giờ ra chơi, khi hết giờ học).

+ Vào từng thời điểm đó, tiếng trống trường báo hiệu điều gì? (HS cần vào lớp để tiếp tục học tập, HS tạm dừng việc học để ra chơi.)

+ Em cảm thấy thế nào khi nghe tiếng trống trường ở các thời điểm đó? (vui vẻ, tiếc nuối, vội vàng,...)

+ Ngoài các thời điểm có tiếng trống trường trong tranh minh hoạ, em còn nghe thấy tiếng trống trường vào lúc nào? (ngày khai trường)

– GV dẫn vào bài đọc. (Bài thơ thể hiện tình cảm gắn bó, thân thiết của các bạn học sinh với cái trống trường.)

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ Quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh. (VD: Tranh vẽ trống trường đang buồn bã vì trường vắng các bạn học sinh và tranh trống trường vui vẻ khi gặp lại các bạn học sinh.)

+ GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3 các câu trong VB, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ, HS đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể dễ đọc sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương (*liền, nằm, lặng im, năm học, nghỉ, ngẫm nghĩ, buồn, nghiêng, tưng bừng,...*)

+ GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB.

+ GV hướng dẫn HS một số cách đọc cụ thể:

• Đọc câu *Buồn không hả trống* với giọng thân mật, thiết tha; đọc câu *Nó mừng vui quá!* với giọng mừng rỡ, phấn khởi.

• Ngắt nhịp câu thơ *Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!* theo đúng nhịp trống.

+ GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài thơ để HS biết cách luyện đọc theo cặp (lần lượt mỗi HS đọc một khổ thơ, nối tiếp nhau).

– Luyện đọc theo cặp :

+ Từng cặp HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm (như 2 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Bạn học sinh kể gì về trống trường trong những ngày hè?*

– GV có thể tách thành các câu hỏi nhỏ để hướng dẫn HS trước khi làm việc nhóm: 1. Khổ thơ nào nói đến những ngày hè? 2. Bạn học sinh kể gì về trống trường trong những ngày hè đó?

– HS làm việc nhóm:

+ Từng HS đọc thầm lại bài thơ để trả lời câu hỏi 1 (khổ thơ 1 và 2).

+ Từng HS tìm các chi tiết kể về trống trường trong khổ thơ 1 và 2.

+ Từng HS trong nhóm nêu ý kiến, các bạn góp ý, bổ sung để có đáp án hoàn chỉnh.

– Cả lớp:

+ Đại diện các nhóm nêu đáp án trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, khen tất cả các nhóm đã trao đổi tích cực để tìm được đáp án đầy đủ.

+ GV và HS thống nhất đáp án. (Cái trống cũng nghỉ, trống nằm ngẫm nghĩ, trống buồn vì vắng các bạn học sinh.)

**Câu 2.** *Tiếng trống trường trong khổ thơ cuối báo hiệu điều gì?*

– HS làm việc nhóm:

+ HS đọc lại khổ cuối để tìm ý trả lời.

+ Trao đổi trong nhóm và góp ý cho nhau.

– Cả lớp:

+ Đại diện 2 – 3 nhóm nêu câu trả lời. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Tiếng trống báo hiệu một năm học mới bắt đầu)

– GV có thể mở rộng câu hỏi: Tiếng trống báo hiệu một năm học mới bắt đầu mang lại cảm xúc gì? (*tưng bừng*)

**Câu 3.** *Khổ thơ nào cho thấy bạn HS trò chuyện với trống trường như với một người bạn?*

– GV lưu ý HS tìm từ ngữ xưng hô giữa bạn bè với nhau được xuất hiện trong khổ nào của bài thơ (từ *bọn mình*).

– HS làm việc nhóm:

+ Đọc thầm lại cả bài thơ.

+ Trao đổi về khổ thơ đúng yêu cầu của câu hỏi. GV và HS chốt đáp án. (khổ 2)

**Câu 4.** *Em thấy tình cảm của bạn học sinh với trống trường như thế nào?*

– HS làm việc nhóm:

+ Từng HS tìm các chi tiết trong bài thơ thể hiện tình cảm của bạn HS (cách xưng hô của bạn HS với trống, cách bạn HS coi trống như con người,...).

+ Từng HS gọi tên tình cảm của bạn HS trong bài thơ.

+ Các bạn trong nhóm nhận xét, góp ý.

– Cả lớp:

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Bạn HS rất gắn bó, thân thiết với trống, coi trống như một người bạn.)

## 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Chọn từ ngữ nói về trống trường như nói về con người.*

– HS làm việc nhóm: HS trao đổi trong nhóm, bổ sung cho nhau để có đáp án đúng và loại bỏ đáp án sai.

– Cả lớp:

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác bổ sung nếu cần thiết.

+ GV và HS thống nhất đáp án. (*ngẫm nghĩ, mừng vui, buồn*)

**Câu 2.** *Nói và đáp:*

a. *Lời tạm biệt của bạn học sinh với trống trường.*

– GV hướng dẫn cả lớp thực hiện yêu cầu: 1. HS luân phiên đóng vai để nói lời tạm biệt và đáp lời tạm biệt. 2. Làm phong phú lời tạm biệt bằng cách thêm các lời hứa hẹn về sự gặp mặt, hoặc dặn dò,... (VD: Chào trống nhé, chúng mình sẽ gặp nhau sớm thôi; Tạm biệt bạn trống, hết hè gặp lại nhé; Chào trống, nghỉ hè trống đừng buồn nhé;...)

– GV mời 1 – 2 HS đóng vai nói trước lớp.

– Cặp/ nhóm:

+ Luân phiên đóng vai nói và đáp lời tạm biệt.

+ Các bạn trong nhóm nhận xét, góp ý cho nhau.

+ GV bao quát lớp và hỗ trợ HS nếu có khó khăn.

– GV có thể mở rộng, hướng dẫn HS đóng vai trống nói lời đáp. (VD: Chào bạn, mình cũng mong sẽ sớm gặp lại nhau,...)

b. *Lời tạm biệt bạn bè khi bắt đầu nghỉ hè*

– GV hướng dẫn cả lớp thực hiện yêu cầu: luân phiên nói trong nhóm.

– Hoạt động cặp/ nhóm:

+ Luân phiên thực hành nói và đáp lời tạm biệt bạn bè.

+ Nhóm nhận xét, góp ý cho nhau.

– GV có thể mở rộng yêu cầu: Nói và đáp lời tạm biệt thầy cô khi tan học; Nói và đáp lời tạm biệt ông bà khi ông bà về quê;...

## TIẾT 3

## VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *Đ* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ viết hoa *Đ*: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ viết hoa *Đ*.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *Đ* trên màn hình, nếu có).

+ GV viết mẫu chữ viết hoa *Đ* theo cách giống như chữ viết hoa *D* có thêm nét lượn ngang ở đường kẻ ngang 3.

– HS tập viết chữ viết hoa *Đ* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *Đ* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.*

– GV giải thích nghĩa của câu tục ngữ *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn:* nghĩa là đi một ngày đường, học được rất nhiều kiến thức bổ ích. Câu tục ngữ khuyên chúng ta: đi nhiều, học nhiều, sẽ biết nhiều.

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn HS:

+ Viết chữ viết hoa *Đ* đầu câu.

+ Cách nối chữ hoa và chữ thường: Nét 1 của chữ *i* cách nét cong chữ cái hoa *Đ* là 1,2 li.

+ Độ cao của các chữ cái: chữ cái hoa *Đ*, chữ *g*, *h*, *k* cao 2,5 li (chữ *g* 1,5 li dưới đường kẻ ngang); chữ *đ* cao 2 li; chữ *s* cao 1,25 li; các chữ còn lại cao 1 li.

+ Cách đặt dấu thanh ở các chữ cái: dấu nặng đặt dưới các chữ cái *ô*, *o*, dấu huyền đặt trên chữ cái *a*.

+ Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng khoảng cách viết một chữ cái o.

+ Vị trí đặt dấu chấm cuối câu: ngay sau chữ cái *n* của tiếng *khôn*.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

### 1. Nói những điều em thích về trường của em.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm theo gợi ý trong SHS:

+ *Trường em tên là gì? Ở đâu?*

+ *Điều gì khiến em cảm thấy yêu thích, muốn đến trường hằng ngày?*

– GV gợi ý HS, điều em thích có thể là về địa điểm (sân trường, lớp học, vườn trường, thư viện, sân thi đấu thể thao,...), đồ vật (cái trống, cái chuông điện, bàn ghế, bảng, các dụng cụ thể dục thể thao,...), hoạt động ở trường (học tập, vui chơi, ăn trưa, văn nghệ, thể thao,...). HS có thể tuỳ chọn bất cứ điều gì các em cảm thấy thích, và có thể chọn bao nhiêu điều tuỳ thích. GV khuyến khích các em lựa chọn càng nhiều càng tốt, để gợi cho các em nói được nhiều điều mình thích ở trường học của mình.

– Đại diện 3 – 4 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác có thể tham gia hỏi – đáp nhóm trình bày để việc chia sẻ đạt hiệu quả cao hơn. (VD câu hỏi: Vì sao bạn thích những điều đó? Trong những điều đó, bạn thích điều nào nhất?...)

### 2. Em muốn trường mình có những thay đổi gì?

– HS trao đổi trong nhóm về những điều trong trường mà mình muốn thay đổi.

– GV động viên và khuyến khích HS chia sẻ những suy nghĩ của bản thân mình về bất cứ điều gì trong trường mà mình muốn thay đổi. (VD: Cầu thang rộng hơn, lớp học nhiều ánh sáng hơn, sân trường có nhiều cây hơn, bữa ăn trưa nhiều rau hơn,...)

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và HS nhận xét.

– GV lưu ý HS có thể phản biện các ý kiến của nhau, trong trường hợp cảm nhận của các em có sự khác biệt.

## VẬN DỤNG

### Nói với người thân những điều em muốn trường mình thay đổi.

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– HS có thể kể cho người thân về ngôi trường của mình.

– HS nêu ý kiến về những điều mình cảm thấy nên thay đổi và lí do mình muốn thay đổi.

– HS nêu mong muốn thay đổi điều đó như thế nào.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

– Sau bài học *Cái trống trường em*, các em đã:

+ Đọc hiểu bài thơ *Cái trống trường em.*

+ Viết đúng chữ hoa *Đ*, câu ứng dụng *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.*

+ Nói được điều em thích và điều em muốn thay đổi về trường học của em.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

# Bài 12 DANH SÁCH HỌC SINH (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

**1.** a. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng danh sách học sinh, biết cách đọc các cột theo hàng ngang từ trái qua phải; biết nghỉ hơi sau khi đọc xong từng cột, từng dòng.

b. Hiểu nội dung thông tin trong từng cột, từng hàng và toàn bộ danh sách. Hiểu cách sắp xếp danh sách học sinh theo bảng chữ cái.

**2.** a. Nghe – viết đúng chính tả bài *Cái trống trường em* (từ *Buồn không hả trống* đến *Tùng! Tùng! Tùng!*); trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ.

b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *c/k*; *s/x* (hoặc tiếng có *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã*).

**3.** a. Phát triển vốn từ chỉ sự vật (các đồ vật HS thường có hoặc thường thấy ở trường, lớp), đặt được câu nêu đặc điểm của đồ vật.

b. Biết lập danh sách học sinh theo mẫu.

**4.** Tìm đọc mở rộng được bài thơ, câu chuyện hoặc bài báo viết về thầy cô.

**5.** Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc kể, tả về đặc điểm của các sự vật quen thuộc, gần gũi ở xung quanh.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB thông tin (danh sách, bảng biểu có cột hàng dọc, hàng ngang, tiêu đề các cột).

– Cách đọc danh sách: đọc theo số thứ tự, đọc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.

### 2. Phương tiện dạy học

– Bản danh sách trong bài tập đọc được viết ra giấy khổ lớn/ viết trên bảng hoặc chiếu trên màn hình. Một số ví dụ về danh sách học sinh (danh sách theo tổ, danh sách tham gia văn nghệ, danh sách đăng kí tham gia câu lạc bộ,…) để HS đọc tham khảo.

– Phiếu học tập: có thể làm phiếu bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS ôn bài theo cặp hoặc nhóm: đọc thuộc lòng 2 khổ thơ trong bài *Cái trống trường em*.

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– HS quan sát một số bản danh sách GV đã chuẩn bị (VD: Danh sách học sinh đi tham quan, danh sách học sinh dự thi vẽ tranh,…), sau đó trả lời câu hỏi ở phần khởi động trong SGK.

– Nghe GV giới thiệu một số đặc điểm của các bản danh sách:

+ Tiêu đề (tên của bản danh sách, các cột dọc của bản danh sách gồm: Số thứ tự – Họ và tên –…, các hàng ngang.)

+ Họ và tên các HS trong bản danh sách được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái,…

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: Bài đọc nói về việc lập danh sách đọc truyện tự chọn (đọc mở rộng). HS được đăng kí truyện mình thích đọc. Trong bài đọc có bản danh sách đăng kí đọc truyện của một tổ. Khi đọc bài, các em quan sát kĩ bản danh sách và cách đọc bản danh sách.

+ GV đọc mẫu toàn bài đọc.

+ GV hướng dẫn kĩ cách đọc bản danh sách (treo hoặc viết bản danh sách trên bảng lớp hoặc chiếu bản danh sách trên màn hình). GV vừa đọc vừa lấy thước chỉ vào từng cột, từng hàng. GV đọc giọng chậm rãi để HS dễ theo dõi: đọc theo số thứ tự, đọc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; nghỉ hơi sau khi đọc xong từng cột, từng dòng).

VD: *Một (1) / Trần Trường An / Ngày khai trường.*

Hoặc: *Một (1) / Trần Trường An /* truyện *Ngày khai trường.*

+ GV (hoặc một HS) đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi phần của bài đọc. HS đọc thầm theo.

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ HS đọc nối tiếp bản danh sách: mỗi HS đọc nối tiếp từng hàng cho đến hết bản danh sách.

– Đọc cá nhân:

+ Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV có thể tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi theo cách sau đây:

**Câu 1.** *Trong bản danh sách, tổ 2 lớp 2C có bao nhiêu bạn?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu câu hỏi, nhắc HS nhìn vào bản danh sách để trả lời (2 – 3 HS trả lời câu hỏi).

+ GV nên hỏi thêm: Dựa vào đâu em biết tổ 2 có 8 bạn? (HS có thể trả lời nhiều cách như nhìn vào cột số thứ tự/ đếm tên HS/…; GV nhắc HS nhìn vào cột số thứ tự sẽ biết được số HS trong danh sách.)

**Câu 2.** *Bạn đứng ở vị trí số 6 đăng kí đọc truyện gì?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm thống nhất đáp án. (Bạn đứng ở vị trí số 6 – bạn Lê Thị Cúc, đăng kí đọc truyện *Ngày khai trường*).

+ HS trong nhóm có thể đặt thêm câu hỏi tương tự để đố nhau có câu trả lời nhanh nhất.

VD: Bạn đứng ở vị trí số 4/ 3/ 2/ 1… đăng kí đọc truyện gì?

**Câu 3.** *Những bạn nào đăng kí đọc cùng truyện với bạn ở vị trí số 6?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm thống nhất đáp án. (Các bạn cùng đọc truyện *Ngày khai trường*: Trần Trường An, Đỗ Duy Bắc).

+ Các nhóm trả lời nhanh có thể đặt thêm câu hỏi tương tự để đố nhau có câu trả lời nhanh nhất.

VD: Có mấy bạn đăng kí đọc truyện *Ngày khai trường*?/ Có mấy bạn đọc truyện *Ếch xanh đi học*?/ Có mấy bạn đọc truyện *Vì sao gà chẳng giỏi bơi*?/…

**Câu 4.** *Bản danh sách có tác dụng gì?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV khích lệ HS trả lời theo cách hiểu của các em. Nếu HS không nêu được ý kiến, GV có thể đưa ra các phương án để các em trao đổi và lựa chọn các công dụng của bản danh sách.

VD:

> Câu 4. Bản danh sách có tác dụng gì? (Khoanh vào chữ cái trước các ý em cho là đúng.)
>
> a. Nhìn vào danh sách, biết được số lượng học sinh.
>
> b. Theo bảng chữ cái, dễ tìm tên người trong danh sách.
>
> c. Biết được thông tin của từng người (ví dụ: tên truyện đăng kí đọc).
>
> d. Giúp học thuộc bảng chữ cái nhanh nhất.

– GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tên học sinh trong bản danh sách được sắp xếp thế nào?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV yêu cầu HS đọc thầm câu hỏi 1.

+ GV nêu câu hỏi 1, mời 1 – 2 HS trả lời, cả lớp lắng nghe và góp ý. (Tên HS trong bản danh sách được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt.)

**Câu 2.** *Học thuộc bảng chữ cái tiếng Việt.*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ Từng em nhẩm đọc bảng chữ cái, sau đó thi đọc theo cặp: mỗi bạn đọc một lượt và góp ý cho nhau.

+ Mời 2 – 3 HS đọc thuộc bảng chữ cái trước lớp.

– GV nhận xét tiết học.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết bài *Cái trống trường em* (từ *Buổn không hả trống* đến *Tùng! Tùng! Tùng!*).

– GV đọc một lần đoạn thơ sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV hướng dẫn HS xác định đoạn thơ trong SHS; mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn thơ trước lớp.

– GV hướng dẫn HS:

+ Quan sát những dấu câu có trong đoạn thơ sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn thơ trên màn hình), giúp các em biết nêu tên các dấu câu: dấu chấm hỏi, dấu chấm than (5 lần xuất hiện) và dấu hai chấm.

+ Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi dòng thơ, viết hoa các chữ sau dấu chấm than.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

VD: *im lặng, trên giá, trống, đi vắng, mừng vui,…*

– GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn thơ cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

**2. Dựa vào tranh, viết từ ngữ có tiếng bắt đầu *g* hoặc *gh*.**

– HS làm việc cá nhân, tìm và viết vào vở tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh* phù hợp với sự vật được vẽ trong tranh.

– Cả lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV. (ghế/ bàn ghế; ghim/ cái ghim; gà/ gà mẹ, gà con/ đàn gà;…)

**3. Chọn a hoặc b.**

a. *Chọn s hoặc x thay cho ô vuông rồi giải câu đố.*

GV hướng dẫn HS làm bài theo cặp: chọn s hoặc x thay cho ô vuông ở đoạn thơ, viết từ đã hoàn thành vào phiếu học tập/ vào vở. Đáp án: xanh – xanh – sáng – sông – suối.

b. *Chọn dấu hỏi hoặc dấu ngã cho chữ in đậm.*

GV hướng dẫn cách làm tương tự như trên. Đáp án: của, những, cửa, mở, mỗi.

GV nhận xét tiết học, khen các HS có nhiều cố gắng.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

**1. Giải câu đố để tìm từ ngữ chỉ sự vật.**

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, giải các câu đố a, b, c để tìm từ ngữ chỉ đồ vật.

– HS cùng nhau đọc câu đố, trao đổi để đoán tên đồ vật:

+ Câu đố a: chiếc đồng hồ.

+ Câu đố b: cái bút chì.

+ Câu đố c: cục tẩy (gôm).

– GV chốt lại: tên các đồ vật các em tìm được là đồng hồ, bút chì, tẩy/ gôm. Đó là các từ chỉ đồ vật.

– GV có thể đưa thêm 1 – 2 câu đố về đồ vật khác.

**2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong các câu đố trên.**

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm.

+ Đọc yêu cầu của bài tập 2 (đọc cả yêu cầu và mẫu).

+ Tìm các từ ngữ chỉ đặc điểm trong các câu đố ở bài tập 1.

– Đại diện một số nhóm phát biểu kết quả làm việc của nhóm

– GV và HS thống nhất đáp án và tổ chức chữa bài trước lớp. (Các từ ngữ chỉ đặc điểm tìm được: a. *chậm, khoan thai, dài, nhanh*; b. *dài*; c. *nhỏ, dẻo.*)

**3. Đặt một câu nêu đặc điểm của đồ vật ở trường, lớp.**

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập theo mẫu:

*M: Thân trống nâu bóng.*

– HS suy nghĩ, mỗi em tự đặt một câu.

– GV mời một số HS phát biểu, VD:

+ Chiếc cặp mới tinh.

+ Bút chì rất nhọn.

...

– GV tổ chức cho HS đọc câu của mình đã đặt theo nhóm, cả nhóm góp ý.

– Đại diện một số nhóm nói câu của mình đã đặt trước cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

– GV có thể nói về trách nhiệm của HS trong việc giữ gìn, bảo vệ các đồ vật của trường, của lớp.

## TIẾT 5 - 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

### 1. Đọc danh sách học sinh và trả lời câu hỏi.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu mục đích của bài tập 1: Bài tập này chủ yếu cho HS quan sát thêm một mẫu danh sách để thực hành lập danh sách ở bài tập 2. GV nhắc lại cách đọc danh sách đã học.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc bản danh sách trước lớp.

– Làm việc nhóm:

+ Từng em đọc thầm bản danh sách.

+ Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi và mời các bạn trả lời.

+ Cả nhóm nhận xét.

### 2. Lập danh sách tổ em đăng kí tham gia các câu lạc bộ của trường.

– Làm việc chung cả lớp:

+ HS đọc yêu cầu của bài tập 2.

+ GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS làm bài tập theo nhóm.

Bước 1: Viết họ tên các bạn trong tổ.

Bước 2: Sắp xếp tên các bạn theo thứ tự bảng chữ cái.

Bước 3: Tìm hiểu nguyện vọng đăng kí tham gia câu lạc bộ của từng bạn.

– Làm việc nhóm:

+ Nhóm trưởng phân công các thành viên thực hiện theo các bước GV đã hướng dẫn.

+ Cả nhóm trao đổi, lập danh sách theo mẫu.

+ Đối chiếu kết quả làm việc với các nhóm khác và góp ý bài cho nhau.

GV nhận xét kết quả làm bài của HS.

## ĐỌC MỞ RỘNG

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc bài thơ, câu chuyện hoặc bài báo về thầy cô. GV có thể chuẩn bị một số VB phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– Làm việc nhóm:

+ Các thành viên nêu tên bài thơ, câu chuyện, bài báo về thầy cô mình đã tìm được.

+ Cả nhóm cử một bạn đọc cho cả nhóm nghe (hoặc mỗi bạn đọc thầm bài thơ, câu chuyện, bài báo về thầy cô mình tìm được).

+ Nêu những câu thơ, câu văn yêu thích trong bài đọc.

– Làm việc cá nhân: Chép lại những câu thơ, câu văn yêu thích trong bài đọc.

### CỦNG CỐ

GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt những nội dung chính.

Sau bài 12 – *Danh sách học sinh*, các em đã:

– Biết cách đọc bản danh sách, hiểu được tác dụng của việc lập danh sách.

– Viết bài chính tả và làm bài tập chính tả.

– Nhận biết từ chỉ sự vật và từ chỉ đặc điểm.

– Biết lập danh sách tổ.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

## TUẦN 7

# Bài 13 YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI! (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng từ ngữ, đọc rõ ràng bài thơ *Yêu lắm trường ơi!*, ngữ điệu phù hợp với cảm xúc yêu thương của bạn nhỏ dành cho ngôi trường. Hiểu được nội dung bài đọc: Từ bài thơ và tranh minh hoạ nhận biết được tình cảm yêu thương và gắn bó của bạn nhỏ dành cho ngôi trường, thầy cô và bạn bè.
2. Biết viết chữ hoa *E*, *Ê* cỡ vừa và cỡ nhỏ, viết câu ứng dụng *Em yêu mái trường/ Có hàng cây mát.*
3. Nghe hiểu câu chuyện *Bữa ăn trưa;* nhận biết các sự việc trong câu chuyện *Bữa ăn trưa* qua tranh minh hoạ; biết dựa vào tranh kể lại được 1 – 2 đoạn (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).
4. Hình thành và phát triển năng lực văn học; có khả năng quan sát các sự vật xung quanh); biết trân trọng, yêu thương thầy cô, bạn bè.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– GV hiểu đặc điểm VB thơ; hiểu nội dung VB *Yêu lắm, trường ơi!:* tình cảm của nhân vật trữ tình "em"/ bạn nhỏ dành cho ngôi trường; hiểu cách thể hiện cảm xúc thông

qua những hình ảnh cụ thể, gần gũi với HS. Đó là hàng cây toả bóng mát, là cảnh sân trường giờ ra chơi, là khung cửa sổ lớp học và hình ảnh của cô giáo thân thương.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

### 2. Phương tiện dạy học

– GV chuẩn bị clip bài hát *Em yêu trường em* của nhạc sĩ Hoàng Vân; clip về ngôi trường nơi cô trò đang giảng dạy và học tập (hình ảnh ngôi trường, hình ảnh các sự kiện của nhà trường, của lớp: khai giảng, vui tết Trung thu, dã ngoại...).

– Với những trường không có điều kiện sử dụng CNTT, GV chuẩn bị giấy A0 viết sẵn bài tập 2 – mục Luyện tập theo VB đọc (*Tiếng Việt 2 tập một*, trang 56).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

– HS nhắc lại tên bài học trước (*Danh sách học sinh*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

– GV có thể thực hiện hoạt động ôn bài cũ bằng cách tổ chức trò chơi.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV chiếu clip *Em yêu trường em* của nhạc sĩ Hoàng Vân cho HS hát theo clip.

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Có những sự vật nào được nhắc đến trong bài hát?* (cô giáo, bạn thân, bàn ghế, sách vở, trường,...) *Bài hát nói về điều gì?* (Tình cảm yêu thương của bạn nhỏ dành cho trường lớp, cô giáo, bạn bè,...)

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi sau đó chốt lại nội dung thảo luận.

– GV dẫn vào bài mới: Có một bạn nhỏ cũng rất yêu ngôi trường của mình. Chúng ta hãy lắng nghe xem bạn nhỏ nói gì về ngôi trường đó qua bài thơ *Yêu lắm trường ơi!* của tác giả Nguyễn Trọng Hoàn.

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn đọc VB *Yêu lắm trường ơi!*.

+ GV cho HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc. GV nêu nội dung tranh (Trong lớp học, có hai bạn nhỏ đang trao đổi bài. Bên ngoài lớp học, cành lá xoè rộng ngang khung cửa sổ. Có hai chú chim đang đậu trên cành. Dưới sân trường, các bạn HS đang vui chơi).

+ GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn, đọc đúng, biểu cảm cảm xúc của nhân vật trữ tình "em". HS đọc thầm theo.

+ GV có thể nêu một số từ khó phát âm do ảnh hưởng của phát âm địa phương để HS đọc (*ngọt ngào, khúc khích*).

+ GV hướng dẫn HS cách đọc bài thơ: giọng đọc chậm rãi, ngữ điệu nhẹ nhàng, thể hiện được tình cảm của bạn nhỏ dành cho ngôi trường; ngắt hơi sau mỗi dòng thơ, nghỉ hơi lâu sau mỗi đoạn thơ.

+ GV mời 5 HS đọc nối tiếp bài đọc (mỗi HS đọc một khổ thơ, theo thứ tự của bài thơ cho đến hết bài) để HS biết cách luyện đọc theo nhóm.

– Luyện đọc theo nhóm:

+ Từng nhóm HS đọc nối tiếp 5 khổ thơ trong nhóm (như 5 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

– HS và GV đọc toàn VB *Yêu lắm trường ơi!*.

+ HS đọc đồng thanh toàn VB *Yêu lắm trường ơi!*.

+ Một HS đọc lại toàn VB *Yêu lắm trường ơi!*.

+ GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Đọc khổ thơ tương ứng với từng bức tranh.*

– HS làm việc chung cả lớp.

+ GV mời HS quan sát tranh (một tranh mời 1 – 2 HS) và đọc khổ thơ tương ứng. VD: Khổ thơ thứ hai (*Mỗi giờ ra chơi... cũng xinh.*) tương ứng với tranh số 1. Khổ thơ thứ ba (*Yêu lớp học em... gió mát vào.*) tương ứng với tranh số 2. Khổ thơ thứ năm (*Có đêm trong mơ...đùa vui.*) tương ứng với tranh số 3.

+ GV và cả lớp nhận xét, chốt lại câu trả lời.

*Lưu ý:* Tuỳ theo đối tượng HS, nếu HS chỉ nêu tên số tranh (tranh số 1/ số 2/ số 3) và đọc khổ thơ tương ứng thì GV có thể hỏi thêm câu hỏi phụ nhằm giúp HS phát triển tư duy. VD: Vì sao khổ thơ thứ 2 lại tương ứng với tranh số 1 (Vì tranh vẽ cảnh giờ ra chơi. Khổ thơ thứ 2 có câu thơ: *Mỗi giờ ra chơi/ Sân trường nhộn nhịp.*).

Tuỳ theo điều kiện sử dụng công nghệ thông tin của mỗi trường, với câu hỏi này, GV có thể yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS hoặc GV chiếu tranh lên bảng để HS quan sát. Nếu HS quan sát tranh trong SHS thì GV có thể sử dụng hình thức làm việc cá nhân và thảo luận nhóm. Nếu HS quan sát tranh trên bảng thì GV có thể sử dụng hình thức làm việc chung cả lớp.

**Câu 2.** *Tìm những câu thơ tả các bạn học sinh trong giờ ra chơi.*

– HS làm việc theo nhóm:

+ GV nhắc HS đọc khổ thơ thứ hai để tìm câu trả lời.

+ Từng em đọc khổ thơ thứ hai, nêu ý kiến của mình, cả nhóm góp ý.

– Cả lớp làm việc:

+ GV mời 2 – 3 HS đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi.

+ GV và cả lớp thống nhất câu trả lời. (*Hồng hào gương mặt/ Bạn nào cũng xinh.*)

**Câu 3.** *Bạn nhỏ yêu những gì ở trường, lớp của mình?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu ý kiến của mình, các bạn góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời. (yêu hàng cây mát, yêu tiếng chim hót xôn xao như khúc nhạc trên vòm lá xanh, yêu khung cửa sổ có bàn tay lá quạt gió mát, yêu những lời giảng ngọt ngào của cô giáo.)

– Cả lớp làm việc:

+ GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

+ GV và cả lớp chốt câu trả lời đúng: Bạn nhỏ yêu hàng cây mát, yêu tiếng chim hót xôn xao như khúc nhạc trên vòm lá xanh, yêu khung cửa sổ có bàn tay lá quạt gió mát.

+ GV khen tất cả các nhóm đã hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ.

**Câu 4.** *Bạn nhỏ nhớ gì về cô giáo khi không đến lớp?*

Cách thực hiện tương tự như những câu trên.

Đáp án: *Lời cô ngọt ngào/ Thấm từng trang sách.*

## 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài thơ.

– Tùy theo đối tượng HS, GV có thể mời 2 – 3 HS đọc diễn cảm (bước đầu) khổ thơ thứ tư.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Từ nào trong bài thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ dành cho trường lớp?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu ý kiến của mình, các bạn góp ý (*yêu, nhớ, đùa vui*).

+ Cả nhóm thống nhất chọn từ phù hợp nhất (*yêu*).

– Cả lớp:

+ Các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, khen tất cả các nhóm đã trả lời đúng.

**Câu 2.** *Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ GV chiếu khung chữ/ treo giấy A0 có viết sẵn bài tập lên bảng.

+ Một HS đọc yêu cầu (đọc cả từ ngữ trong khung). Cả lớp đọc thầm.

+ Từng em nêu ý kiến của mình, các bạn góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời đúng.

+ GV mời một số HS trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, chốt lại câu trả lời đúng.

Đáp án: *Gương mặt các bạn hồng hào.; Lời cô ngọt ngào.; Sân trường nhộn nhịp.*

*Lưu ý:* GV có thể tổ chức trò chơi Xây nhà như sau:

Chuẩn bị: Mỗi từ ngữ ở cột A và cột B được viết vào mỗi mảnh giấy. Cho tất cả những mảnh giấy này vào các hộp. Tuỳ theo số lượng các nhóm mà số hộp có thể là 3 – 4 hộp. Mỗi đội có một hộp.

Cách chơi: Các đội chạy thật nhanh lên bảng lấy một mảnh giấy trong hộp của đội mình rồi chạy về chỗ để các thành viên trong đội ghép các từ ngữ lấy được thành câu hoàn chỉnh. Mỗi lần chạy lên bảng chỉ được lấy một mảnh giấy. Đội chiến thắng là đội ghép đúng, nhanh.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ *E, Ê* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ *E*:

Chữ viết hoa *E* cao 5 li và rộng 3,5 li, là kết hợp của 3 nét cơ bản: 1 nét cong dưới và 2 nét cong trái nối liền nhau tạo thành vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ hoa *E* trên màn hình, nếu có). GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết: Đặt bút tại giao điểm của đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 3, viết nét cong dưới rồi chuyển hướng viết 2 nét cong trái tạo vòng xoắn to ở đầu chữ và vòng xoắn nhỏ ở thân chữ, phần cuối nét cong trái thứ 2 lượn trên đường kẻ 3, lượn xuống dừng bút ở đường kẻ 2.

+ Quan sát chữ *Ê*: Viết như chữ *E* và thêm dấu mũ trên đầu.

– HS tập viết chữ viết hoa *E, Ê* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *E, Ê* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

– GV theo dõi và chỉnh sửa.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Em yêu mái trường/ Có hàng cây mát.*

– GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có). GV mời một số HS trả lời câu hỏi:

+ Mỗi dòng thơ có mấy tiếng? (Mỗi dòng thơ có 4 tiếng)

+ Câu ứng dụng có những chữ nào phải viết hoa? (chữ *E*, chữ *C*)

+ Trong câu ứng dụng *Em yêu mái trường/ Có hàng cây mát*, các chữ có chiều cao thế nào? (Chữ *E, y, g, C, h* cao 2,5 li; chữ *t* cao 1,5 li; các chữ còn lại cao 1 li.)

+ Hết dòng thơ thứ nhất, xuống dòng viết dòng thơ thứ hai (thẳng với dòng thơ thứ nhất).

+ Cỡ chữ nhỏ, chữ viết đúng mẫu, đều nét và nối chữ đúng quy định; khoảng cách giữa các con chữ bằng một con chữ o; mỗi tiếng trong câu cách nhau một ô.

– HS viết câu ứng dụng vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

**1. Nghe kể chuyện.**

– GV chỉ vào tranh và giới thiệu nhân vật có trong 4 tranh: Các em thấy truyện có 4 bức tranh rất thân quen với các em. Trong tranh có các nhân vật thầy hiệu trưởng, cô đầu bếp, bạn Chi và các bạn HS. Các em hãy quan sát từng tranh kết hợp với việc lắng nghe cô kể.

– GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.

– GV kể câu chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại để hỏi: Lời nói trong tranh là của ai? Thầy hiệu trưởng nói gì? Trong chuyện, món ăn từ đồi núi là gì? Món ăn từ biển là gì? Sự việc tiếp theo là gì? để cho HS tập kể theo/ kể cùng GV, khích lệ các em nhớ chi tiết của câu chuyện.

**BỮA ĂN TRƯA**

(1) Đã đến giờ ăn trưa. Khi học sinh đã ngồi vào bàn ăn, thầy hiệu trưởng hỏi: "Các em có đem theo món ăn của biển và của đồi núi không?". "Có ạ!", tất cả đồng thanh đáp rồi mở hộp đồ ăn trưa mà mẹ đã chuẩn bị từ sáng. "Cái gì đó của biển" tức là hải sản; ví dụ cá, tôm. Cái gì đó của đồi núi là rau, thịt,...

(2) Thầy hiệu trưởng đi xem xét từng hộp ăn trưa. Thầy hỏi từng bạn: "Các em có đem theo món ăn của biển và của đồi núi không?". Cô nhà bếp đi sau thầy, tay bê khay thức ăn. Nếu thầy dừng lại trước một bạn và nói "biển" thì cô sẽ gắp cho lát cá. Nếu thầy nói "đồi núi" thì cô sẽ gắp thịt hoặc rau.

(3) Bữa trưa hôm nay của Chi có trứng rán, ruốc cá, su hào luộc cùng cà rốt. Trông sặc sỡ như một vườn hoa. Thầy hiệu trưởng nói: "Đẹp đấy!". Chi thích lắm.

"Mẹ em nấu ăn giỏi lắm ạ", Chi tự hào nói.

"Vậy à?", thầy chỉ tay vào món ruốc và hỏi, "Thế món này là gì nhỉ? Món này là của biển hay của đồi núi?".

Chi đoán là của đồi núi nhưng em không chắc lắm bèn đáp: "Em không biết ạ."

Thầy cười và nói: Ruốc cá là từ biển mà ra. Rồi thầy giải thích cách làm ruốc cá.

(4) Cả lớp ồ lên. Còn Chi thấy rất vui khi biết đồ ăn của mình đã thoả mãn hai yêu cầu biển và đồi núi. Thế là em ăn luôn và thấy thức ăn mẹ làm ngon tuyệt.

(Phỏng theo *Tốt-tô-chan, cô bé bên cửa sổ*)

**2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.**

– GV hướng dẫn HS cách kể:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh để tập kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện, cố gắng kể đúng lời thoại của các nhân vật (nhắc HS không cần kể đúng từng câu từng chữ mà GV đã kể).

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (kể nối tiếp các đoạn hoặc từng em kể lại cả hai đoạn rồi góp ý cho nhau).

– Làm việc cá nhân và làm việc nhóm:

+ Mỗi HS chọn 1 – 2 đoạn, xem tranh và tập kể.

+ Các thành viên trong nhóm thay nhau kể 1 – 2 đoạn theo tranh.

– Cả lớp làm việc:

+ GV mời 2 HS xung phong chọn kể 1 – 2 đoạn nối tiếp. Hoặc mời 4 HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp.

+ Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi HS.

## VẬN DỤNG

**Chọn a hoặc b.**

a. *Kể cho người thân nghe về giờ ăn trưa ở lớp em.*

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– Về nhà, các em nhớ kể với người thân về bữa ăn trưa cùng các bạn trong lớp hay ngoài lớp học theo gợi ý sau:

+ Những món ăn nào em yêu thích?

+ Em ngồi ăn cạnh bạn nào?

+ Trước bữa ăn, em làm gì?

+ Sau bữa ăn em làm gì?

– Lắng nghe ý kiến của người thân về câu chuyện và cách kể chuyện của em.

b. *Kể cho bạn về bữa ăn trưa của em.*

Cách thực hiện tương tự như hoạt động a.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài thơ *Yêu lắm, trường ơi!* các em đã:

+ Đọc được rõ ràng lưu loát bài thơ *Yêu lắm, trường ơi!*. Nhận biết được tình cảm của bạn nhỏ dành cho mái trường thân yêu.

+ Viết đúng chữ *E, Ê* và câu ứng dụng *Em yêu mái trường/ Có hàng cây mát.* Các em cần lưu ý về cách viết chữ *E, Ê*.

+ Nghe – kể được câu chuyện *Bữa ăn trưa.* Câu chuyện cho thấy không khí ấm áp, vui vẻ của các bạn nhỏ trong giờ ăn cơm trưa ở trường. Qua đó các em có thể hiểu thêm về việc ăn uống khoa học. Muốn cơ thể khoẻ mạnh, cần phải ăn đầy đủ cá, thịt, rau.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS đã cố gắng học tập, biết hợp tác để thực hiện nhiệm vụ.

# Bài 14 EM HỌC VẼ (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng, rõ ràng bài thơ *Em học vẽ*; tốc độ đọc 45 – 50 tiếng/ phút. Hiểu được những hình ảnh đẹp về thiên nhiên được khắc hoạ trong bức vẽ của bạn nhỏ cũng như tình yêu thiên nhiên và cuộc sống của bạn.
2. Nghe – viết đúng chính tả 2 khổ thơ đầu của bài *Em học vẽ;* trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ; làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *ng/ ngh; r/ d/ gi; an/ ang.*
3. a. Phát triển vốn từ chỉ sự vật (từ chỉ đồ dùng học tập), đặt câu nêu công dụng của đồ dùng học tập, đặt đúng dấu chấm hoặc chấm hỏi ở cuối câu.

   b. Viết được 3 – 4 câu giới thiệu một đồ vật được dùng để vẽ.
4. Tìm đọc mở rộng được câu chuyện về trường học. Chia sẻ được một số thông tin về câu chuyện đã đọc.
5. Cảm nhận được niềm vui học tập ở trường và có ý thức giữ gìn đồ dùng học tập.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

GV nắm được đặc điểm thể loại VB thơ, các hình ảnh thơ và đặc trưng về vần trong thơ. Với bài thơ *Em học vẽ,* GV nên lưu ý nội dung bài thơ nói về những hình ảnh thiên nhiên đẹp được thể hiện qua bức vẽ của em học sinh. Những hình ảnh này nói lên sự quan sát tinh tế, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu cuộc sống của trẻ em.

### 2. Phương tiện dạy học

– Bài thơ *Em học vẽ* được chiếu trên màn hình hoặc viết trên bảng lớn.

– Một số dải giấy trắng ghi các dòng thơ.

– Phiếu học tập: bài tập chính tả.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

– HS nhắc lại tên bài học trước.

– HS trả lời câu hỏi: Em học được gì từ bài đọc *Yêu lắm trường ơi*?

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– Trong buổi học trước, GV đã yêu cầu mỗi HS chuẩn bị một bức tranh mà em thích. Trong tiết học này, GV có thể cho lớp khởi động bằng hoạt động nhóm. Các em giới thiệu cho nhau những bức tranh mà các em mang đến lớp.

– GV mời 1 – 2 HS giới thiệu về bức tranh của mình cho cả lớp. Các HS khác có thể đặt câu hỏi hoặc nhận xét về những bức tranh được giới thiệu.

– GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ bài *Em học vẽ*. 1 – 2 HS tả lại những gì các em quan sát thấy trong bức tranh (cảnh sân trường, các bạn HS đứng cạnh giá vẽ trên có các bức tranh các em vẽ, cận cảnh một HS đang giới thiệu với các bạn bức tranh của mình).

– GV dẫn vào bài thơ *Em học vẽ*.

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: Hôm nay chúng ta sẽ học bài thơ *Em học vẽ*. Bài thơ mang đến cho chúng ta những cảnh thiên nhiên đẹp mà một bạn nhỏ đã quan sát được và vẽ lại. Qua bài thơ, chúng ta sẽ thấy được tình yêu của bạn nhỏ đối với thiên nhiên và cuộc sống.

+ GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc với giọng vui vẻ, ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm bài thơ trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ khó như *lung linh, nắn nót, cánh diều, ông trăng, rải ánh vàng, rẽ sóng, râm ran,…*

– HS luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm. HS nghe và góp ý cho nhau. GV giúp đỡ những HS đọc khó khăn.

+ GV yêu cầu 1 – 2 nhóm HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trước lớp.

### 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và thực hiện các yêu cầu. HS cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.

**Câu 1.** *Bạn nhỏ vẽ những gì trong bức tranh bầu trời đêm?*

+ Một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn HS xem lại khổ 1 và 2 để tìm câu trả lời. Nhóm thảo luận.

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS trình bày kết quả của nhóm. Các HS khác bổ sung hoặc trao đổi.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Bạn nhỏ vẽ bức tranh bầu trời đêm có sao lung linh và ông trăng rải ánh vàng đầy ngõ.)

**Câu 2.** *Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ có gì đẹp?*

+ Một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn HS xem lại khổ 3 để tìm câu trả lời. Nhóm thảo luận.

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS trình bày kết quả của nhóm. Các HS khác bổ sung hoặc trao đổi.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ có con thuyền trắng đang giương cánh buồm đỏ thắm để rẽ sóng ra khơi.)

**Câu 3.** *Đọc khổ thơ tương ứng với bức tranh dưới đây.*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn HS quan sát bức tranh, nhận diện những sự vật có trong tranh (lớp học, sân trường, cây phượng đỏ, ông mặt trời). Hướng dẫn HS tìm khổ thơ có chứa các sự vật được nói đến trong tranh. (Đáp án: khổ thơ cuối.)

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS đọc to khổ thơ cuối trước lớp. Các HS khác đọc thầm theo.

**Câu 4.** *Tìm tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ.*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác cùng đọc thầm theo.

+ GV làm mẫu một lần: chỉ cho HS thấy tiếng *sao* ở cuối dòng thơ 4 cùng vần với tiếng *cao* ở cuối dòng thơ 5.

+ HS trong nhóm cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ.

+ HS viết những tiếng cùng vần tìm được ra giấy nháp của nhóm.

+ GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả của nhóm. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS cùng thống nhất đáp án. (*sao – cao; ngõ – gió; xanh – lành; khơi – trời; đỏ – gió.*)

* *Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV cho HS trao đổi để tìm ra 2 khổ thơ được nhiều em thích nhất.

+ GV yêu cầu 1 – 2 HS đọc to 2 khổ thơ lớp đã chọn.

+ GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu 2 khổ thơ đó lên.

+ GV hướng dẫn HS học thuộc lòng 2 khổ thơ bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong từng dòng thơ. Lưu ý, lần 1 xoá những từ ngữ HS dễ nhớ (VD: *Hôm nay trong….*), lần 2 xoá nhiều hơn, chỉ để lại từ ngữ đầu dòng thơ (*Hôm nay…*) làm điểm tựa.

– HS làm việc nhóm:

HS làm việc nhóm để cùng nhau học thuộc lòng 2 khổ thơ. GV hướng dẫn HS sử dụng chiến lược xoá dần nếu cần.

GV yêu cầu đại diện một số nhóm đọc lại khổ thơ đã thuộc lòng.

## 4. Luyện đọc lại

– GV và HS đọc toàn bài thơ.

+ GV đọc lại toàn bài thơ một lượt. Chú ý giọng đọc diễn cảm.

+ Một số HS đọc thành tiếng cả bài thơ trước lớp.

+ Từng em tự luyện đọc toàn bài thơ.

GV khen ngợi HS đọc tốt.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ sự vật.*

– Một HS đọc to yêu cầu của bài. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: cùng đọc lại từng khổ thơ để tìm từ ngữ chỉ sự vật. GV có thể lấy ví dụ về từ ngữ chỉ sự vật làm mẫu cho HS ở khổ thơ 1 như *giấy, bút.* HS tiếp tục trao đổi trong nhóm và viết ra giấy nháp các từ ngữ chỉ sự vật tìm được.

– GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả. Có thể tổ chức thi giữa các nhóm. GV và HS cùng thống nhất đáp án. (*lớp học, giấy, bút, bầu trời, sao, ông trăng, ngõ, cánh diều, biển, con thuyền, cánh buồm, mặt trời,…*)

– GV giải thích cho HS những từ ngữ trên là từ ngữ chỉ sự vật.

**Câu 2.** *Đặt câu nêu đặc điểm với 1 trong 3 từ lung linh, vi vu, râm ran.*

– Một HS đọc to yêu cầu của bài. Các HS khác đọc thầm theo.

Một HS đọc to câu mẫu: *Bầu trời sao **lung linh**.*

GV giải thích cho HS: những từ ngữ *lung linh, vi vu, râm ran* là những từ ngữ chỉ đặc điểm, khác với những từ ngữ chỉ sự vật ở câu 1.

– GV lưu ý HS: Câu nêu đặc điểm *Bầu trời sao lung linh* có 2 thành phần: (1) từ ngữ chỉ sự vật và (2) từ ngữ chỉ đặc điểm. GV có thể đưa mô hình câu mẫu lên bảng để HS quan sát: (1) từ ngữ chỉ sự vật (*Bầu trời sao*) + (2) từ ngữ chỉ đặc điểm (*lung linh*).

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: HS chọn 1 trong 3 từ và đặt câu; ghi lại kết quả ra giấy nháp.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. Cả lớp nhận xét. Có thể tổ chức thi giữa các nhóm xem nhóm nào đặt được nhiều câu hay, câu đúng.

## TIẾT 3

## VIẾT

### 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết chính tả 2 khổ thơ đầu.

– GV đọc đoạn nghe – viết (lưu ý đọc đúng các tiếng HS dễ viết sai); HS nhìn SHS, nghe và đọc thầm theo GV.

– 1 – 2 HS đọc lại đoạn nghe – viết. GV lưu ý HS những chỗ ngắt nghỉ.

– GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết:

+ Dấu câu: dấu chấm cuối khổ thơ; dấu phẩy ở dòng thơ thứ 2 (sau tiếng *trắng).*

+ Viết hoa chữ cái đầu mỗi dòng thơ và tên bài thơ. Mỗi dòng thơ lùi từ đầu dòng vào 1 ô li.

+ Khoảng cách giữa khổ thơ 1 và khổ thơ 2 (để 1 dòng kẻ ô li).

+ Chữ dễ viết sai chính tả: *lung linh, nắn nót, cánh diều, lộng gió.*

– HS viết nháp những chữ dễ viết sai.

HS nghe – viết chính tả:

+ GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HS viết. Mỗi dòng cần đọc theo từng cụm từ (*Với/ giấy trắng,/ bút màu.*) Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.

+ Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần 2 khổ thơ và yêu cầu HS rà soát lỗi.

+ HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.

+ GV hướng dẫn chữa một số bài, nhận xét, động viên, khen ngợi HS.

### 2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS thảo luận bài tập theo nhóm. Ghi kết quả ra giấy nháp.

– GV yêu cầu 1 – 2 HS trình bày đáp án. GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (a. **ngh**e b. **ng**ày.)

– GV có thể giải thích hoặc yêu cầu HS giải thích nghĩa của 2 câu tục ngữ:

+ Trăm nghe không bằng một thấy: tận mắt chứng kiến quan trọng, ý nghĩa hơn là chỉ nghe người khác kể lại.

+ Có công mài sắt, có ngày nên kim: kiên trì theo đuổi công việc thì sẽ đạt được kết quả tốt.

### 3. Chọn a hoặc b.

GV chọn bài tập a hoặc b tuỳ theo nhu cầu của HS nơi mình giảng dạy.

a. *Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng r, d hoặc gi thay cho hình.*

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm, hoặc làm việc cả lớp, hoặc tổ chức trò chơi, hoặc thi giữa các tổ: HS nhìn tranh, nói tên sự vật được vẽ trong tranh, đọc câu và tìm tiếng phù hợp. Các nhóm ghi kết quả ra giấy nháp.

– GV yêu cầu 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác nhận xét, đánh giá. Đáp án: *Chậm như **rùa**, Nhanh như **gió**, Nắng tốt **dưa**, mưa tốt lúa.*

– GV và HS giải thích nghĩa của những câu này.

+ Hai câu đầu (*Chậm như rùa; Nhanh như gió*) đơn giản, có thể yêu cầu HS giải thích.

+ GV giải thích nghĩa của câu *Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa* (kinh nghiệm về thời tiết liên quan đến trồng trọt: thời tiết nắng nhiều thích hợp cho việc trồng dưa; thời tiết mưa nhiều, đất ẩm thích hợp cho việc trồng lúa).

b. *Tìm từ ngữ có tiếng chứa an hoặc ang gọi tên sự vật trong mỗi hình.*

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm bài tập cá nhân: quan sát tranh và tìm câu trả lời đúng, viết câu trả lời ra giấy nháp.

– 1 – 2 HS làm bài trên bảng. Cả lớp và GV nhận xét, chốt đáp án. (Tranh 1 (cái) bàn, (cái) bảng, (cái) đàn.)

– GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Nói tên các đồ dùng có ở góc học tập.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm.

+ Đọc yêu cầu của bài tập 1. Nối tiếp nhau nói tên các đồ vật có ở bức tranh vẽ góc học tập (có thể chơi trò tung bóng và nói tên đồ vật).

+ Viết tên gọi các đồ vật tìm được vào vở hoặc phiếu học tập của nhóm.

– GV tổ chức chữa bài trước lớp:

Đại diện một số nhóm trình bày kết quả, GV và HS thống nhất đáp án. (cái bàn, cái ghế, cái đèn bàn, chiếc cặp sách, cái giá sách, cái cốc, sách, bút, kéo,…)

– GV khen ngợi các nhóm tìm được nhiều từ ngữ.

– GV cũng có thể tổ chức cuộc thi giữa các nhóm.

### 2. Đặt một câu nêu công dụng của một đồ dùng học tập.

– Một HS đọc to yêu cầu của bài tập, các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: kể tên đồ dùng học tập và đặt câu nêu công dụng của đồ dùng đó theo mẫu.

– GV giải thích: Câu mẫu nêu công dụng của đồ dùng học tập *Bút màu dùng để vẽ tranh* gồm có 2 thành phần: (1) từ ngữ chỉ đồ dùng học tập (*bút màu*) + (2) dùng để làm gì (*dùng để vẽ tranh*). GV có thể vẽ sơ đồ câu lên bảng để HS quan sát.

– HS làm việc nhóm.

– GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. HS và GV cùng nhận xét, góp ý.

– GV có thể tổ chức thi đua giữa các nhóm/ tổ: GV nêu tên đồ dùng HS, các nhóm thi đặt câu nhanh và đúng.

– Nếu có đồ vật nào các em không biết công dụng, GV có thể giải thích. Đồng thời, GV có thể nói về trách nhiệm của HS trong việc giữ gìn đồ dùng học tập.

**3. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông.**

– Một HS đọc to yêu cầu, các HS đọc thầm theo.

– GV yêu cầu 2 HS đóng vai bút chì và tẩy và đọc đoạn thoại.

– GV giải thích: Trong đoạn thoại này, những câu nào là câu hỏi thì cần chọn dấu chấm hỏi thay cho ô vuông, những câu khác không phải là câu hỏi thì chọn dấu chấm.

– HS làm việc nhóm: thảo luận để làm bài tập. Ghi kết quả ra giấy nháp.

– GV gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án. (Câu 1 và câu 2 – dấu chấm hỏi; 3 câu sau – dấu chấm.)

– GV cho 2 HS đóng vai tẩy và bút chì đọc lại đoạn thoại, lưu ý HS cách đọc ngữ điệu câu hỏi (lên giọng ở cuối câu) và ngữ điệu câu khẳng định (xuống giọng ở cuối câu).

## TIẾT 5 – 6

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Nhìn tranh, nói tên đồ vật và nêu công dụng của chúng.**

– Một HS đọc yêu cầu của bài. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm: quan sát tranh.

a. nói tên các đồ vật bạn nhỏ sử dụng để vẽ tranh.

b. nêu công dụng của các đồ vật đó.

– Các nhóm viết kết quả vào vở nháp.

– GV yêu cầu 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét, bổ sung. GV cũng có thể tổ chức thi giữa các nhóm: GV nêu tên, HS nêu công dụng. Nhóm nào nói nhanh và đúng nhiều nhất sẽ thắng.

– GV và HS thống nhất đáp án. (giấy màu để vẽ, màu để tô, bút chì để viết, tẩy để xoá, thước kẻ để kẻ đường thẳng,...)

**2. Viết 3 – 4 câu giới thiệu về một đồ vật được dùng để vẽ.**

– Một HS đọc to yêu cầu của bài tập. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: chọn một đồ vật các em dùng để vẽ và giới thiệu về đồ vật đó theo câu hỏi gợi ý trong SHS.

– HS giới thiệu về một đồ vật em dùng để vẽ trong nhóm. Nhóm góp ý cho nhau.

– Từng HS viết lời giới thiệu vào vở. GV giúp một số HS còn khó khăn trong viết đoạn.

– GV gọi một số HS đọc bài trước lớp. GV và HS nhận xét.

– HS tự sửa câu văn đã viết. HS đổi bài cho bạn để đọc và góp ý.

– GV chữa nhanh một số bài. Tuyên dương một số em viết tốt. GV nhắc HS về nhà tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện bài.

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc một câu chuyện về trường học. Chia sẻ thông tin về câu chuyện dựa trên gợi ý.**

– Trong buổi học trước, GV giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một câu chuyện về trường học và ghi lại thông tin về câu chuyện dựa trên gợi ý của bạn chim cánh cụt như trong SHS.

– GV có thể chuẩn bị một số câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp. GV cũng có thể tổ chức hoạt động Đọc mở rộng ở thư viện của trường.

– HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 3, nhóm 4. Các em trao đổi với nhau về những thông tin đã chuẩn bị theo gợi ý.

**2. Nói về một nhân vật em thích trong câu chuyện.**

– HS chọn kể trong nhóm về một nhân vật mà mình thích trong câu chuyện đã đọc (Theo các câu hỏi gợi ý: câu chuyện có mấy nhân vật? Tên nhân vật em thích nhất là gì?, Điều gì ở nhân vật làm cho em thích nhất? Vì sao?).

– Một số (2 – 3) HS nói trước lớp về nhân vật mình thích nhất, lí do? Các HS khác có thể nhận xét hoặc đặt trao đổi thêm.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ một số ý tưởng thú vị. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài 14 các em đã:

+ Học thuộc lòng 2 khổ thơ yêu thích trong bài thơ *Em học vẽ*.

+ Nghe – viết 2 khổ thơ đầu và làm bài tập chính tả.

+ Mở rộng vốn từ chỉ đồ dùng học tập, biết cách đặt câu nêu công dụng của đồ dùng học tập, biết dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi ở cuối câu, biết viết đoạn văn giới thiệu một đồ vật dùng để vẽ.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

# TUẦN 8

## Bài 15 CUỐN SÁCH CỦA EM (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin ngắn và đơn giản với tốc độ khoảng 40 – 45 tiếng trong một phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu.

   b. Dựa vào gợi ý, trả lời được VB viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý. Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh hoạ, tên sách, tên tác giả, tên nhà xuất bản. Điền được thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách.
2. Biết viết chữ viết hoa *G* cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.*
3. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện *Hoạ mi, vẹt và quạ*; kể lại được câu chuyện dựa vào tranh.
4. Hình thành và phát triển năng lực văn học (trí tưởng tượng về các sự vật, sự việc trong tự nhiên), có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.
5. Bồi dưỡng tình yêu đối với sách, với việc đọc sách, rèn thói quen đọc sách.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB thông tin.

– Nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*tác giả, nhà xuất bản, mục lục*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

– Kiến thức về ngành xuất bản sách: các đơn vị xuất bản sách thiếu nhi, cấu trúc một cuốn sách, ý nghĩa của các thông tin trên bìa sách, các công đoạn để tạo ra một cuốn sách.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ trong SHS phần *Khởi động* khổ lớn để dán hoặc chiếu lên bảng.

– Giấy màu, tranh ảnh minh hoạ, thẻ từ cho bài Luyện tập tiếng Việt.

– Tranh minh hoạ cho câu chuyện *Hoạ mi, vẹt và quạ*.

– Mẫu chữ viết hoa *G*, phần mềm hoặc video dạy viết chữ hoa, vở *Tập viết 2 tập một*.

– Sách hay, phù hợp với sở thích và trình độ đọc của HS lớp 2 (VD: *Mèo Max và chim* của Ed Vere, *Cây táo yêu thương* của Shel Silverstein, *Hòn đá xanh* của Jimmy Liao,...).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

Thi đố đáp: GV chiếu hoặc dán lần lượt các hình ảnh trong bài *Em học vẽ* (bầu trời sao, ông trăng, cánh diều, biển cả, hoa phượng). HS đọc to câu thơ trong bài có chứa hình ảnh đó. Sau đó GV gọi một HS đọc thuộc lòng 1 – 2 khổ trong bài thơ.

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

*Quan sát bìa sách và cho biết các thông tin trên bìa sách*

– GV yêu cầu HS đọc nhan đề, quan sát bìa sách được giới thiệu trong phần minh hoạ và trả lời các câu hỏi: Em nhìn thấy những gì trên bìa sách? Phần chữ có những gì? Phần hình ảnh có những gì?

– Dựa trên những gì HS đã quan sát, GV hướng dẫn HS đoán xem cuốn sách sẽ viết về điều gì, nhân vật chính trong cuốn sách là ai. GV có thể đặt thêm những câu hỏi để khơi gợi sự tò mò và kích thích khả năng sáng tạo của HS như: Cuốn sách viết về ai? Câu chuyện sẽ diễn biến ra sao, kết thúc như thế nào?

– GV lưu ý HS trước khi đọc bất cứ một cuốn sách nào, nên dành thời gian để quan sát kĩ trang bìa và đưa ra những dự đoán trước khi đọc sách. Làm như vậy, em có thể tò mò và hứng thú, tập trung cao hơn khi đọc sách.

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp.

+ GV đọc mẫu toàn VB. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (*Tên sách/ là hàng chữ lớn ở khoảng giữa bìa sách, thường chứa đựng/ rất nhiều ý nghĩa.)*

+ GV hướng dẫn HS đọc một số từ khó đọc và dễ gây nhầm lẫn như *nhà xuất bản, mục lục.*

+ GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *viết về điều gì,* đoạn 2: tiếp theo đến *phía dưới bìa sách,* đoạn 4 từ *Phần lớn các cuốn sách* đến hết).

+ GV gọi 2 HS đọc nối tiếp để biết cách luyện đọc theo cặp. GV hướng dẫn kĩ cách kiểm soát lỗi: một bạn đọc to bài đọc, một bạn dùng ngón tay dò theo các chữ trong bài đọc, mỗi khi phát hiện lỗi, có thể nhắc nhở bạn để sửa lại cho đúng. Nếu qua nhiều vòng luyện đọc, số lỗi giảm đi thì nhóm sẽ được khen thưởng.

– Luyện đọc theo cặp/ nhóm.

+ Từng cặp HS đọc nối tiếp từng đoạn. Một HS đọc, một HS đọc thầm, kiểm soát lỗi.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, có thể khuyến khích HS đọc thầm, dùng bút chì gạch chéo vào những chỗ cần ngắt, nghỉ, sau đó đọc to lên. GV có thể

giúp HS kiểm soát lỗi, hoặc dùng đồng hồ bấm giờ để đo tốc độ đọc của HS, ghi nhận sự tiến bộ của HS sau mỗi lần đọc (tiến bộ về tốc độ đọc, về khả năng kiểm soát lỗi). GV nên dùng ngôn từ tích cực để khích lệ HS, VD: Hôm nay con đã đọc nhanh hơn hôm qua. Hôm nay con đã đọc đúng nhiều từ hơn hôm qua.

+ GV khen ngợi những HS có tiến bộ trong việc đọc.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Chọn từ ngữ ở cột A với nội dung thích hợp ở cột B.*

– HS làm việc chung cả lớp.

+ GV nêu câu hỏi, dán hoặc chiếu các thông tin trong cột A và cột B lên bảng, nhắc HS tìm các thông tin về tên sách, tác giả, nhà xuất bản, mục lục.

+ GV gọi một HS lên bảng, nối cột A với cột B. Các HS còn lại suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.

+ GV gọi HS trình bày đáp án, so sánh với đáp án trên bảng.

– GV thống nhất đáp án đúng:

*tên sách – thường chứa đựng nhiều ý nghĩa*

*tác giả – người viết sách, báo*

*nhà xuất bản – nơi cuốn sách ra đời*

*mục lục – thể hiện các mục chính và vị trí của chúng*

**Câu 2.** *Qua tên sách, em có thể biết được điều gì?*

– HS làm việc chung cả lớp.

+ GV nêu câu hỏi, lưu ý HS đọc đoạn đầu của VB để tìm câu trả lời.

+ HS trả lời câu hỏi.

– GV thống nhất đáp án đúng: Qua tên sách, em có thể biết được sách viết về điều gì.

– GV có thể mở rộng bằng cách mang đến một cuốn sách mới, cho HS quan sát và nhận ra tên sách, đặt câu hỏi giúp HS dự đoán về nội dung sách: Tên cuốn sách là gì? Qua tên sách, em biết được điều gì?

**Câu 3.** *Sắp xếp các thông tin theo đúng trình tự trong bài đọc.*

– HS làm việc chung cả lớp.

+ GV nêu câu hỏi, có thể viết các thông tin vào các thẻ và viết các số thứ tự 1, 2, 3, 4 lên bảng.

+ GV gọi một HS lên bảng dán các thẻ vào các số thứ tự 1, 2, 3, 4. Các HS còn lại suy nghĩ để trả lời.

+ GV gọi HS trình bày đáp án của mình, nhận xét đáp án trên bảng.

– GV thống nhất đáp án đúng: 1 – c, 2 – a, 3 – d, 4 – b.

GV có thể mở rộng, lưu ý HS khi đọc cần đặc biệt lưu ý đến các thông tin trên bìa sách như tác giả, tên sách, nhà xuất bản, mục lục. Đó là những "biển dẫn đường" giúp chúng ta đọc sách một cách thông minh và hiệu quả.

**Câu 4.** *Đọc mục lục.*

– HS làm việc nhóm/ cặp.

+ GV hướng dẫn HS cách đọc mục lục, làm mẫu cách tra cứu mục lục: Đầu tiên, em đọc phần chữ phía bên tay trái để biết những nội dung chính trong cuốn sách, sau đó tìm ra nội dung mình muốn đọc, rồi tìm vị trí của mục đó ở phía bên phải của mục lục.

+ GV cũng có thể làm mẫu để hướng dẫn cho HS: Phần *Thế giới động vật* có các mục: Khủng long, Khỉ, Voi, Cá heo, Gấu. Để đọc thông tin về gấu, cô sẽ đọc trang 22.

+ GV nêu câu hỏi, HS làm việc theo nhóm để trả lời.

– GV thống nhất đáp án:

a. Phần 2 của cuốn sách có các mục *Xương rồng, Thông, Đước.*

b. Để tìm hiểu về cây xương rồng, em phải đọc trang 25. Với câu hỏi b, GV hướng dẫn HS cách tra mục lục của một cuốn sách.

– Với những đối tượng HS khá, giỏi và có tủ sách trong lớp học, GV có thể cho HS chọn một cuốn sách trên giá, tự đọc phần mục lục, sau đó giới thiệu cho các bạn mục mình thích nhất, nêu số trang của mục đó trong cuốn sách.

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Sắp xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp: từ ngữ chỉ người, chỉ vật và từ ngữ chỉ hoạt động.*

– HS làm việc theo nhóm/ cặp.

+ GV nêu nhiệm vụ, phát cho HS giấy màu và yêu cầu một HS viết các từ chỉ người, chỉ vật vào tờ giấy màu xanh, một HS còn lại viết từ chỉ hoạt động vào tờ giấy màu vàng, sau đó 2 bạn cùng kiểm tra chéo cho nhau.

+ GV gọi 2 – 3 nhóm HS đọc to kết quả của mình.

– GV thống nhất câu trả lời và khen ngợi các nhóm có câu trả lời chính xác (Từ ngữ chỉ người, chỉ vật: *tác giả, cuốn sách, bìa sách*; từ ngữ chỉ hoạt động: *đọc sách, ghi*).

**Câu 2.** *Nói tiếp để hoàn thành câu.*

– HS làm việc theo nhóm/ cặp.

+ GV nêu nhiệm vụ và nhắc HS nhớ lại các thông tin trong bài đọc.

+ HS làm việc theo nhóm/ cặp, nói tiếp để hoàn thành câu.

– GV thống nhất câu trả lời.

– GV có thể vận dụng các tri thức đã học, đưa ra những cuốn sách mới, HS thi tìm nhanh tên tác giả, tên sách.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ *G* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ *G*:

Chữ viết hoa *G* gồm 2 phần: nét thắt phối hợp với nét móc gần giống chữ *C* hoa và nét khuyết dưới.

+ Quan sát, GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ hoa *G* trên màn hình, nếu có). GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết:

Nét 1: viết tương tự như chữ *C* hoa, nhưng không có nét lượn xuống ở cuối mà dừng lại ở giao điểm giữa đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 5.

Nét 2: từ điểm kết thúc nét 1, viết tiếp nét 2 (nét khuyết dưới). Điểm dưới cùng của nét khuyết cách đường kẻ ngang 1 là 3 đơn vị. Điểm dừng bút là giao điểm giữa dòng kẻ ngang 2 và dòng kẻ dọc 6.

– HS tập viết chữ viết hoa *G* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *G* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một*.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.*

– GV giải thích ý nghĩa câu tục ngữ. Nghĩa đen: mực có màu đen, nên dễ khiến cho những vật tiếp xúc cũng bị nhuộm màu đen; ngược lại, đèn sáng nên những thứ xung quanh đèn cũng được chiếu sáng. Nghĩa bóng: nếu ở gần môi trường xấu, những người xấu (làm những việc xấu) thì ta có thể bị ảnh hưởng xấu; ngược lại, nếu ở gần những người tốt (làm những việc tốt) thì ta cũng học được những điều tốt đẹp.

– GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có): câu tục ngữ gồm 8 tiếng, lưu ý HS viết hoa chữ *G* đầu câu, cách nối chữ viết hoa *G* với chữ *â*, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, đặt dấu phẩy ngăn cách hai vế câu và dấu chấm ở cuối câu.

– Học sinh viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em thực hiện tốt nhiệm vụ.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

### 1. Nghe kể chuyện.

– HS quan sát các bức tranh, đoán tên các loài chim trong tranh (quạ, vẹt, hoạ mi, hoàng oanh). Một số em phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV giới thiệu câu chuyện: Câu chuyện kể ba chú chim hoạ mi, vẹt và quạ muốn đi học hát để có giọng hát hay. Lưu ý HS nghe câu chuyện để biết loài chim nào chăm học để có tiếng hót hay.

– GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.

– GV hướng dẫn HS nhắc lại câu nói của hoạ mi, vẹt, hoàng oanh và quạ trong các đoạn của câu chuyện (VD: Hoạ mi nói gì với các bạn? Ý kiến của vẹt thế nào?...).

– GV kể câu chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại để hỏi sự việc tiếp theo là gì để cho HS tập kể theo/ kể cùng GV, khích lệ các em nhớ chi tiết của câu chuyện, nhắc lại lời nói của các nhân vật trong câu chuyện.

– GV nêu các câu hỏi dưới mỗi tranh và mời một số em trả lời câu hỏi.

HOẠ MI, VẸT VÀ QUẠ

(1) Ngày xửa ngày xưa, hoạ mi, vẹt và quạ đều không biết hát. Một hôm, hoạ mi nói với các bạn:

– Tôi thấy chim hoàng oanh hát hay lắm nhé! Thật đáng ngưỡng mộ!

Vẹt nghe hoạ mi nói vậy liền bảo:

– Hay chúng ta đến gặp hoàng oanh, nhờ cậu ấy dạy hát cho.

Hoạ mi và quạ đồng ý.

(2) Cả ba đến gặp chim hoàng oanh và nói mong muốn của mình. Hoàng oanh đồng ý ngay. Hoàng anh nói với ba bạn:

– Học hát rất vất vả, các bạn phải chịu khó nhé!

(3) Mấy ngày đầu, hoàng oanh dạy các bạn luyện giọng. Quạ không kiên nhẫn được, nghĩ trong bụng: "Hôm nào cũng luyện giọng thế này, bao giờ mới hát được cơ chứ?". Được vài hôm, quạ càu nhàu:

– Sao cứ luyện giọng mãi thế?

Nói rồi quạ chán nản bay đi, không học nữa.

(4) Chỉ có hoạ mi và vẹt là vẫn chăm chỉ đến nhà hoàng oanh học. Ngày ngày trôi qua, hoạ mi và vẹt đã hát được với giọng êm ái. Còn quạ thì chỉ biết phát ra âm thanh buồn bã: quạ... quạ... quạ...

(Theo *100 truyện ngụ ngôn về đạo đức*)

## 2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh, đọc câu hỏi dưới tranh, nhớ lại nội dung câu chuyện; chọn 1 – 2 đoạn mình nhớ nhất hoặc thích nhất để tập kể, không phải kể đúng từng câu từng chữ mà GV đã kể (có thể kể cả câu chuyện nếu có thể).

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (một em kể, một em lắng nghe để góp ý sau đó đổi vai người kể, người nghe).

*Lưu ý*: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc em nhớ nhất.

– GV mời 2 HS xung phong kể trước lớp (mỗi em kể 2 đoạn – kể nối tiếp đến hết câu chuyện). Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.

– GV nêu câu hỏi: Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

– Một số HS trả lời. (VD: Câu chuyện khuyên chúng ta: Ai chăm chỉ sẽ thành công.)

### VẬN DỤNG

**Kể cho người thân nghe câu chuyện *Hoạ mi, vẹt và quạ*.**

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

+ Trước khi kể, các em xem lại 4 tranh và đọc các câu hỏi dưới mỗi tranh để nhớ nội dung câu chuyện.

+ Cố gắng kể lại toàn bộ câu chuyện cho người thân nghe (hoặc kể 1– 2 đoạn em thích nhất trong câu chuyện).

+ Có thể nêu nhận xét của em về hoạ mi, vẹt, quạ và hoàng oanh.

### CỦNG CỐ

– GV giúp HS tóm tắt những nội dung chính trong bài học và tự đánh giá những điều mình đã làm được sau bài học. (Có thể phát bảng tự kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh dấu vào việc mình đã làm được vào bảng kiểm tra, đánh giá theo mẫu gợi ý dưới đây.)

| Nội dung bài học | Tự kiểm tra |
|---|---|
| Nhớ được các nội dung chính trong bài đọc *Cuốn sách của em* | |
| Nhận biết được tên sách, tên tác giả, hình minh hoạ trên bìa sách | |
| Biết cách đọc mục lục | |
| Biết viết chữ viết hoa *G* | |
| Viết đúng câu ứng dụng *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.* | |
| Nhìn tranh, kể được câu chuyện *Hoạ mi, vẹt và quạ* | |

– GV khen ngợi những HS đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập.

## Bài 16 KHI TRANG SÁCH MỞ RA (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng, rõ ràng một VB thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh quan sát được. Biết chia sẻ về những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc có

liên quan đến bài thơ; nội dung của bài thơ và các chi tiết trong tranh, suy luận từ tranh gợi ý để nắm được nội dung bài thơ *Khi trang sách mở ra*.

**2.** Nghe – viết 2 khổ thơ trong bài. Biết viết hoa tên người. Phân biệt được *l/ n*, các vần *ăn/ ăng, ân/ âng*.

**3.** a. Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm (liên quan đến các đồ vật HS thường có hoặc thường thấy ở trường, lớp), đặt được câu nêu đặc điểm của đồ vật.

b. Biết cách sử dụng *dấu chấm* và *dấu chấm hỏi*.

**4.** Biết viết đoạn văn tả đồ dùng học tập. Bước đầu biết cách ghi phiếu đọc sách với những thông tin cơ bản nhất, nói được những điều em thích nhất trong cuốn sách em đã đọc.

**5.** Thêm yêu sách và có thêm cảm hứng để đọc sách.

## II CHUẨN BỊ

– GV nắm được đặc điểm thể loại VB thơ, các hình ảnh thơ và đặc trưng về vần trong thơ. Bài *Khi trang sách mở ra* không chứa nhiều từ ngữ khó nhưng lại có nhiều hình ảnh thơ tương đối khó đối với HS. Hình ảnh "Khi trang sách mở ra" là một hình ảnh đẹp, thể hiện thông điệp: Sách mang đến cho ta bao điều kì diệu. Có thể có những câu thơ trong VB mang ý nghĩa trừu tượng (*Trang sách còn có lửa/ Mà giấy chẳng cháy đâu, Trang sách không nói được/ Sao em nghe điều gì,...*), GV chỉ cần giải thích để HS nắm được thông điệp chung: Sách mở ra trước mắt chúng ta cả một thế giới sinh động và hấp dẫn; từ đó, GV khuyến khích HS chăm chỉ đọc sách.

– GV chuẩn bị sẵn một số mẫu phiếu đọc sách và các phiếu học tập (có thể cho HS làm bài tập chính tả hoặc luyện từ và câu).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Cuốn sách của em*) và nói một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– GV cho HS thảo luận nhóm về 2 yêu cầu: *Nói tên những cuốn sách mà em đã đọc; Giới thiệu về cuốn sách em thích nhất.*

– Một số HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung.

– GV giới thiệu bài mới: Sách mang lại cho chúng ta rất nhiều điều thú vị. Bài thơ *Khi trang sách mở ra* sẽ cho chúng ta thấy điều đó.

## 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc với giọng vui vẻ, háo hức. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm theo.

+ GV cho 2 HS đọc nối tiếp theo 4 đoạn thơ (có thể đọc xen kẽ: HS1 đọc khổ thơ 1 và 3; HS 2 đọc khổ thơ 2 và 4) để làm mẫu.

+ GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB (*cỏ dại, thứ đến*).

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ HS đọc nối tiếp như hướng dẫn.

– Đọc cá nhân:

+ Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.

– GV đọc từng câu hỏi và mời một số HS trình bày câu trả lời của mình. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV và HS thống nhất câu trả lời.

Cụ thể, đối với từng câu hỏi, có thêm một số bước sau:

**Câu 1**. *Sắp xếp các sự vật theo thứ tự được nhắc đến trong khổ thơ đầu.*

– HS làm việc nhóm, đọc yêu cầu của câu hỏi.

– HS đọc lại khổ thơ đầu tiên để tìm thứ tự xuất hiện của các sự vật: *Bắt đầu là cỏ dại/ Thứ đến là cánh chim...*

Thứ tự đúng: cỏ dại, cánh chim, trẻ con, người lớn.

**Câu 2**. *Ở khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ thấy những gì trong trang sách?*

– HS làm việc nhóm:

+ Cùng nhau đọc lại khổ 2 rồi đến khổ 3.

+ Trao đổi với bạn trong nhóm về đáp án.

+ Có thể nhìn tranh minh hoạ ở dưới câu hỏi (như là gợi ý câu trả lời).

– GV gọi đại diện các nhóm phát biểu.

– GV và HS chốt đáp án: Trong khổ thơ thứ 2, bạn nhỏ thấy biển, cánh buồm, rừng, gió. Trong khổ thơ thứ 3, bạn nhỏ thấy lửa, ao, giấy.

**Câu 3**. *Theo em, khổ thơ cuối ý nói gì?*

– GV cho HS thảo luận với các yêu cầu:

+ Đọc 3 phương án trắc nghiệm.

+ Đọc lại khổ thơ cuối.

+ Chọn phương án và trao đổi về lí do chọn. (Có thể dùng phương pháp loại trừ)

– GV gọi đại diện nhóm trả lời.

– GV và HS chốt đáp án: (c) Trong trang sách có nhiều điều thú vị về cuộc sống.

**Câu 4.** *Tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối mỗi dòng thơ.*

– GV cho HS thảo luận nhóm với các yêu cầu:

+ Đọc lại các tiếng cuối mỗi dòng thơ.

+ Tìm các tiếng cùng vần.

+ Chọn phương án (có thể viết ra bảng con).

– GV gọi đại diện nhóm trả lời (hoặc cho các nhóm cùng giơ bảng).

– GV và HS chốt đáp án: Các tiếng cùng vần là: *lại – đại, đâu – sâu, gì – đi.*

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm các từ ngữ chỉ sự vật trong khổ thơ thứ hai hoặc thứ ba.*

– GV tiếp tục cho HS thảo luận nhóm với các yêu cầu:

+ Đọc lại khổ thơ thứ hai hoặc khổ thơ thứ ba.

+ Tìm từ chỉ sự vật (có thể viết ra nháp hoặc bảng con).

+ Cử đại diện trả lời.

– GV chốt đáp án (Các sự vật trong khổ thơ 2 và 3 là: *trang sách, biển, cánh buồm, rừng, gió, lửa, giấy, ao*).

GV có thể tổ chức hoạt động này bằng trò chơi Thi tìm nhanh. GV chuẩn bị sẵn các thẻ giấy trắng, phát cho các nhóm để các nhóm viết các từ tìm được vào đó. Nhóm nào xong trước và đúng nhiều nhất sẽ được khen.

**Câu 2.** *Đặt một câu về một cuốn truyện.*

+ HS làm việc nhóm, tự đặt câu và nói cho nhau nghe.

+ HS có thể đặt bất kì kiểu câu nào (câu giới thiệu, câu nêu đặc điểm,...), miễn là có liên quan đến một cuốn truyện. VD: Cuốn *Truyện cổ tích Việt Nam* là một cuốn sách hay. GV đi tới các nhóm và lắng nghe, góp ý cho HS.

+ GV gọi một số HS trả lời. GV sửa chữa lỗi về ngữ pháp, ngữ nghĩa cho HS.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết: *Khi trang sách mở ra* (2 khổ thơ cuối).

– GV đọc một lần 2 khổ thơ đó cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại trước lớp.

– GV hướng dẫn HS:

+ Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi dòng thơ.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương (*giấy, cháy, dạt dào, chân trời,...*).

– GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn thơ cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

### 2. Viết tên 2 tác giả của những cuốn sách em đã đọc.

HS làm việc cá nhân, tìm và viết vào vở tên 2 tác giả bất kì. Lưu ý viết hoa tên riêng theo đúng quy định. GV nhận xét một số bài.

### 3. Chọn a hoặc b.

a. *Chọn l hoặc n thay cho ô vuông*

– HS làm việc cá nhân, viết vào vở.

– Cả lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV. (*Dao có mài mới sắc, người có học mới **nên**; Hay học thì sang, hay làm thì có; **L**ật từng trang từng trang/ Giấy trắng sờ mát rượi/ Thơm tho mùi giấy mới/ **N**ắn nót bàn tay xinh.*)

b. *Chọn tiếng trong ngoặc đơn thay cho ô vuông*

– HS làm việc cá nhân, viết vào vở.

– Cả lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV (***gắn** bó, cố **gắng**, **gắng** sức; ánh **nắng**, uốn **nắn**, **nắn** nót; **vần** thơ, **vầng** trăng, **vầng** trán; **vân** gỗ, **vâng** lời, **vân** tay*).

(GV cũng có thể tổ chức chơi trò chơi: Thi tìm nhanh. HS làm việc nhóm, viết những từ tìm được ra những thẻ giấy mà GV đã chuẩn bị sẵn. Nhóm nào đúng và nhanh nhất sẽ được khen).

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Chọn từ chỉ đặc điểm của mỗi đồ dùng học tập trong hình.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Nhìn tranh xem tranh vẽ những đồ vật gì.

+ Đọc các từ ngữ trong bài (*thẳng tắp, trắng tinh, nhọn hoắt, tím ngắt*).

+ Trao đổi với nhau để thống nhất các phương án.

+ Đại diện nhóm trình bày trước lớp.

– GV chốt đáp án: thước kẻ – thẳng tắp; quyển vở – trắng tinh; đầu bút chì – nhọn hoắt; lọ mực – tím ngắt.

### 2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

– GV có thể chiếu bài tập lên bảng hoặc cho HS theo dõi trong SHS; tổ chức cho HS làm việc nhóm với các nhiệm vụ:

+ Đọc các từ ngữ trong các cột.

+ Trao đổi với nhau để thống nhất các phương án. Giải thích lí do của việc kết hợp.

+ Đại diện nhóm trình bày trước lớp.

– GV chốt đáp án: *Bàn học của Bống ngăn nắp, gọn gàng.; Cuốn vở thơm mùi giấy mới.; Cục tẩy nhỏ xíu như một viên kẹo.*

### 3. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông.

– GV có thể chiếu bài tập lên bảng hoặc cho HS theo dõi trong SHS; tổ chức cho HS làm việc nhóm với các nhiệm vụ:

+ Đọc bài thơ.

+ Trao đổi với nhau để thống nhất các phương án. Giải thích lí do của việc lựa chọn.

+ Đại diện nhóm trình bày trước lớp.

– GV có thể cho các nhóm thi làm nhanh, điền vào bảng hoặc giấy GV chuẩn bị.

– GV và HS chốt đáp án: *Sách ơi thức dậy/ Vở ơi học bài/ Ô kìa thước kẻ/ Sao cứ nằm dài?/ Lại còn anh bút/ Trốn tít nơi đâu? Nhanh dậy đi mau/ Cùng em đến lớp.*

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

### 1. Kể tên các đồ dùng học tập của em.

– GV cho HS hoạt động nhóm (nhóm 2).

– HS trao đổi với bạn về những đồ dùng học tập mình có.

– Một số (4 – 5) HS lên bảng kể tên các đồ dùng học tập của mình.

*Lưu ý:* GV có thể tổ chức hoạt động này dưới hình thức trò chơi.

### 2. Viết 3 – 4 câu tả một đồ dùng học tập của em.

– HS đọc yêu cầu của bài và các gợi ý.

– GV và HS hỏi đáp theo từng câu hỏi gợi ý:

(1) *Em chọn tả đồ dùng học tập nào?* (bút chì, thước kẻ, lọ mực, quyển vở,...)

(2) *Đồ dùng đó có hình dạng, màu sắc ra sao?* (hình chữ nhật, hình trụ thon dài,...; màu trắng nhạt xen những đường kẻ đỏ, màu tím, màu vàng,...). GV có thể gợi mở thêm: Đồ dùng đó có những bộ phận nào? Đặc điểm của mỗi bộ phận như thế nào?

(3) *Nó giúp ích gì cho em trong học tập?*

Phần này thực chất là nói về công dụng của đồ vật (thước kẻ – giúp em viết thẳng hàng; bút chì – giúp em vẽ những thứ mình thích,...)

(4) *Em có nhận xét hay suy nghĩ gì về đồ dùng đó?* (Em rất thích đồ dùng đó./ Em thấy nó thật dễ thương/ Em thấy nó thật có ích,...) GV có thể gợi mở thêm: Em có thích đồ dùng đó không? Em giữ gìn đồ dùng đó như thế nào?

– HS hoạt động cặp đôi, cùng nói về đồ dùng học tập theo câu hỏi gợi ý trong SHS.

– Từng HS viết câu vào vở. GV: Cần viết câu đủ hai bộ phận; viết hoa chữ cái đầu câu; dùng dấu chấm kết thúc câu.

– Một số HS đọc bài trước lớp. VD:

+ Tả cái gọt bút chì: Em chọn tả chiếc gọt bút chì của em. Nó có hình dáng giống như một chiếc ô tô đồ chơi. Lưỡi dao sắc bén gọt chì nhẹ nhàng mà không làm gãy ruột chì. Em rất thích chiếc gọt bút chì này. Nó không chỉ giúp em gọt chì mà còn là món đồ trang trí dễ thương trên bàn học của em.

+ Tả cái bút chì: Chiếc bút chì của em dài bằng một gang tay. Thân bút tròn như chiếc đũa. Vỏ ngoài của bút sơn màu xanh bóng loáng. Trên nền xanh ấy nổi bật hàng chữ vàng in lấp lánh. Em rất yêu chiếc bút chì của mình.

## ĐỌC MỞ RỘNG

Chuẩn bị: trong buổi học trước, GV giới thiệu cho HS danh mục những cuốn sách hay, phù hợp với HS lớp 2 và giao cho HS nhiệm vụ tìm đọc một cuốn sách trong đó. Nếu HS không có điều kiện để tiếp cận với sách trong thư viện hoặc ở gia đình, GV có thể mang sách đến lớp và yêu cầu các em đọc, sau đó luân phiên, trao đổi cho nhau.

### 1. Cho biết phiếu đọc sách của bạn Nam có những nội dung gì.

– GV gọi HS quan sát và tìm hiểu phiếu đọc sách và trả lời các câu hỏi: Em thấy những thông tin gì trong phiếu đọc sách của bạn Nam? Tên cuốn sách được giới thiệu trong phiếu đọc sách là gì? Cuốn sách của tác giả nào? Được xuất bản ở đâu? Điều gì Nam thích nhất trong cuốn sách? Theo em, phiếu đọc sách dùng để làm gì?

– GV thống nhất câu trả lời đúng: Trong phiếu đọc sách của bạn Nam có những nội dung: ngày mượn sách, tên sách, tên tác giả, điều em thích nhất. Tên cuốn sách là *Cái Tết của mèo con*, tác giả là Nguyễn Đình Thi. Điều Nam thích nhất là mèo con rất dũng cảm.

– GV nhấn mạnh tác dụng và cách dùng phiếu đọc sách: Phiếu đọc sách giúp em ghi lại những thông tin hữu ích về cuốn sách mà mình đã đọc. Nhờ đó, em ghi nhớ thông tin tốt hơn. Mỗi khi đọc xong một cuốn sách hay, em nên ghi lại những thông tin chính vào phiếu đọc sách.

### 2. Ghi chép các thông tin về cuốn sách mà em đã đọc vào phiếu đọc sách.

– GV hướng dẫn HS thảo luận về cuốn sách mình đã đọc dựa vào những thông tin trong phiếu đọc sách: Tên cuốn sách em đã đọc là gì? Tác giả của cuốn sách là ai? Điều

em thấy thú vị nhất trong cuốn sách là gì? GV có thể mang một cuốn sách hay đến và làm mẫu cho HS quan sát cách thức giới thiệu về cuốn sách.

– GV hướng dẫn HS ghi lại thông tin về cuốn sách mà mình đã đọc vào phiếu đọc sách dựa trên kết quả thảo luận ở trên.

– GV đọc nhanh và nhắc nhở HS chỉnh sửa lại phiếu đọc sao cho đầy đủ, chính xác. GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS viết nhanh, đẹp, đầy đủ và nhắc lại tên những cuốn sách mà HS vừa giới thiệu trong phiếu đọc.

– GV nhấn mạnh tác dụng của phiếu đọc sách, khuyến khích HS thường xuyên sử dụng phiếu đọc sách sau khi đọc và tiếp tục giới thiệu thêm những cuốn sách hay, yêu cầu HS đọc và ghi chép thông tin vào phiếu đọc sách.

### 3. Nói về điều em thích nhất trong cuốn sách đã đọc.

– GV tổ chức cho HS thảo luận về cuốn sách mà mình đã đọc, dựa trên phần ghi chép trong phiếu đọc sách. GV động viên để HS tự tin trình bày ý kiến của mình và khen ngợi những HS chăm đọc sách, đọc được sách hay.

– GV có thể giới thiệu thêm những cuốn sách hay, phù hợp với lứa tuổi của HS.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính:

+ Nội dung, ý nghĩa bài đọc: Bài thơ *Khi trang sách mở ra* nói về ý nghĩa, tác dụng mà sách mang lại cho con người: Sách mang đến cho ta nhiều điều mới lạ và đẹp đẽ về thế giới xung quanh. Nhờ đọc sách, chúng ta hiểu biết nhiều hơn. Do vậy, chúng ta nên đọc sách mỗi ngày.

+ Cách viết câu, đoạn miêu tả đặc điểm của đồ vật. (Lưu ý hình dạng, màu sắc, kích thước,... của từng bộ phận của đồ vật.)

+ Cách viết phiếu đọc sách với các thông tin cơ bản. (Lưu ý tên sách, tên tác giả và điều em thích nhất.)

– GV khuyến khích HS chăm đọc sách và tự ghi lại các thông tin vào phiếu đọc sách của mình. Có thể làm cuốn sổ tay đọc sách.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS kể lại câu chuyện đã học cho người thân nghe.

# TUẦN 9

# ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1 (10 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố kĩ năng đọc thông qua hoạt động đọc đúng các bài đã học (5 VB, được lựa chọn từ tuần 1 đến tuần 8), đồng thời đọc thêm những VB mới (chủ yếu là truyện ngụ ngôn, truyện cười với nhiều lời thoại của các nhân vật). Thực hiện được các yêu cầu liên quan đến VB đọc.
2. Củng cố kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động nói trong những tình huống cụ thể (rèn các nghi thức lời nói: *nhờ, khen, chúc mừng, an ủi*); kĩ năng nghe và kể lại một câu chuyện.
3. Củng cố và phát triển kĩ năng nghe – viết, kĩ năng viết đoạn văn (giới thiệu về một đồ chơi hoặc đồ dùng gia đình).
4. Rèn kĩ năng chính tả thông qua trò chơi đoán từ (phân biệt *ch/tr, an/ang*).
5. Củng cố kĩ năng vận dụng kiến thức tiếng Việt qua hoạt động mở rộng vốn từ ngữ về đồ dùng học tập, đồ dùng gia đình; phân biệt từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động và đặc điểm của sự vật. Về câu, phân biệt câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm; viết câu nêu đặc điểm hay công dụng của đồ vật, sử dụng dấu câu thích hợp trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

## II CHUẨN BỊ

– Khổ giấy lớn và bút để ghi chép dành cho hoạt động nhóm.

– Các lá thăm ghi nội dung bài tập để tổ chức các trò chơi.

– GV thiết kế một đề kiểm tra như ở tiết 9 – 10 in sẵn ra giấy để HS tự làm.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### 1. Tìm tên bài đọc tương ứng với nội dung của bài.

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm.

+ HS quan sát tranh: phần cánh hoa bên trong (màu vàng) và cánh hoa bên ngoài (màu hồng), xác định:

Phần cánh hoa bên trong: tên 5 bài đọc (được chọn lọc trong các tuần từ tuần 1 đến 8).

Phần cánh hoa bên ngoài: nội dung của các bài đọc.

+ HS đọc tất cả các nội dung được ghi trên bông hoa.

+ HS ghép nội dung bài với tên bài đọc. (HS có thể xem lại bài đọc nếu cần.)

– Các nhóm thi tìm nhanh đáp án.

Đáp án:

(1) Tôi là học sinh lớp 2 – (c) Kể về ngày khai trường của một bạn học sinh lớp 2;

(2) Niềm vui của Bi và Bống – (a) Kể về niềm vui của hai anh em;

(3) Một giờ học – (e) Kể về cậu bé Quang tự tin nói trước lớp;

(4) Cái trống trường em – (d) Nói về một đồ vật thân thuộc ở trường học;

(5) Cuốn sách của em – (b) Giới thiệu về sách.

– HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

## 2. Chọn đọc một bài và trả lời câu hỏi.

– GV chuẩn bị 6 lá thăm, tương ứng với 6 bài đọc;

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, đọc lại 6 VB, sau đó trả lời các câu hỏi.

– Đại diện các nhóm lên bốc thăm, làm theo yêu cầu trong thăm, trình bày trước lớp.

Đáp án:

+ *Tôi là học sinh lớp 2*: Vào ngày khai trường, các bạn thường muốn đến trường sớm vì các bạn cảm thấy háo hức/ cảm thấy muốn được gặp lại thầy cô, gặp lại bạn bè,…

+ *Niềm vui của Bi và Bống*: Dạng câu hỏi mở. Có thể trả lời: Bi và Bống không vẽ tranh cho mình mà lại vẽ tặng cho nhau vì cả hai đều luôn nghĩ đến nhau, người này muốn người kia vui.

+ *Em có xinh không?*: Cuối cùng, voi em nhận thấy bản thân xinh nhất khi là chính mình.

+ *Cầu thủ dự bị*: Theo cách hiểu của gấu, cầu thủ dự bị là người chơi được cho cả hai đội.

+ *Cô giáo lớp em*: Dạng câu hỏi mở. Có thể trả lời, VD: Em thích khổ thơ thứ hai (*Cô dạy em tập viết/ Gió đưa thoảng hương nhài/ Nắng ghé vào cửa lớp/ Xem chúng em học bài*) vì khổ thơ này tả một khung cảnh rất đẹp.

+ *Cái trống trường em*: Trong những ngày hè, trống trường buồn vì nhớ các bạn học sinh.

– HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn. GV chốt đáp án đúng.

# TIẾT 3 – 4

## 3. Nghe – viết

GV thực hiện hoạt động này giống như các bài nghe – viết trước.

## 4. Trò chơi: Đoán từ

– GV cho HS hoạt động theo nhóm. Mỗi nhóm ghi đáp án của mình vào bảng con. Nhóm nào hoàn thành trước và làm đúng nhiều câu nhất sẽ thắng.

– GV hướng dẫn HS: Đọc một lượt các dòng, có thể vừa đọc vừa đoán. Sau đó ghi đáp án ra bảng con.

– HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

– GV chốt đáp án: a. trống; b. chổi; c. bảng; d. bàn.

### 5. Viết tên đồ vật trong mỗi hình.

– GV cho HS làm việc nhóm, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:

+ Quan sát các đồ vật trong tranh.

+ Nói tên đồ vật.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

– GV chốt đáp án. Tên các đồ vật: cái kéo, khăn mặt, đồng hồ, cái thìa, hộp bút màu, cái đĩa.

### 6. Hỏi – đáp về công dụng của từng đồ vật ở bài tập 5.

– GV cho HS làm việc theo cặp đôi, thực hiện các công việc:

+ Đọc câu mẫu trong SHS.

+ Quan sát lại các đồ vật trong tranh ở bài tập 5.

+ Hỏi và đáp về công dụng của đồ vật.

+ Một số cặp trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

– GV chốt đáp án. VD: Khăn mặt dùng để làm gì? Khăn mặt dùng để rửa mặt,…

### 7. Ghép các từ ngữ để tạo 4 câu nêu đặc điểm.

– GV cho HS làm việc nhóm, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:

+ Đọc các từ ngữ hàng trên (các từ ngữ chỉ sự vật).

+ Đọc các từ ngữ hàng dưới (các từ ngữ chỉ đặc điểm).

+ Chọn các từ ngữ hàng trên sao cho phù hợp với hàng dưới.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

(Có thể tổ chức hoạt động theo cách khác. VD: GV viết sẵn các từ ngữ vào 8 tấm thẻ, chuẩn bị thành nhiều bộ, chia nhóm: 8 HS một nhóm, HS trong nhóm ghép các thẻ với nhau).

– GV chốt đáp án: Đôi mắt của bé to tròn, đen láy; Những vì sao lấp lánh trong đêm; Cầu vồng rực rỡ sau cơn mưa; Tóc bà đã bạc.

## TIẾT 5 – 6

### 8. Đóng vai, nói và đáp trong 4 tình huống.

– GV cho HS làm việc cặp đôi, chọn một cặp đôi làm mẫu cho một trường hợp, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:

+ Đọc một lượt 4 tình huống.

+ Đọc từng tình huống và thảo luận đáp án cho mỗi tình huống.

+ GV quan sát các cặp đôi.

+ Một số cặp trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

– GV chốt một vài đáp án. VD:

a. Nhờ bạn nhặt giúp cái bút bị rơi: Cậu nhặt giúp tớ cái bút được không?/ Cậu nhặt hộ tớ cái bút với!... Ừ. Đợi tớ chút. Tớ sẽ nhặt giúp cậu.

b. Khen bạn viết chữ đẹp: Bạn viết đẹp thật đấy!/ Chữ của bạn thật tuyệt!... Thế à? Tớ tập viết thường xuyên đấy,...

## 9. Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?

– GV cho HS làm việc nhóm, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:

+ Đọc các câu ở cột A. Đọc các kiểu câu ở cột B.

+ GV có thể gợi ý: Câu có chứa từ "là" là câu giới thiệu; câu chứa từ chỉ hoạt động (gặt) là câu nêu hoạt động; câu chứa từ chỉ đặc điểm (chăm chỉ, cẩn thận) là câu nêu đặc điểm.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

– GV chốt đáp án:

+ *Bác An là nông dân.* – Câu giới thiệu

+ *Bác đang gặt lúa.* – Câu nêu hoạt động

+ *Bác rất chăm chỉ và cẩn thận.* – Câu nêu đặc điểm

## 10. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông.

– GV cho HS làm việc nhóm, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:

+ Đọc một lượt VB.

+ Đọc lại các câu cần điền dấu câu.

+ Trao đổi với các bạn để chọn dấu câu thích hợp.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

– GV chốt đáp án: *Ăn gì trước?*

*Hai anh em vừa ăn bánh quy vừa trò chuyện:*

*Anh: – Nếu cái bánh này hình chiếc ô tô, em sẽ ăn phần nào trước?*

*Em: – Em sẽ ăn bốn cái bánh xe ạ.*

*Anh: – Tại sao vậy?*

*Em: – Em phải ăn bánh xe trước để cái xe không chạy được nữa. Nếu ăn các bộ phận khác, anh nghĩ cái xe chịu đứng yên cho em ăn nó hay sao?*

## TIẾT 7 – 8

### 11. Nhìn tranh và nói tên câu chuyện. Chọn kể một câu chuyện em thích.

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh đã được treo hoặc chiếu lên.

– GV cho HS thảo luận nhóm, sau đó gọi một vài HS nói tên câu chuyện dưới tranh.

– GV chốt các đáp án: Tranh 1. Truyện *Chú đỗ con*; Tranh 2. Truyện *Cậu bé ham học*; Tranh 3. Truyện *Niềm vui của Bi và Bống*; Tranh 4. Truyện *Em có xinh không?*

– GV cho mỗi nhóm chọn một câu chuyện để kể trong nhóm. Trước khi kể, GV nhắc HS xem lại câu chuyện trong bài đã học trước đó.

– Một vài nhóm kể chuyện trước lớp.

– GV và HS nhận xét, bình chọn nhóm kể chuyện hay nhất.

### 12. Cùng bạn hỏi – đáp về những câu chuyện em và bạn vừa kể.

– GV cho HS làm việc cặp đôi, thực hiện yêu cầu:

Một HS hỏi, một HS trả lời về câu chuyện vừa kể, sau đó đổi vai.

VD:

– Truyện "Niềm vui của Bi và Bống" có mấy nhân vật?

– Có hai nhân vật, đó là Bi và Bống.

– Bạn có thích câu chuyện này không? Vì sao?

– Tớ thích câu chuyện này vì nó rất có ý nghĩa.

## TIẾT 9 – 10

### 13. Đọc *Câu chuyện bó đũa*, trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

HS tự đọc thầm *Câu chuyện bó đũa*. Sau đó làm bài ra phiếu bài tập GV in sẵn.

Đáp án:

a. *Khi lớn lên, tình cảm giữa anh và em thế nào?*

Không hoà thuận (phương án 3).

b. *Người cha nghĩ ra cách gì để khuyên bảo các con?*

Người cha thử thách các con bằng việc bẻ bó đũa.

c. *Vì sao bốn người con không bẻ gãy được bó đũa?*

Bốn người con không bẻ gãy được bó đũa vì họ đều cầm cả bó đũa để bẻ.

d. *Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách nào?*

Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách tách rời từng chiếc đũa và bẻ từng chiếc một.

e. *Người cha muốn khuyên các con điều gì?*

Người cha muốn khuyên các con đoàn kết. (Hoặc: … khuyên các con phải yêu thương, gắn bó với nhau; có như vậy mới tạo ra sức mạnh).

g. *Tìm từ ngữ ở cột A phù hợp với nghĩa của nó ở cột B.*

hoà thuận: êm ấm, không có xích mích

yêu thương: có tình cảm gắn bó tha thiết, quan tâm, chăm sóc hết lòng

buồn phiền: buồn và lo nghĩ không yên lòng

h. *Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.*

Từ ngữ chỉ sự vật: *nhà, bó đũa, túi.*

Từ ngữ chỉ hoạt động: *gọi, đặt, bẻ, nói.*

– GV nhận xét và chữa bài cho HS vào một khoảng thời gian thích hợp.

**14. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình.**

Phần này thuộc đề kiểm tra của bài Ôn tập nên GV có thể để HS tự làm. Nếu thấy cần thiết, GV có thể gợi ý trước khi HS làm bài.

– GV gọi 2 – 3 HS đọc phần gợi ý trong SHS hoặc trong đề kiểm tra in sẵn. HS thảo luận nhóm đôi để trả lời 3 câu hỏi. VD:

+ Đồ vật em muốn giới thiệu là cái quạt máy.

+ Đồ vật này do bố em mua vào đầu mùa hè.

+ Từ ngày có cái quạt máy, em thấy mùa hè đỡ nóng bức hẳn.

HS có thể viết thành đoạn văn. VD: Mùa hè nóng bức đã đến. Hôm nay, bố em đi làm về, mang theo một cái quạt máy. Quạt máy có cái đế tròn, một trụ thẳng đứng để đỡ, bên trên có 3 cánh quạt bằng nhựa và một lồng bảo vệ. Mỗi khi cánh quạt quay vù vù là bao nhiêu cái nóng trong nhà bị xua đi hết. Có cái quạt máy, em ngồi học bài thấy mát mẻ và rất dễ chịu.

– HS tự làm bài vào vở.

– GV nhận xét và chữa một số bài cho HS.

## CỦNG CỐ

– GV nhắc lại vắn tắt những nội dung HS đã được ôn tập trong 10 tiết:

+ Ôn lại tên các bài đọc, tên các bài kể chuyện.

+ Ôn luyện một số nhóm từ ngữ chỉ sự vật (chỉ người hoặc vật), hoạt động, đặc điểm.

+ Ôn luyện 3 loại câu: câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm (Câu có chứa từ "là" là câu giới thiệu; câu chứa từ ngữ chỉ hoạt động là câu nêu hoạt động; câu chứa từ ngữ chỉ đặc điểm là câu nêu đặc điểm).

+ Ôn luyện về dấu câu: dấu chấm, chấm hỏi. (Dấu chấm dùng để kết thúc câu kể; dấu chấm hỏi dùng để kết thúc câu hỏi.)

+ Kể lại được một câu chuyện đã học.

– GV hỏi xem HS còn điều gì chưa hiểu hoặc muốn chia sẻ. GV giải đáp.

– GV khen ngợi, động viên HS.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

# NIỀM VUI TUỔI THƠ

## TUẦN 10

## Bài 17 GỌI BẠN (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng một bài thơ thuộc thể 5 chữ, đọc đúng các từ có vần khó, biết cách ngắt nhịp thơ.

   b. Nhận biết được tình cảm giữa bê vàng và dê trắng qua các từ ngữ và chi tiết trong bài thơ; nhận biết được các câu thơ có vần giống nhau.

2. Biết viết chữ viết hoa *H* cỡ vừa và cỡ nhỏ, viết câu ứng dụng *Học thầy không tày học bạn.*

3. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện trong bài thơ *Gọi bạn* qua tranh minh hoạ; kể lại được 1 – 2 đoạn câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện trong bài đọc) và kể sáng tạo kết thúc câu chuyện.

4. a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (hiểu được các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, cảm nhận được tình cảm của các nhân vật qua nghệ thuật nhân hoá trong bài thơ).

   b. Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè, cảm nhận được niềm vui khi có bạn; có tinh thần hợp tác làm việc nhóm.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Cách đọc hiểu thể loại VB thơ 5 chữ (thơ kể chuyện), với cách ngắt nhịp phổ biến là 2/3 hoặc 3/2. Hiểu được nghệ thuật nhân hoá.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Ảnh phóng to tranh minh hoạ phần kể chuyện trên khổ giấy lớn (hoặc chiếu trên màn hình).

– Chuẩn bị một số đồ dùng đơn giản (tranh hoặc mũ có hình các con vật trong rừng) để HS đóng vai.

– Mẫu chữ viết hoa *H*, vở *Tập viết 2 tập một*.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ, nêu nội dung tranh: hai bạn bê vàng và dê trắng đang chơi với nhau rất vui vẻ, có vẻ như đang hát cùng nhau, trong khung cảnh rừng xanh sâu thẳm. Bức tranh thể hiện tình cảm bạn bè thân thiết.

– GV hướng dẫn HS nói về một người bạn của mình theo các gợi ý: 1. *Em muốn nói về người bạn nào? Bạn tên là gì? Bạn là bạn cũ/ bạn hàng xóm/ bạn cùng lớp…?*; 2. *Em chơi với bạn từ bao giờ?*; 3. *Em và bạn ấy thường làm gì? (học tập, chơi đồ chơi, nói chuyện,…)*; 4. *Em thích nhất điều gì ở bạn ấy?*; 5. *Khi chơi với bạn, em cảm thấy thế nào?*

– GV có thể khuyến khích HS kể những kỉ niệm khi chơi với bạn.

– Nhóm/ cặp:

+ Từng em nói về một người bạn của mình.

+ Các HS khác có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về người bạn đó.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV chốt lại về niềm vui khi có bạn và giới thiệu bài đọc. (Một bài thơ về tình bạn thân thiết của hai bạn bê vàng và dê trắng.)

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV đọc mẫu toàn VB. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số tiếng có vần khó đọc đối với các em như *thuở, nẻo,...*

+ GV hướng dẫn HS đọc đúng giọng của câu hỏi *Lấy gì nuôi đôi bạn/ Chờ mưa đến bao giờ*? (lên giọng, giọng lo lắng) và lời gọi "*Bê! Bê!*" (kéo dài, giọng tha thiết). Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.

+ GV mời 3 HS đọc nối tiếp từng đoạn để HS biết cách luyện đọc theo nhóm.

+ GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB.

– Luyện đọc theo nhóm:

+ Từng nhóm 3 HS đọc nối tiếp các đoạn như các HS đã làm mẫu trước lớp. HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

### 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Câu chuyện được kể trong bài thơ diễn ra khi nào? Ở đâu?*

– Cả lớp:

+ GV gọi một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm.

+ HS đọc thầm lại khổ thơ 1.

+ HS tìm các từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm trong khổ thơ.

+ 2 – 3 HS nêu đáp án trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Câu chuyện được kể trong bài thơ diễn ra từ thuở xa xưa, trong rừng xanh sâu thẳm.)

**Câu 2.** *Chuyện gì xảy ra khiến bê vàng phải lang thang đi tìm cỏ?*

– HS làm việc nhóm:

+ HS đọc thầm khổ thơ 2.

+ Tìm các sự việc xảy ra trong khổ thơ.

+ Lựa chọn sự việc là nguyên nhân khiến bê vàng phải tìm cỏ.

+ Trao đổi nhóm để tìm câu trả lời.

– Cả lớp:

+ Các nhóm nêu câu trả lời của nhóm mình. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Một năm trời hạn hán, cỏ cây héo khô, bê vàng không chờ được mưa để có cỏ ăn nên đã lang thang đi tìm cỏ.)

**Câu 3.** *Khi bê vàng quên đường về, dê trắng đã làm gì?*

– HS làm việc nhóm:

+ HS đọc thầm khổ 3 để tìm các từ ngữ chỉ hoạt động của dê trắng sau khi bê vàng đi lạc.

+ Trao đổi nhóm để tìm câu trả lời.

– Cả lớp:

+ Các nhóm nêu câu trả lời của nhóm mình. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Dê trắng chạy khắp nẻo tìm bê và gọi bê.)

**Câu 4.** *Nêu cảm nghĩ của em về bê vàng và dê trắng.*

– HS làm việc nhóm:

+ Nêu cảm nghĩ về bê vàng (GV hướng dẫn HS chú ý chi tiết có thể khơi gợi cảm xúc của các em như bê vàng lang thang quên đường về).

+ Nêu cảm nghĩ về dê trắng (GV hướng dẫn HS chú ý chi tiết dê trắng thương bạn, chạy khắp nơi đi tìm, gọi hoài "Bê! Bê!").

+ Nêu cảm nghĩ về tình bạn giữa bê vàng và dê trắng (chú ý các chi tiết đôi bạn sống bên nhau, dê trắng đi tìm bạn).

*Lưu ý*: Đây là câu hỏi mà các em có thể trả lời tự do, không có đáp án cố định. GV khuyến khích HS nêu quan điểm cá nhân, miễn là đúng với tinh thần đề cao tình bạn của bài đọc (VD: Bê vàng bị lạc đường, rất đáng thương; dê trắng rất nhớ bạn, rất thương bạn; bê vàng và dê trắng chơi với nhau rất thân thiết, tình cảm; tình bạn của hai bạn rất đẹp và đáng quý,…).

– Cả lớp:

+ GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. GV và HS nhận xét.

+ GV tổng kết lại những nội dung trao đổi của các nhóm.

**Học thuộc lòng 2 khổ thơ đầu.*

Xem quy trình hướng dẫn chung.

## 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– HS tập đọc theo cách đọc của GV.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm từ ngữ thể hiện tâm trạng của dê trắng khi không thấy bạn trở về.*

HS làm việc cả lớp:

– HS đọc thầm lại khổ thơ cuối cùng.

– HS tìm từ ngữ thể hiện tâm trạng của dê trắng.

– 2 – 3 HS nêu đáp án trước lớp. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (thương bạn quá)

**Câu 2.** *Đóng vai một người bạn trong rừng, nói lời an ủi dê trắng.*

– Cả lớp:

+ GV hướng dẫn HS các bước nên làm khi nói lời an ủi:

• Thừa nhận cảm xúc của bạn. (VD: Mình biết là dê trắng đang rất buồn và nhớ bê vàng.)

• Động viên người đó vượt qua cảm xúc hiện tại. (VD: Bạn đừng buồn nữa nhé.)

• Gợi cho người đó nghĩ đến một điều tốt đẹp sắp tới. (VD: Bê vàng sẽ sớm tìm được đường về thôi.)

+ GV mời 2 HS lên đóng vai dê trắng và một người bạn trong rừng để làm mẫu.

+ Cả lớp lắng nghe, nhận xét và góp ý.

– Nhóm/ cặp:

+ HS lần lượt đóng vai một người bạn trong rừng nói lời an ủi dê trắng (mỗi em có thể chọn một loài vật yêu thích để đóng vai, nhằm làm vai diễn sinh động hơn).

+ HS nhận xét, góp ý cho nhau.

+ GV bao quát lớp và hỗ trợ các HS nếu có khó khăn.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *H* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ viết hoa *H* cỡ vừa độ cao 5 li, độ rộng 5 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 2,5 li, gồm 3 nét và quy trình viết chữ viết hoa *H*.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *H* trên màn hình, nếu có).

+ GV viết mẫu chữ viết hoa *H*:

• Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét cong trái, dừng ở đường kẻ 6.

• Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng đầu bút và hơi lượn xuống viết nét khuyết ngược, nối liền sang nét khuyết xuôi. Đoạn cuối của nét này lượn lên viết nét móc phải, dừng bút ở đường kẻ 2.

• Nét 3: Lia bút lên trên vào giữa chữ và viết nét sổ thẳng đứng (nét sổ thẳng chia đôi chữ viết hoa *H* thành hai phần bằng nhau).

– HS tập viết chữ viết hoa *H* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *H* chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ vào vở *Tập viết 2 tập một*. HS góp ý cho nhau theo cặp.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Học thầy không tày học bạn.*

– GV giải thích nghĩa của câu tục ngữ: *Học thầy không tày học bạn:* ngoài việc học thầy cô ở trường lớp, chúng ta còn có thể học hỏi từ bạn bè xung quanh.

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn HS:

+ Viết chữ viết hoa *H* đầu câu.

+ Cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường: Nét cong về phía trái của chữ cái *o* chạm với điểm kết thúc của chữ viết hoa *H*.

+ Độ cao của các chữ cái: chữ hoa *H*, chữ cái *h, k, b, y, g* cao 2,5 li (chữ cái *y, g* có 1,5 li dưới đường kẻ ngang); chữ cái *t* cao 1,5 li, các chữ cái còn lại cao 1 li.

+ Cách đặt dấu thanh ở các chữ cái: dấu nặng đặt dưới các chữ cái *o* (học) và *a* (bạn), dấu huyền đặt trên chữ cái *â* (thầy) và *a* (tày).

+ Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng một con chữ *o*.

+ Vị trí đặt dấu chấm cuối câu: ngay sau chữ cái *n* của tiếng *bạn*.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

**1. Dựa vào tranh minh hoạ câu chuyện trong bài thơ *Gọi bạn* và gợi ý, nói về sự việc trong từng tranh.**

– HS làm việc cả lớp:

+ GV hướng dẫn HS quan sát hoạt động của bê vàng và dê trắng trong tranh minh hoạ.

+ GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi trong nhóm về khung cảnh xung quanh và hoạt động của nhân vật trong từng tranh (GV có thể đặt các câu hỏi sử dụng *như thế nào* (VD: Khung cảnh xung quanh như thế nào?), câu hỏi sử dụng *ai* (VD: Nhân vật trong tranh là ai?) và câu hỏi sử dụng *làm gì?* (VD: Nhân vật đó đang làm gì?).

– Nhóm/ cặp: HS trao đổi (hỏi – đáp) trong nhóm về sự việc trong từng tranh.

**2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.**

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh, đọc gợi ý dưới tranh, nhớ lại nội dung câu chuyện; chọn 1 – 2 đoạn nhớ nhất hoặc thích nhất để tập kể.

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (một em kể, một em lắng nghe để góp ý sau đó đổi vai người kể, người nghe).

*Lưu ý*: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc em nhớ nhất.

– GV mời 2 HS xung phong kể trước lớp (mỗi em kể 2 đoạn – kể nối tiếp đến hết câu chuyện). Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.

**3. Kể tiếp đoạn kết của câu chuyện theo ý của em.**

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, nói về mong muốn của bản thân mình về kết thúc của câu chuyện.

*Lưu ý:* GV khơi gợi cho HS tình cảm với bạn bè, đặt tình huống nếu HS là dê trắng hoặc bê vàng để HS có cảm xúc chân thực về mong muốn của mình đối với kết thúc câu chuyện.

– GV gọi một số (2 – 3) HS đại diện nhóm đôi để nói về kết thúc mà HS nghĩ đến.

### VẬN DỤNG

**Viết 2 – 3 câu nêu nhận xét của em về đôi bạn bê vàng và dê trắng trong câu chuyện trên.**

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

+ Trước khi viết, GV cho HS xem lại các tranh minh hoạ và gợi ý dưới mỗi tranh, nhớ lại những hành động, suy nghĩ, cảm xúc của dê trắng khi đi tìm bạn bê vàng.

+ Đoạn văn của HS cần giới thiệu tên của đôi bạn (bê vàng và dê trắng), nhận xét về tình cảm của đôi bạn khi chơi với nhau, khi bị lạc nhau. HS có thể nêu suy nghĩ, cảm xúc của em về tình bạn giữa bê vàng và dê trắng.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Sau bài học *Gọi bạn*, các em đã:

+ Đọc – hiểu bài *Gọi bạn*.

+ Viết đúng chữ viết hoa *H*, câu ứng dụng *Học thầy không tày học bạn.*

+ Kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện trong bài thơ *Gọi bạn* dựa vào tranh minh hoạ; Kể được đoạn kết của câu chuyện theo ý của mình.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

## Bài 18 TỚ NHỚ CẬU (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các từ ngữ, đọc rõ ràng câu chuyện *Tớ nhớ cậu*, ngữ điệu đọc phù hợp với suy nghĩ, tình cảm của sóc và kiến dành cho nhau.

   b. Hiểu được nội dung bài đọc, nhận biết được tình bạn thân thiết và cách duy trì tình bạn.

2. a. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Tớ nhớ cậu;* biết viết hoa chữ cái đầu tên truyện, đầu dòng, sau dấu chấm.

   b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *c/ k; iêu/ ươu; en/ eng.*

3. a. Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè.

   b. Viết được 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.

4. Tìm và đọc được một bài thơ viết về tình bạn.

5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ và năng lực văn học trong việc kể về hoạt động của con người gần gũi với trải nghiệm của HS. Biết trân trọng, gìn giữ tình cảm bạn bè.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– GV nắm được đặc điểm VB tự sự, kể lại một sự việc từ ngôi thứ ba; nắm được nội dung VB *Tớ nhớ cậu*: câu chuyện kể về tình bạn gắn bó giữa sóc và kiến. Mặc dù hai bạn không ở gần nhau nữa nhưng sóc vẫn nhớ đến kiến. Sóc đã thể hiện tình cảm với kiến bằng cách viết thư cho bạn. Nhận được thư của sóc, kiến rất mừng. Nó viết thư trả lời sóc. Kiến loay hoay tìm cách diễn đạt để sóc hiểu kiến cũng rất nhớ bạn.

– GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*nắn nót, cặm cụi*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

### 2. Phương tiện dạy học

– GV chuẩn bị clip bài thơ *Tình bạn* (tác giả Trần Thị Hương); Hoặc GV chuẩn bị clip về cảnh vui chơi của HS lớp mình trong những tình huống ra chơi, cắm trại, hoạt động ngoại khoá.

– GV chuẩn bị một số bài thơ về tình bạn để tổ chức tiết dạy *Đọc mở rộng*, VD: một số bài thơ của Nguyễn Lãm Thắng như *Rừng sao vui, Bập bênh, Bí mật của thủ môn, Đội lân xóm em, Bông hoa trên bãi biển,...*

– GV chuẩn bị một số thẻ từ để HS viết vào thẻ từ những từ ngữ cần điền.

– GV chuẩn bị clip về một số hoạt động của lớp để tạo tình huống trong bài luyện nói.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài thơ *Gọi bạn* và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài thơ đó.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV có thể cho HS nghe một bài hát về tình bạn của thiếu nhi. GV hỏi HS: Từ ngữ nào được nhắc lại nhiều nhất? Các bạn nhỏ trong bài hát như thế nào? (VD: bài *Tình bạn tuổi thơ*, nhạc sĩ Kiều Hồng Phượng – Nguyễn Quốc Việt; từ ngữ *tình bạn tuổi thơ* được nhắc lại nhiều nhất; các bạn thấy rất vui khi vui chơi cùng nhau.)

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm theo câu hỏi gợi ý:

+ *Khi cùng chơi với bạn, em cảm thấy thế nào*? (rất vui, rất thích, cảm thấy thoải mái,...)

+ *Khi xa bạn, em cảm thấy thế nào*? (rất buồn, không muốn xa bạn, rất nhớ bạn, mong được gặp lại bạn,...)

– Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV giới thiệu bài mới.

*Lưu ý*: GV cũng có thể cho HS xem clip về cảnh HS lớp mình đang vui chơi cùng nhau. Sau đó yêu cầu HS thảo luận nhóm theo câu hỏi gợi ý: *Khi cùng chơi với bạn, em cảm thấy thế nào?*

## 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: Bài đọc nói về tình bạn thân thiết giữa kiến và sóc. Trong bài đọc, hai bạn đã viết thư cho nhau để thể hiện tình bạn. Khi đọc bài, các em lưu ý đọc đúng, lưu loát.

+ GV đọc mẫu toàn bài đọc. Chú ý đọc đúng lời người kể chuyện bằng ngữ điệu nhẹ nhàng; thư của sóc gửi kiến và kiến gửi sóc được đọc bằng giọng biểu cảm, thể hiện tình bạn thân thiết; ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ Đọc xong đoạn 1, GV nên dừng lại và hỏi HS: *Theo em, kiến nói gì với sóc lúc chia tay?* (Cậu phải thường xuyên nhớ tớ đấy.) *Sóc đáp lại kiến thế nào?* (Sóc gật đầu nhận lời.)

+ GV chuyển sang đọc những đoạn tiếp theo bằng lời dẫn: Chúng ta cùng xem sóc có giữ lời hứa không nhé.

+ GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *gật đầu nhận lời*, đoạn 2: tiếp theo đến *thư của sóc*; đoạn 3: còn lại).

+ GV làm mẫu cho HS: GV mời 3 HS, đại diện cho 3 nhóm đọc nối tiếp, HS phát hiện một số từ ngữ khó.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em như *nắn nót, cặm cụi,...*

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Kiến không biết làm sao/ cho sóc biết/ mình rất nhớ bạn.// Cứ thế,/ cậu cặm cụi viết đi viết lại/ trong nhiều giờ liền.// Không lâu sau,/ sóc nhận được một lá thư/ do kiến gửi đến.//,...*)

*Lưu ý*: Với những HS đọc lưu loát, bước đầu biết đọc biểu cảm, GV có thể lưu ý HS về giọng đọc khi đọc lời của kiến khi chia tay (buồn bã) và khi nhận được thư của sóc (vui mừng), lời của hai bạn trong thư gửi cho nhau (tình cảm). Mời một vài em đọc lại lời của các nhân vật với ngữ điệu phù hợp.

– HS luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ HS đọc nối tiếp từng đoạn theo nhóm cho đến hết bài.

– Đọc cá nhân:

+ Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Khi chia tay sóc, kiến cảm thấy thế nào?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ Một HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm.

+ GV nhắc HS chú ý vào đoạn 1 để tìm câu trả lời.

– GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án. (Khi chia tay sóc, kiến rất buồn.)

**Câu 2.** *Sóc đồng ý với kiến điều gì?*

– HS làm việc chung cả lớp: Một HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm.

– GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án. (Sóc thường xuyên nhớ kiến.)

**Câu 3**. *Vì sao kiến phải viết lại nhiều lần lá thư gửi sóc?*

Để dẫn dắt vào câu 3, GV hỏi thêm: Sóc đã làm gì để giữ lời hứa với kiến (Sóc viết thư cho kiến).

– GV nhắc HS đọc đoạn 3 để trả lời câu hỏi.

– HS làm việc cá nhân và nhóm để trả lời câu hỏi.

+ Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm thống nhất đáp. GV khuyến khích các nhóm tìm nhiều câu trả lời hay và đúng với nội dung câu chuyện.

– Một số (2 – 3) HS trả lời trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, chốt câu trả lời. (Kiến phải viết lại nhiều lần lá thư gửi cho sóc vì kiến không biết làm sao cho sóc biết nó rất nhớ bạn.)

*Lưu ý:* Sau khi chốt câu trả lời, GV có thể mở rộng nội dung bài, liên hệ với trải nghiệm của HS bằng câu hỏi:

*Kiến và sóc viết thư cho nhau để thể hiện tình bạn thế nào?* (thân thiết, gắn bó)

*Còn các em thường làm gì để thể hiện tình bạn thân thiết?* (Em thường rủ bạn đi học cùng, em thường gọi điện trao đổi bài với bạn, em tặng quà cho bạn vào dịp sinh nhật, em cho bạn mượn những quyển truyện hay,...)

**Câu 4.** *Theo em, hai bạn sẽ cảm thấy thế nào nếu không nhận được thư của nhau?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm.

+ GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

– GV mời 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét.

*Lưu ý*: Vì đây là câu hỏi mở, GV nên khuyến khích HS trình bày theo quan điểm riêng. (Em nghĩ là nếu hai bạn không nhận được thư của nhau thì hai bạn sẽ rất buồn/ rất nhớ nhau./ Có thể kiến sẽ giận sóc vì không giữ lời hứa.). Nếu nhóm nào trả lời nhanh, đúng, GV có thể mở rộng bằng câu hỏi: Hãy tưởng tượng một năm sau, kiến và sóc gặp lại nhau. Theo em, hai bạn sẽ nói gì với nhau? (Tớ không nhận ra bạn nữa vì bạn lớn quá. Bạn còn giữ những lá thư tớ gửi cho bạn không?...)

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Đóng vai sóc và kiến để nói và đáp lời chào lúc chia tay.*

– HS thảo luận nhóm, đóng vai:

GV tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm, thay nhau đóng vai sóc nói lời chia tay, đóng vai kiến đáp lời chia tay theo gợi ý:

+ Thay lời sóc, nói lời chào tạm biệt kiến.

+ Thay lời kiến, đáp lời chào tạm biệt sóc.

VD:

a. Sóc: – Tạm biệt cậu nhé.

Kiến: – Tạm biệt cậu. Cậu phải thường xuyên nhớ tớ đấy.

b. Sóc: – Chào cậu nhé. Tớ mong được gặp lại cậu.

Kiến: – Tạm biệt cậu. Nhớ viết thư cho tớ nhé.

– GV mời một số nhóm lên nói và đáp lời chào lúc chia tay trước lớp.

Các nhóm khác quan sát và nhận xét về tư thế, tác phong, vẻ mặt cùng lời nói.

**Câu 2.** *Em sẽ nói với bạn thế nào khi: Bạn chuyển đến một ngôi trường khác; Tan học, em về trước còn bạn ở lại chờ bố mẹ đón.*

– GV hướng dẫn HS thảo luận:

+ Ở tình huống thứ nhất, GV nêu câu hỏi gợi ý thảo luận: Hãy tưởng tượng em và bạn học chung một lớp. Sau đó, gia đình bạn chuyển đến nơi khác sinh sống. *Trong tình huống đó, em sẽ nói gì với bạn? Nếu em là bạn, em sẽ đáp lời chào tạm biệt đó thế nào?*

+ Ở tình huống thứ hai, GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng gợi ý: *Nếu em về trước bạn, em sẽ nói gì với bạn?* (Chào cậu nhé. Tớ về trước đây./ Hẹn gặp cậu vào sáng mai nhé!/ Cậu ở lại sau nhé, chắc là bố mẹ cậu sắp đến đón rồi đấy./ Tạm biệt cậu nhé. À tớ có một quyển truyện tranh rất hay. Cậu có thích đọc trong lúc chờ bố mẹ đến đón không? Tớ cho cậu mượn.) *Nếu em là người ở lại, em sẽ nói gì với bạn?* (Tạm biệt cậu!/ Cậu về trước đi./,…)

– HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm:

+ Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm.

+ Trong mỗi nhóm, HS đổi vai cho nhau để nói lời chào tạm biệt và đáp lời chào tạm biệt.

– Một số HS đại diện nhóm nói và đáp lời chào tạm biệt trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, chốt lại nội dung trả lời đúng.

## TIẾT 3

## VIẾT

### 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết.

– GV đọc một lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn trước lớp.

– GV hướng dẫn HS :

+ Quan sát vị trí đặt dấu chấm, dấu phẩy trong đoạn (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn văn trên màn hình).

+ Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu câu, viết hoa các chữ sau dấu chấm.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. VD: *chuyển, sang, rủ, rừng, buồn,...*

– GV đọc tên bài, đọc từng cụm từ hoặc câu ngắn cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

### 2. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k* gọi tên mỗi con vật trong hình.

– GV cho HS quan sát tranh (con cua, con công, con kì đà, con kiến).

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc cá nhân, tìm và viết vào vở tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k* gọi tên mỗi con vật trong tranh.

– HS làm vào Vở bài tập.

– GV dán lên bảng 4 tờ phiếu dưới mỗi tranh, phát bút dạ mời 4 HS thi làm bài. GV và HS nhận xét, chốt đáp án: *cua, công, kì đà, kiến.*

### 3. Chọn a hoặc b.

*a. Chọn tiếng chứa iêu hoặc ươu thay cho ô vuông.*

– HS làm việc theo cặp:

+ GV chiếu đoạn văn cần hoàn chỉnh lên bảng và mời một HS đọc yêu cầu (đọc cả từ trong ngoặc đơn).

+ HS thảo luận, chọn tiếng có vần *iêu* hoặc *ươu* trong ngoặc đơn thay cho ô vuông. Sau đó viết tiếng tìm được vào phiếu học tập/ vào vở.

– GV mời 1 – 2 HS lên bảng chữa bài tập. Cả lớp nhận xét. GV và HS chốt đáp án: các từ điền theo thứ tự ô vuông trong đoạn văn là *nhiều, hươu, khướu.*

*b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa en hoặc eng.*

– HS làm việc theo cặp:

+ HS thảo luận để tìm tiếng có vần *en* hoặc *eng*. VD: *dế mèn, thẹn thùng, bẽn lẽn, xen kẽ, len lỏi,..; xà beng, leng keng, cái xẻng, quên béng,...*

+ GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án.

– GV nhận xét tiết học.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm: Các nhóm viết vào thẻ những từ ngữ tìm được. Nhóm nào tìm được nhiều, đúng và nhanh sẽ được mời lên bảng trình bày.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm:

+ Nối tiếp nhau tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè và viết vào thẻ từ. VD: *thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi,...*

– Đại diện các nhóm lên bảng gắn thẻ từ. GV tổ chức chữa bài trước lớp.

+ GV chốt: từ ngữ các em tìm được gồm *thân, quý, mến, thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi,...* Trong những từ ngữ đó, có những từ ngữ chỉ hành động như: *giúp đỡ, chia sẻ*. Có những từ ngữ thể hiện tình cảm: *thân, quý, mến, thân thiết, quý mến.*

– GV khen ngợi các nhóm tìm được nhiều từ ngữ (tìm đúng, nhanh từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè).

– Lưu ý: GV cũng có thể thay hình thức trình bày trước lớp bằng trò chơi.

### 2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV chiếu từ ngữ cần chọn lên bảng. GV gọi một HS đọc yêu cầu.

+ GV chiếu đoạn văn cần hoàn thiện lên bảng. GV có thể hỏi HS: Ai biết về con nòng nọc, hãy nói cho các bạn cùng nghe?

+ GV hướng dẫn HS làm bài tập: Lần lượt chọn 3 từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống. Nếu từ ngữ nào hợp lí thì đó là từ ngữ cần điền.

– Các nhóm thảo luận.

– GV mời đại diện một nhóm lên trước lớp trình bày kết quả thảo luận. GV và HS nhận xét đánh giá, thống nhất đáp án (*thân thiết, nhớ, vui đùa*).

– GV mời một HS đọc đoạn văn đã hoàn thiện.

### 3. Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV mời một HS đọc yêu cầu (đọc cả nội dung trong khung). Cả lớp đọc thầm.

+ GV nêu mục đích của bài tập 3 và làm mẫu một câu: Bài tập này yêu cầu HS hiểu được nội dung của mỗi câu trong cột A để nối với ý ở cột B sao cho phù hợp. GV hỏi HS: *Cho cô biết ở cột A, câu nào là câu hỏi điều chưa biết? Câu này có thể nối với ô chữ nào ở cột B?*

– Từng HS làm bài tập sau đó thảo luận nhóm.

– GV chữa bài tập.

+ GV chiếu bài tập lên bảng và đánh số thứ tự 1, 2, 3 ở cột A; a, b, c ở cột B.

+ GV mời đại điện một số nhóm trình bày kết quả (nối A với B, nói tên dấu câu).

+ Để giúp HS ghi nhớ kiến thức về công dụng của dấu câu, sau khi HS nói được tên dấu câu đặt cuối mỗi câu, GV hỏi: Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu câu gì? Tương tự như vậy với câu kể và câu cảm còn lại.

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

### 1. Nói về việc làm của các bạn trong mỗi tranh.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu mục đích của bài tập 1: Bài tập này yêu cầu HS quan sát tranh, nói về hoạt động của bạn nhỏ trong mỗi tranh để thực hành viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.

+ GV chiếu lần lượt từng tranh lên bảng, yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận nhóm, nói về hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.

**Tranh 1:**

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo câu hỏi gợi ý:

+ *Có những ai trong tranh?* (hai bạn học sinh; hai mẹ con; phía xa có mấy bạn nhỏ.)

+ *Các bạn đang làm gì? Vì sao em biết?* (Hai bạn nhỏ đang đi học. Em nghĩ thế, vì hai bạn mặc đồng phục, trên vai khoác cặp.)

– HS làm việc nhóm:

+ Từng em quan sát tranh.

+ Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi và mời các bạn trả lời.

+ Cả nhóm nhận xét.

– Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV và cả lớp nhận xét. GV tổng hợp ý kiến của các nhóm. (Trên con đường làng, có hai bạn học sinh đi đến trường. Các bạn vừa đi vừa chuyện trò vui vẻ, vẻ mặt tươi cười. Phía sau, một em nhỏ được mẹ đưa đi học,...)

*Lưu ý*: GV khuyến khích HS mạnh dạn nói về những gì các em quan sát được trong tranh. Chấp nhận những ý kiến khác nhau (đi học/ đi học về). GV có thể sử dụng câu hỏi: Có nhóm nào có ý kiến khác bạn không?/ Cô muốn nghe thêm những ý kiến khác của các nhóm. GV lưu ý khích lệ các nhóm bổ sung ý kiến cho nhau. Cuối cùng, GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, khen các nhóm đã mạnh dạn, tự tin nói trước lớp, có trí tưởng tượng phong phú, nói lưu loát. Với những nhóm thảo luận tốt, GV có thể hỏi: Vì sao em nghĩ là các bạn đang đi trên con đường làng? (thấy cánh đồng lúa ven đường).

**Tranh 2:** Cách triển khai tương tự.

+ Có những ai trong tranh?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ Các bạn đang làm gì?

+ Theo em, các bạn là người thế nào?

Nội dung tranh 2: Ba bạn đang trao đổi bài. Bạn ngồi giữa đang chỉ tay vào quyển sách. Hai bạn ngồi bên chăm chú lắng nghe. Em nghĩ các bạn là những học sinh rất chăm chỉ, biết giúp đỡ nhau trong học tập.

**Tranh 3:** Cách triển khai tương tự.

+ Tranh vẽ cảnh gì? Ở đâu?

+ Các bạn đang làm gì?

+ Em thấy giờ ra chơi của các bạn thế nào?

Nội dung tranh 3: Tranh vẽ cảnh giờ ra chơi trên sân trường. Các bạn học sinh đang vui chơi. Có ba bạn đang chơi đá cầu. Một bạn nam đang giơ chân đá quả cầu. Hai bạn còn lại trong tư thế nhận cầu. Ở phía xa, có 2 bạn đang chơi nhảy dây. Bạn gái nhảy dây rất khéo. Vì em thấy bạn còn lại đang vỗ tay khen ngợi.

– GV khen các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ; GV khen 2 – 3 HS nói được 3 – 4 câu về nội dung mỗi tranh.

*Lưu ý:* Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể đặt câu hỏi, khai thác tranh ở những mức độ khác nhau. Ở mức cơ bản nhất, chỉ cần HS nói được một câu nêu hoạt động cho một tranh.

## 2. Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.

**Bước 1:** Thảo luận nhóm.

– Làm việc cả lớp:

+ Một HS đọc yêu cầu.

+ GV cho HS xem clip về một số hoạt động mà các em được tham gia cùng nhau để tạo tình huống cho HS thảo luận nhóm.

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo từng câu hỏi gợi ý:

+ *Em đã tham gia hoạt động gì cùng các bạn?* (học tập, vui chơi, đi dã ngoại)

+ *Hoạt động đó diễn ra ở đâu?* (trên sân trường, trong lớp học, ngoài trời, câu lạc bộ, công viên, vườn trường,...) *Có những bạn nào cùng tham gia?*

+ *Em và các bạn đã làm những việc gì?* (đá bóng, vẽ tranh, học múa, chơi trượt cỏ, biểu diễn văn nghệ, thảo luận nhóm, chăm sóc cây trong vườn trường, trồng cây trong vườn trường,...)

+ *Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó cùng các bạn?* (vui, hứng thú, thích, thoải mái,...)

– Làm việc theo cặp/ nhóm:

+ Từng cá nhân kể cho nhau nghe về hoạt động mình và các bạn cùng tham gia.

+ 1 – 2 HS đại diện nhóm nói trước lớp. GV và cả lớp nhận xét. GV khen HS đã có những hoạt động rất vui cùng bạn. Sau đó yêu cầu HS viết lại những điều đã nói vào vở.

**Bước 2:** Viết 3 – 4 câu kể về hoạt động em tham gia cùng các bạn.

– GV nêu yêu cầu viết đoạn: Đoạn văn viết về một hoạt động em tham gia cùng bạn; Đoạn văn viết từ 3 – 4 câu; Đầu câu viết hoa, cuối câu sử dụng dấu câu phù hợp; Câu đầu tiên viết lùi vào một ô; Tư thế ngồi viết,...

– Một HS đọc to yêu cầu trong khi cả lớp đọc thầm.

– HS viết bài vào vở. GV quan sát, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

– HS đổi vở cho nhau, cùng soát lỗi.

– GV phân tích bài hay. GV hỏi: Sau khi đọc bài của bạn, em thấy bài của bạn có gì hay?; GV có thể chiếu bài của HS lên bảng hoặc mời 1 – 2 HS đọc bài viết. Sau đó GV và cả lớp nhận xét.

– GV mời 2 – 3 HS chỉ ra lỗi sai trong bài của bạn. GV sửa lỗi sai cho HS, nếu có.

– GV thu vở, đánh giá bài làm của HS.

## ĐỌC MỞ RỘNG

### 1. Tìm đọc một bài thơ về tình bạn.

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ về tình bạn. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– GV cho HS nghe một bài thơ viết về tình bạn, chẳng hạn bài: *Tình bạn* (tác giả Trần Thị Hương). GV hỏi HS: *Việc các bạn đến thăm thỏ nâu bị ốm thể hiện điều gì?* (tình bạn thân thiết/ tình cảm của các bạn trong lớp dành cho thỏ nâu/ các bạn mong thỏ nâu khỏi ốm để đi học).

– GV giới thiệu nội dung đọc mở rộng: Có rất nhiều bài thơ viết về tình bạn. Trong tiết đọc mở rộng hôm nay, chúng ta sẽ chia sẻ với nhau những bài thơ đó.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm:

+ GV chỉ vào tranh và giới thiệu với HS: Bức tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang nói cho nhau nghe về bài thơ mình thích. Trong tranh có lời của các nhân vật. Các em quan sát tranh và cho biết các bạn nói gì? (Bạn Dương thích bài *Chú bò tìm bạn* của nhà thơ Phạm Hổ. Còn bạn Châu Anh lại thích bài *Ngỗng và vịt*.) GV mời một HS trả lời câu hỏi.

+ GV và cả lớp chốt lại câu trả lời: Các bạn nhỏ đang nói với nhau về tên bài thơ viết về tình bạn mà mình thích. Các bạn cũng không quên nói tên tác giả bài thơ.

– HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm:

+ Cá nhân chọn đọc một bài thơ. Khi đọc chú ý đến những điều sau: Tên bài thơ, tên tác giả, nội dung bài thơ viết về ai, về việc gì?

+ Viết vào giấy nháp những điều em đã tìm hiểu được về bài thơ.

+ Trao đổi với bạn về bài thơ em chọn đọc.

– GV tổ chức đánh giá hoạt động đọc của cá nhân, nhóm:

+ GV gọi 3 – 4 HS giới thiệu bài thơ.

+ GV và HS nhận xét, góp ý.

**2. Nói về những điều em thích trong bài thơ đó.**

– HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm:

+ Cá nhân chọn bài thơ yêu thích. GV lưu ý HS khi đọc chú ý điều sau: Em thích hình ảnh nào trong khổ thơ/ bài thơ? Khổ thơ/ bài thơ có gì hay?

+ Trao đổi với bạn điều em thích trong bài thơ/ khổ thơ; GV khuyến khích HS dùng cử chỉ, động tác, âm thanh để miêu tả lại những từ ngữ chỉ hoạt động, âm thanh, màu sắc xuất hiện trong khổ thơ/ bài thơ.

– GV tổ chức đánh giá hoạt động đọc của cá nhân, nhóm:

+ GV gọi 3 – 4 HS nói về điều thú vị trong bài thơ/ khổ thơ.

+ GV và HS nhận xét góp ý.

+ GV tổng hợp lại ý kiến của HS, khen HS tìm được bài thơ hay về tình bạn, nói lưu loát, tự tin về những điều thú vị trong bài thơ.

– HS viết một câu thơ vào sổ tay.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

Sau bài 18 – *Tớ nhớ cậu*, các em đã:

+ Hiểu được tình bạn gắn bó thân thiết và cách duy trì, giữ gìn tình bạn; biết cách nói và đáp lời chào lúc chia tay.

+ Viết bài chính tả và làm bài tập chính tả phân biệt *c/ k*; *iêu/ ươu*; *en/ eng*.

+ Nhận biết và mở rộng vốn từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè; Biết được dấu chấm hỏi đặt cuối câu hỏi, dấu chấm đặt cuối câu kể lại sự việc và dấu chấm than đặt cuối câu bộc lộ cảm xúc.

+ Viết được 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.

+ Chia sẻ được với bạn về một bài thơ về tình bạn mà em cho là hay, thú vị.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

# TUẦN 11

## Bài 19 CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các từ khó; đọc rõ ràng một truyện kể ngắn và đơn giản, biết đọc lời kể chuyện trong bài *Chữ A và những người bạn* với ngữ điệu phù hợp.

   b. Hiểu được nội dung câu chuyện của chữ A và nhận thức của chữ A về việc cần có bạn bè, bước đầu nhận biết được một số yếu tố của một truyện kể như người kể chuyện (xưng "tôi") và những sự việc liên quan. Quan sát tranh và hiểu được các chi tiết trong tranh. (Bức tranh vẽ chữ A và những người bạn trên trang sách mở và khi chỉ có một mình.)

2. Biết viết chữ viết hoa *I, K* cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết được câu ứng dụng *Kiến tha lâu cũng đầy tổ.*

3. Biết trao đổi với các bạn về niềm vui của em; chia sẻ được những điều làm em không vui.

4. Có tinh thần hợp tác và kết nối với bạn bè, có khả năng làm việc nhóm.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– GV nắm được đặc điểm VB tự sự kể về bản thân từ ngôi thứ nhất; nắm được nội dung VB *Chữ A và những người bạn*; cách thể hiện đặc điểm và cảm xúc của nhân vật trong VB.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Sưu tầm tranh ảnh về các chữ cái hoặc bảng chữ cái phóng to.

– Mẫu chữ viết hoa *I, K*, vở *Tập viết 2 tập một.*

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS đọc lại một đoạn trong bài *Tớ nhớ cậu* và nêu nội dung của đoạn vừa đọc (hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc).

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– Cả lớp: GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu.

VD: Các em quan sát tranh minh hoạ các chữ cái đang đứng trên một trang sách mở ra và làm việc theo cặp (hoặc nhóm) như sau:

+ Nói tên các chữ cái có trong tranh (nếu em biết).

+ Đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài và tranh minh hoạ.

– Cặp đôi/ nhóm: Cùng nhau chỉ vào tranh trong SHS, nói tên từng chữ cái (VD: chữ *a*, chữ *bê*, chữ *xê*, chữ *đê*, chữ *e*, chữ *giê*,…).

– GV giới thiệu về bài đọc (câu chuyện của chữ A).

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ Quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh (VD: Tranh vẽ các chữ cái đang đứng trên một trang sách mở ra).

+ GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn, HS đọc thầm theo.

+ GV nêu một số từ khó như *nổi tiếng, vui sướng, sửng sốt, trân trọng* để HS đọc.

+ GV hướng dẫn cách đọc lời tự sự (tự kể chuyện mình) của chữ A (GV đọc giọng chậm rãi, thể hiện giọng nói/ ngữ điệu của người kể chuyện).

+ GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài đọc (HS1 đọc từ đầu đến *với tôi trước tiên*; HS2 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc theo cặp.

+ GV có thể đưa thêm những từ ngữ còn khó hiểu đối với HS.

– Luyện đọc theo cặp:

+ Từng cặp HS đọc nối tiếp 2 đoạn trong nhóm (như 2 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

### 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng ở vị trí nào?*

– HS làm việc nhóm, cùng xem lại đoạn văn 1 của VB, thảo luận nhóm; từng em nêu câu trả lời.

– Cả nhóm thống nhất cách trả lời phù hợp (Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng đầu.).

**Câu 2.** *Chữ A mơ ước điều gì?*

– HS làm việc nhóm:

+ Từng HS trong mỗi nhóm nói về điều mơ ước của chữ A.

+ GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

– Cả lớp thống nhất câu trả lời. (Chữ A mơ ước một mình nó làm ra một cuốn sách.).

**Câu 3.** *Chữ A nhận ra điều gì?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng HS trong mỗi nhóm nêu ý kiến giải thích của mình, các bạn góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời. (Chữ A nhận ra rằng nếu chỉ có một mình, chữ A chẳng thể nói được với ai điều gì.)

– Cả lớp:

+ Các nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.

**Câu 4.** *Chữ A muốn nhắn nhủ điều gì với các bạn?*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Mỗi HS đọc thầm các phương án trả lời trắc nghiệm.

+ Từng em nêu ý kiến của mình, cả nhóm góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời phù hợp (*Chăm đọc sách*).

– Cả lớp:

+ Các nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.

## 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– HS tập đọc lại các đoạn dựa theo cách đọc của GV.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Nói tiếp lời của chữ A để cảm ơn các bạn chữ: Cảm ơn các bạn. Nhờ có các bạn, chúng ta đã (…)*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Mỗi HS suy nghĩ, tìm từ ngữ nói tiếp lời của chữ A để cảm ơn các bạn.

+ Từng em thay chữ A nói lời cảm ơn, cả nhóm góp ý (VD: Cảm ơn các bạn. Nhờ có các bạn, chúng ta đã làm nên những cuốn sách hay/ làm nên những cuốn sách bổ ích.).

– Cả lớp:

+ Các nhóm nói lời cảm ơn trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.

**Câu 2.** *Tìm những từ chỉ cảm xúc.*

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Mỗi HS đọc thầm các từ cho trước rồi tìm những từ chỉ cảm xúc.

+ Từng em nói từ mà mình tìm được.

+ Cả nhóm thống nhất phương án trả lời (*vui sướng, ngạc nhiên*).

– Cả lớp:

+ Các nhóm nói các từ chỉ cảm xúc trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.

– GV nhận xét chung.

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *I, K* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ viết hoa *I, K*: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ viết hoa *I, K* (đặc biệt là cấu tạo của chữ viết hoa *I* như phần đầu của chữ viết hoa *K*).

GV có thể hướng dẫn HS viết theo quy trình sau:

Chữ viết hoa *I* cỡ vừa cao 5 li, rộng 2 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 1 li.

• Nét 1 (cong trái và lượn ngang): từ điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 5 cạnh bên phải đường kẻ dọc 3, viết nét cong trái, kéo dài thêm đến giao điểm đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 4.

• Nét 2 (móc ngược trái và lượn vào trong): từ điểm kết thúc nét 1, kéo thẳng xuống đến đường kẻ ngang 2 rồi viết nét cong trái. Điểm kết thúc là giao điểm giữa đường kẻ dọc 3 và đường kẻ ngang 2.

Chữ viết hoa *K* cỡ vừa cao 5 li, rộng 5 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 2,5 li.

• Viết nét 1, 2 như viết chữ viết hoa *I*.

• Nét 3: Đặt bút tại giao điểm đường kẻ ngang 5 và đường kẻ dọc 5, vòng bút viết nét cong bé, đưa bút hơi thẳng xuống quãng giữa của chữ để tạo nét thắt nhỏ ở giữa; tiếp theo, viết nét móc ngược phải. Điểm dừng bút là giao điểm giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 6.

+ HS quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *I, K* trên màn hình, nếu có).

– HS tập viết chữ viết hoa *I, K* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn (HS có thể chỉ cần viết chữ viết hoa *K* vì chữ này đã bao gồm chữ viết hoa *I*).

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *I, K* vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Kiến tha lâu cũng đầy tổ.*

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn HS viết chữ viết hoa *K* đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

**1. Quan sát tranh và nói về niềm vui của các nhân vật trong mỗi tranh.**

– HS quan sát tranh, sau đó trao đổi trong nhóm về những điều mà các nhân vật trong tranh nói về niềm vui của mình.

Tranh 1. Nai con nói: "*Niềm vui của tớ là được đi dạo trong cánh rừng mùa xuân.*"

Tranh 2. Nhím nói: "*Niềm vui của tớ là được cây rừng tặng cho nhiều quả chín.*"

Tranh 3. Các bạn nhỏ nói: "*Niềm vui của chúng tớ là được cùng học, cùng chơi với nhau.*"

– Một số (3 – 4) HS trình bày trước lớp về niềm vui của các nhân vật trong tranh.

**2. Niềm vui của em là gì? Điều gì làm em không vui? Hãy chia sẻ cùng các bạn.**

– GV cho HS thảo luận theo nhóm, mỗi HS nói về niềm vui của mình và điều làm mình không vui.

– Mỗi nhóm tự tổng hợp và đại diện các nhóm trình bày trước lớp những niềm vui của các bạn trong nhóm mình và những điều làm cho các bạn trong nhóm không vui. GV lưu ý tổ chức hoạt động này giúp cho HS nói tự nhiên, theo đúng suy nghĩ của các em.

– Các HS khác nghe và nhận xét. GV tổng hợp các kết quả.

### VẬN DỤNG

**Nói chuyện với người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình em.**

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– Bước 1: Trước khi nói chuyện với những người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình (có thể: ông, bà, bố, mẹ,…), mỗi HS hãy thử đoán niềm vui của các thành viên đó là gì dựa vào sự gần gũi và những gì mỗi HS biết được về những người đó.

– Bước 2: HS nói chuyện với người thân để kiểm tra xem điều em đoán có đúng không.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Sau bài học *Chữ A và những người bạn*, các em đã:

+ Đọc – hiểu bài *Chữ A và những người bạn*.

+ Viết đúng chữ viết hoa *I, K*, câu ứng dụng *Kiến tha lâu cũng đầy tổ.*

+ Nói về niềm vui của mình, về điều làm mình không vui.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

# Bài 20 NHÍM NÂU KẾT BẠN (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời nói, lời thoại của các nhân vật trong bài đọc *Nhím nâu kết bạn*. Nhận biết được ý nghĩa, giá trị của tình cảm bạn bè (qua bài đọc và tranh minh hoạ); hiểu vì sao nhím nâu có sự thay đổi – từ nhút nhát, trở nên mạnh dạn, thích sống cùng bè bạn.

   Tìm đọc mở rộng được các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường.

2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn văn (theo *Nhím nâu kết bạn*); biết viết hoa chữ cái đầu dòng và đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt, trong đó phân biệt *g/gh* (bài tập chính tả toàn dân), phân biệt *iu/ưu, iên/iêng* (bài tập chính tả phương ngữ). Có kĩ năng viết đoạn văn để kể về một giờ ra chơi ở trường.

3. a. Phát triển vốn từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm; đặt được câu nói về hoạt động của học sinh.

   b. Biết nói lời xin lỗi và đáp lời xin lỗi bạn bè. Biết nói với bạn về một hoạt động ở trường mà mình thích.

4. Bồi dưỡng tình cảm bạn bè; hình thành và phát triển năng lực quan sát (quan sát giờ ra chơi, các hoạt động ở trường), năng lực tự học (tìm đọc thêm sách báo); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB tự sự (nhan đề, sự việc, nhân vật, lời nhân vật, hành động của nhân vật, cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật,...).

– Nghi thức nói và đáp lời xin lỗi trong cuộc sống giao tiếp thường ngày.

– Phương pháp dạy học tích cực, phát huy trải nghiệm, tăng cường thực hành giao tiếp.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ cho nội dung *Khởi động*; tranh minh hoạ bài đọc, minh hoạ các tình huống giao tiếp trong phần luyện tập sau đọc VB.

– Các thẻ từ và phiếu học tập: để làm bài tập chính tả hoặc để HS luyện tập về từ và câu,...

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS nêu nội dung, ý nghĩa của bài *Chữ A và những người bạn* hoặc nói về một số điều mình cảm thấy thú vị.

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm: *Kể những đức tính tốt của bạn; Nói về những đức tính của bạn mà em muốn học tập.*

(GV hướng dẫn HS quan sát tranh khởi động và liên hệ tới một người bạn của mình: Trong mỗi tranh, các bạn khen nhau điều gì? Theo em, các bạn ấy sẽ học tập đức tính gì của nhau? Em chơi thân với bạn nào? Mọi người hay khen bạn ấy về điều gì? Bạn ấy có những đức tính tốt nào? Em muốn học tập đức tính nào của bạn?...)

– Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu VB *Nhím nâu kết bạn*. (VD: Câu chuyện thể hiện tình cảm tốt đẹp giữa nhím trắng và nhím nâu. Nhờ tình cảm chân thành của nhím trắng, nhím nâu đã có sự thay đổi: từ chỗ nhút nhát, trở nên mạnh dạn, thích sống cùng bạn bè. Tình bạn đã làm cho cuộc sống của các bạn vui hơn.)

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Chúng trải qua/ những ngày vui vẻ,/ ấm áp vì không phải sống một mình/ giữa mùa đông lạnh giá.)*

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa các từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ HS có thể chưa hiểu. (VD: *nhút nhát, mạnh dạn, trang trí,...*)

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em. (VD: *nhút nhát, trú ngụ, trang trí...*)

+ GV hướng dẫn HS chia VB thành 3 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *vẫn sợ hãi*. Đoạn 2: tiếp theo đến *cùng tôi nhé*. Đoạn 3: còn lại.

– HS luyện đọc theo nhóm/ cặp, cá nhân:

+ HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm/ cặp.

+ Từng HS đọc thầm toàn bài hoặc đọc cho nhau nghe.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

– GV/ HS đọc lại toàn bộ VB:

+ HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

+ HS tập đọc một đoạn mình thích, dựa theo cách đọc của GV.

### 3. Trả lời câu hỏi

GV có thể tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi theo cách sau đây:

**Câu 1.** *Chi tiết nào cho thấy nhím nâu rất nhút nhát?*

+ HS đọc kĩ đoạn văn 1 và 2.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi hoặc trao đổi nhóm.

+ HS hoặc đại diện nhóm trả lời trước lớp.

+ GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: nhím nâu *lúng túng, nói lí nhí, nấp vào bụi cây, cuộn tròn người, sợ hãi; run run* khi bước vào nhà nhím trắng.)

**Câu 2**. *Kể về những lần nhím trắng và nhím nâu gặp nhau.*

+ HS xem lại đoạn văn 1 và 2.

+ HS tìm câu trả lời hoặc trao đổi nhóm, thống nhất câu trả lời trong nhóm.

+ HS hoặc đại diện nhóm trả lời trước lớp.

+ GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Lần 1, nhím trắng và nhím nâu gặp nhau vào một buổi sáng, khi nhím nâu đang đi kiếm quả cây. Lần 2, chúng gặp lại nhau khi nhím nâu tránh mưa đúng vào nhà của nhím trắng.)

**Câu 3**. *Theo em, vì sao nhím nâu nhận lời kết bạn cùng nhím trắng?*

+ HS xem lại đoạn 3 (chú ý câu thể hiện suy nghĩ của nhím nâu).

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời.

+ Đại diện nhóm trình bày ý kiến.

+ GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.

+ GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Vì nhím nâu thấy nhím trắng tốt bụng, thân thiện, vui vẻ,...; nhím nâu đã nhận ra: không có bạn thì rất buồn.)

**Câu 4**. *Nhờ đâu nhím trắng và nhím nâu có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp?*

+ HS xem lại câu cuối trong đoạn văn 3 và quan sát tranh minh hoạ bài đọc.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi hoặc GV cho HS hoạt động nhóm.

+ HS hoặc đại diện nhóm trả lời trước lớp.

+ GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Vì nhím trắng và nhím nâu không phải sống một mình giữa mùa đông lạnh giá.)

### 4. Luyện đọc lại

– HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– HS tập đọc lại các đoạn dựa theo cách đọc của GV.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1**. *Đóng vai nhím trắng, nhím nâu trong lần gặp lại để nói tiếp câu:*

+ HS xem lại đoạn văn 3 và quan sát tranh minh hoạ tình huống.

+ Từng HS hoàn thiện các câu nói.

+ GV và HS nhận xét, thống nhất câu trả lời (VD: Xin lỗi, mình đã vào nhà bạn mà không xin phép; Xin lỗi, mình đã tự tiện vào nhà bạn; Xin lỗi, mình không biết đây là nhà của bạn. Vì vậy, đã tự ý vào trú mưa... Đừng ngại, gặp lại bạn là mình rất vui; Đừng ngại, mình vui vì giúp được bạn mà; Đừng ngại, bạn cứ vào nhà mình mà trú mưa, bạn ở lại nhà tôi nhé!,...).

+ Từng cặp HS đóng vai để thể hiện tình huống. GV có thể cho nhiều HS thực hành giao tiếp.

+ GV nhận xét, ghi nhận những HS nói lưu loát, diễn cảm.

**Câu 2.** *Đóng vai Bình và An để nói và đáp lời xin lỗi trong tình huống: Bình vô tình va vào An, làm An ngã.*

+ GV có thể đưa tranh minh hoạ tình huống xảy ra giữa Bình và An.

+ HS làm việc nhóm, (dựa theo tình huống trong bài tập 1 ở trên) tìm lời xin lỗi và lời đáp.

+ Đại diện nhóm trình bày. HS các nhóm khác nhận xét.

+ GV nhận xét, ghi nhận những lời nói và đáp phù hợp (VD: Xin lỗi bạn, mình không cố ý./ Ừ, không sao đâu. Mình biết là bạn sơ ý mà; Bạn cho mình xin lỗi nhé./ Không có gì đâu, bạn đừng ngại; Ôi, mình vô ý quá. Mình xin lỗi bạn./ Không sao đâu. Nhìn này, mình chẳng đau gì cả,...).

+ Từng cặp HS đóng vai Bình, An để nói và đáp lời xin lỗi phù hợp với tình huống.

+ HS và GV nhận xét (về ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...) và bình chọn cặp đôi đóng vai đạt nhất.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Nghe – viết

– GV và 1 – 2 HS đọc đoạn nghe – viết.

– GV hướng dẫn chung:

+ Lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết. VD: Viết hoa chữ cái đầu câu, giữa các cụm từ trong mỗi câu có dấu phẩy, kết thúc câu có dấu chấm. Chữ dễ viết sai chính tả: *trắng, giữa, giá,...* Đánh dấu thanh đúng vị trí với các chữ: *giữa, mùa, giá,...*

+ Yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.

+ GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ. Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. Cần đọc chính xác, rõ ràng, chậm rãi phù hợp tốc độ viết của HS.

+ Sau khi HS đã viết xong, GV đọc lại cả bài một lần nữa và yêu cầu HS soát lỗi.

+ HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.

+ GV kiểm tra bài viết của HS, chấm nhanh một số bài và nhận xét.

### 2. Chọn *g* hoặc *gh* thay cho ô vuông.

– Một HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

– GV trình chiếu ngữ liệu bài tập (hoặc phát phiếu bài tập cho HS) và yêu cầu HS nhớ lại quy tắc chính tả đã học ở lớp 1: Khi nào viết *g*? Khi nào viết *gh*?.

– Từng HS tìm đúng chữ để thay cho ô vuông.

– GV có thể tổ chức cho 2 – 3 nhóm thi làm bài đúng, nhanh và đọc kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (**g**ặp bạn, **G**óp thành; quả **g**ấc, **g**ặp được; **gh**é vào)

### 3. Chọn a hoặc b.

– HS làm bài tập theo yêu cầu của GV (bài a hoặc b).

– Một HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

– Dựa theo mẫu, HS tìm các từ chứa tiếng có *iu* hoặc *ưu*; *iên* hoặc *iêng*. GV có thể tổ chức dưới hình thức trao đổi nhóm, thi đua, đố vui,... Có thể sử dụng phiếu học tập hoặc thẻ từ ngữ. Với thẻ từ, mỗi từ sẽ viết vào một thẻ; đếm số thẻ để suy ra số từ tìm được.

– GV và HS nhận xét, chốt đáp án.

+ *ríu rít, nâng niu, buồn thiu, cái rìu, bĩu môi, khẳng khiu, nặng trĩu, dễ chịu,...*

+ *lưu luyến, bưu thiếp, cứu giúp, hạt lựu, mưu trí, sưu tầm, tựu trường,...*

+ *mái hiên, cô tiên, tiến bộ, cửa biển, con kiến,...*

+ *chao liệng, ngả nghiêng, siêng năng, lười biếng,...*

*Lưu ý*: Nếu còn thời gian, GV có thể cho HS viết vào vở 2 từ ngữ vừa tìm được.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– HS làm bài tập theo nhóm.

– GV có thể viết sẵn từ ngữ vào các thẻ rời (làm thành nhiều bộ, phát cho các nhóm HS) để các nhóm HS cùng sắp xếp các thẻ từ này. Cũng có thể cho HS làm bài vào vở bài tập.

– Một số (2 – 3) nhóm HS trình bày kết quả.

– GV và HS nhận xét bài làm của các nhóm và thống nhất đáp án:

a. Từ ngữ chỉ hoạt động: *nhường bạn, giúp đỡ, chia sẻ.*

b. Từ ngữ chỉ đặc điểm: *hiền lành, chăm chỉ, tươi vui.*

**2. Chọn từ ngữ chỉ hoạt động đã tìm được ở bài tập 1 thay cho ô vuông.**

– HS đọc bài tập, nêu lại yêu cầu của bài tập.

– HS nêu lại các từ ngữ chỉ hoạt động đã tìm được ở bài tập 1: *nhường bạn, giúp đỡ, chia sẻ.*

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm, quan sát tranh để lựa chọn từ ngữ cần điền. (Có thể đưa câu hỏi gợi ý: 1. Ai đã biết san sẻ, chia bớt cái hay, cái ngon với bạn bè, để tất cả cùng hưởng?, 2. Ai đã biết giúp bạn để bạn bớt khó khăn, có thể học tập tốt hơn?, 3. Ai đã nhận phần thiệt về mình, để bạn bè được hưởng phần tốt hơn?...)

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.

– GV và HS thống nhất đáp án: a. *chia sẻ*; b. *giúp đỡ*; c. *nhường bạn*. (GV có thể mở rộng, giáo dục phẩm chất tốt đẹp cho HS về tình cảm bạn bè.)

**3. Đặt một câu về hoạt động của các bạn trong tranh.**

– HS quan sát tranh; nêu yêu cầu của bài tập.

– HS trao đổi nhóm đôi để hiểu nội dung từng tranh, nêu được hoạt động của các bạn trong tranh, từ đó đặt câu nói về hoạt động của các bạn.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.

– GV khuyến khích HS đặt nhiều câu khác nhau cho cùng một tranh và ghi nhận những câu phù hợp. (VD: Tranh 1: Bạn Lan cho bạn Hải mượn bút; Bạn Hải nhận bút bạn Lan đưa,... Tranh 2: Các bạn đến thăm Hà ốm; Hà ốm, đang nằm trên giường... Tranh 3: Bạn Liên lau bàn ghế; Bạn Hoà lau cửa kính; Các bạn đang trực nhật,... Tranh 4: Các bạn cùng nhảy múa; Bạn Liên đang nhảy; Bạn Hoà đang múa; Bạn Thuỷ đang hát,...)

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.**

– HS quan sát tranh.

– HS làm việc nhóm: dựa vào tranh và liên hệ thực tế ở trường để kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.

– GV có thể chuẩn bị một số thẻ trắng để các nhóm viết tên một số hoạt động của HS trong giờ ra chơi vào từng thẻ.

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

– GV và HS thống nhất kết quả (VD: đọc sách, đá cầu, đuổi bắt, trốn tìm,...).

*Lưu ý:* GV cũng có thể tổ chức cho HS làm bài trong vở bài tập, hoặc chuyển bài tập này sang dạng trò chơi để tạo hứng thú học tập cho HS.

**2. Viết 3 – 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em.**

– HS đọc yêu cầu của bài.

– GV hướng dẫn HS viết đoạn văn qua câu hỏi gợi ý trong SHS.

– HS trao đổi nhóm đôi.

– Đại diện một số (3 – 4) nhóm trình bày trước lớp.

– Từng HS viết bài vào vở. Một số HS đọc bài trước lớp. GV và HS nhận xét.

– Từng HS tự sửa đoạn văn đã viết; đổi bài cho bạn để sửa chữa hoàn chỉnh bài viết.

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường.**

(Trong buổi học trước, HS được giao nhiệm vụ tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường. GV có thể chuẩn bị một số bài viết phù hợp và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– HS đọc lại yêu cầu trong SHS.

– HS giới thiệu bài đọc mà mình đã chọn (có thể do GV cung cấp hoặc GV đã hướng dẫn HS chuẩn bị).

– HS tự đọc hoặc cả nhóm cùng đọc.

– Chia sẻ bài đọc với bạn theo nhóm hoặc trước lớp.

**2. Nói với bạn về hoạt động em yêu thích.**

– Một HS nhắc lại một số hoạt động của học sinh ở trường.

– HS quan sát tranh minh hoạ, lưu ý gợi ý qua bóng nói.

– Một số (2 – 3) HS chia sẻ với lớp về hoạt động yêu thích nhất, theo gợi ý trong bóng nói SHS.

– Một số HS khác nhận xét. GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS biết chia sẻ điều đọc được.

## CỦNG CỐ

– HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc bài *Nhím nâu kết bạn*; rèn chính tả phân biệt *g/ gh, iu/ ưu* hoặc *iên/ iêng*; mở rộng vốn từ chỉ đặc điểm, hoạt động; luyện viết câu nêu hoạt động, viết đoạn văn kể về một giờ ra chơi,...

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Tiếp tục tìm đọc các bài viết về hoạt động của HS ở trường.

# TUẦN 12

## Bài 21 THẢ DIỀU (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ khó, biết đọc bài thơ *Thả diều* của Trần Đăng Khoa, biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp. Nhận biết được vẻ đẹp của cánh diều, vẻ đẹp của làng quê (qua bài đọc và tranh minh hoạ): cánh diều giống các sự vật gần gũi ở thôn quê (con thuyền, trăng vàng, hạt cau, lưỡi liềm), cánh diều làm cảnh thôn quê thêm tươi đẹp.
2. Biết viết chữ viết hoa *L* cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Làng quê xanh mát bóng tre*.
3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện *Chúng mình là bạn* qua tranh minh hoạ; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh và lời gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã nghe).
4. Bồi dưỡng tình yêu quê hương, yêu các trò chơi tuổi thơ; phát triển năng lực văn học (liên tưởng, so sánh các sự vật), có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Cách đọc hiểu thơ 4 chữ; nhận biết được biện pháp tu từ so sánh trong bài thơ *Thả diều*.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường thực hành giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Chuẩn bị một con diều thật hoặc sưu tầm một số tranh ảnh về diều và cảnh thả diều.

– Mẫu chữ viết hoa *L*, vở *Tập viết 2 tập một*.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS có thể nêu nội dung của bài *Nhím nâu kết bạn*, hoặc đọc lại một đoạn và nêu nội dung đoạn vừa đọc hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động khởi động. VD: Quan sát tranh minh hoạ và làm việc theo cặp đôi để trả lời các câu hỏi: *Các bạn trong tranh đang chơi trò chơi gì? Em biết gì về trò chơi này?*

– Một số (2 – 3) HS trả lời.

– GV nhận xét và gợi ý trả lời (VD: Các bạn trong tranh đang chơi thả diều; Trò chơi này cần có cánh diều; Diều được làm từ một khung tre dán kín giấy có buộc dây dài. Cầm dây kéo diều ngược chiều gió thì diều sẽ bay lên cao. Một số diều còn được gắn cây sáo, gọi là diều sáo. Khi lên cao, gió thổi qua ống sáo khiến diều phát ra tiếng kêu "vu vu" rất vui tai. Trò chơi thả diều thường diễn ra ở không gian rộng như triền đê, cánh đồng lúa, bãi cỏ,...).

– GV cho HS xem lại tranh minh hoạ cánh diều và giới thiệu về bài đọc *Thả diều.* (Bài thơ như một bức tranh vẽ hình ảnh cánh diều qua nhiều thời điểm. Cánh diều đã mang lại vẻ đẹp thanh bình, trong sáng cho thôn quê. Bài thơ thể hiện tình yêu của nhà thơ đối với thiên nhiên, đối với quê hương của mình.)

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh. (VD: Các bạn đang thả diều ở cánh đồng làng. Bạn nào cũng vui và chăm chú nhìn theo cánh diều,...)

+ GV đọc mẫu toàn bài. Chú ý đọc rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ, nhấn giọng đúng những từ ngữ được xem là tín hiệu nghệ thuật. HS đọc thầm theo. (VD: hướng dẫn HS ngắt nhịp thơ: *Trời/ như cánh đồng; Xong mùa gặt hái; Diều em/– lưỡi liềm; Ai quên/ bỏ lại.*)

+ GV nêu một số từ ngữ khó phát âm do ảnh hưởng của phát âm địa phương để HS đọc. (VD: *no gió, lưỡi liềm, nong trời, nhạc trời,…*)

+ GV hướng dẫn chung về cách đọc bài thơ: đọc với giọng vui tươi, khoẻ khoắn, thể hiện đúng tình cảm của bạn nhỏ khi nói về trò chơi thả diều.

+ GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài đọc (theo từng khổ thơ trong bài) để HS biết cách luyện đọc theo cặp.

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa các từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ có thể khó hiểu đối với HS. (VD: *hạt cau, lưỡi liềm,...*)

– HS luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ Từng cặp HS trong nhóm đọc nối tiếp 2 khổ thơ. HS góp ý cho nhau.

+ Từng HS đọc thầm toàn VB hoặc đọc cho nhau nghe.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

– GV/ HS đọc lại toàn VB.

+ HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài thơ.

+ HS tập đọc khổ thơ mình thích, dựa theo cách đọc của GV.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Kể tên những sự vật giống cánh diều được nhắc tới trong bài thơ.*

+ HS đọc lại dòng thơ 3, 4 của 4 khổ thơ đầu và quan sát tranh minh hoạ.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Những sự vật giống cánh diều được nhắc tới trong bài thơ là *trăng vàng, chiếc thuyền, hạt cau, lưỡi liềm.*)

**Câu 2.** *Hai câu thơ "Sao trời trôi qua/ Diều thành trăng vàng" tả cánh diều vào lúc nào?*

+ HS xem lại khổ thơ đầu và hình ảnh minh hoạ trăng vàng.

– HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. (GV có thể đưa câu hỏi gợi ý: Vào thời điểm nào thì bầu trời có trăng, sao?)

+ Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Hai câu thơ đó tả cánh diều vào ban đêm.)

**Câu 3.** *Khổ thơ cuối bài muốn nói điều gì?*

– HS đọc lại khổ thơ cuối.

– HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. (GV có thể đưa câu hỏi gợi ý: Ở khổ thơ cuối, làng quê hiện lên qua những cảnh vật quen thuộc nào? Cùng với tiếng sáo diều, cảnh vật đó biến đổi ra sao? Cảnh vật như thế có đẹp không? Trong khổ thơ có từ ngữ nào thể hiện sự đông vui, giàu có không?...)

+ Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Khổ thơ cuối bài muốn nói: Cánh diều làm cảnh thôn quê tươi đẹp hơn.)

**Câu 4.** *Em thích nhất khổ thơ nào trong bài? Vì sao?*

– HS đọc lại toàn bài thơ, chọn khổ thơ thích nhất.

– HS trao đổi theo nhóm (GV có thể gợi ý để HS giải thích được vì sao thích khổ thơ đó: Nội dung khổ thơ thế nào? Có hình ảnh nào đẹp? Có từ ngữ nào hay? Em cảm thấy thế nào khi đọc khổ thơ đó?...).

+ Từng HS nêu khổ thơ mình thích và giải thích lí do chọn.

+ Nhóm góp ý.

+ 1 – 2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– GV nhận xét, động viên HS và nhóm HS. Lớp bình chọn nhóm trình bày hay nhất.

* *Học thuộc lòng khổ thơ em thích.*

– GV cho HS tự nhớ hoặc giữ lại một số từ trong từng dòng thơ làm "điểm tựa" để HS dễ nhớ.

– GV có thể cho HS thi đọc thuộc lòng (nếu có thời gian), sử dụng trò chơi "Biết một từ, đọc cả dòng thơ". GV chuẩn bị một số thẻ thăm có ghi một số từ trong mỗi dòng, HS bốc được từ nào sẽ đọc cả dòng thơ.

## 4. Luyện đọc lại

HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1**. *Từ ngữ nào được dùng để nói về âm thanh của sáo diều?*

+ HS xem lại khổ thơ thứ hai và những từ ngữ đã cho.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi. (GV có thể gợi ý: *no gió* và *uốn cong* có thể hiện âm thanh không?)

+ 1 – 2 HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Từ *trong ngần* được dùng để diễn tả âm thanh của sáo diều.)

**Câu 2**. *Dựa theo khổ thơ thứ tư, nói một câu tả cánh diều.*

+ HS xem lại khổ thơ 4.

+ HS thảo luận nhóm đôi để đặt câu tả cánh diều. (GV có thể đưa câu hỏi gợi ý: Cánh diều giống sự vật nào? Ở đâu? Vào thời điểm nào? Cánh diều có điểm gì giống sự vật đó?...)

+ HS trong nhóm góp ý cho nhau.

+ Đại diện nhóm HS trình bày. GV và HS nhận xét.

+ GV nhận xét, động viên HS và ghi nhận những câu HS đặt khá hay. (VD: Cánh diều giống cái lưỡi liềm; Cánh diều cong cong thật đẹp; Cánh diều cong cong như cái lưỡi liềm; Cánh diều giống hệt như cái lưỡi liềm bị bỏ quên sau mùa gặt;...)

# TIẾT 3

## 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *L* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ viết hoa *L*: Cao 5 li (cỡ vừa), 2,5 li gồm 3 nét cơ bản: cong dưới, lượn dọc và lượn ngang.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc quan sát cách viết chữ viết hoa *L* trên màn hình).

– HS tập viết chữ viết hoa *L* (có thể trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp,...) theo hướng dẫn: Đặt bút trên đường kẻ ngang 6, viết một nét cong lượn dưới như viết phần đầu các chữ C và G; sau đó, đổi chiều bút, viết nét lượn ngang, tạo một vòng xoắn nhỏ ở chân chữ. Điểm dừng bút là giao điểm của đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 5.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *L* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ) vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

## 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Làng quê xanh mát bóng tre.*

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn HS viết chữ viết hoa *L* đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi HS.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

**1. Nghe kể chuyện.**

+ HS quan sát các bức tranh, câu gợi ý dưới tranh.

+ Trao đổi nhóm để nêu tên các con vật trong tranh (ếch ộp, sơn ca, nai vàng), nơi các con vật đó thường sinh sống, khả năng của mỗi con vật,...

+ Các nhóm thống nhất câu trả lời. (VD: Các con vật trong tranh gồm: ếch ộp, sơn ca và nai vàng. Ếch ộp thường sống nơi ao hồ, đầm lầy. Nó biết bơi. Sơn ca có thể bay trên trời. Nai vàng chạy nhanh trong rừng,...)

– GV giới thiệu nội dung chung của câu chuyện: Câu chuyện nói về 3 con vật: ếch ộp, sơn ca và nai vàng. Chúng chơi rất thân với nhau và kể cho nhau nghe nhiều điều mới lạ.

+ GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.

+ GV kể câu chuyện (lần 2), dừng lại ở các sự việc diễn ra với mỗi nhân vật được nói đến trong đoạn.

+ Một số HS nhắc lại câu nói của các nhân vật trong đoạn 3 và đoạn 4.

+ 2 HS nối tiếp nhau trả lời câu hỏi dưới tranh.

+ Một số HS nhắc lại câu nói của các nhân vật trong đoạn 3 và đoạn 4.

– GV khen ngợi các em nhớ nội dung câu chuyện.

CHÚNG MÌNH LÀ BẠN

(1) Ếch ộp, sơn ca và nai vàng chơi với nhau rất thân. Ngày nào ba bạn cũng gặp nhau trò chuyện, vui chơi cùng nhau.

(2) Sơn ca cất giọng trong vắt kể cho hai bạn nghe về bao nhiêu chuyện lạ nơi mình đã bay qua. Ếch ộp thì kể chuyện mẹ con nhà cua, nhà cá, chuyện ốc, ba ba,… Nai vàng thì kể chuyện rừng núi hùng vĩ và bí hiểm. Nhờ thế mà cả ba cùng hiểu thêm được bao nhiêu điều thú vị ở khắp mọi nơi.

(3) Nhưng ếch ộp, sơn ca, nai vàng muốn tận mắt thấy những cảnh đã được nghe kể. Chúng quyết định đổi chỗ cho nhau: chim sơn ca thì xuống nước, ếch ộp vào rừng, còn nai vàng thì tập bay.

Sơn ca dang cánh lao xuống nước, nhưng phải vội ngoi lên bờ ngay, mình mẩy ướt sũng và ho sặc sụa. Nó hiểu ra rằng mình không thể bơi được.

Nai vàng trèo lên một mỏm đá cao rồi co chân tung mình vào khoảng không để tập bay. Huỵch! Nó rơi xuống thảm cỏ đau điếng, miệng lẩm bẩm: Mình không thể bay được.

Ếch ộp lúc đó cũng nhảy từ trong rừng ra, nói: Các bạn ơi! Tớ đói quá! Tớ chẳng tìm được cái gì ở trong rừng để ăn.

(4) Sơn ca nói: Chúng mình mỗi người thuộc về một nơi khác nhau, mỗi người có những khả năng riêng, nhưng chúng ta vẫn mãi mãi là bạn của nhau nhé!

Ếch ộp và nai vàng cùng đồng thanh: Tất nhiên rồi!

(Theo *Tuyển tập truyện, thơ, câu đố Mầm non*, NXBGDVN)

**2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.**

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh, chọn 1 – 2 đoạn để tập kể, cố gắng kể đúng lời nói của các nhân vật trong câu chuyện (không phải kể đúng từng câu, từng chữ trong bài đọc).

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (từng em kể rồi góp ý cho nhau).

*Lưu ý*: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc nhớ nhất.

– GV mời 2 – 4 HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng.

– GV nêu câu hỏi để HS thảo luận nhóm: Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

– Đại diện một số nhóm trả lời. GV ghi nhận những câu trả lời hợp lí. (VD: Câu chuyện muốn nói: Mỗi người đều không giống nhau (về điều kiện sống, về khả năng,...) vẫn có thể trở thành bạn thân; Mỗi người có điều kiện và khả năng riêng. Chúng ta cần làm những việc phù hợp với điều kiện và khả năng của mình.)

## VẬN DỤNG

**Kể cho người thân nghe câu chuyện *Chúng mình là bạn*.**

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

+ Trước khi kể, các em xem lại 4 tranh và đọc các câu hỏi dưới mỗi tranh để nhớ nội dung câu chuyện.

+ Có thể kể lại toàn bộ câu chuyện cho người thân nghe (hoặc kể đoạn em thích nhất trong câu chuyện).

+ Có thể nêu nhận xét của em về tình bạn giữa ếch ộp, sơn ca và nai vàng.

+ Lắng nghe ý kiến của người thân sau khi nghe em kể chuyện.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc bài thơ *Thả diều* của Trần Đăng Khoa; viết chữ viết hoa *L*; nghe kể câu chuyện *Chúng mình là bạn*.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

## Bài 22 TỚ LÀ LÊ-GÔ (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các tiếng có vần khó, đọc rõ ràng một VB thông tin được trình bày dưới hình thức tự sự (người kể chuyện xưng "tớ"); biết nghỉ hơi sau khi đọc câu, đọc đoạn. Hiểu nội dung bài đọc về một đồ chơi hiện đại được nhiều trẻ em yêu thích (đồ chơi lắp ráp lê-gô); nắm được cách sắp xếp, tổ chức thông tin trong VB.
2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn văn ngắn (*Đồ chơi yêu thích*); biết viết hoa các chữ cái đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *ng/ ngh*, *ch/ tr*, *uôn/ uông*.
3. a. Phát triển vốn từ về tên các đồ chơi; đặt được câu nêu đặc điểm.

   b. Viết được đoạn văn giới thiệu đồ chơi yêu thích.
4. Tìm và đọc mở rộng được các bài hướng dẫn tổ chức một trò chơi hoặc hoạt động tập thể.
5. a. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc giới thiệu về một đồ chơi yêu thích, quen thuộc.

   b. Có niềm vui khi được chơi các trò chơi, đồ chơi phù hợp với lứa tuổi.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB thông tin kết hợp văn tự sự (sử dụng hình thức tự kể chuyện để giới thiệu về bản thân và gia đình của đồ chơi lê-gô).

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ bài tập 1 (Luyện tập) phóng to trên giấy khổ lớn, hoặc chiếu lên màn hình chiếu.

– Phiếu học tập để làm bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS ôn bài cũ:

+ Một HS đọc lại bài thơ *Thả diều.*

+ GV mời 1 – 2 HS nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– Cả lớp:

+ GV hướng dẫn HS quan sát tranh phần khởi động và nêu nội dung tranh. (VD: tranh vẽ các bạn nhỏ đang chơi đồ chơi, bạn thì chăm chú xếp hình khối, bạn thì đang chơi ô tô, bạn thì vươn hai tay rất phấn khích như vừa làm thành công một trò chơi nào đó,… các bạn trông rất vui vẻ; các đồ chơi xuất hiện trong tranh là quả bóng, các khối xếp hình, con vịt, ô tô vặn cót.)

+ GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3 hoặc 4 thảo luận về 2 hoạt động:

• *Nói tên một số đồ chơi của em.*

• *Em thích đồ chơi nào nhất?*

+ HS có thể nêu lí do vì sao thích đồ chơi mà mình chọn (một số câu hỏi gợi ý: Em thích chơi đồ chơi nào nhất? Đồ chơi đó có đặc điểm gì? (hình dạng, màu sắc, kích thước, chất liệu,…) Em thường chơi đồ chơi đó với ai? Vào lúc nào? Vì sao em thích đồ chơi đó?...).

– Nhóm/ cặp:

+ Lần lượt từng HS kể tên các đồ chơi mà HS từng chơi.

+ HS chọn một đồ chơi mà mình yêu thích và nêu lí do.

+ GV có thể hướng dẫn các nhóm cùng bình chọn đồ chơi được chơi phổ biến nhất của cả lớp (ngoài ra, có thể có bình chọn đồ chơi ấn tượng nhất, hiếm gặp nhất,…).

– GV nhận xét chung và dẫn vào bài đọc (về một đồ chơi hiện đại được rất nhiều bạn nhỏ yêu thích).

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc (các khối lê-gô nhiều màu sắc, nhiều hình dạng và các sản phẩm được tạo thành từ các khối lê-gô).

+ GV đọc mẫu toàn VB. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Chúng tớ/ giúp các bạn/ có trí tưởng tượng phong phú,/ khả năng sáng tạo/ và tính kiên nhẫn.*)

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em như *lắp ráp, kì diệu, kiên nhẫn,…*

+ GV hướng dẫn HS chia VB thành 4 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *tớ không?*; đoạn 2: tiếp theo đến *xinh xắn khác;* đoạn 3: tiếp theo đến *những vật khác;* đoạn 4: còn lại.

+ GV mời 2 HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp (HS1 đọc đoạn 1, HS2 đọc đoạn 2, HS1 đọc đoạn 3, HS2 đọc phần còn lại) để HS biết cách đọc theo cặp.

+ GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB ở mục *Từ ngữ.*

– Luyện đọc theo nhóm/cặp: HS đọc nối tiếp theo cặp như các HS đã đọc mẫu trước lớp.

– Luyện đọc cá nhân: Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.

GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Đồ chơi lê-gô còn được các bạn nhỏ gọi là gì?*

– Cả lớp:

+ GV hướng dẫn HS tìm trong bài đọc câu giới thiệu tên gọi của lê-gô và đọc kĩ các câu tiếp theo.

+ GV mời 1 – 2 HS trả lời. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Đồ chơi lê-gô còn được các bạn nhỏ gọi là đồ chơi lắp ráp.)

**Câu 2.** *Nêu cách chơi lê-gô.*

– Nhóm/ cặp:

+ Từng HS đọc thầm lại VB, tìm đoạn nói về cách chơi lê-gô để trả lời cho câu hỏi.

+ HS thảo luận nhóm tìm đáp án đúng.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Các khối lê-gô được lắp ráp thành các đồ vật rồi lại được tháo rời ra để ghép thành các đồ vật khác.)

**Câu 3.** *Trò chơi lê-gô đem lại lợi ích gì?*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm như ở câu hỏi 2.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Trò chơi lê-gô giúp các bạn nhỏ có trí tưởng tượng phong phú, khả năng sáng tạo và tính kiên nhẫn.)

**Câu 4.** *Chọn nội dung phù hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.*

– Nhóm/ cặp:

+ Mỗi HS tự đọc thầm lại VB để tìm các nội dung tương ứng với a, b, c, d. HS có thể dựa vào các câu trả lời trong câu hỏi 2 và 3 để có thêm gợi ý.

+ HS trao đổi để tìm đáp án.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Đoạn 1: Giới thiệu tên gọi lê-gô; Đoạn 2: Tả đặc điểm lê-gô; Đoạn 3: Hướng dẫn cách chơi lê-gô; Đoạn 4: Nói về lợi ích của việc chơi lê-gô.)

### 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của những khối lê-gô.*

– Nhóm/ cặp:

+ Từng HS đọc thầm lại đoạn 2 để tìm chi tiết trả lời cho câu hỏi.

+ HS trao đổi để tìm đáp án trong nhóm.

+ GV mời đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác có thể bổ sung đáp án nếu chưa đầy đủ.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (*khối nhỏ, đầy màu sắc, hình viên gạch, hình nhân vật tí hon, hình xinh xắn*)

**Câu 2.** *Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.*

– Cả lớp:

+ GV hướng dẫn HS đặt câu theo yêu cầu.

+ Mỗi HS chọn 1 từ ngữ tìm được trong phần 1 để đặt câu.

+ GV mời một số HS đọc câu mình đã đặt, VD:

- Em thích những quả bóng bay đầy màu sắc.
- Hộp bút của em có nhiều hình nhân vật tí hon.
- Bộ đồ xếp hình có nhiều hình xinh xắn.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét tiết học.

## TIẾT 3

## VIẾT

### 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết: *Đồ chơi yêu thích.*

– GV đọc một lần đoạn văn viết chính tả cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn trước lớp.

– GV hướng dẫn HS :

+ Quan sát những dấu câu có trong đoạn văn sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn văn trên màn hình), giúp các em biết đoạn văn có các dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy, dấu gạch ngang (trong tên gọi lê-gô).

+ Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu, chữ đầu đoạn văn thụt đầu dòng.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. VD: *truyền thống, điều khiển, từ xa, siêu nhân, giữ gìn,...*

– GV đọc tên bài, đọc từng câu cho HS viết vào vở. Chú ý: Câu dài cần đọc theo từng cụm từ (*Tớ rất thích/ các đồ chơi truyền thống/ như diều,/ chong chóng,/ đèn ông sao. Tớ cũng thích/ các đồ chơi hiện đại/ như lê-gô,/ ô tô điều khiển từ xa,/ siêu nhân.*).

– GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

## 2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV chiếu hoặc dán các câu lên bảng.

– GV hướng dẫn HS nhắc lại quy tắc chính tả khi sử dụng *ng/ ngh* (*ngh* đi trước âm *i, ê, e*; *ng* đi trước các âm còn lại như *a, u, ô,…*).

– HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm để tìm đáp án đúng.

– Đại diện 3 nhóm lên bảng điền *ng* hoặc *ngh* vào chỗ trống. GV và HS nhận xét, tổng kết đáp án. HS đọc to đáp án:

a. *Dù ai nói **ng**ả nói **ngh**iêng*
*Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.*

b. ***Ng**ười không học như **ng**ọc không mài.*

c. *Mấy cậu bạn đang **ng**ó **ngh**iêng tìm chỗ chơi đá cầu.*

– HS đọc đồng thanh đáp án trên bảng.

## 3. Chọn a hoặc b.

GV chọn cho HS làm bài tập a hoặc b.

a. *Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.*

– GV chiếu hoặc dán từ ngữ lên bảng.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm về nghĩa của các từ trong bài để tìm cách điền *ch* hoặc *tr* phù hợp.

– HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm để tìm đáp án đúng.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS lên bảng điền vào chỗ trống. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án. (***tr**ung thu, **ch**ung sức, **ch**ong **ch**óng, **tr**ong xanh*)

– HS đồng thanh đọc đáp án trên bảng.

b. *Chọn uôn hoặc uông thay cho ô vuông.*

– GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập này như bài tập a.

– GV và HS thống nhất đáp án. (*chu**ông** gió, chu**ồn** chu**ồn**, cu**ộn** chỉ*)

– HS đồng thanh đọc đáp án trên bảng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Tìm từ ngữ gọi tên các đồ chơi có trong bức tranh.

– GV chiếu tranh của bài tập lên màn hình, hoặc dán tranh đã được in trên giấy khổ lớn lên bảng.

– Từng HS làm việc cá nhân: Quan sát tranh, tìm các đồ chơi trong tranh, gọi tên các đồ chơi đó.

– GV mời 2 – 3 HS nói tên đồ chơi trong tranh. HS sau bổ sung cho HS trước, đến khi hết tên các đồ chơi có trong tranh thì dừng lại.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Từ ngữ gọi tên các đồ chơi trong tranh là: thú nhồi bông, búp bê, máy bay, rô-bốt (người máy), ô tô, siêu nhân, quả bóng, cờ cá ngựa, lê-gô, dây để nhảy.)

### 2. Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết câu vào vở.

– Từng HS đọc thầm yêu cầu của bài tập.

– HS tự sắp xếp từ ngữ thành câu.

– GV mời 3 – 4 HS đọc đáp án trước lớp.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. *Chú gấu bông rất mềm mại.*; b. *Đồ chơi lê-gô có nhiều màu sắc sặc sỡ.*; c. *Bạn búp bê xinh xắn và dễ thương.*)

– HS viết câu đúng vào vở.

### 3. Đặt một câu nêu đặc điểm của một đồ chơi.

– GV hướng dẫn HS đặt câu theo yêu cầu.

– GV khuyến khích HS đặt câu theo nhiều kiểu câu khác nhau.

– Mỗi HS đặt một câu.

– GV mời một số HS đọc câu mình đặt được. (VD: Chiếc dây nhảy dây rất dài; Bé búp bê thật ngộ nghĩnh;...)

– GV cũng có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm sau khi đặt câu. Từng HS đọc câu của mình đã đặt theo nhóm, cả nhóm góp ý. Sau đó, đại diện một số nhóm nói câu của mình đã đặt trước cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

– GV hỗ trợ các HS gặp khó khăn trong việc đặt câu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## TIẾT 5 – 6

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Giới thiệu các đồ chơi mà trẻ em yêu thích.**

– HS thảo luận nhóm:

+ HS lần lượt kể tên các đồ chơi yêu thích.

+ HS giới thiệu về các đồ chơi đó (câu hỏi gợi ý: Đồ chơi đó có đặc điểm gì? (hình dạng, màu sắc, chất liệu, kích thước,…) Đồ chơi đó được chơi như thế nào? Vì sao em thích đồ chơi đó?,...).

+ Các HS khác trong nhóm nhận xét, góp ý. .

– Đại diện 3 – 4 nhóm giới thiệu về một số đồ chơi. Các nhóm khác bổ sung.

**2. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi mà trẻ em yêu thích.**

– Mỗi HS tự chọn một trong số các đồ chơi đã trao đổi trong nhóm.

– Dựa vào kết quả đã trao đổi nhóm, HS viết từng câu vào vở theo gợi ý trong SHS.

HS có thể viết nhiều hơn 3 – 4 câu tuỳ theo khả năng. (VD: Vào dịp nghỉ hè, bố đã tự tay làm một chiếc diều cho em. Chiếc diều được làm từ những thanh tre uốn cong, dán giấy mỏng rực rỡ màu sắc. Diều hình cánh bướm. Phần đuôi diều có hai sợi dây dài. Khi bay lên, cánh diều chao liệng, đuôi diều phấp phới tung bay. Em yêu chiếc diều nhỏ xinh này lắm.)

– HS trao đổi bài trong nhóm để sửa lỗi cho nhau.

– GV đọc 1 – 2 bài. GV và HS nhận xét, góp ý.

### ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc các bài hướng dẫn tổ chức trò chơi hoặc hoạt động tập thể.**

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài hướng dẫn tổ chức trò chơi hoặc hoạt động tập thể. GV có thể chuẩn bị một số bài giới thiệu phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp hoặc mượn trong thư viện trường) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– GV có thể gợi ý một số trò chơi tập thể phổ biến như: kéo co, bịt mắt bắt dê, mèo đuổi chuột,… hoặc các hoạt động tập thể như múa hát, thi đố vui,…

**2. Ghi lại các bước tổ chức một trò chơi hoặc hoạt động tập thể em yêu thích.**

– HS chọn một trò chơi hoặc hoạt động tập thể yêu thích và ghi chép các bước tổ chức trò chơi hoặc hoạt động đó trước khi đến lớp.

– GV gợi ý HS có thể ghi chép theo các nội dung: Tên của hoạt động hoặc trò chơi; chuẩn bị (dụng cụ, sân chơi,…); luật chơi; cách chơi; một số lưu ý;…

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VD: Trò chơi *kéo co*.

+ Chuẩn bị:

• Một dây thừng dài.

• Một sợi dây màu sắc buộc ở giữa sợi dây thừng để làm ranh giới giữa hai đội phân biệt thắng thua.

• Một đường kẻ vạch vẽ trên sân để làm ranh giới giữa hai đội.

+ Luật chơi:

• Hai đội chỉ được bắt đầu kéo khi có tín hiệu của trọng tài.

• Bên nào bị kéo về vạch ranh giới sang đội bên kia trước sẽ thua.

+ Cách chơi:

• Chia người chơi thành 2 đội với số thành viên bằng nhau.

• Hai đội đứng thành hàng dọc, đối diện nhau. Những người khoẻ thường đứng ở vị trí đầu tiên (tuỳ theo chiến thuật của đội).

• Tất cả người chơi nắm vào dây thừng.

• Khi có tín hiệu của trọng tài, người chơi phải kéo thật mạnh sao cho dây thừng kéo về phía bên mình.

• Đội nào bị kéo về đội bên kia trước (tính từ chỗ đánh dấu bằng sợi dây màu sắc) thì đội đó thua.

+ *Lưu ý:* Trong quá trình kéo co rất dễ bị xước da tay, vì vậy cần chú ý nắm chắc, tránh để dây trượt đi trượt lại trong lòng bàn tay.

– Trên lớp, tuỳ theo thời gian của giờ học mà GV cho HS trao đổi nhóm, từng HS trình bày các ghi chép của mình trong nhóm, hoặc làm việc chung cả lớp, 2 – 3 HS đại diện trình bày trước lớp những ghi chép của mình.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách ghi chép dễ hiểu, thú vị. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi. Nếu HS mang sách có bài giới thiệu đến lớp thì GV khuyến khích HS trao đổi sách để mở rộng nội dung đọc.

– GV có thể cho HS bình chọn trò chơi hoặc hoạt động tập thể hấp dẫn nhất qua việc chia sẻ của các bạn và cả lớp cùng thực hiện vào một giờ hoạt động ngoại khoá.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài *Tớ là lê-gô,* các em đã:

+ Đọc – hiểu bài *Tớ là lê-gô.*

+ Nghe – viết đúng đoạn chính tả *Đồ chơi yêu thích,* làm bài tập chính tả.

+ Nhận biết từ gọi tên đồ chơi.

+ Biết viết đoạn giới thiệu đồ chơi.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào, vì sao? Em không thích hoạt động nào, vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

# TUẦN 13

## Bài 23 RỒNG RẮN LÊN MÂY (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng bài đọc *Rồng rắn lên mây*; tốc độ đọc khoảng 50 – 55 tiếng/ phút.
   b. Hiểu cách chơi trò chơi *rồng rắn lên mây*.
2. Biết viết chữ viết hoa *M* (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ); viết câu ứng dụng *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.*
3. Đoán được nội dung câu chuyện *Búp bê biết khóc* qua câu hỏi dưới tranh minh hoạ; kể được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).
4. Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc nhóm, ý thức tập thể và trách nhiệm cá nhân (thông qua trò chơi rồng rắn lên mây).

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB thông tin (mục đích chính là cung cấp thông tin); nắm được nội dung VB *Rồng rắn lên mây* (Giới thiệu về trò chơi dân gian rồng rắn lên mây, cách chơi và ý nghĩa của trò chơi dân gian này – giáo dục tinh thần đoàn kết, tập thể, ý thức trách nhiệm cá nhân).

– GV nắm được nghĩa của từ ngữ khó trong VB (*cây núc nác, vòng vèo, cản*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

– Cách chơi trò chơi dân gian rồng rắn lên mây và một số trò chơi dân gian khác.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ có trong bài học và câu ứng dụng được phóng to trên máy tính hoặc viết trên giấy khổ to.

– Mẫu chữ viết hoa *M*, vở *Tập viết 2 tập một.*

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Tớ là lê-gô*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ Một HS đọc to câu hỏi *Em biết gì về trò chơi rồng rắn lên mây?*. Các HS khác đọc thầm theo.

+ HS quan sát tranh minh hoạ và trao đổi nhóm đôi để tìm câu trả lời. (GV có thể gợi ý: Các em đã chơi trò chơi này bao giờ chưa? Có thích chơi không?...)

– Đại diện một số (3 – 4) nhóm chia sẻ câu trả lời. Các nhóm khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.

– GV nhận xét chung và giới thiệu bài đọc.

### 2. Đọc văn bản

– GV giới thiệu: Các em vừa chia sẻ hiểu biết về trò chơi rồng rắn lên mây. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu kĩ hơn về trò chơi này qua bài đọc *Rồng rắn lên mây*. Qua bài đọc này các em sẽ biết rõ hơn về ý nghĩa của chơi trò chơi này.

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em như *rồng rắn, vòng vèo, núc nác, khúc đầu, khúc giữa, khúc đuôi,...*

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ trong mục *Từ ngữ*. Ngoài ra, GV có thể giải thích thêm từ ngữ *vòng vèo* (vòng qua vòng lại theo nhiều hướng khác nhau). GV có thể dùng nhiều hình thức khác nhau để giải thích như trực quan hành động, tranh minh hoạ, đặt câu, đọc lời giải thích trong SHS,...

+ GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Nếu thầy nói "có"/ thì rồng rắn/ hỏi xin/ thuốc cho con/ và đồng ý/ cho thầy/ bắt khúc đuôi.*)

+ GV chia VB làm 3 đoạn và hướng dẫn HS nhận diện các đoạn. (Đoạn 1: Từ đầu đến *với rồng rắn*; đoạn 2: Tiếp theo đến *bắt khúc đuôi*; đoạn 3: Còn lại)

– Luyện đọc theo nhóm:

+ GV gọi 3 HS đọc mẫu nối tiếp từng đoạn trước lớp.

+ HS làm việc trong nhóm 3: thay nhau đọc nối tiếp từng đoạn. Các bạn trong nhóm nghe và góp ý cho nhau. GV giúp đỡ những HS đọc yếu.

+ GV yêu cầu một số nhóm HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp.

+ GV và HS nhận xét. GV tuyên dương những HS đọc tiến bộ.

### 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài đọc và trả lời các câu hỏi. HS cùng nhau trao đổi và trả lời câu hỏi.

**Câu 1.** *Những người chơi làm rồng rắn bằng cách nào?*

– Một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: cùng xem lại đoạn 1 và nhìn tranh minh hoạ, thảo luận trong nhóm để tìm câu trả lời.

GV mời một số HS trả lời. GV và HS thống nhất câu trả lời. (Năm, sáu bạn túm áo nhau làm rồng rắn.)

GV có thể mời một số HS lên đóng vai thầy thuốc và rồng rắn.

**Câu 2.** *Rồng rắn đến gặp thầy thuốc để làm gì?*

– Một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS xem lại đoạn 2 của bài đọc. Từng HS suy nghĩ để trả lời.

– GV mời một số HS trả lời. GV và HS thống nhất câu trả lời. (Rồng rắn đến gặp thầy thuốc để xin thuốc cho con.)

**Câu 3**. *Chuyện gì xảy ra nếu khúc đuôi bị thầy bắt?*

– Một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm cùng xem lại đoạn 3 của bài đọc, thảo luận để tìm câu trả lời.

– GV mời một số HS trả lời. GV và HS thống nhất câu trả lời. (Nếu khúc đuôi bị thầy bắt thì đổi vai làm thầy thuốc.)

**Câu 4.** *Nếu bạn khúc giữa bị đứt thì bạn đó phải làm gì?*

– Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS xem lại đoạn 3. Từng HS suy nghĩ để trả lời.

– GV mời một số HS trả lời. GV và HS cùng thống nhất câu trả lời. (Nếu bạn khúc giữa bị đứt thì bạn đó phải làm đuôi.)

– GV có thể nói với HS là người ta có thể có vài luật chơi trò chơi rồng rắn lên mây khác nhau. VD: Nếu bạn khúc giữa bị đứt, bạn đó: phải làm khúc đuôi, hoặc phải làm khúc đầu, hoặc phải nghỉ chơi để người khác vào thay,... GV có thể hỏi HS thích luật chơi nào nhất, vì sao?

– GV nói với HS: Qua bài đọc này các em đã biết được cách thức chơi trò chơi rồng rắn lên mây. Các em thấy đây là trò chơi tập thể, mỗi người đều có một vai trò, nhiệm vụ riêng. Trò chơi sẽ thành công nếu ai cũng làm tốt nhiệm vụ của mình. Như vậy, khi chơi hay làm việc trong một tập thể, chúng ta phải ý thức về trách nhiệm cá nhân.

Nếu thời gian và điều kiện cho phép, GV có thể cho các em thực hành trò chơi *Rồng rắn lên mây.*

## 4. Luyện đọc lại

– GV hướng dẫn HS tự luyện đọc cả bài.

+ GV đọc mẫu một lần trước lớp. Giọng đọc nhẹ nhàng, phát âm rõ ràng, tốc độ vừa phải.

+ Một HS đọc to trước lớp cả bài. Các HS khác đọc thầm theo.

+ Từng HS tự luyện đọc toàn bài.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS tiến bộ.

### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Nói tiếp để hoàn thành câu.*

– Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: xem lại đoạn 2 và đoạn 3 để tìm câu trả lời, viết câu trả lời ra giấy nháp.

– GV yêu cầu 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác góp ý, bổ sung. GV và HS thống nhất đáp án. (Nếu thầy nói "không" thì **rồng rắn đi tiếp**; Nếu thầy nói "có" thì **rồng rắn hỏi xin thuốc cho con**; Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì **đổi vai làm thầy thuốc**; Nếu bạn khúc giữa để đứt thì **đổi vai làm đuôi**.)

**Câu 2.** *Đặt một câu nói về trò chơi em thích.*

– Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: chia sẻ với nhau về các trò chơi các em thường tham gia, và chọn một trò chơi em thích nhất, đặt một câu về trò chơi đó, VD: *Rồng rắn lên mây là trò chơi vui nhộn.*

– GV yêu cầu 2 – 3 HS đại diện nhóm lên trình bày kết quả của nhóm. Các HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi hoặc nhận xét. GV lưu ý HS là các em có thể đặt một câu bất kì về một trò chơi em thích. GV nên khuyến khích HS chia sẻ nhiều suy nghĩ của các em.

## TIẾT 3

## VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *M* (kiểu 1) và hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:

+ Cấu tạo: Chữ cỡ vừa cao 5 li, rộng 6 li; chữ cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 3 li, gồm 4 nét: nét móc ngược trái, thẳng đứng hơi lượn ở cuối, thẳng xiên hơi lượn ở hai đầu và nét móc ngược phải.

+ Cách viết: Nét 1 đặt bút trên đường kẻ 2, viết nét móc từ dưới lên hơi lượn sang phải, khi chạm tới đường kẻ 6 thì dừng lại. Nét 2 từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng đầu bút để viết tiếp nét thẳng đứng (cuối nét hơi lượn sang trái một chút), dừng bút ở đường kẻ 1. Nét 3 từ điểm dừng bút của nét 2, chuyển hướng đầu bút để viết tiếp nét thẳng xiên (hơi lượn ở 2 đầu) từ dưới lên tới đường kẻ 6 thì dừng lại. Nét 4 từ điểm dừng bút của nét 3, chuyển hướng đầu bút để viết tiếp nét móc ngược phải, dừng bút trên đường kẻ 2.

– GV viết mẫu chữ viết hoa *M* trên bảng, vừa viết vừa nói lại cách viết.

– HS tập viết chữ viết hoa *M* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– HS và GV cùng nhận xét.

– HS viết chữ viết hoa *M* chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ vào vở *Tập viết 2 tập một*. HS đổi vở cho nhau để góp ý.

– GV kiểm tra bài tập viết của HS, nhận xét nhanh một số bài.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.*

– Một HS đọc thành tiếng câu ứng dụng. Cả lớp đọc đồng thanh.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng (Trong một đàn ngựa nếu có một con bị đau/ ốm thì những con còn lại sẽ lo lắng, bỏ ăn cỏ: Câu tục ngữ răn dạy chúng ta phải yêu thương, lo lắng, chăm sóc cho những người thân yêu, bè bạn của mình.).

– GV hướng dẫn HS quan sát câu ứng dụng, nêu nhận xét:

+ Độ cao của các chữ cái: các chữ *M*, *g*, *b* cao 2,5 li, các chữ *đ* cao 2 li, *t* cao 1,5 li, các chữ còn lại cao 1 li.

+ Cách đặt dấu thanh: dấu nặng đặt dưới chữ *ô* (*Một*), *ư* (*ngựa);* dấu huyền đặt trên chữ *a* (*tàu);* dấu hỏi đặt trên chữ *a* (*cả*), chữ *o* (*bỏ, cỏ*).

+ Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng khoảng cách viết một con chữ o.

+ Vị trí dấu chấm cuối câu.

– GV lưu ý HS cách cầm bút, tư thế ngồi viết.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một* câu ứng dụng *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.*

– HS đổi vở cho nhau để góp ý theo cặp/ nhóm.

+ GV quan sát, hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, khen ngợi HS.

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

### 1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

– Một HS đọc to yêu cầu, các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ HS quan sát tranh, đọc câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh, nói tên của bạn nhỏ trong câu chuyện và các món đồ chơi bạn được tặng nhân dịp sinh nhật 6 tuổi và 7 tuổi. Quan sát nét mặt của bạn nhỏ khi nhận quà sinh nhật và đoán nội dung câu chuyện.

+ GV gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả của nhóm. Các HS khác góp ý, bổ sung.

### 2. Nghe kể chuyện.

– GV giới thiệu câu chuyện: Câu chuyện kể về bạn Hoa và giấc mơ của bạn ấy về cô bé búp bê – món quà sinh nhật bạn được tặng khi tròn 6 tuổi. Các em hãy chú ý nghe câu chuyện để biết bạn Hoa mơ thấy điều gì.

– GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh (chú trọng kể đoạn 3).

– GV hướng dẫn HS nhắc lại câu nói của búp bê và bạn nhỏ trong đoạn 3.

– GV kể câu chuyện (lần 2), dừng lại ở các sự việc chính trong mỗi đoạn; kết hợp vừa kể vừa hỏi sự việc tiếp theo là gì để cho HS nhớ chi tiết của câu chuyện, nhắc lại lời nói của các nhân vật trong câu chuyện.

– GV nêu các câu hỏi dưới mỗi tranh và mời một số em trả lời câu hỏi.

BÚP BÊ BIẾT KHÓC

(1) Nhân dịp sinh nhật tròn 6 tuổi, Hoa được bố mẹ tặng cho con búp bê mà cô bé rất thích. Đi đâu, làm gì, cô bé cũng mang búp bê theo. Hoa nhờ mẹ may nhiều quần áo đẹp cho búp bê.

(2) Một năm sau, khi Hoa tròn 7 tuổi, bố mẹ tặng cho cô bé một món quà mới. Đó là một chú chó bông màu trắng rất xinh. Từ ngày có chó bông, Hoa chẳng ngó ngàng tới bé búp bê nữa. Hoa mang chó bông đi ngủ, đi chơi, quên hẳn cô bé búp bê ở góc tủ tối tăm.

(3) Một hôm, Hoa nằm mơ thấy em búp bê nhỏ của mình khóc thút thít:

– Chị Hoa quên em rồi sao? Em nhớ chị lắm. Hu… hu…

Nghe búp bê khóc, Hoa bật khóc theo. Khi tỉnh giấc, Hoa liền lục tìm búp bê ngay. Cô bé mừng rỡ khi thấy búp bê còn trong góc tủ. Hoa ôm búp bê vào lòng và nói khẽ:

– Tha lỗi cho chị nhé, chúng ta sẽ mãi là bạn!

(4) Hoa giới thiệu búp bê với em chó bông. Từ đó, Hoa chơi với búp bê và chó bông rất vui vẻ, không bỏ quên bạn nào.

(Theo *Thư viện Trường Mầm non Hoa Mai*)

**3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.**

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh, đọc câu hỏi dưới tranh, nhớ lại nội dung câu chuyện; tập kể đoạn 1 và 2 hoặc đoạn 3 và 4; không phải kể đúng từng câu từng chữ mà GV đã kể (em có thể kể cả câu chuyện nếu có thể).

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm và góp ý cho nhau.

*Lưu ý:* Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc em nhớ nhất.

– GV mời 2 HS xung phong kể trước lớp (mỗi em kể 2 đoạn – kể nối tiếp đến hết câu chuyện). Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.

– GV nêu câu hỏi để HS trả lời: Em học được bài học gì từ câu chuyện trên? Những đồ chơi cũ em vẫn giữ hay cho các em nhỏ khác?

– Một số HS trả lời.

### VẬN DỤNG

**Kể về bạn Hoa trong câu chuyện *Búp bê biết khóc* cho người thân nghe.**

GV yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài 23, các em đã:

+ Biết được cách thức chơi trò chơi *Rồng rắn lên mây*.

+ Viết được chữ viết hoa *M* (kiểu 1) và câu ứng dụng.

+ Nghe – kể được câu chuyện *Búp bê biết khóc*.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

## Bài 24 NẶN ĐỒ CHƠI (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các tiếng có âm dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương, đọc rõ ràng bài thơ, biết cách ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp. Hiểu nội dung bài thơ (về một trò chơi quen thuộc của trẻ thơ – nặn đồ chơi).
2. Nghe – viết đúng chính tả bài thơ (3 khổ thơ đầu); trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *da/ gia, s/ x* hoặc *ươn/ ương*.
3. a. Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm của đồ chơi, luyện tập cách sử dụng dấu phẩy.

   b. Viết được một đoạn văn tả đồ chơi.
4. Tìm và đọc mở rộng được một bài thơ hoặc một bài đồng dao về đồ chơi, trò chơi, chia sẻ với bạn được tên và cách chơi đồ chơi đó.
5. a. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc kể, tả về đặc điểm của các đồ chơi quen thuộc, gần gũi ở xung quanh.

   b. Biết chia sẻ khi chơi, biết quan tâm đến người khác bằng những hành động đơn giản.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB thơ (thể thơ, cách ngắt nhịp, vần,…).

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ bài tập luyện từ (bài 1 phần *Luyện tập*) in trên giấy khổ lớn, hoặc chiếu trên màn hình.

– Phiếu học tập: có thể làm phiếu bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Rồng rắn lên mây*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV hướng dẫn cả lớp quan sát tranh phần khởi động và nêu nội dung tranh (Trong tranh vẽ các bạn HS đang tham gia trại hè Trò chơi dân gian, các bạn đang chơi nhiều trò chơi như rồng rắn lên mây, ô ăn quan, cưỡi ngựa nhong nhong).

– GV đặt câu hỏi: "Em còn biết những trò chơi nào khác?" và hướng dẫn HS thảo luận nhóm.

– Cặp/ nhóm:

+ Từng HS kể tên các trò chơi mà mình biết hoặc vẫn thường chơi.

+ HS có thể thi trong nhóm xem bạn nào kể được nhiều tên trò chơi nhất.

– GV khuyến khích HS kể được nhiều tên trò chơi, bao gồm cả các trò chơi dân gian và trò chơi hiện đại.

– GV dẫn vào bài đọc (một bài thơ về trò chơi quen thuộc và thú vị – nặn đồ chơi).

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc (có em bé đang ngồi nặn đồ chơi, có bạn và chú mèo ngồi bên cạnh, trong khung cảnh hiên nhà có cây che mát).

+ GV đọc mẫu toàn VB. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. (VD: nhấn giọng khi liệt kê đồ chơi *Này là,…* hoặc trong lời dặn mọi người *Đừng sờ vào đấy*). HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS cách ngắt nghỉ mỗi dòng thơ và nghỉ hơi giữa mỗi khổ thơ.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số tiếng có thể gây nhầm lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương như: *vẫy, là, na, nặn, vểnh,...*

+ GV mời 2 HS đọc luân phiên từng đoạn trước lớp để HS biết cách đọc theo cặp.

+ GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB ở mục *Từ ngữ.*

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ HS đọc nối tiếp theo cặp như các HS đã đọc mẫu trước lớp.

– Luyện đọc cá nhân: Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.

GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Kể tên những đồ chơi bé đã nặn.*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS đọc lại khổ 2, 3 và 4 để tìm đáp án.

+ HS trao đổi thống nhất đáp án trong nhóm.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác có thể bổ sung đáp án nếu thấy chưa đầy đủ.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Những đồ chơi bé đã nặn là: *quả na, quả thị, con chuột, cối giã trầu.*)

**Câu 2.** *Bé nặn đồ chơi để tặng cho những ai?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng em đọc lại khổ 2, 3 và 4 để tìm câu trả lời.

+ HS trao đổi và thống nhất đáp án trong nhóm.

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Bé nặn đồ chơi tặng mẹ, tặng cha, tặng bà, tặng chú mèo.)

**Câu 3.** *Việc bé nặn đồ chơi tặng mọi người thể hiện điều gì?*

– Cả lớp:

+ GV có thể gợi ý: Việc tặng đồ chơi cho thấy tình cảm của bé với mọi người như thế nào?

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS nêu suy nghĩ cá nhân của mình.

+ HS trao đổi và thống nhất đáp án trong nhóm.

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. Các HS có thể trả lời khác nhau do cách gọi tên cảm xúc khác nhau. Các đáp án hợp lí đều được chấp nhận.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Việc bé nặn đồ chơi tặng mọi người thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm đến người thân trong gia đình của bé.)

**Câu 4.** *Em thích nặn đồ chơi gì? Để tặng cho ai?*

– HS làm việc chung cả lớp: Đây là câu hỏi liên hệ bản thân, HS tự do trả lời. Đối với HS chưa bao giờ chơi nặn đồ chơi, GV có thể gợi mở câu hỏi khác. (VD: *Nếu được nặn đồ chơi, em sẽ nặn đồ chơi gì? Em muốn dành tặng đồ chơi đó cho ai?*)

– GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm từ ngữ cho biết chú mèo rất vui vì được bé tặng quà.*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV yêu cầu HS đọc thầm câu hỏi.

+ GV hướng dẫn HS đọc lại khổ 4 để tìm câu trả lời.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời, cả lớp lắng nghe và góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (*thích chí*)

**Câu 2.** *Tìm thêm từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng.*

– Cả lớp:

+ GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm để tìm thêm các từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng khác.

+ GV khuyến khích HS tìm được càng nhiều từ càng tốt (các từ chỉ cảm xúc "vui" nói chung).

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS tự tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng khác theo ý của mình.

+ Từng HS nêu đáp án, HS sau nhận xét và bổ sung cho HS trước.

+ Cả nhóm thống nhất các đáp án.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV ghi các từ đúng mà các nhóm đã tìm được lên bảng. (VD: vui vẻ, mừng rỡ, hớn hở, phấn khởi,…)

– GV nhận xét tiết học.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết (3 khổ thơ đầu bài thơ *Nặn đồ chơi*).

– GV đọc một lần các đoạn thơ sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại trước lớp.

– GV hướng dẫn HS :

+ Quan sát những dấu câu có trong đoạn thơ sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn thơ trên màn hình), giúp các em biết nêu tên các dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.

+ Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi dòng thơ. Chữ đầu mỗi dòng thơ viết cách lề vở 2 ô li.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. VD: *tròn xoe, giã trầu, thích chí,...; vẫy đuôi, vểnh râu,…*

– GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn thơ cho HS soát lại bài viết. Sau khi hoàn thành bài nghe – viết, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV nhận xét một số bài trên lớp, động viên, khen ngợi các em.

**2. Ghép *da* hoặc *gia* với các tiếng để tạo thành từ ngữ đúng. Viết 3 từ ngữ vào vở.**

– Cả lớp:

+ Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ GV chiếu/ dán các tiếng rời lên bảng.

– Cặp/ nhóm:

+ HS thảo luận nhóm đôi để tìm đáp án đúng.

+ Đại diện các nhóm lên bảng ghép các tiếng thành từ ngữ có nghĩa. Các nhóm khác và GV nhận xét, tổng kết đáp án (*cặp da, gia vị, gia đình, gia cầm, da dẻ*). Một số HS đọc to đáp án.

– HS chọn 3 từ ngữ tạo được viết vào vở.

**3. Chọn a hoặc b.**

GV chọn cho HS làm bài tập a hoặc b.

*a. Chọn từ ngữ thích hợp thay cho ô vuông.*

– GV linh hoạt tổ chức các hoạt động dạy học cho sinh động và hiệu quả. (Đáp án: Kéo cưa **lừa xẻ**; Múa **sạp**.)

– GV giải thích về hai trò chơi vừa được điền đúng tên. GV có thể cho HS chơi Kéo cưa lừa xẻ tại chỗ với bạn ngồi cạnh để tạo không khí vui vẻ.

*b. Chọn ươn hoặc ương thay cho ô vuông.*

GV linh hoạt tổ chức hoạt động dạy học cho sinh động và hiệu quả. (Đáp án: Con **đường** uốn **lượn** quanh **sườn** núi.; Hoa h**ướng dương vươn** mình đón ánh nắng mặt trời.)

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Giới thiệu về một đồ chơi có trong hình theo mẫu.

– HS làm việc cặp/ nhóm:

+ Quan sát tranh.

+ Mỗi HS chọn một đồ chơi trong tranh.

+ GV hướng dẫn HS: Với mỗi đồ chơi được chọn, HS quan sát thật kĩ để tìm từ chỉ đặc điểm tương ứng (các đặc điểm có thể là hình dạng, màu sắc,... VD: Chiếc đèn ông sao – nhiều màu rực rỡ; Chiếc chong chóng – hình bông hoa 4 cánh,…).

+ Từng HS nói trong nhóm.

– GV mời đại diện 3 – 4 nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV tổng hợp kết quả bài tập.

### 2. Đặt *dấu phẩy* vào vị trí thích hợp trong câu.

– Cả lớp:

+ GV mời một HS đọc câu mẫu.

+ GV hướng dẫn HS chú ý công dụng của dấu phẩy trong câu mẫu (ngăn cách giữa hai từ: *mềm mại* và *dễ thương*; 2 từ này có cùng chức năng là chỉ đặc điểm của đồ chơi).

– Cặp/ nhóm:

+ HS đọc thành tiếng từng câu trong bài tập.

+ HS xác định ranh giới giữa các từ, cụm từ trong câu.

+ HS xác định các từ/ cụm từ cùng chức năng nhưng chưa được ngăn cách bởi dấu phẩy (VD: câu a có *ô tô* và *máy bay*, câu b có *đèn ông sao* và *diều giấy* đều chỉ tên đồ chơi, câu c có *đá bóng, đá cầu, nhảy dây* đều nêu hoạt động).

+ HS thử đặt dấu phẩy và đọc thành tiếng lại 2 – 3 lần nữa trong nhóm (ngắt nghỉ ở chỗ có dấu phẩy) để kiểm tra sự phù hợp.

– GV mời đại diện 3 – 4 nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV và HS thống nhất đáp án. (a. Em thích đồ chơi ô tô, máy bay.; b. Bố dạy em làm đèn ông sao, diều giấy.; c. Các bạn đá bóng, đá cầu, nhảy dây trên sân trường.)

### 3. Đặt *dấu phẩy* vào vị trí thích hợp trong câu in nghiêng.

– GV tổ chức hình thức dạy học như ở câu 2.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Hôm nay là sinh nhật của Chi. Chi nhận được bao nhiêu là quà: búp bê, hộp đựng bút, đồng hồ báo thức và chiếc nơ hồng. Chi rất vui và cảm động.)

## TIẾT 5 – 6

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Kể tên những đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất? Vì sao?**

– HS trao đổi nhóm về các nội dung:

+ Lần lượt các HS kể tên những đồ chơi của mình.

+ Mỗi HS lựa chọn một đồ chơi mình thích nhất.

+ Nêu lí do vì sao thích đồ chơi đó.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. GV khuyến khích HS nói được lí do mà HS thích đồ chơi đó.

**2. Viết 3 – 4 câu tả một đồ chơi của em.**

– HS trao đổi nhóm:

+ Mỗi HS chọn một đồ chơi.

+ Từng HS nói trong nhóm về đồ chơi mà mình đã lựa chọn theo gợi ý trong SHS.

+ Các HS khác trong nhóm nhận xét, góp ý.

– Dựa vào kết quả trao đổi nhóm, từng HS viết vào vở 3 – 4 câu tả một đồ chơi. HS có thể viết nhiều hơn 3 – 4 câu tuỳ theo khả năng.

– HS tự đọc lại và sửa đoạn văn đã viết.

– HS đổi bài trong nhóm để sửa bài cho nhau.

– GV cho 2 – 3 HS đọc bài trước lớp.

– GV nhận xét bài và khen ngợi HS tích cực, cố gắng trong việc luyện viết.

### ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc một bài thơ hoặc một bài đồng dao về một đồ chơi, trò chơi.**

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ/ bài đồng dao về một đồ chơi, trò chơi. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ/ bài đồng dao phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp hoặc mượn trong thư viện trường) và cho HS đọc ngay tại lớp).

– Một số (2 – 3) HS đọc khổ thơ/ bài đồng dao trước lớp.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách đọc thơ, đồng dao hấp dẫn, thú vị. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

– GV có thể cho HS bình chọn các bài thơ hoặc đồng dao hay. HS trong lớp có thể tìm đọc thêm (hoặc nếu HS mang sách đến lớp thì GV khuyến khích HS trao đổi sách để mở rộng nội dung đọc).

– GV lưu ý: HS đã rất quen thuộc với các bài đồng dao khi chơi trò chơi từ mầm non, nhưng các em không biết đó là các bài đồng dao. Vì vậy, GV nên giải thích cho các em hoặc đọc mẫu một bài (như gợi ý bằng lời trong tranh ở SHS về trò chơi Nu na nu nống, hoặc các bài đồng dao quen thuộc với trẻ như: Chi chi chành chành, Kéo cưa lừa xẻ, Tập tầm vông, Lộn cầu vồng,…).

**2. Nói với bạn: Tên của đồ chơi, trò chơi; Cách chơi đồ chơi, trò chơi.**

HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 3, nhóm 4.

– Từng HS đọc bài thơ hoặc đồng dao đã đọc cho nhóm nghe.

– HS trao đổi trong nhóm về:

• Tên của đồ chơi, trò chơi.

• Cách chơi đồ chơi, trò chơi.

Trong bài thơ hoặc đồng dao mà mình vừa đọc.

– Các HS khác trong nhóm nhận xét, góp ý.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

– Sau bài *Nặn đồ chơi*, các em đã:

+ Đọc – hiểu bài *Nặn đồ chơi.*

+ Nghe – viết đúng đoạn chính tả *Nặn đồ chơi*, làm bài tập chính tả.

+ Biết cách sử dụng dấu phẩy.

+ Biết viết đoạn tả đồ chơi.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

# MÁI ẤM GIA ĐÌNH

## TUẦN 14

## Bài 25 SỰ TÍCH HOA TỈ MUỘI (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời người kể chuyện, lời thoại của các nhân vật trong bài *Sự tích hoa tỉ muội*. Nhận biết được tình cảm chị em hồn nhiên mà đầy xúc động thể hiện qua bài đọc. Biết được một cách giải thích về nguồn gốc hoa tỉ muội và hiểu ý nghĩa của loài hoa này.
2. Biết viết chữ viết hoa *N* cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Nói lời hay, làm việc tốt.*
3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện *Hai anh em* qua tranh minh hoạ; đoán được nội dung câu chuyện qua câu hỏi gợi ý dưới tranh; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh và lời gợi ý dưới tranh; kể được cho người thân nghe những sự việc cảm động trong câu chuyện (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã nghe).
4. Bồi dưỡng tình yêu thương anh chị em và người thân trong gia đình; bước đầu, hiểu được khó khăn của người dân vùng lũ; hình thành và phát triển năng lực văn học (trí tưởng tượng về sự vật, sự việc trong tự nhiên), có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Cách đọc hiểu thể loại truyện cổ tích hiện đại (giải thích nguồn gốc sự vật, sự kết hợp giữa yếu tố có thật (sự vật, sự việc trong cuộc sống hiện nay) và yếu tố hoang đường, kì ảo (sự vật, sự việc trong truyện cổ tích).

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Chùm hoa tỉ muội hoặc một số tranh ảnh về hoa tỉ muội.

– Một số đồ dùng đơn giản (ruy băng, dây vải thắt lưng, bó lúa bằng nhựa,...) để HS đóng vai người anh, người em trong câu chuyện *Hai anh em*.

– Các thẻ chữ và phiếu học tập để HS thực hiện bài tập về từ ngữ và câu (sau phần đọc VB).

– Mẫu chữ viết hoa *N*, vở *Tập viết 2 tập một*.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS có thể đọc thuộc lòng một đoạn trong bài *Nặn đồ chơi* và nêu nội dung của đoạn vừa đọc (hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc).

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm *Nói về những việc anh, chị thường làm cho em.*

(GV có thể đưa thêm các câu hỏi gợi ý: Em định nói về anh chị em trong gia đình mình hay gia đình khác? Anh hoặc chị đã giúp đỡ em bằng những việc gì? Đã chăm sóc em ra sao? Em cảm thấy thế nào trước những việc anh, chị làm cho mình,...)

+ Từng HS trình bày ý kiến của mình; các bạn góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời. (VD: Anh chị cùng chơi đồ hàng với em, cùng em xem ti vi, đưa em đến lớp, che ô cho em khi trời mưa, xúc cháo cho em ăn khi em ốm,...)

– Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

#### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV nêu nội dung chung của bài đọc. (VD: Bài đọc ca ngợi tình chị em thắm thiết của Nết và Na. Tình cảm đó đã là lí do xuất hiện loài hoa tỉ muội – một loại hoa mọc thành chùm, bông hoa lớn che chở cho nụ hoa bé nhỏ, như chị luôn che chở cho em.)

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em như *sườn núi, ôm choàng, dâng cao, dân làng,...*

+ GV hướng dẫn cách đọc lời của chị Nết (giọng chậm rãi, thể hiện sự ân cần, yêu thương), giọng đọc chung của VB (chậm rãi, tình cảm).

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa các từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ có thể còn khó hiểu đối với HS (VD: *ôm choàng, lùa, thầm thì, rúc rích,...*).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Ngày xưa,/ có hai chị em Nết và Na/ mồ côi cha mẹ,/ sống trong ngôi nhà nhỏ/ bên sườn núi.*)

– HS luyện đọc theo cặp/ nhóm:

+ Từng cặp HS trong nhóm đọc nối tiếp từng câu.

+ Từng cặp HS trong nhóm đọc nối tiếp từng đoạn. HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

– GV/ HS đọc lại toàn bộ VB.

+ HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

+ HS tập đọc một đoạn mình thích, dựa theo cách đọc của GV.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1**. *Tìm những chi tiết cho thấy chị em Nết, Na sống bên nhau rất đầm ấm.*

+ HS xem lại đoạn đầu của bài đọc (từ đầu đến *ôm nhau ngủ*) và quan sát tranh minh hoạ để tìm câu trả lời. Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. Đại diện nhóm trình bày ý kiến.

+ GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Chị Nết có gì cũng nhường em; Đêm đông, Nết ôm em cho em đỡ rét; Na ôm choàng lấy chị, cười rúc rích; Nết ôm em thật chặt, thầm thì; hai chị em ôm nhau ngủ,...)

**Câu 2**. *Nước lũ dâng cao, chị Nết đưa Na đến nơi an toàn bằng cách nào?*

+ HS quan sát tranh minh hoạ, xem lại câu đầu của đoạn 2.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi. HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Khi nước lũ dâng cao, chị Nết đưa Na đến nơi an toàn bằng cách cõng em chạy theo dân làng.)

**Câu 3**. *Nói về điều kì lạ xảy ra khi Nết cõng em chạy lũ.*

+ HS đọc lại đoạn 2 của bài đọc.

+ GV có thể đưa thêm câu hỏi gợi ý: Nết bị làm sao khi cõng em chạy lũ? Bụt thương Nết, đã giúp Nết điều gì? Cảm động trước tình chị em của Nết và Na, Bụt đã hoá phép cho sự vật nào xuất hiện?

+ HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. Đại diện nhóm trình bày ý kiến.

+ GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Điều kì lạ xảy ra khi Nết cõng em chạy lũ: Bàn chân Nết đang rớm máu, bỗng lành hẳn; nơi bàn chân Nết đi qua mọc lên những khóm hoa đỏ thắm.)

**Câu 4**. *Theo em, vì sao dân làng đặt tên loài hoa ấy là hoa tỉ muội?*

+ GV có thể đưa thêm câu hỏi gợi ý: Hoa tỉ muội có hình dáng thế nào?; Hình dáng đó có điểm gì giống chị em Nết, Na?; Hoa tỉ muội có đẹp không?; Hoa tỉ muội và tình chị em của Nết và Na có điểm gì giống nhau?

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. Đại diện nhóm trình bày ý kiến.

+ GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.

+ GV khuyến khích HS lí giải theo nhiều cách khác nhau và ghi nhận những câu trả lời hợp lí (VD: Vì hoa đẹp như tình chị em của Nết và Na.; Vì hoa có bông hoa lớn che chở nụ hoa bé nhỏ như Nết che chở cho em Na.; Vì hoa có nhiều hoa và nụ, giống như chị em quây quần bên nhau,...).

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Xếp các từ ngữ vào 2 nhóm: từ ngữ chỉ hoạt động và từ ngữ chỉ đặc điểm.*

(*đỏ thắm, chạy theo, cõng, bé nhỏ, đẹp, đi qua, cao, gật đầu*)

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– HS làm bài tập theo nhóm, trao đổi tìm từ ngữ chỉ hoạt động của chị Nết và em Na; từ nào chỉ màu sắc, hình dáng hoặc kích thước của sự vật.

– GV có thể viết sẵn từ ngữ vào các thẻ rời (làm thành nhiều bộ, phát cho các nhóm HS) để các nhóm HS cùng sắp xếp các thẻ từ này. Cũng có thể cho HS làm bài vào vở bài tập.

– Một số (2 – 3) nhóm HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét

– GV và HS thống nhất đáp án. (Từ ngữ chỉ hoạt động: *cõng, chạy theo, đi qua, gật đầu*; Từ ngữ chỉ đặc điểm: *đỏ thắm, bé nhỏ, đẹp, cao.*)

**Câu 2**. *Đặt một câu nói về việc chị Nết đã làm cho em Na.*

– GV hướng dẫn HS xem lại toàn bài; thảo luận nhóm để tìm ra những việc chị Nết đã làm để chăm sóc, để thể hiện tình yêu thương em Na.

– Từng HS suy nghĩ, đặt câu nói về một việc chị Nết đã làm cho em Na.

– HS trong nhóm/ cặp góp ý cho nhau.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

– GV khuyến khích HS đặt nhiều câu khác nhau và ghi nhận những câu nói phù hợp. (VD: Chị Nết luôn nhường em.; Chị Nết ôm em để em được ấm hơn.; Chị Nết kể chuyện cho em nghe.; Chị Nết cõng em đi tránh lũ.;...)

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *N* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ *N*: độ cao 2,5 li, độ rộng 3 li, các nét cơ bản (gồm 3 nét: móc ngược, thẳng xiên và móc xuôi (hơi nghiêng).

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *N* trên màn hình, nếu có).

– HS tập viết chữ viết hoa *N* (có thể trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn: Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét móc ngược trái tới tận đường kẻ 6 (lưu ý đầu nét tròn). Từ điểm dừng bút tại đường kẻ ngang 6, chuyển hướng để viết nét thẳng xiên và dừng ở đường kẻ ngang 1. Tiếp theo, viết nét móc xuôi phải từ dưới lên, đến đường kẻ 6 thì cong xuống (lưu ý đầu nét tròn). Điểm dừng bút ở đường kẻ ngang 5.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *N* chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Nói lời hay, làm việc tốt*.

– GV giới thiệu ý nghĩa câu viết ứng dụng: Câu tục ngữ khuyên chúng ta nên nói năng lịch sự, nói có mục đích tốt đẹp, nói những điều khiến người khác vui, hài lòng,...; và nên làm những việc có ích cho mọi người, cho cuộc sống,...

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn HS viết chữ viết hoa *N* đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.

– HS viết câu ứng dụng vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi HS.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

### 1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

– HS đọc câu hỏi gợi ý dưới tranh.

– GV giúp HS quan sát tranh dựa vào một số câu hỏi: Tranh vẽ những ai? Vẽ cái gì? Đâu là đống lúa của người anh, của người em? Câu chuyện nói tới sự việc gì?

– HS trao đổi nhóm để đoán nội dung từng tranh (dựa vào câu hỏi gợi ý).

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Tranh 1. Vẽ cảnh hai anh em chia lúa. Tranh 2. Vẽ cảnh người em nghĩ tới anh và mang phần lúa của mình để sang đống lúa của người anh. Tranh 3. Vẽ cảnh người anh nghĩ tới em và mang phần lúa của mình để sang đống lúa của người em. Tranh 4. Vẽ cảnh hai anh em xúc động ôm lấy nhau khi biết chuyện cả hai đều thương nhau, biết nghĩ cho nhau.)

## 2. Nghe kể chuyện.

– GV kể toàn bộ câu chuyện.

HAI ANH EM

(1) Ở cánh đồng nọ, có hai anh em cày chung một đám ruộng. Ngày mùa đến, họ gặt lúa và chất thành hai đống bằng nhau, để cả ở ngoài đồng.

(2) Đêm hôm ấy, người em nghĩ: "Anh mình còn phải nuôi vợ con. Nếu phần lúa của mình cũng bằng của anh ấy thì thật không công bằng.". Nghĩ vậy, người em ra đồng lấy lúa của mình bỏ thêm vào phần của anh.

(3) Cũng đêm ấy, người anh bàn với vợ: "Em ta sống một mình vất vả. Nếu phần của chúng ta cũng bằng phần của chú ấy thì thật không công bằng.". Thế rồi, người anh ra đồng lấy lúa của mình bỏ thêm vào phần của em.

(4) Sáng hôm sau, hai anh em cùng ra đồng. Họ rất đỗi ngạc nhiên khi thấy hai đống lúa vẫn bằng nhau.

Cho đến một đêm, hai anh em cùng ra đồng, rình xem vì sao lại có sự kì lạ đó. Họ thấy mỗi người đều ôm trong tay những bó lúa định bỏ thêm cho người kia. Cả hai xúc động, ôm chầm lấy nhau.

(Theo *Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục, 2006)

– GV kể lại từng đoạn và đặt câu hỏi với HS. Chú ý phân biệt giọng đọc và giọng kể khi kể lại từng đoạn truyện. Trong khi kể, thỉnh thoảng dừng lại một chút để HS tò mò, đoán sự việc tiếp theo là gì.

## 3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

– HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh, chọn 1 – 2 đoạn để tập kể, cố gắng kể đúng lời nói của các nhân vật trong câu chuyện (không phải kể đúng từng câu từng chữ trong bài đọc).

– HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (từng em kể rồi góp ý cho nhau).

*Lưu ý*: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc nhớ nhất.

– Một số (2 – 4) HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Có thể đóng vai để kể từng đoạn (nếu điều kiện cho phép).

– Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi HS có nhiều cố gắng.

– GV có thể nêu câu hỏi để HS thảo luận nhóm: *Em học được điều gì qua câu chuyện trên?* Đại diện một số nhóm trả lời. GV ghi nhận những câu trả lời hợp lí. (VD: Anh chị em trong một nhà phải luôn yêu thương nhau; Anh chị em phải biết lo cho nhau; phải biết nhường nhịn nhau,...)

### VẬN DỤNG

**Kể cho người thân nghe những sự việc cảm động trong câu chuyện *Hai anh em*.**

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

+ Trước khi kể, em xem lại các tranh minh hoạ và câu hỏi dưới mỗi tranh, nhớ lại những hành động, suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện (người anh và người em).

+ Nhớ lại khi nghe thầy giáo/ cô giáo kể chuyện, sự việc nào làm em cảm động nhất? Em hãy kể lại các sự việc cảm động trong câu chuyện cho người thân nghe.

+ Có thể trao đổi với người thân về việc làm của hai anh em trong câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện.

+ Lắng nghe ý kiến của người thân sau khi nghe em kể chuyện.

– GV nhắc HS ghi nhớ những sự việc cảm động trong câu chuyện *Hai anh em* để có thể kể cho mọi người cùng nghe.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc câu chuyện *Sự tích hoa tỉ muội*; viết chữ viết hoa *N*; kể chuyện *Hai anh em*,...

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS kể lại câu chuyện *Sự tích hoa tỉ muội, Hai anh em* cho người thân nghe.

## Bài 26 EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng một bài thơ ngắn. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ.

b. Hiểu nội dung của từng khổ thơ, hiểu tình cảm yêu thương của bạn nhỏ dành cho em bé.

2. a. Nghe – viết đúng chính tả 2 khổ thơ đầu bài *Em mang về yêu thương*; trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ.

b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *iên/ yên/ uyên; d/ r/ gi* hoặc *ai/ ay*.

c. Viết được một đoạn văn ngắn 3 – 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em.

3. Phát triển vốn từ chỉ quan hệ họ hàng, từ chỉ đặc điểm, đặt câu nêu đặc điểm.

4. Biết tìm và đọc được một bài thơ về tình cảm anh chị em.

5. Bồi dưỡng tình cảm yêu thương, ý thức quan tâm, chăm sóc những người thân trong gia đình.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB thơ (các khổ thơ, vần thơ,...).

– Cách đọc thơ: khám phá các khổ thơ, cảm nhận các hình ảnh, các từ ngữ đặc sắc, nắm bắt cảm xúc của người nói.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh vẽ minh hoạ cho phần khởi động trong SHS, in khổ lớn hoặc chiếu trên màn hình; phiếu bài tập cho phần chính tả, luyện từ và câu, những bài thơ hay về tình cảm anh chị em trong gia đình.

– GV chuẩn bị một vài cuốn sách trong đó có những bài thơ hay về tình cảm anh chị em trong nhà, VD: *Tiếng võng kêu* của Trần Đăng Khoa, *Làm anh* của Phan Thị Thanh Nhàn, *Dỗ bé* của Thuỳ Dương,... để tổ chức tiết dạy học *Đọc mở rộng*.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

– GV cho HS nói về điều thích thú nhất ở bài học trước.

– Giáo viên ghi nhận những học sinh chăm chỉ ôn bài trước khi đến lớp và giới thiệu tên bài học mới.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh dựa vào các câu hỏi gợi ý: Em nhìn thấy những gì trong bức tranh? Em đoán xem bức tranh vẽ cảnh ở đâu? Mọi người trong bức tranh đang làm gì? Bạn nhỏ trong bức tranh đang nói gì?

– GV cho HS làm việc nhóm và hướng dẫn HS chia sẻ những trải nghiệm, quan sát của mình để nói về một em bé mà mình biết. GV có thể đưa ra các câu hỏi gợi ý: Em bé mà em biết tên là gì? Em bé mấy tuổi? Em bé có hình dáng như thế nào? Em bé đã biết làm gì? Em có cảm xúc gì khi nhìn thấy hoặc chơi với em bé?.

– GV tổng kết những chia sẻ của HS và giới thiệu VB *Em mang về yêu thương.*

## 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: bài thơ nói về tình cảm yêu thương của bạn nhỏ dành cho em bé. Bài thơ có 4 khổ. Khi đọc, em lưu ý đến các từ ngữ miêu tả em bé, những câu thơ nói về tình cảm của bạn nhỏ đối với em bé.

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc diễn cảm để làm nổi bật giọng điệu băn khoăn, ngây thơ của nhân vật trữ tình trong bài thơ, chú ý nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả em bé, ở cuối mỗi câu hỏi trong các khổ thơ. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.

+ GV hướng dẫn cách đọc thơ: ngắt nghỉ ở mỗi khổ thơ, lên giọng ở cuối mỗi câu hỏi.

+ GV hoặc HS đọc cả bài rõ ràng, diễn cảm, ngắt nghỉ hơi đúng. HS đọc thầm theo.

+ GV gọi 2 HS lên đọc nối tiếp, mỗi bạn đọc lần lượt một khổ để hướng dẫn HS cách luyện đọc trong nhóm.

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp: HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm.

– Đọc cá nhân: Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.

– GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV có thể tổ chức cho HS trả lời câu hỏi theo cách sau đây:

**Câu 1.** *Bạn nhỏ đã hỏi mẹ điều gì?*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV lưu ý HS đọc thầm khổ thơ thứ nhất, tìm câu trả lời trong khổ thơ.

+ HS trả lời câu hỏi.

+ GV và HS thống nhất đáp án. (Bạn nhỏ đã hỏi mẹ em bé từ đâu đến.)

**Câu 2.** *Trong khổ thơ đầu, bạn nhỏ tả em của mình như thế nào?*

– HS làm việc nhóm: Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi trong nhóm để thống nhất đáp án.

– GV gọi 1 – 2 HS đại diện các nhóm trả lời kết quả thảo luận nhóm.

– GV thống nhất đáp án đúng. (Trong khổ thơ đầu, bạn nhỏ tả em mình: Nụ cười như tia nắng, bàn tay như nụ hoa, bước chân đi lẫm chẫm, tiếng cười vang sân nhà.)

– Với đối tượng HS khá, giỏi, GV có thể mở rộng câu hỏi (Nụ cười, bàn tay em bé được miêu tả như thế nào?). GV có thể giải thích để HS hiểu thêm ý nghĩa của các câu thơ này: nụ cười như tia nắng là nụ cười tươi tắn, rạng rỡ, làm sáng bừng khuôn mặt, khiến cho người khác cảm thấy vui tươi, ấm áp; bàn tay như nụ hoa là bàn tay nhỏ nhắn, xinh xắn, đáng yêu.

**Câu 3.** *Trong khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ đoán em bé từ đâu đến?*

– HS làm việc nhóm. Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi trong nhóm để thống nhất đáp án.

– GV gọi 1 – 2 HS đại diện các nhóm trả lời kết quả thảo luận nhóm.

– GV thống nhất đáp án: a, b, c, e.

**Câu 4.** *Em bé mang đến những gì cho gia đình bạn nhỏ?*

– HS làm việc nhóm: Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi trong nhóm để thống nhất đáp án.

– GV gọi 1 – 2 HS đại diện các nhóm trình bày câu trả lời của nhóm.

– GV chốt đáp án. (Em bé mang tình yêu thương đến cho gia đình bạn nhỏ).

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm thêm các từ ngữ tả em bé.*

– GV có thể chia lớp thành nhiều nhóm, thi tìm tên các từ ngữ tả em bé. GV có thể phát cho HS các tờ giấy màu, HS thảo luận trong nhóm, ghi mỗi từ mình tìm được vào từng tờ giấy màu.

– GV gọi đại diện các nhóm lên bảng dán các từ mình tìm được.

– GV hướng dẫn HS cả lớp thảo luận, nhận xét về các từ mà HS đã tìm được.

– GV có thể giới thiệu cho HS các từ ngữ miêu tả em bé như: *mũm mĩm, mập mạp, đáng yêu, xinh xắn, dễ thương, chũn chĩn, tròn trịa, ngây thơ, hồn nhiên,...*

**Câu 2.** *Đặt một câu với từ ngữ em tìm được ở bài tập 1.*

– GV gọi HS đọc to yêu cầu đề bài.

– GV làm mẫu: Bé Hà rất bụ bẫm.

– HS thảo luận nhóm, đặt câu nêu đặc điểm của em bé.

– 1 – 2 HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét.

– GV tổng kết, hướng dẫn đặt câu nêu đặc điểm của người.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu (nghe – viết 2 khổ đầu bài thơ *Em mang về yêu thương*).

– GV đọc thành tiếng cả đoạn.

– GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.

+ Trình bày tiêu đề bài thơ.

+ Viết hoa chữ cái đầu các dòng thơ, viết đúng dấu câu (dấu phẩy sau từ *Mẹ* ở dòng thơ đầu, dấu chấm hỏi ở hai dòng thơ cuối mỗi đoạn).

+ Chữ dễ viết sai chính tả: *nụ cười, lẫm chẫm.*

– GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.

– Đọc và viết chính tả: GV đọc từng câu cho HS viết. GV tách câu thành các cụm từ. Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi phù hợp tốc độ viết của HS.

– Sau khi đọc chính tả, GV đọc lại một lần cả 2 khổ thơ và yêu cầu HS soát lỗi.

– HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.

– GV kiểm tra bài viết của HS và nhận xét một số bài viết của HS.

## 2. Chọn *iên, yên* hoặc *uyên* thay cho ô vuông.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV chiếu đề bài lên máy chiếu hoặc dán lên bảng phụ và phát phiếu học tập cho HS hoặc cho HS tự điền vào vở bài tập bằng bút chì.

– HS làm việc nhóm đôi.

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm thi làm bài đúng, nhanh, đọc kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét, kết luận lời giải đúng và chiếu lên bảng. (*Ngoài hi**ên**, trời lặng gió.; Hàng cây đứng lặng y**ên** giữa trưa hè oi ả.; Chim vành kh**uyên** cất vang tiếng hót.*)

– HS đọc to đáp án đúng. GV chú ý cho nhiều HS đọc kết quả bài tập để luyện phát âm đúng.

HS tự chữa bài của mình (nếu sai).

– GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

## 3. Chọn a hoặc b.

HS làm bài tập theo yêu cầu của GV (bài a hoặc b).

*a. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.*

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV chiếu đề bài lên máy chiếu hoặc dán lên bảng phụ và phát phiếu học tập cho HS.

– HS làm việc nhóm đôi tìm các từ thích hợp thay cho ô vuông.

– GV gọi đại diện nhóm HS trả lời. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (*Mẹ **dắt** em đến trường.; Tiếng sáo diều réo **rắt**.; Em bé **reo** lên khi thấy mẹ về.; Chị Bống cẩn thận **gieo** hạt vào chậu đất nhỏ.)*

– HS đọc to đáp án đúng. GV chú ý cho nhiều HS đọc kết quả bài tập để luyện phát âm đúng.

*b. Nhìn hình, tìm từ ngữ chứa ai hoặc ay. Viết các từ ngữ tìm được vào vở.*

– Một HS đọc yêu cầu, HS đọc thầm theo.

– GV chiếu đề bài lên máy chiếu hoặc dán lên bảng phụ và phát giấy màu cho HS hoặc yêu cầu HS chuẩn bị bảng.

– HS làm việc nhóm đôi tìm các từ ngữ có vần *ai* hoặc *ay* rồi ghi ra bảng hoặc giấy màu.

– GV gọi đại diện nhóm HS lên bảng viết các từ ngữ tìm được vào các vị trí trong hình ảnh minh hoạ. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (1. tay, 2. tai, 3. vai, 4. váy, 5. giày)

– HS đọc to các từ ngữ vừa tìm được. GV lưu ý cho nhiều HS đọc để luyện phát âm đúng.

– HS viết các từ ngữ tìm được vào vở.

– GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Tìm từ phù hợp thay cho ô vuông.

– GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

– GV chiếu hoặc dán ngữ liệu lên bảng phụ.

– GV gọi HS đọc to yêu cầu của bài.

– GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.

– Một số (2 – 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp.

– GV và HS thống nhất đáp án. (a. *Em trai của mẹ gọi là* ***cậu***; b. *Em trai của bố gọi là* ***chú***; c. *Em gái của mẹ gọi là* ***dì***.; d. *Em gái của bố gọi là* ***cô***.)

– Một số HS đọc to đáp án. Sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

### 2. Tìm các từ ngữ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ.

– GV chiếu hoặc viết đoạn thơ lên trên bảng phụ.

– GV gọi HS đọc to yêu cầu của bài.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, tìm các từ ngữ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ.

– GV gọi một số HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét và nêu đáp án của mình.

– GV tổng kết ý kiến của các nhóm và thảo luận với HS cách tìm ra đáp án đúng.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Các từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ là: *vắng vẻ, mát, thơm.*)

### 3. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu. Chọn viết 2 câu vào vở.

– GV viết hoặc chiếu các từ ngữ ở cột A và cột B lên bảng phụ.

– GV gọi HS đọc to yêu cầu của bài.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, tìm các từ ngữ ở cột B tương ứng với các từ ngữ ở cột A.

– GV gọi một số HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét và nêu đáp án của mình.

– GV và HS thống nhất đáp án. (*Đôi mắt em bé đen láy.; Mái tóc của mẹ mượt mà.; Giọng nói của bố trầm ấm.*)

– GV chiếu hoặc viết các câu lên trên bảng. HS chọn viết 2 câu vào vở.

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

### 1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

– HS đọc yêu cầu của bài, đọc đoạn văn trong lời dẫn.

– GV và HS cùng phân tích đoạn mẫu:

a. *Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai?* (Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ông ngoại.)

b. *Người đó đã làm những gì cho bạn nhỏ?* (Ông ngoại thường kể cho bạn nghe truyện cổ tích, dạy bạn vẽ.)

c. *Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ đối với người đó?* (Câu thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ đối với ông ngoại là: Mỗi khi ông có việc đi đâu, tôi rất nhớ ông và mong ông sớm về với tôi.)

– GV có thể chiếu hoặc dán sơ đồ cấu trúc đoạn văn lên bảng và phân tích cho HS hiểu đoạn văn kể về một người thân trong gia đình.




### 2. Viết 3 – 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em.

– GV hướng dẫn HS hoạt động theo nhóm, để kể về một việc người thân đã làm cho mình trong nhóm. GV có thể sử dụng câu hỏi gợi ý trong SHS.

– Một số HS kể trước lớp.

– GV và cả lớp cùng nhận xét.

– GV hướng dẫn HS viết 3 – 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em dựa vào sơ đồ cấu trúc ở trên. GV lưu ý HS các cách diễn đạt khác nhau cho cùng một nội dung. VD: Các cách nói về tình cảm của em: Em rất yêu mẹ của em./ Mỗi khi mẹ vắng nhà, em rất nhớ mẹ./ Em mong mỗi mùa hè lại được về quê với ông bà./,...

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc bài thơ về tình cảm anh chị em trong nhà.**

(Trong buổi học trước, HS được giao nhiệm vụ tìm đọc các bài thơ về tình cảm anh chị em trong nhà. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ phù hợp và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– HS đọc lại yêu cầu trong SHS.

– HS giới thiệu bài thơ mà mình đã chọn (có thể do GV cung cấp hoặc GV đã hướng dẫn HS chuẩn bị).

– HS làm việc nhóm đôi, chia sẻ với bạn về bài thơ mình đã đọc được. Một bạn đặt câu hỏi (Tên bài thơ là gì? Bài thơ nói về điều gì? Bạn thích nhất điều gì?). Bạn còn lại trả lời. Sau đó, hai bạn đổi vai cho nhau.

**2. Đọc cho bạn nghe những câu thơ em thích.**

– GV gọi đại diện HS lên đọc to những câu thơ mình yêu thích trong bài thơ mình tìm được.

– GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## CỦNG CỐ

– GV có thể cho HS chơi trò chơi ô chữ hoặc Chiếc nón kì diệu để ôn lại những kiến thức đã học trong bài đọc.

– GV tóm tắt những nội dung chính và có thể cho HS tự đánh giá mức độ hiểu bài của mình.

+ Biết cách đọc một bài thơ về tình cảm anh chị em trong nhà.

+ Viết bài chính tả và làm bài tập chính tả.

+ Mở rộng vốn từ chỉ quan hệ họ hàng, từ chỉ đặc điểm của người.

+ Biết viết đoạn văn kể về người thân.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

# TUẦN 15

## Bài 27 MẸ (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ khó, biết đọc bài thơ *Mẹ* của Trần Quốc Minh (ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp). Nhận biết được tình cảm yêu thương, sự quan tâm, săn sóc của mẹ dành cho con.

2. Biết viết chữ viết hoa *O* cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.*

3. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện *Sự tích cây vú sữa* qua tranh minh hoạ; đoán được nội dung câu chuyện qua câu hỏi gợi ý dưới tranh; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã nghe); biết nói câu thể hiện lòng biết ơn đối với cha mẹ.

4. Có tình cảm yêu thương, biết ơn đối với bố mẹ và người thân trong gia đình; phát triển năng lực quan sát (thấy được những công việc bố mẹ thường làm cho mình khi ở nhà); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Cách đọc hiểu thơ; cảm nhận được nghệ thuật so sánh, nhân hoá trong bài thơ *Mẹ*.

– Có hiểu biết nhất định về hình thức hát ru để hiểu câu *Nhà em vẫn tiếng ạ ời, Lời ru có gió mùa thu* trong bài thơ.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

### 2. Phương tiện dạy học

– Một số tranh ảnh về những việc bố, mẹ hoặc người thân đã làm để chăm sóc con, cháu; các tranh phóng to minh hoạ câu chuyện *Sự tích cây vú sữa*.

– Phiếu học tập hoặc thẻ từ ngữ để HS làm bài luyện tập sau hoạt động đọc VB.

– Mẫu chữ viết hoa *O*, vở *Tập viết 2 tập một*.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

### TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

HS có thể đọc lại một đoạn mình thích trong bài *Em mang về yêu thương* và nêu nội dung của đoạn vừa đọc (hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc).

### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV đưa một số tranh thể hiện sự chăm sóc của người thân dành cho các bạn nhỏ.

– HS quan sát tranh khởi động, làm việc theo nhóm/ cặp:

+ Nói những việc mà người thân đã làm để chăm sóc bạn nhỏ (được thể hiện trong tranh): mẹ quàng khăn cho con, ông cùng cháu chơi đồ chơi, bà quạt cho cháu ngủ, bố dạy con học.

+ Nói thêm việc khác mà người thân đã làm để chăm sóc em. VD: ông dạy tập đi xe, bố hướng dẫn tập bơi, bà kể chuyện cổ tích, mẹ nấu cơm,...

– HS làm việc nhóm: Kể cho các bạn nghe một việc mà mẹ hoặc người thân đã làm để chăm sóc em.

– Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV nhận xét chung và dẫn sang bài đọc.

## 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh. (VD: Mẹ đang đưa võng, quạt mát để con ngủ ngon.)

+ GV giới thiệu bài thơ *Mẹ*. (VD: Bài thơ thể hiện tình yêu thương của người mẹ dành cho con. Mẹ luôn sẵn sàng vượt qua mọi vất vả, khó khăn để con được hạnh phúc, bình an.)

+ GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, nhấn giọng đúng những từ ngữ được xem là tín hiệu nghệ thuật. HS đọc thầm theo.

VD: GV hướng dẫn HS ngắt nhịp thơ:

*Lời ru/ có gió mùa thu*
*Bàn tay mẹ quạt/ mẹ đưa gió về.*
*Những ngôi sao/ thức ngoài kia*
*Chẳng bằng mẹ đã/ thức vì chúng con.*
*Đêm nay/ con ngủ giấc tròn*
*Mẹ là ngọn gió/ của con suốt đời.*

+ GV nêu một số từ khó phát âm do ảnh hưởng của phát âm địa phương để HS đọc. (VD: *cũng mệt, ạ ời, kẽo cà, gió về, giấc tròn,...*)

+ GV hướng dẫn cách đọc chung của bài thơ (giọng khoẻ khoắn, vui tươi, thể hiện đúng tình cảm yêu thương, trân trọng của bạn nhỏ khi kể về mẹ).

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa các từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ còn khó hiểu đối với HS. (VD: *ạ ời, kẽo cà, gió mùa thu,...*)

– HS luyện đọc theo cặp:

+ Từng cặp HS trong nhóm đọc nối tiếp từng khổ thơ và góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

– GV/ HS đọc lại toàn bộ VB.

+ HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài thơ.

+ HS tập đọc một đoạn mình thích, dựa theo cách đọc của GV.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1**. *Trong đêm hè oi bức, mẹ đã làm gì để con ngủ ngon?*

+ HS đọc dòng thơ 3, 4, 5, 6 và nhìn tranh minh hoạ.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Trong đêm hè oi bức, mẹ đã ngồi đưa võng, hát ru và quạt cho con để con ngủ ngon.)

**Câu 2**. *Những dòng thơ nào cho thấy mẹ đã thức rất nhiều vì con?*

+ HS xem lại đoạn thứ 2 để tìm câu trả lời.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi. HS trả lời trước lớp.

+ GV nhận xét, động viên HS và chốt câu trả lời. (Đáp án: Hai dòng thơ cho thấy mẹ đã thức rất nhiều vì con: *Những ngôi sao thức ngoài kia/ Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.*)

**Câu 3**. *Theo em, câu thơ cuối bài muốn nói điều gì?*

+ HS đọc kĩ lại câu thơ cuối bài: *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

+ GV có thể gợi ý thêm: Phương án trả lời nào mới có ý nói đến cuộc đời của con?

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. Đại diện nhóm trình bày ý kiến.

+ GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.

+ GV tôn trọng ý kiến riêng của HS và định hướng câu trả lời hợp lí nhất. (VD: Câu thơ cuối bài muốn nói: Mẹ là niềm hạnh phúc của cuộc đời con.)

**Câu 4**. *Nói một câu thể hiện lòng biết ơn của em đối với cha mẹ.*

+ HS quan sát tranh minh hoạ, đọc câu mẫu.

+ GV giúp HS hiểu câu mẫu: Câu thể hiện lòng biết ơn thường gồm 2 nội dung: cảm ơn và nhắc tới việc bố mẹ đã làm cho mình.

+ Từng HS nhớ lại những việc bố mẹ đã làm cho mình và nói "câu biết ơn" của mình trước nhóm để các bạn góp ý.

+ Đại diện nhóm trình bày ý kiến. GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.

+ GV ghi nhận nhiều câu trả lời khác nhau. (VD: Con cảm ơn mẹ, ngày nào mẹ cũng đưa con đến lớp; Con cảm ơn mẹ, đêm qua mẹ đã thức trông con ốm; Con cảm ơn bố, nhờ bố, con đã biết đi xe đạp; Con cảm ơn bố vì bố đã mua cho con bao nhiêu truyện hay,...)

(GV có thể cho HS đóng vai bố mẹ và con để nói một câu thể hiện lòng biết ơn với bố mẹ.)

* *Học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối.*

– GV cho HS tự nhớ hoặc giữ lại một số từ trong từng dòng thơ làm "điểm tựa" để HS dễ nhớ.

– GV có thể cho HS thi đọc thuộc lòng (nếu có thời gian), sử dụng trò chơi Biết một từ, đọc cả dòng thơ. GV chuẩn bị một số thẻ thăm có ghi một số từ trong mỗi dòng, HS bốc được từ nào sẽ đọc cả dòng thơ.

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1**. *Tìm từ ngữ chỉ hoạt động có trong bài thơ.*

+ HS đọc lại bài thơ.

+ HS trao đổi nhóm, thống nhất câu trả lời trong nhóm. (GV có thể phát phiếu học tập hoặc thẻ từ ngữ (thẻ trắng) để HS viết mỗi từ ngữ tìm được vào một thẻ.)

+ Đại diện nhóm trình bày trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: *ngồi, ru, quạt, đưa, thức, ngủ*)

**Câu 2**. *Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.*

– Từng HS chọn một từ đã tìm được ở bài tập 1; suy nghĩ, đặt câu với từ ngữ đó.

– HS trong nhóm hoặc cặp góp ý cho nhau.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

– GV khuyến khích HS đặt nhiều câu khác nhau và ghi nhận những đáp án phù hợp. (VD: Tôi rất thích ngồi bên cửa sổ ngắm hoa ngoài vườn; Hồi bé, tôi hay được bà ru ngủ; Những lúc mất điện, mẹ lại quạt cho tôi bằng cái mo cau,...)

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *O* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ viết hoa *O*: cỡ vừa cao 5 li, rộng 4 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 2 li, gồm nét cong kín, phần cuối nét lượn vào trong bụng chữ.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *O* trên màn hình, nếu có).

– HS tập viết chữ viết hoa *O* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn: Điểm đặt bút ở đường kẻ ngang 6, kéo bút sang trái để viết nét cong kín. Khi đến điểm đặt bút, lượn vào trong bụng chữ, đến đường kẻ 4 thì lượn lên một chút rồi dừng bút.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *O* vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

## 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.*

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có.

– GV hướng dẫn viết chữ viết hoa *O* đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một.*

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi HS.

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

### 1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

– HS đọc câu hỏi gợi ý dưới tranh.

– GV giúp HS quan sát tranh qua một số câu hỏi: *Tranh vẽ về ai, vẽ những gì?; Vẽ cảnh ở đâu? Chuyện gì xảy ra với cậu bé?; Cậu bé đã xử sự thế nào trước sự việc ấy?; Vì sao em đoán như vậy?; Thấy cậu bé khóc, cây xanh đã biến đổi như thế nào?...*

– HS trao đổi nhóm để đoán nội dung từng tranh (dựa vào câu hỏi gợi ý).

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Tranh 1. Cậu bé bị mẹ mắng và bỏ đi.; Tranh 2. Cậu bé quay về nhà, ôm cây khóc lóc.; Tranh 3. Cây xanh ra quả và cậu bé lấy quả ăn.; Tranh 4. Cậu bé nhìn lên tán cây và suy nghĩ.)

### 2. Nghe kể chuyện.

– HS quan sát lại các bức tranh, câu hỏi gợi ý dưới tranh.

– Nghe GV giới thiệu nội dung câu chuyện: Câu chuyện kể về cậu bé ham chơi, không vâng lời mẹ. Bị mẹ mắng, cậu bỏ nhà đi. Lúc quay về thì mẹ đã mất. Thấy cậu đau khổ và đói khát, cây ra thứ quả ngọt thơm như sữa mẹ, gọi là vú sữa. Câu chuyện *Sự tích cây vú sữa* không chỉ giải thích nguồn gốc ra đời của cây vú sữa mà còn giúp các em cảm nhận được tình yêu của cha mẹ đối với các con.

– GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.

– GV kể câu chuyện (lần 2), dừng lại ở các sự việc được nói đến trong từng đoạn.

+ Một số HS nhắc lại sự việc diễn ra trong từng đoạn.

– 2 HS nối tiếp nhau trả lời câu hỏi dưới tranh.

– GV khen ngợi các em nhớ nội dung câu chuyện.

SỰ TÍCH CÂY VÚ SỮA

(1) Ngày xưa, có một cậu bé rất ham chơi. Một lần, bị mẹ mắng, cậu giận dỗi bỏ đi. Cậu la cà khắp nơi, chẳng nghĩ đến mẹ ở nhà đang mỏi mắt chờ mong.

(2) Không biết cậu đã đi bao lâu. Rồi một hôm, vừa đói vừa rét, lại bị trẻ lớn hơn đánh, cậu mới nhớ đến mẹ, liền tìm đường về nhà.

Về nhà, cậu thấy cảnh vật vẫn như xưa, nhưng không thấy mẹ đâu. Cậu khản tiếng gọi mẹ, rồi ôm lấy một cây xanh trong vườn mà khóc.

(3) Kì lạ thay, cây xanh bỗng run rẩy. Từ các cành lá, những đài hoa bé tí trổ ra, nở trắng như mây. Hoa tàn, quả xuất hiện, lớn nhanh, da căng mịn, xanh óng ánh, rồi chín. Một quả rơi vào lòng cậu. Đói quá, cậu đưa ngay lên miệng. Môi cậu vừa chạm vào, một dòng sữa trắng trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ.

(4) Cậu nhìn lên tán lá. Một mặt lá xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ chờ con. Cậu bé oà khóc. Cây xoà cành ôm cậu, như tay mẹ âu yếm vỗ về.

Trái cây thơm ngon ở vườn nhà cậu bé, ai cũng thích. Họ đem hạt gieo trồng khắp nơi và gọi đó là cây vú sữa.

(Theo *Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục, 2006)

### 3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh, chọn 1 – 2 đoạn để tập kể, cố gắng kể đúng lời nói của các nhân vật trong câu chuyện (không phải kể đúng từng câu từng chữ trong bài đọc).

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (từng em kể rồi góp ý cho nhau).

*Lưu ý*: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc nhớ nhất.

– Một số (2 – 4) HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng.

– GV nêu câu hỏi để HS thảo luận nhóm: Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?

– Đại diện một số nhóm trả lời. GV chốt nội dung (VD: Từ câu chuyện trên em rút ra bài học: Hãy hiếu thảo và yêu thương bố mẹ.).

## VẬN DỤNG

### Theo em, nếu được gặp lại mẹ, cậu bé trong câu chuyện sẽ nói gì?

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

Xem lại các tranh minh hoạ và câu hỏi dưới mỗi tranh, nhớ lại những hành động, suy nghĩ, cảm xúc của cậu bé khi trở về nhà, không thấy mẹ đâu. Cậu có buồn không? Cậu có ân hận về việc làm của mình không? Cậu đã hiểu ra tình cảm của mẹ dành cho mình chưa? Muốn thể hiện suy nghĩ của mình, tình cảm của mình đối với mẹ, cậu sẽ nói thế nào?

– HS dự đoán câu nói mà cậu bé sẽ nói với mẹ nếu được gặp lại mẹ.

– HS có thể trao đổi với người thân hoặc bạn bè về câu nói em đã dự đoán và xin ý kiến góp ý.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc bài thơ *Mẹ* của Trần Quốc Minh, viết chữ viết hoa *O*; nghe – kể câu chuyện *Sự tích cây vú sữa*,...

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS tập viết chữ viết hoa *O*.

# Bài 28 TRÒ CHƠI CỦA BỐ (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

1. a. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời thoại của các nhân vật (bố và Hường) trong bài *Trò chơi của bố*. Hiểu nội dung bài đọc: Thông qua trò chơi "ăn cỗ" mà bố và Hường chơi cùng nhau, bài đọc nói lên tình cảm giữa những người thân trong gia đình dành cho nhau, cách bố dạy Hường những điều cần biết trong nói năng và cư xử với người lớn tuổi.

   b. Biết thêm về một trò chơi miền Bắc ("ăn cỗ" – đóng vai chơi đồ hàng).

2. a. Nghe – viết đúng chính tả bài *Trò chơi của bố* (từ *Đến bữa ăn* đến *một nết ngoan*); biết viết địa chỉ nhà nơi mình ở theo đúng quy tắc viết hoa.

   b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *l/ n; ao/ au*.

3. a. Phát triển vốn từ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình, từ chỉ tính cách.

   b. Biết sử dụng dấu câu (*dấu chấm, chấm than* và *dấu chấm hỏi*).

   c. Viết được một đoạn văn ngắn kể về tình cảm của mình với người thân.

4. Tự tìm đọc được một bài thơ hoặc câu chuyện về tình cảm của bố mẹ với các con; chia sẻ với người khác bài thơ, câu chuyện đó.

5. Biết nói năng và có cử chỉ lễ phép đối với bố mẹ và người lớn tuổi; biết trân trọng tình cảm gia đình, thêm yêu bố mẹ và có hành động đơn giản thể hiện tình cảm với bố mẹ.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

GV nắm được đặc điểm thể loại VB: *Trò chơi của bố* là dạng VB tự sự, kể về những lần bố và Hường chơi trò chơi "ăn cỗ" cùng nhau. Cốt truyện giản dị, nhưng lồng vào câu chuyện là tình cảm của bố mẹ dành cho con cái, cũng là những bài học ban đầu về cách nói năng, cư xử mà người bố khéo léo dạy cho con gái của mình.

### 2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to, hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh (nếu có).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS đọc một đoạn thơ trong bài học trước (*Mẹ*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài thơ này.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Em thích chơi trò chơi gì cùng bố mẹ?.*

– Một số HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung.

– GV giới thiệu bài đọc: Cùng tìm hiểu bài *Trò chơi của bố* để xem Hường và bố thường chơi trò gì cùng nhau. (Hãy chú ý xem trong khi chơi, bố đã dạy Hường điều gì.)

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: Bài đọc nói về một trò chơi mà hai bố con Hường thường chơi cùng nhau, đó là trò "ăn cỗ".

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc với giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Lưu ý phân biệt giọng của nhân vật bố và giọng của nhân vật Hường; giọng của người dẫn chuyện. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV chia bài đọc ra làm 3 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *đủ rồi*; đoạn 2: tiếp đến *Đây, mời bác*; đoạn 3: phần còn lại). GV gọi 3 HS đọc nối tiếp để làm mẫu.

(Nếu lớp đọc tốt, có thể cho HS đọc phân vai: một HS đọc lời người dẫn chuyện, một HS đọc lời của bố và một HS đọc lời của Hường).

+ GV giải nghĩa từ khó. Ngoài từ *xơi* đã được chú thích trong SHS, GV có thể giải thích thêm từ *bát* (từ dùng của miền Bắc): chén để ăn cơm (miền Nam).

– Luyện đọc theo nhóm 3:

HS đọc nối tiếp VB (theo mẫu).

– Đọc cá nhân:

+ Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

### 3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.

– HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi và tìm câu trả lời.

– GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

– GV và HS thống nhất câu trả lời:

**Câu 1**. *Hai bố con Hường chơi trò chơi gì cùng nhau?*

(Hai bố con chơi trò chơi ăn cỗ cùng nhau.)

**Câu 2.** *Khi chơi, hai bố con xưng hô với nhau như thế nào?*

(Khi chơi, hai bố con xưng hô là "bác" và "tôi".)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Câu 3.** *Nhìn hai tay Hường đón bát cơm, mẹ nhớ tới điều gì?*

(Nhìn tay Hường đón bát cơm, mẹ lại nhớ đến lúc hai bố con chơi với nhau.)

**Câu 4.** *Khi chơi cùng bố, Hường đã được bố dạy nết ngoan nào?*

– GV cho HS thảo luận nhóm:

+ Đọc các phương án trắc nghiệm.

+ Trao đổi, tìm câu trả lời.

+ Đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

– GV chốt đáp án. (*Có cử chỉ và lời nói lễ phép*). (Đối với HS khá, có thể yêu cầu: tìm những chi tiết trong bài thể hiện ý này.)

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm câu nói thể hiện thái độ lịch sự.*

– GV cho HS đọc các phương án, thảo luận nhóm, tìm câu trả lời.

– GV gọi một số HS trả lời. GV hỏi thêm HS lí do vì sao chọn những phương án đó.

– GV chốt đáp án. (Những câu nói thể hiện thái độ lịch sự là a. *Cho tôi xin bát miến* và b. *Dạ, xin bác bát miến ạ.*, vì hai câu này chứa các từ thể hiện sự lịch sự: *dạ, xin, ạ*. GV có thể hỏi thêm câu nào có tính lịch sự cao nhất (câu b).)

**Câu 2.** *Cùng bạn đóng vai nói và đáp lời yêu cầu, đề nghị.*

– GV cho HS đọc câu mẫu, thảo luận nhóm đôi. Từng thành viên của nhóm sẽ lần lượt đóng vai nói và đáp lời đề nghị, sau đó đổi vai.

– GV cho một cặp đôi làm mẫu.

– Các cặp đôi luyện tập.

– GV gọi đại diện một số cặp đôi thực hành trước lớp. (VD: *Bạn mở giúp tớ cái cửa sổ! Ừ, đợi tớ một chút nhé,...*)

– GV khen ngợi những nhóm làm tốt.

# TIẾT 3

## VIẾT

## 1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết bài *Trò chơi của bố* (từ *Đến bữa ăn* đến *một nết ngoan*).

– GV đọc một lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn trước lớp.

– GV hướng dẫn HS:

+ Viết hoa tên riêng của nhân vật (Hường).

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương (*tay, nết ngoan,...*).

+ Lưu ý vị trí đặt dấu chấm, dấu phẩy.

– GV đọc tên bài, đọc từng câu văn (ngắt nghỉ phù hợp sau mỗi cụm từ và đọc dấu câu) cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

### 2. Viết vào vở địa chỉ nhà em.

– GV cho HS quan sát phần viết trong SHS, HS nhận diện các từ cần viết hoa (Số nhà 56, đường Đầm Vối, xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai). Tương tự, GV nhắc HS cần viết hoa tên riêng của thôn/ xóm, xã/ phường, tỉnh/ thành phố,... nơi em ở. Lưu ý dấu phẩy phân tách từng đơn vị hành chính.

– HS viết địa chỉ nhà mình dưới sự hướng dẫn của GV.

– HS trao đổi bài với bạn bên cạnh và nhận xét cho nhau.

– GV chữa một số bài.

### 3. Chọn a hoặc b.

*a. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng l hoặc n gọi tên sự vật trong từng hình.*

– GV cho HS quan sát hình vẽ trong SHS hoặc hình phóng to trên bảng hoặc trên máy tính.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– Cả lớp làm bài vào Vở bài tập.

– Có thể gọi 1 – 2 HS làm bài trên bảng. Cả lớp và GV nhận xét, chốt đáp án: *bàn là, nón, lẵng hoa.*

– HS tự chữa bài của mình (nếu sai).

*b. Chọn ao hoặc au thay cho ô vuông.*

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– Cả lớp làm bài vào Vở bài tập.

– Có thể gọi 1 – 2 HS làm bài trên bảng. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng: *Hàng **cau** trước cổng **cao** vút. Cây bưởi **sau** nhà sai trĩu quả.*

– HS tự chữa bài của mình (nếu sai).

– GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình.

– GV trình chiếu các từ ngữ lên bảng (dùng máy tính/ giấy khổ lớn); hoặc viết trực tiếp lên bảng.

– Một số HS đọc một lượt các từ ngữ.

– HS thảo luận nhóm.

– HS trình bày kết quả. (Các từ ngữ đó là *chăm sóc, yêu thương, quan tâm, kính trọng*) GV cũng có thể cho HS giải thích về 2 từ không được lựa chọn: *chăm chỉ* (thể hiện tính cách của bản thân) và *vui chơi* (chỉ hoạt động).

**2. Tìm từ ngữ bạn nhỏ nói về tính cách của bố mình.**

Bài tập này tập trung vào nhóm từ chỉ đặc điểm trong tính cách con người.

– GV trình chiếu đoạn văn lên bảng (dùng máy tính/ giấy khổ lớn); hoặc viết trực tiếp lên bảng.

– HS đọc thầm.

– GV gọi một số HS đọc to đoạn văn.

– GV đưa câu hỏi: Trong đoạn văn trên, những từ ngữ nào nói về tính cách của người bố?

– HS thảo luận nhóm.

– HS trình bày kết quả. GV và HS chốt đáp án. (Các từ ngữ đó là *kiên nhẫn, vui tính, nghiêm khắc* và *dễ tha thứ*.)

**3. Chọn *dấu chấm, dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông.**

– GV trình chiếu đoạn văn lên bảng (dùng máy tính/ giấy khổ lớn); hoặc viết trực tiếp lên bảng. HS đọc thầm.

– GV gọi HS làm mẫu trường hợp đầu tiên. Đọc câu có chỗ trống đầu tiên cần điền. GV đặt câu hỏi: Câu này người bố nói ra để làm gì? Cần dùng dấu câu gì? (Câu này người bố nói ra để gọi Nam. Cần điền dấu chấm than.)

– HS tự làm vào vở.

Đáp án:

*Bố: – Nam ơi! Con hãy đặt một câu có từ "đường" nhé!*

*Con: – Bố em đang uống cà phê.*

*Bố: – Thế từ "đường" đâu?*

*Con: – Dạ, đường có ở trong cốc cà phê rồi ạ.*

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.**

– GV tự chọn hình thức tổ chức hoạt động đọc: theo nhóm, đọc nối tiếp từng câu, đọc cá nhân,... sau đó thảo luận nhóm, tìm câu trả lời.

– GV chốt đáp án: a. Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về mẹ. b. Những câu thể hiện rõ tình cảm của bạn nhỏ đối với mẹ là "Được ai khen, tôi nghĩ ngay đến mẹ", "Tôi rất yêu mẹ tôi". c. Mẹ được bạn nhỏ yêu quý vì bạn nhỏ nhận ra tình cảm mà mẹ dành cho mình.

**2. Viết 3 – 4 câu thể hiện tình cảm của em đối với người thân.**

– GV cho HS thảo luận về 2 câu hỏi gợi ý trong SHS và xem lại đoạn văn mẫu ở bài 1. Đặc biệt là gợi ý thứ 2: *Em có tình cảm như thế nào đối với người thân? Vì sao?* (VD: Em rất yêu và kính trọng bố vì bố em rất tuyệt vời. Em rất yêu bà vì bà luôn chăm sóc em, hay kể chuyện cho em nghe,... / vì đối với em, bà là người gần gũi nhất. Em có thể nói với bà những chuyện ở trường, ở lớp,...)

– HS viết bài.

– HS đổi bài cho bạn để sửa chữa hoàn chỉnh bài viết.

– Từng HS tự sửa đoạn văn đã viết.

– Cuối giờ học, GV có thể chữa nhanh một số bài. GV nhắc HS về nhà tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện bài viết.

– GV nhận xét, khen ngợi những HS tích cực, tiến bộ.

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm gia đình.**

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện về tình cảm giữa bố mẹ và các con hoặc tình cảm giữa ông bà và các cháu, anh chị em trong gia đình,... GV có thể chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

**2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc của em về bài thơ, câu chuyện đó.**

– HS làm việc nhóm. Các em đọc thơ/ kể chuyện cho bạn nghe. HS trao đổi trong nhóm về tên của bài thơ/ câu chuyện, tên tác giả.

– Một số HS nói cảm xúc của mình về bài thơ, câu chuyện mình đã đọc (hay hoặc không hay, thích hoặc không thích, vì sao?).

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách đọc thơ, kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ được cảm xúc của mình. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài học, các em đã:

+ Đọc và hiểu được nội dung VB *Trò chơi của bố*: Thông qua trò chơi "ăn cỗ" mà bố và Hường chơi cùng nhau, bài đọc nói lên tình cảm giữa những người thân trong gia đình dành cho nhau, cách bố dạy Hường những điều cần biết trong nói năng và cư xử với người lớn tuổi.

+ Luyện tập về từ ngữ chỉ đặc điểm (từ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình), luyện tập về *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* và *dấu chấm than*. (Dấu chấm dùng để kết thúc câu kể; dấu chấm hỏi dùng cuối câu hỏi; dấu chấm than dùng cuối lời gọi và lời yêu cầu.)

+ Viết đoạn văn nói về tình cảm với người thân. (Trong bài có những câu thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng, quan tâm, chăm sóc,... của mình với người thân.)

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

# TUẦN 16

## Bài 29 CÁNH CỬA NHỚ BÀ (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Biết đọc đúng, rõ ràng một VB thơ (*Cánh cửa nhớ bà*); hiểu nội dung bài thơ.
   b. Quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh quan sát được (từ tranh có thể nhận diện được nội dung của các khổ thơ).
2. Biết viết chữ viết hoa *Ô, Ơ* chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Ông bà sum vầy cùng con cháu.*
3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện *Bà cháu* qua tranh minh hoạ; nghe và kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh.
4. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc về tình yêu thương, gắn bó của bản thân với ông bà; có tình cảm yêu thương đối với ông bà và những người thân trong gia đình; có khả năng làm việc nhóm.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– GV nắm được đặc điểm thể loại VB thơ, các hình ảnh thơ và đặc trưng về vần trong thơ. Với *Cánh cửa nhớ bà*, GV lưu ý nội dung bài thơ giống như một VB tự sự kể về tình cảm của người cháu đối với bà theo từng giai đoạn của cuộc đời từ khi còn thơ bé đến lúc trưởng thành.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Dùng máy chiếu hoặc chuẩn bị tranh trong bài đọc phóng to (nếu có).

– Mẫu chữ viết hoa *Ô, Ơ*; vở *Tập viết 2 tập một.*

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS đọc lại một đoạn trong bài *Trò chơi của bố* và nêu nội dung của đoạn vừa đọc (hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc).

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm về tình cảm của em đối với ông bà. (Gợi ý: *Em có sống cùng với ông bà không? Em có hay về quê thăm ông bà không? Ông bà thường làm gì cho em? Em thường làm gì cho ông bà? Tình cảm của em đối với ông bà như thế nào?,...*)

– Một số HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung.

– GV giới thiệu bài đọc: Cùng tìm hiểu bài thơ *Cánh cửa nhớ bà* để biết thêm về tình cảm của người cháu đối với bà.

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ Quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh (VD: Tranh vẽ hai bà cháu đang cùng nhau đóng cửa. Bà cài then cửa trên, cháu cài then cửa dưới).

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc với giọng tình cảm, tha thiết. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV mời 3 HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ trong bài đọc để HS biết cách luyện đọc theo nhóm 3.

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* trong SHS hoặc đưa thêm những từ ngữ HS chưa hiểu (*then cửa:* vật bằng tre, gỗ hoặc sắt, dùng để cài cửa, GV chỉ vào hình vẽ then cửa trong SHS).

– Luyện đọc theo nhóm:

+ Từng nhóm HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ (như 3 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

### 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1**. *Ngày cháu còn nhỏ, ai thường cài then trên của cánh cửa?*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm với các nhiệm vụ:

+ Đọc câu hỏi.

+ Cùng nhau trao đổi và tìm câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Ngày cháu còn nhỏ, bà thường cài then trên của cánh cửa.)

**Câu 2**. *Vì sao khi cháu lớn, bà lại là người cài then dưới của cánh cửa?*

Các thức tiến hành tương tự như trên.

(Đáp án: Khi cháu lớn, bà là người cài then dưới vì bà không với tới then trên nữa./ Vì lưng bà đã còng nên bà chỉ với tới then dưới của cánh cửa.)

**Câu 3**. *Sắp xếp các bức tranh theo thứ tự của 3 khổ thơ trong bài.*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm thực hiện các yêu cầu:

+ Quan sát tranh, nhận diện các chi tiết trong tranh.

+ Đọc thầm lại bài thơ để nhớ lại nội dung 3 khổ thơ (Khổ 1. Ngày cháu còn bé; Khổ 2. Khi cháu lớn dần lên; Khổ 3. Khi cháu trưởng thành và về nhà mới, không có bà bên cạnh).

+ Thảo luận xem các tranh 1, 2, 3 lần lượt ứng với khổ thơ nào.

– GV và HS thống nhất câu trả lời: Bức tranh 1 thể hiện nội dung của khổ thơ 2; tranh 2 – khổ thơ 3; tranh 3 – khổ thơ 1.

**Câu 4**. *Câu thơ nào trong bài nói lên tình cảm của cháu đối với bà khi về nhà mới?*

(Đáp án: Đó là câu thơ *Mỗi lần tay đẩy cửa/ Lại nhớ bà khôn nguôi.*)

GV có thể hỏi thêm HS về nghĩa của từ *khôn nguôi* trong kết hợp *nhớ bà khôn nguôi.* Nếu HS không trả lời được, GV giải thích: *Nhớ bà khôn nguôi* là nhớ không dứt ra được, nhớ rất nhiều, không thể ngừng suy nghĩ về bà.

## 4. Luyện đọc lại

HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài (hoặc GV gọi một HS đọc lại cả bài).

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm từ chỉ hoạt động.*

– Cả lớp:

+ GV mời 1 – 2 HS đọc các từ ngữ.

+ GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.

– Cặp/ nhóm:

+ Thảo luận, tìm đáp án.

+ Một vài đại diện nhóm trả lời trước lớp.

(Đáp án: Từ chỉ hoạt động: *cài, đẩy, về;* các từ còn lại chỉ sự vật).

**Câu 2**. *Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động có thể kết hợp với từ "cửa".*

Bài tập này huy động vốn từ chỉ hoạt động gắn với một sự vật cụ thể. HS có thể tìm trong hoặc ngoài VB đọc.

– GV chia nhóm, phát các mảnh giấy (có hình trang trí cho hấp dẫn. VD: hình quả táo, con thỏ,...).

– HS viết các từ ngữ tìm được vào giấy. Có thể thi theo nhóm, nhóm nào tìm được nhiều từ ngữ đúng nhất sẽ thắng.

(Đáp án: *đóng, cài, khép, gõ, mở, khoá,...*)

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *Ô, Ơ* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu chữ: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ viết hoa.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa trên màn hình, nếu có). GV nhắc lại cách viết chữ *O* hoa ở bài học trước (*Mẹ*), sau đó thêm dấu mũ để tạo thành chữ *Ô* (viết nét thẳng xiên ngắn trái nối với nét xiên ngắn phải để tạo dấu mũ, đầu nhọn của dấu mũ chạm đường kẻ 7, đặt cân đối trên đầu chữ *O*) hoặc thêm dấu móc câu để tạo thành chữ *Ơ* (Đặt bút trên đường kẻ 6, viết đường cong nhỏ (nét râu) bên phải chữ viết hoa *O*).

– HS tập viết chữ viết hoa *Ô, Ơ* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *Ô, Ơ* vào vở *Tập viết 2 tập một.*

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Ông bà sum vầy cùng con cháu.*

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn viết chữ viết hoa *Ô* đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.

– GV lưu ý HS viết đúng chính tả: *sum vầy, con cháu.*

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một.*

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

### 1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

GV gắn 4 tranh minh hoạ (phóng to) lên bảng, hướng dẫn HS quan sát tranh, đọc các câu hỏi dưới tranh. Đoán nội dung câu chuyện:

– Các nhân vật trong câu chuyện (cô tiên và ba bà cháu).

– Nội dung từng tranh theo thứ tự: Tranh 1. Cảnh nhà ba bà cháu, nhà tranh vách đất nghèo khổ, cô tiên cho hai anh em một cái gì đó (một hạt đào); Tranh 2. Bà mất, hai anh em bên mộ bà, có cây đào sai quả (các quả lóng lánh như vàng bạc) bên cạnh; Tranh 3. Ngôi nhà của hai anh em đã khang trang hơn nhưng hai anh em vẫn rất buồn (chú ý gương mặt của hai anh em và cảnh ngôi nhà); Tranh 4. Bà trở về với hai anh em; nhà lại nghèo như xưa nhưng gương mặt của ba bà cháu rất rạng rỡ.

– Giới thiệu truyện: Có ba bà cháu sống nghèo khổ nhưng vui vẻ. Rồi bà mất đi. Điều gì xảy ra sau khi bà mất? Hai anh em sẽ sống như thế nào? Hãy cùng nghe câu chuyện *Bà cháu*.

## 2. Nghe kể chuyện.

GV kể câu chuyện 2 lượt với giọng diễn cảm.

BÀ CHÁU

(1) Ngày xưa, ở làng kia, có hai em bé ở với bà. Ba bà cháu rau cháo nuôi nhau, tuy vất vả nhưng cảnh nhà lúc nào cũng đầm ấm.

Một hôm, có cô tiên đi ngang qua cho một hạt đào và dặn: "Khi bà mất, gieo hạt đào này bên mộ, các cháu sẽ giàu sang, sung sướng.".

(2) Bà mất. Hai anh em đem hạt đào gieo bên mộ bà. Hạt đào vừa gieo xuống đã nảy mầm, ra lá, đơm hoa, kết bao nhiêu trái vàng, trái bạc.

(3) Nhưng vàng bạc, châu báu không thay được tình thương ấm áp của bà. Nhớ bà, hai anh em càng ngày càng buồn bã.

(4) Cô tiên lại hiện lên. Hai anh em oà khóc xin cô hoá phép cho bà sống lại. Cô tiên nói: "Nếu bà sống lại thì ba bà cháu sẽ cực khổ như xưa, các cháu có chịu không?". Hai anh em cùng nói: "Chúng cháu chỉ cần bà sống lại.".

Cô tiên phất chiếc quạt màu nhiệm. Nhà cửa, ruộng vườn phút chốc biến mất. Bà hiện ra móm mém, hiền từ, dang tay ôm hai đứa cháu hiếu thảo vào lòng.

(*Theo* Trần Hoài Dương)

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi dưới tranh. GV chỉ từng tranh và đặt câu hỏi, gọi HS trả lời, chốt đáp án.

Tranh 1. *Cô tiên cho hai anh em cái gì?* (Một hạt đào)

Tranh 2. *Khi bà mất, hai anh em đã làm gì?* (Trồng cây đào bên mộ bà)

Tranh 3. *Vắng bà, hai anh em cảm thấy thế nào?* (Buồn bã, trống trải)

Tranh 4. *Câu chuyện kết thúc thế nào?* (Cô tiên hoá phép cho bà sống lại; ba bà cháu sống vui vẻ, hạnh phúc bên nhau trong ngôi nhà cũ, giản dị)

*Lưu ý:* GV có thể đưa thêm câu hỏi phụ để HS hiểu hơn về ý nghĩa của câu chuyện: Em nghĩ gì về tình cảm hai anh em dành cho bà?

## 3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

GV gọi một số HS kể lại 1 – 2 đoạn (HS tự chọn).

## VẬN DỤNG

### Kể cho người thân nghe câu chuyện *Bà cháu*.

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– Trước khi kể, em xem lại các tranh minh hoạ và câu hỏi dưới mỗi tranh để:

+ Nhớ các nhân vật trong câu chuyện.

+ Nhớ lại nội dung từng đoạn của câu chuyện.

+ Nói lại được lời nói của các nhân vật trong câu chuyện.

– Lắng nghe góp ý của người thân, cùng người thân trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài học *Cánh cửa nhớ bà*, các em đã:

+ Đọc – hiểu bài thơ *Cánh cửa nhớ bà*. (Bài thơ là một câu chuyện về tình cảm gắn bó giữa người cháu đối với bà từ khi còn thơ bé đến lúc trưởng thành.)

+ Luyện tập về từ chỉ hoạt động.

+ Viết đúng chữ viết hoa *Ô, Ơ*.

+ Nghe – kể câu chuyện *Bà cháu* – một câu chuyện rất xúc động về tình cảm yêu thương của hai người cháu đối với bà.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– GV khuyến khích HS kể lại câu chuyện *Bà cháu* cho người thân nghe.

## Bài 30 THƯƠNG ÔNG (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng bài thơ *Thương ông* (ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp).

   b. Nhận biết được tình cảm yêu thương, gần gũi của ông và cháu (qua bài đọc và tranh minh hoạ).

   c. Đọc mở rộng được một bài thơ, câu chuyện về tình cảm giữa ông bà và cháu.

2. a. Nghe – viết đúng chính tả 2 khổ thơ đầu bài *Thương ông*; biết viết hoa chữ cái đầu dòng và đầu câu.

   b. Làm đúng các bài tập chính tả phương ngữ (phân biệt *ch/tr* hoặc *ac/at*). Viết 3 – 5 câu kể về một công việc đã làm cùng người thân.

3. Phát triển vốn từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động; rèn kĩ năng đặt câu nêu hoạt động (nói về công việc của từng người, công việc chung của mọi người trong gia đình).

4. Bồi dưỡng tình cảm yêu thương, kính trọng đối với ông bà và người thân trong gia đình; thêm yêu quý gia đình; hình thành và phát triển năng lực quan sát (quan sát công việc của mọi người trong gia đình) và năng lực tự học (tìm đọc thêm thơ, truyện); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

Đặc điểm VB thơ, thấy được yếu tố tự sự trong bài thơ *Thương ông*; nắm được nội dung bài thơ *Thương ông* (kể về tình yêu thương giữa bạn Việt và ông của mình; bạn đã biết giúp đỡ, động viên ông khi ông đau ốm).

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ cho nội dung khởi động; minh hoạ bài đọc, luyện tập về từ và câu.

– Phiếu học tập: để làm bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Cánh cửa nhớ bà*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm: *Kể những việc em làm khiến người thân vui.*

(GV có thể đưa thêm các câu hỏi gợi ý: Người thân của em là ai? Em đã giúp đỡ người thân bằng những việc làm nào? Em đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc người thân? Để động viên, an ủi người thân, em đã làm gì? Người thân nói gì với em khi đó? Nét mặt người thân thế nào trước những việc em làm?;...)

+ Từng HS liên hệ bản thân, trình bày ý kiến của mình; các bạn góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời. (VD: Đọc truyện cho ông nghe, kể chuyện cho cả nhà nghe, rót nước cho bố mẹ uống, đấm lưng cho bà, quét nhà cho mẹ, trông em,... Người thân khen ngoan, nói lời cảm ơn,... Nét mặt người thân vui vẻ, tươi cười,...)

– Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu bài thơ *Thương ông*. (VD: Bài thơ kể về tình cảm của ông cháu bạn Việt. Ông của Việt bị đau chân, đi lại khó khăn. Việt đã quan tâm, giúp ông bước lên được thềm nhà. Ông rất vui sướng, cảm động vì điều đó,...)

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý ngắt đúng nhịp thơ, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm bài thơ trong khi nghe GV đọc.

+ GV hướng dẫn HS ngắt nhịp thơ. (VD: *Ông bị đau chân; Nó sưng/ nó tấy; Đi/ phải chống gậy; Khập khiễng, khập khà; Bước lên thềm nhà; Nhấc chân/ quá khó.*).

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em, như *khập khiễng, khập khà, nhấc chân, quẳng gậy,...*

+ GV hướng dẫn HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB ở mục *Từ ngữ*.

– HS luyện đọc theo nhóm/ cặp, cá nhân:

+ HS đọc nối tiếp từng câu/ đoạn trong nhóm/ cặp.

+ Từng HS đọc thầm toàn bài hoặc đọc cho nhau nghe.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

– GV/ HS đọc lại toàn bộ VB.

+ HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

– HS và GV đọc toàn VB.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi. HS cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.

**Câu 1**. *Ông của Việt bị làm sao?*

+ HS xem lại khổ thơ đầu. Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS và thống nhất câu trả lời. (VD: Ông của Việt bị đau chân, bước lên thềm nhà rất khó khăn.)

**Câu 2**. *Khi thấy ông đau, Việt đã làm gì để giúp ông?*

+ HS xem lại khổ thơ thứ 2, quan sát tranh minh hoạ bài học và tìm câu trả lời trong các phương án gợi ý.

+ HS trao đổi với bạn, thống nhất câu trả lời trong nhóm.

+ Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS và thống nhất câu trả lời. (VD: Khi thấy ông đau, Việt đã để ông vịn vào vai mình rồi đỡ ông đứng lên.)

**Câu 3**. *Theo ông, vì sao Việt tuy bé mà khoẻ?*

+ HS xem lại 3 dòng thơ cuối bài.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất phương án trả lời. (Đáp án: Theo ông, Việt tuy bé mà khoẻ vì Việt thương ông.)

* *Học thuộc lòng một khổ thơ yêu thích.*

– GV cho HS chọn khổ thơ yêu thích. GV chọn khổ thơ được nhiều HS thích nhất.

– HS học thuộc lòng khổ thơ yêu thích theo hướng dẫn của GV. GV cho HS tự nhớ hoặc giữ lại một số từ trong khổ thơ làm "điểm tựa" cho HS dễ nhớ.

– GV có thể cho HS thi học thuộc lòng (nếu có thời gian).

### 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1**. *Từ ngữ nào trong bài thơ thể hiện dáng vẻ của Việt?*

+ HS xem lại khổ thơ 1 và 2.

+ HS trao đổi với bạn, thống nhất câu trả lời trong nhóm.

+ Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất phương án trả lời. (Đáp án: *lon ton, âu yếm, nhanh nhảu.*)

**Câu 2**. *Đọc những câu thơ thể hiện lời khen của ông dành cho Việt.*

+ HS xem lại đoạn thơ 4.

+ GV có thể gợi ý: Câu thơ nào thể hiện sự reo mừng của ông (tán thưởng cháu mình)? Câu thơ nào cho thấy ông đang nói tới cái giỏi, cái tốt của Việt?

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất phương án trả lời. (Đáp án: Những câu thơ thể hiện lời khen của ông dành cho Việt: *Hoan hô thằng bé; Bé thế mà khoẻ; Vì nó thương ông.)*

## TIẾT 3

## VIẾT

### 1. Nghe – viết

– GV và 1 – 2 HS đọc đoạn nghe – viết.

– GV hướng dẫn chung cả lớp:

+ Lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết. (VD: Đoạn thơ có những chữ nào viết hoa? Đoạn thơ có chữ nào dễ viết sai? Khi viết đoạn thơ, cần viết như thế nào? Chữ dễ viết sai chính tả *khập khiễng, khập khà, nhấc chân, âu yếm,...*)

+ Yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.

– HS viết chính tả.

+ HS viết nháp một số chữ dễ viết sai.

+ GV đọc to, rõ ràng, tốc độ vừa phải (quan sát HS viết để xác định tốc độ), đúng chính âm; mỗi dòng thơ đọc 2 – 3 lần.

+ Sau khi HS viết xong, GV đọc lại cả bài một lần nữa và yêu cầu HS soát lỗi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.

+ GV kiểm tra bài viết của HS và nhận xét một số bài.

**2. Chọn a hoặc b.**

HS làm bài tập theo yêu cầu của GV (bài a hoặc b).

*a. Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.*

– Một HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc nhóm đôi.

– GV có thể phát thẻ từ ngữ (thẻ trắng) để HS ghi từng từ ngữ tìm được vào mỗi thẻ.

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm thi làm bài đúng, nhanh, đọc kết quả trước lớp. GV và HS chốt đáp án.

*Lần đầu tiên học **ch**ữ*
*Bé tung tăng khắp nhà*
*– **Ch**ữ gì như quả **tr**ứng gà?*
*Trống **ch**oai nhanh nhảu đáp là: "O... o!".*

*b. Chọn ac hoặc at thay cho ô vuông.*

Điền *ac*: cô b**ác**, ca nh**ạc**, quét r**ác.** Điền *at*: múa h**át**, ph**át** quà, rửa b**át.**

GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

## TIẾT 4

### LUYỆN TỪ VÀ CÂU

**1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động.**

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh, trao đổi nhóm để hiểu nội dung tranh và tìm từ ngữ chỉ người, cây cối, đồ vật và công việc của từng người trong tranh. (Có thể đưa câu hỏi gợi ý: Tranh vẽ những ai? Mỗi người đang làm công việc gì? Từ ngữ nào chỉ công việc ấy? Có những đồ vật nào được vẽ trong tranh?,...)

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.

+ GV có thể phát thẻ từ ngữ (thẻ trắng) để HS ghi từng từ ngữ tìm được vào mỗi thẻ. Cần tổ chức các hình thức dạy học sinh động (trò chơi, đố vui,...) để tạo không khí sôi nổi cho lớp học.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Từ ngữ chỉ người: *ông, bà, bố, mẹ, anh trai, em gái...*; từ ngữ chỉ vật: *bếp, nhà, sân, vườn, quạt, chổi, chảo,...*; từ ngữ chỉ hoạt động: *tưới cây, nhặt rau, sửa quạt, nấu ăn, quét sân, chơi đồ chơi,...*)

**2. Tìm 3 từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ.**

– GV cho HS đọc lại đoạn thơ.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm đôi, trả lời câu hỏi để tìm từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ. (Câu hỏi gợi ý: Đoạn thơ nói đến những ai? Mỗi người đã làm việc gì? Từ ngữ nào chỉ công việc đó?...)

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.

– GV và HS nhận xét kết quả của các nhóm, ghi nhận những từ ngữ chỉ hoạt động có trong đoạn thơ (*may/ may áo mới, thêu/ thêu bông hoa, khen, sửa, nối dây cót, chạy,...*).

**3. Đặt câu nêu hoạt động cho từng tranh.**

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm đôi để hiểu nội dung từng tranh. (Câu hỏi gợi ý thêm: Trước mặt ông và người bạn là cái gì? (tranh 1). Bà đang ngồi chỗ nào? Bà chăm chú nhìn vào đâu? (tranh 2). Mẹ cầm chổi để làm gì? Bố đặt khăn lau lên tường để làm gì? Vì sao bố đeo găng tay? (tranh 3). Bạn nhỏ ngồi ở đâu? Trước mặt bạn có gì? ...)

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.

– Một số (3 – 4) HS nhắc lại câu hỏi dưới mỗi tranh và trả lời.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Tranh 1: Ông đang đánh cờ; Tranh 2: Bà đang xem ti vi; Tranh 3: Bố đang lau tường nhà, mẹ đang lau nền nhà; Tranh 4: Bạn nhỏ đang học bài.)

## TIẾT 5 – 6

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Quan sát tranh, nêu việc các bạn nhỏ đã làm cùng người thân.**

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm đôi để hiểu nội dung từng tranh. (Câu hỏi gợi ý: Tranh 1: Ông và cháu đang đi đâu? Cháu làm gì để thể hiện tình cảm với ông? Tranh 2: Bố và con đang làm gì? Ở đâu? Tranh 3: Bà và cháu cùng nhau làm gì? Họ có vui không? Tranh 4: Mẹ và con đang đứng ở đâu? Trước mặt có những gì? Hai mẹ con cùng nhau làm gì?

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Tranh 1. Bạn nhỏ cùng ông đi dạo.; Tranh 2. Bạn nhỏ cùng bố trồng cây.; Tranh 3. Bạn nhỏ và bà đọc sách.; Tranh 4. Bạn nhỏ cùng mẹ rửa bát.)

**2. Viết 3 – 5 câu kể về một công việc em đã làm cùng người thân.**

– HS nêu yêu cầu của bài tập.

– HS trao đổi nhóm đôi, trả lời các câu hỏi gợi ý trong SHS.

– Đại diện một số (3 – 4) nhóm trình bày trước lớp.

– Từng HS viết bài vào vở. HS đọc lại, tự sửa đoạn văn đã viết.

– HS đổi bài cho bạn để sửa chữa hoàn chỉnh bài viết.

– Một số HS đọc bài trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

### ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu.**

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu. Khi đọc, cần chú ý tên của bài thơ, câu chuyện và tên của tác giả. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– HS làm việc nhóm. Các em có thể đọc thơ, hoặc vừa kể chuyện vừa đọc truyện cho bạn nghe. (HS nói tên của bài thơ, câu chuyện và tên của tác giả.)

**2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc về một khổ thơ em thích, hoặc một sự việc trong câu chuyện mà em thấy thú vị.**

– Một số (2 – 3) HS chia sẻ với các bạn cảm xúc về một khổ thơ mình thích hoặc một sự việc trong câu chuyện mình thấy thú vị. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách chia sẻ hay, nói được sự việc có điểm nhấn,... Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi. (GV khuyến khích HS viết vào sổ tay câu hay trong bài thơ, chi tiết lí thú trong câu chuyện.)

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc bài thơ *Thương ông*; rèn chính tả phân biệt *ch/tr, ac/at*; mở rộng vốn từ chỉ sự vật, hoạt động; luyện viết câu nêu hoạt động, viết đoạn văn kể việc đã làm ở nhà cùng người thân.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

## TUẦN 17

# Bài 31 ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời thoại, độc thoại của các nhân vật trong bài *Ánh sáng của yêu thương*. Nhận biết được tình yêu thương, lòng hiếu thảo của con đối với mẹ (qua bài đọc và tranh minh hoạ); hiểu vì sao cậu bé Ê-đi-xơn đã nảy ra sáng kiến giúp mẹ được phẫu thuật kịp thời, cứu mẹ thoát khỏi tay thần chết.
2. Nhận biết các sự việc và trình tự các sự việc trong câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương*; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã đọc, đã nghe).
3. Biết viết chữ viết hoa *P* chữ cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Phượng nở đỏ rực một góc trời.*
4. Bồi dưỡng tình yêu thương mẹ và người thân trong gia đình; hình thành và phát triển năng lực văn học (sáng tạo khi kể về cậu bé Ê-đi-xơn trong câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương*); có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Cách đọc hiểu VB tự sự (nhan đề, sự việc, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, hành động của nhân vật,...); cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật.

– Biết về nhà bác học Ê-đi-xơn với những điều thú vị về ông (Từ một đứa trẻ bị xem là đần độn, ông đã rèn luyện và trở thành nhà bác học nổi tiếng,...).

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

### 2. Phương tiện dạy học

– Một số tranh ảnh về Ê-đi-xơn để HS hiểu thêm về nhà bác học Ê-đi-xơn, nhân vật có thật trong câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương*.

– Mẫu chữ viết hoa *P*, vở *Tập viết 2 tập một*.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS có thể đọc thuộc lòng một khổ thơ trong bài *Thương ông*, nêu nội dung khổ thơ vừa đọc (hoặc nêu điều mình thích trong khổ thơ đó).

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, trao đổi với nhau về câu hỏi: *Nếu người thân bị mệt, em có thể làm gì để giúp đỡ, động viên?*

(GV có thể đưa câu hỏi gợi ý: Người thân đó là ai? Người đó ốm mệt thế nào? Em đã làm gì để giúp đỡ người thân? Em đã nói gì để động viên người thân? Em cảm thấy thế nào khi làm được những việc đó?...)

– Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV nhận xét, gợi ý câu trả lời. (VD: Những việc có thể giúp đỡ, động viên: lấy nước cho mẹ, đọc truyện cho bà nghe, đưa thuốc cho bố uống, đấm lưng cho ông, nói lời động viên người thân,...)

### 2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ Quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung tranh. (VD: Đây là cảnh mẹ Ê-đi-xơn đau ruột thừa dữ dội. Tuy nhiên, trong phòng không đủ ánh sáng nên bác sĩ không thể

phẫu thuật được. Thương mẹ, Ê-đi-xơn nảy ra sáng kiến đặt đèn nến trước gương. Thế là, căn phòng ngập tràn ánh sáng.)

+ GV đọc mẫu toàn bài. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Đột nhiên,/ cậu trông thấy/ ánh sáng của ngọn đèn/ hắt lại/ từ mảnh sắt tây trên tủ.*)

+ GV nêu một số từ khó phát âm do ảnh hưởng của phát âm địa phương để HS đọc. (VD: *ruột thừa, mổ gấp, đột nhiên,...*)

+ GV hướng dẫn cách đọc lời của Ê-đi-xơn (giọng buồn khi thấy mẹ đau đớn; khẩn khoản khi cầu cứu bác sĩ,...).

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa các từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ HS chưa hiểu (VD: *ruột thừa, tù mù,...*).

– HS luyện đọc theo cặp/ nhóm:

+ Từng cặp HS trong nhóm đọc nối tiếp từng đoạn. HS góp ý cho nhau. (Có thể chia bài đọc thành 4 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *mời bác sĩ.* Đoạn 2: tiếp theo đến *được cháu ạ.* Đoạn 3: tiếp theo đến *ánh sáng.* Đoạn 4: còn lại để HS luyện đọc theo nhóm.)

+ GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

– GV/ HS đọc lại toàn VB.

+ HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.

+ HS tập đọc một đoạn mình thích, dựa theo cách đọc của GV.

### 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1**. *Khi thấy mẹ đau bụng dữ dội, Ê-đi-xơn đã làm gì?*

+ HS xem lại đoạn văn 1.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Khi thấy mẹ đau bụng dữ dội, Ê-đi-xơn đã chạy đi mời bác sĩ đến khám bệnh cho mẹ.)

GV có thể mở rộng: Khi thấy có người đau ốm bất thường, các em phải làm gì? (Gợi ý trả lời: Cần báo cho người nhà biết, hay gọi điện thoại hoặc tìm bác sĩ,...)

**Câu 2**. *Ê-đi-xơn đã làm cách nào để mẹ được phẫu thuật kịp thời?*

+ HS xem lại đoạn văn 3 và nhìn tranh minh hoạ ở phần Đọc.

+ HS trao đổi với bạn, thống nhất câu trả lời trong nhóm.

+ Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Để mẹ được phẫu thuật kịp thời, Ê-đi-xơn đã tìm cách làm cho căn phòng đủ ánh sáng. Cậu thắp tất cả đèn nến trong nhà và đặt trước gương.)

**Câu 3**. *Những việc làm của Ê-đi-xơn cho thấy tình cảm của cậu dành cho mẹ như thế nào?*

+ HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời.

+ Đại diện nhóm trình bày ý kiến. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Những việc làm của Ê-đi-xơn cho thấy cậu rất yêu và thương mẹ/ rất thương mẹ/ rất hiếu thảo với mẹ,...)

**Câu 4**. *Trong câu chuyện trên, em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?*

+ HS suy nghĩ, tìm nhân vật mình thích nhất.

+ HS trao đổi nhóm để trình bày ý kiến. Đại diện nhóm trình bày ý kiến.

+ GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.

+ GV khuyến khích HS nêu ý kiến riêng của mình. (VD: Trong câu chuyện trên, em thích nhất nhân vật Ê-đi-xơn. Vì Ê-đi-xơn hiếu thảo/ yêu thương mẹ/ nhanh nhẹn/ thông minh/ có óc quan sát,... Hoặc: Trong câu chuyện trên, em thích nhất nhân vật bác sĩ. Vì bác sĩ nhanh nhẹn/ làm việc khẩn trương/ tình cảm/ cẩn thận/ tay nghề giỏi,...)

## 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1**. *Những chi tiết nào cho thấy Ê-đi-xơn rất lo cho sức khoẻ của mẹ?*

– GV có thể đưa một số câu hỏi gợi ý: Thấy mẹ đau bụng, việc đầu tiên Ê-đi-xơn làm là gì? Từ nào cho thấy Ê-đi-xơn rất khẩn trương tìm bác sĩ? Khi không đủ ánh sáng, thấy bác sĩ không thể phẫu thuật được cho mẹ, tâm trạng của Ê-đi-xơn ra sao? Nhìn mẹ đau đớn, Ê-đi-xơn thế nào và nói gì với bác sĩ? Ê-đi-xơn nghĩ gì khi đó?,...

– HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời. GV lưu ý các câu trả lời các câu hỏi trên đều có trong VB đọc.

– Đại diện nhóm trình bày ý kiến. GV và HS nhận xét, đánh giá ý kiến của các nhóm.

– GV ghi nhận câu trả lời hợp lí nhất, đầy đủ nhất. (VD: Thấy mẹ đau bụng, Ê-đi-xơn khẩn trương tìm bác sĩ (*liền chạy đi*); Khi mẹ chưa được phẫu thuật, Ê-đi-xơn rất lo lắng; Nhìn mẹ đau đớn, Ê-đi-xơn mếu máo và xin bác sĩ cứu mẹ; Ê-đi-xơn ôm đầu suy nghĩ, tìm cách cứu mẹ; Tìm được cách tạo ánh sáng, Ê-đi-xơn khẩn trương sang mượn gương nhà hàng xóm (*vội chạy sang*),...)

**Câu 2**. *Tìm câu văn trong bài phù hợp với bức tranh.*

+ HS xem lại đoạn văn 3 và quan sát tranh minh hoạ.

+ Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

+ HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Câu *Thương mẹ, Ê-đi-xơn ôm đầu suy nghĩ* hoặc *Thương mẹ, Ê-đi-xơn ôm đầu suy nghĩ. Làm thế nào để cứu mẹ bây giờ?* thích hợp với nội dung bức tranh.)

## TIẾT 3

### VIẾT

### 1. Viết chữ hoa

– GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *P* và hướng dẫn HS:

+ Quan sát mẫu viết chữ *P*: Chữ cỡ vừa cao 5 li, rộng 4 li; chữ cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 2 li, gồm các nét móc ngược, phía trên hơi lượn, đầu móc cong vào phía trong, giống nét 1 của chữ viết hoa *B*; nét cong trên, 2 đầu nét lượn vào trong không đều nhau.

+ Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *P* trên màn hình, nếu có).

– HS tập viết chữ viết hoa *P* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn: Đặt bút trên đường kẻ ngang 6, lượn bút sang trái để viết nét móc ngược trái, kết thúc nét móc tròn ở đường kẻ 2. Tiếp tục lia bút đến đường kẻ ngang 5 để viết nét cong, cuối nét lượn vào trong, dừng bút gần đường kẻ ngang 5.

– GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

– HS viết chữ viết hoa *P* chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS góp ý cho nhau theo cặp.

### 2. Viết ứng dụng

– GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Phượng nở đỏ rực một góc trời.*

– HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn viết chữ viết hoa *P* đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.

– HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp/ nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi HS.

## TIẾT 4

### NÓI VÀ NGHE

### 1. Quan sát các tranh minh hoạ câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương*, nói về sự việc trong từng tranh.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm. HS đọc lại bài đọc để tìm ý của mỗi tranh.

– GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Tranh 1: Thương mẹ, Ê-đi-xơn ôm đầu nghĩ cách cứu mẹ.; Tranh 2: Ê-đi-xơn chạy đi tìm bác sĩ.; Tranh 3: Bác sĩ tiến hành phẫu thuật cho mẹ Ê-đi-xơn.; Tranh 4: Ê-đi-xơn mang về tấm gương lớn.)

**2. Sắp xếp các tranh theo trình tự của câu chuyện.**

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm: Dựa vào kết quả ở bài tập 1, sắp xếp các tranh cho đúng với trình tự của câu chuyện trong bài đọc.

– GV gọi đại diện một số nhóm trình bày cách sắp xếp của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

– GV và HS thống nhất trật tự sắp xếp tranh: tranh 2 – tranh 1 – tranh 4 – tranh 3.

**3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh vừa sắp xếp.**

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, chọn 1 – 2 đoạn để tập kể, cố gắng kể đúng lời nói của các nhân vật trong câu chuyện (không phải kể đúng từng câu từng chữ trong bài đọc).

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (từng em kể rồi góp ý cho nhau).

*Lưu ý*: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc nhớ nhất.

– Một số (2 – 4 HS) kể nối tiếp câu chuyện theo 4 tranh vừa sắp xếp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng.

## VẬN DỤNG

**Kể về cậu bé Ê-đi-xơn trong câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương* cho người thân nghe.**

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

+ Trước khi kể, em đọc nhanh lại bài *Ánh sáng của yêu thương*, xem lại các tranh minh hoạ, chuẩn bị nội dung để kể cho người thân nghe về Ê-đi-xơn – cậu bé thông minh, tài giỏi, hiếu thảo, giàu tình yêu thương. Sau này, Ê-đi-xơn đã trở thành nhà bác học nổi tiếng thế giới.

+ Kể cho người thân nghe những suy nghĩ, cảm xúc, việc làm của Ê-đi-xơn khiến em cảm động và khâm phục.

+ Lắng nghe ý kiến của người thân sau khi nghe em kể chuyện.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc VB *Ánh sáng của yêu thương*; viết chữ viết hoa *P*; kể lại câu chuyện từ chính bài đọc,...

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành kể chuyện cho người thân nghe.

# Bài 32 CHƠI CHONG CHÓNG (6 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ dễ nhầm lẫn do phát âm địa phương, đọc rõ ràng một câu chuyện ngắn; biết nghỉ hơi sau khi đọc câu, đọc đoạn. Hiểu nội dung bài đọc về hai anh em chơi một trò chơi rất vui, qua đó thấy được tình cảm anh em thân thiết, đoàn kết, nhường nhịn lẫn nhau.
2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn ngắn trong bài đọc theo hình thức nghe – viết, biết viết hoa các chữ cái đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *iu/ ưu*; *ăt/ ăc/*; *ât/ âc*.
3. a. Phát triển vốn từ về tình cảm gia đình; luyện tập về cách sử dụng dấu phẩy.

   b. Viết được một tin nhắn cho người thân.
4. Tìm đọc mở rộng được một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình.
5. a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (nhận biết được các nhân vật trong câu chuyện, hiểu được cốt truyện); phát triển năng lực ngôn ngữ trong việc viết một tin nhắn.

   b. Biết yêu thương, chia sẻ, nhường nhịn giữa anh chị em trong gia đình; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Đặc điểm VB truyện kể (có cốt truyện, nhân vật, lời kể), cách thể hiện đặc điểm nhân vật và tình cảm, cảm xúc giữa các nhân vật.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ bài đọc được phóng to trên giấy khổ lớn, hoặc chiếu lên màn hình chiếu.

– Phiếu học tập để làm bài tập chính tả hoặc phần luyện tập về từ và câu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Ánh sáng của yêu thương*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV hướng dẫn cả lớp quan sát tranh và nêu nội dung tranh (Tranh vẽ các hoạt động cùng vui chơi của các anh chị em. Tranh 1: anh trai và em gái chơi trò kéo xe; Tranh 2: hai anh em chơi đá bóng; Tranh 3: hai chị em chơi búp bê; Tất cả mọi người đều rất vui vẻ).

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm theo các nội dung: Em thường hay chơi với anh chị em nào? Em thích chơi trò chơi gì cùng người đó? Vì sao em thích chơi trò chơi đó cùng anh chị em của mình?

– Từng HS nói trong nhóm. Các HS khác nghe, nhận xét, góp ý.

– GV lưu ý: HS có thể chia sẻ về việc vui chơi với người nào cũng được (anh chị em ruột, anh chị em họ, anh chị em hàng xóm,...), miễn là gắn bó, thân thiết với HS.

– Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV nhận xét chung và dẫn vào bài đọc (một câu chuyện đơn giản, nhẹ nhàng về hai anh em chơi trò chơi chong chóng với nhau rất vui, thông qua đó ta thấy được sự quan tâm, nhường nhịn lẫn nhau của hai anh em).

### 2. Đọc văn bản

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc (hai anh em đang vừa chạy vừa giơ chiếc chong chóng ra trước để chong chóng quay, trong khung cảnh sân nhà rộng rãi. Hai anh em đang cười rất tươi, có lẽ rất vui.).

– GV đọc mẫu toàn VB với giọng kể. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. (VD: nhấn giọng ở những chỗ như *xinh như một bông hoa; rồi đột ngột dừng lại,...*). HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài. (VD: *Mỗi chiếc chong chóng/ chỉ có một cái cán nhỏ và dài,/ một đầu/ gắn bốn cánh giấy mỏng,/ xinh như một bông hoa.*)

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em do ảnh hưởng của phát âm địa phương như *lướt, lại, lạ, buồn thiu, cười toe,...*

+ GV chia VB thành các đoạn: đoạn 1: từ đầu đến *rất lạ;* đoạn 2: phần còn lại.

+ GV mời 2 HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp (HS1 đọc đoạn 1, HS2 đọc đoạn 2) để HS biết cách đọc theo cặp.

+ GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong mục *Từ ngữ.*

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp: HS đọc nối tiếp theo cặp như các HS đã đọc mẫu trước lớp.

– Luyện đọc cá nhân: Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc. GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Tìm chi tiết cho thấy An rất thích chơi chong chóng.*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS đọc thầm lại đoạn 1, tìm các chi tiết nói về việc An thích chơi chong chóng (GV gợi ý: chú ý các từ chỉ cảm xúc như *thích, mê*).

+ HS trao đổi đáp án trong nhóm.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu thấy chưa đầy đủ).

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Các chi tiết cho thấy An rất thích chơi chong chóng: An yêu thích những chiếc chong chóng giấy; An thích chạy thật nhanh để chong chóng quay; hai anh em đều mê chong chóng.)

**Câu 2.** *Vì sao An luôn thắng khi thi chơi chong chóng cùng bé Mai?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS đọc lại đoạn 2 của VB và tìm các chi tiết liên quan đến việc An thường thắng khi chơi chong chóng.

+ Trao đổi đáp án trong nhóm.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Vì An chạy nhanh hơn nên chong chóng quay lâu hơn.)

**Câu 3.** *An nghĩ ra cách gì để bé Mai vui?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS đọc thầm lại đoạn 2 của VB, tìm chi tiết bé Mai rất buồn vì thua mãi và An nghĩ ra cách làm cho bé vui.

+ Trao đổi đáp án đúng.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Mai buồn vì thua, nên An đã làm cho Mai vui bằng cách nhường Mai thắng. An để Mai đưa chong chóng ra trước quạt máy, còn mình tự thổi phù phù cho chong chóng quay.)

**Câu 4.** *Qua câu chuyện, em thấy tình cảm của anh em An và Mai thế nào?*

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS làm các việc sau:

• Tìm đoạn văn nói về việc hai anh em An và Mai chơi chong chóng và đọc thầm.

• Tìm các chi tiết thể hiện tình cảm của hai anh em. (An rủ Mai chơi, An nhường Mai thắng, Mai cũng thích đồ chơi giống như anh.)

• Tìm từ ngữ thích hợp để nói về tình cảm của hai anh em.

+ Trao đổi đáp án trong nhóm.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Anh em An và Mai rất đoàn kết, yêu thương, nhường nhịn lẫn nhau.)

### 4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm từ ngữ trong bài đọc tả chiếc chong chóng.*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn 1 để tìm các chi tiết trả lời cho câu hỏi.

+ GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác có thể bổ sung (nếu thấy chưa đầy đủ).

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (*cán nhỏ và dài, một đầu gắn bốn cánh giấy mỏng, xinh như một bông hoa.*)

– Nếu HS trả lời nhanh, GV có thể mở rộng câu hỏi: Tìm các từ ngữ (ngoài bài đọc) tả chiếc chong chóng. GV hướng dẫn HS quan sát chiếc chong chóng trong tranh minh hoạ bài đọc, hoặc GV chuẩn bị một chiếc chong chóng thật để HS quan sát và tả bằng các từ ngữ phù hợp. (VD: chong chóng có nhiều màu sặc sỡ; cánh chong chóng được uốn cong mềm mại, ghim chặt ở giữa; chong chóng quay tít như chiếc quạt máy,...)

**Câu 2.** *Nếu em là Mai, em sẽ nói gì với anh An sau khi chơi?*

– GV gợi ý HS:

+ Khi chiến thắng một trò chơi, em có cảm xúc gì? Em nói gì để thể hiện cảm xúc đó?

+ Nếu biết anh nhường mình thắng, em nên nói gì?

+ Em nói gì để thể hiện em rất thích một trò chơi?

+ Em nói thế nào để thể hiện em muốn chơi tiếp một trò chơi?

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Đây là câu hỏi mở, HS tự do trả lời. GV khuyến khích HS có nhiều câu trả lời khác nhau miễn là phù hợp.

+ Từng HS luân phiên đóng vai Mai để nói trong nhóm.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm nói trước lớp. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án. (HS có thể nói: Em cảm ơn anh!/ Trò chơi này vui quá!/Lần sau mình lại chơi tiếp nhé,...)

– GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

## TIẾT 3

## VIẾT

### 1. Nghe viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết (viết đoạn *Chơi chong chóng*, từ đầu đến *háo hức*).

– GV đọc một lần đoạn văn viết chính tả cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn trước lớp.

– GV hướng dẫn HS :

+ Quan sát những dấu câu có trong đoạn văn sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn văn trên màn hình), giúp các em biết gọi tên các dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.

+ Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương như *chơi, chạy, trước, xem, sân, quay, mỗi, mỏng,...*

– GV đọc tên bài, đọc từng câu cho HS viết vào vở. Chú ý: Câu dài cần đọc theo từng cụm từ.

– GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

### 2. Chọn a hoặc b.

GV chọn cho HS làm bài tập a hoặc b.

a. *Chọn iu hoặc ưu thay cho ô vuông.*

– GV chiếu hoặc dán từ ngữ lên bảng.

– Từng HS tự tìm đáp án.

– GV mời 2 – 3 HS lên bảng điền vào chỗ trống. HS và GV nhận xét, thống nhất đáp án. (*sưu tầm, phụng phịu, dịu dàng, tựu trường.*)

– HS đồng thanh đọc đáp án trên bảng.

b. *Tìm từ ngữ chỉ sự vật có tiếng chứa vần ăt, ăc, ât hoặc âc.*

– GV chiếu hoặc dán tranh có hình lên bảng.

– GV hướng dẫn HS nhận biết đồ vật trong hình và gọi tên đồ vật.

– HS làm việc nhóm để tìm đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm HS lên bảng viết tên đồ vật dưới hình đúng yêu cầu bài học (được chiếu hoặc dán). Các nhóm HS khác và GV nhận xét, tổng kết đáp án (*lật đật, mắc áo, ruộng bậc thang, mặt nạ*). Một số HS đọc to đáp án.

– HS đồng thanh đọc đáp án trên bảng.

## TIẾT 4

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### 1. Tìm từ ngữ về tình cảm gia đình.

– Cả lớp: GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm với nội dung:

+ Nêu các mối quan hệ trong gia đình (bố với mẹ, bố/ mẹ với con, anh/ chị với em, ông/ bà với cháu,...).

+ Tìm các từ ngữ chỉ tình cảm giữa mọi người trong gia đình. (GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi nhỏ: Tình cảm giữa bố mẹ với con như thế nào? Tình cảm giữa anh chị với em như thế nào?...)

– HS làm việc nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV và HS thống nhất đáp án. (tôn trọng, kính trọng, yêu thương, che chở, đùm bọc, gắn bó, thân thiết,...)

**2. Những câu nào dưới đây nói về tình cảm anh chị em?**

– Cả lớp:

+ Một HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm theo. (GV có thể dán hoặc chiếu các câu tục ngữ lên bảng.)

+ GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm với nội dung: Đọc to các câu tục ngữ; Trao đổi về ý nghĩa của các câu tục ngữ; Xác định câu tục ngữ nào nói về tình cảm anh chị em.

– HS làm việc nhóm:

– Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ về ý nghĩa của các câu tục ngữ và trả lời câu hỏi: Câu nào nói về tình cảm anh chị em?

– GV và HS thống nhất đáp án. (Những câu tục ngữ nói về tình cảm anh chị em: *Chị ngã em nâng; Anh thuận em hoà là nhà có phúc; Anh em như thể chân tay, Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.*)

**3. Cần đặt *dấu phẩy* vào vị trí nào trong các đoạn văn sau?**

– HS làm việc nhóm: Đọc thành tiếng từng câu trong bài tập; xác định ranh giới giữa các từ, cụm từ trong câu; HS xác định các từ/ cụm từ cùng chức năng nhưng chưa được ngăn cách bởi dấu phẩy. (VD: câu a có các cụm *sóc anh/ sóc em, hạt vừa/ hạt nhỏ.* Câu b có *yêu thương/ chăm sóc, làm bài tập/ chơi với tớ/ cùng tớ làm việc nhà.*)

HS đặt dấu phẩy vào những chỗ cần ngăn cách giữa các cụm từ đã tìm được.

– Đại diện 3 – 4 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

– GV và HS thống nhất đáp án. (a. Sóc anh, sóc em kiếm được rất nhiều hạt dẻ. Hai anh em để dành hạt lớn cho bố mẹ. Hạt vừa, hạt nhỏ để hai anh em ăn.; b. Chị tớ luôn quan tâm, chăm sóc tớ. Chị tớ thường hướng dẫn tớ làm bài tập, chơi với tớ, cùng tớ làm việc nhà. Tớ yêu chị lắm!)

## TIẾT 5 – 6

## LUYỆN VIẾT ĐOẠN

**1. Quan sát tranh, đọc tin nhắn của sóc con và trả lời câu hỏi.**

– HS làm việc nhóm, hỏi – đáp theo từng câu hỏi gợi ý:

+ *Sóc con nhắn tin cho ai?* (Sóc nhắn tin cho mẹ.)

+ *Sóc nhắn cho mẹ điều gì?* (Sóc sang nhà bà và không ăn cơm ở nhà. Tối sóc sẽ về.)

+ *Vì sao sóc phải nhắn tin?* (Vì bố mẹ đi vắng, không thể xin phép trực tiếp được. Do đó cần phải nhắn tin cho bố mẹ biết mình đi đâu, làm gì để bố mẹ yên tâm.)

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời các câu hỏi trước lớp. Các nhóm khác nhận xét và góp ý.

**2. Viết tin nhắn cho người thân.**

– GV cho một HS đọc to tình huống và yêu cầu. Các HS đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm, hỏi đáp về tình huống. Câu hỏi gợi ý:

+ Em viết tin nhắn cho ai?

+ Em muốn nhắn cho người đó điều gì?

+ Vì sao em phải nhắn tin?

– Từng HS viết vào vở các câu trả lời và sắp xếp thành một tin nhắn.

– GV lưu ý HS mở đầu và kết thúc tin nhắn cần viết gì.

– Một số HS đọc bài trước lớp. (VD: Mẹ ơi! Ông đưa con đi mua sách. Mua sách xong con sẽ về ạ. Mẹ yên tâm mẹ nhé. Con: (tên).)

– Cả lớp và GV nhận xét.

– Từng HS tự sửa đoạn văn đã viết. HS đổi bài cho bạn để sửa chữa hoàn chỉnh bài viết.

## ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình (nấu ăn, thăm họ hàng, đi du lịch,...).**

– Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ/ câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp hoặc mượn trong thư viện trường) và cho HS đọc ngay tại lớp.

– HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 3, nhóm 4 trao đổi về nội dung của câu chuyện, bài thơ mà mình đã đọc. (Câu hỏi gợi ý: *Tên của bài thơ/ câu chuyện là gì? Tác giả là ai? Câu chuyện, bài thơ nói về sinh hoạt chung nào của gia đình? Em thích nhất hoạt động nào? Vì sao em thích?)*

**2. Kể lại câu chuyện hoặc đọc một đoạn thơ cho các bạn nghe. Chia sẻ điều em thấy thú vị nhất trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.**

– HS làm việc nhóm:

+ Mỗi HS chọn một đoạn thơ hoặc một câu chuyện để đọc hoặc kể trong nhóm.

+ HS nói về điều thú vị nhất trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.

– GV có thể mời 2 – 3 HS đọc thơ hoặc kể chuyện trước lớp và chia sẻ về điều thú vị nhất trong thơ hoặc câu chuyện.

– Một số HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách kể chuyện hoặc đọc thơ sinh động, hấp dẫn. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

– GV có thể cho HS bình chọn các câu chuyện hoặc bài thơ hay và khuyến khích HS trong lớp có thể tìm đọc thêm (hoặc nếu HS mang sách đến lớp thì GV khuyến khích HS trao đổi sách để mở rộng nội dung đọc).

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài *Chơi chong chóng*, các em đã:

+ Đọc – hiểu VB *Chơi chong chóng*.

+ Nghe – viết đúng đoạn chính tả *Chơi chong chóng*, làm bài tập chính tả.

+ Nhận biết từ ngữ chỉ tình cảm gia đình, biết cách sử dụng dấu phẩy.

+ Biết viết tin nhắn cho người thân.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

## TUẦN 18

# ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1 (10 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng, rõ ràng đoạn văn, câu chuyện, bài thơ,... Tốc độ đọc khoảng 60 – 65 tiếng trong một phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nội dung bài đã đọc, hiểu điều tác giả muốn nói qua VB đơn giản (dựa vào gợi ý), nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời nói…
2. Viết đúng bài chính tả khoảng 45 – 50 chữ theo hình thức nghe – viết, tốc độ khoảng 45 – 50 chữ trong 15 phút; viết đúng các từ ngữ có tiếng chứa âm/ vần dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Viết được đoạn văn khoảng 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường dựa vào gợi ý.
3. Biết trao đổi ý kiến về bài đọc yêu thích trong học kì 1; biết nói lời chào, lời tự giới thiệu phù hợp với tình huống giao tiếp. Kể được sự việc trong tranh dựa vào gợi ý.
4. Tìm được các từ ngữ chỉ người, chỉ vật, chỉ hoạt động, đặc điểm thuộc một số chủ điểm đã học; biết sử dụng các từ ngữ để đặt câu; bước đầu biết sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

*Lưu ý*: Mục tiêu nêu trên đây được hiểu là những điều HS cần đạt được sau học kì 1. Bài ôn cuối học kì chỉ là những nội dung cơ bản cần ôn và gợi ý đánh giá cuối học kì 1 cũng mang tính chất tham khảo.

## II CHUẨN BỊ

– Có thể chuẩn bị các phiếu học tập để HS không làm bài vào SHS. (VD: Bài tập tìm từ ngữ chỉ sự vật ở tiết ôn tập 1 và 2 nên thiết kế thành phiếu học tập nhóm để HS viết các từ ngữ chỉ sự vật tìm được theo bảng thống kê đã cho.)

– Bài đánh giá cuối học kì 1 có thể thiết kế thành phiếu học tập để HS tập làm bài kiểm tra cuối kì.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# PHẦN I – ÔN TẬP

## TIẾT 1 – 2

### 1. Nhìn tranh, nói tên các bài đã học.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập theo cặp hoặc theo nhóm như sau:

+ Mỗi bạn chỉ vào một tranh và nói tên bài đã học (theo thứ tự tranh từ trái qua phải, từ trên xuống dưới). VD: Tranh 1, bài *Sự tích hoa tỉ muội.*

+ Có thể mở SHS tìm bài đọc để xác nhận đúng/ sai (nếu thấy chưa chắc chắn).

– GV khen ngợi các cặp/ nhóm hoàn thành sớm.

### 2. Dựa vào các tranh vẽ ở bài tập 1, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo mẫu.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập:

+ GV nêu yêu cầu của bài tập, hướng dẫn HS quan sát mẫu và nghe GV phân tích mẫu, đưa thêm ví dụ:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Từ ngữ chỉ sự vật | Từ ngữ chỉ người | M: – bà<br>– Nết → (tên riêng) | – chị<br>– Việt |
| | Từ ngữ chỉ vật | M: – nhím nâu (con vật)<br>– cây cau (cây cối)<br>– cánh cửa (đồ vật)<br>– dòng suối (vật thể lớn/ trải rộng) | – bê vàng, …<br>– cây hoa,…<br>– diều giấy<br>– rừng |

+ Mỗi bạn chỉ vào một tranh và nêu từ ngữ chỉ sự vật trong tranh (theo thứ tự tranh từ trái qua phải, từ trên xuống dưới).

+ HS có thể mở SHS tìm bài đọc để quan sát tranh khổ lớn hơn.

– GV hướng dẫn HS cách làm việc theo nhóm:

*Cách 1:*

+ Các nhóm nhận phiếu học tập (nếu có).

+ Nhóm trưởng hướng dẫn các bạn quan sát tranh, cùng nhau tìm từ ngữ theo mẫu đã cho trong SHS.

+ Thư kí của nhóm ghi kết quả các từ ngữ tìm được.

*Cách 2:*

+ Mỗi nhóm nhận những tấm bìa nhỏ. Từng thành viên trong nhóm tìm từ ngữ chỉ sự vật rồi ghi vào các tấm bìa đó (mỗi tấm bìa chỉ ghi một từ ngữ).

+ Sau khi các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ, nhóm trưởng cho tập hợp thành sản phẩm của nhóm theo cách phân loại trong bảng (từ ngữ nào trùng thì chỉ lấy một tấm bìa đại diện). Các thành viên trao đổi để xếp từ ngữ vào đúng nhóm ghi trong bảng.

– GV tổ chức cho 1 – 2 nhóm báo cáo trước lớp, các nhóm khác góp ý và bổ sung. GV nhận xét, đánh giá.

– GV khen ngợi các nhóm hoàn thành sớm và đúng.

### 3. Đọc lại một bài đọc em thích, nêu chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài khiến em nhớ nhất.

– HS tự đọc yêu cầu bài tập 3.

– GV hướng dẫn HS cách làm việc theo nhóm:

+ Từng em chọn đọc một bài mình thích (HS đọc chậm chỉ yêu cầu đọc 1 – 2 đoạn trong bài, HS đọc khá thì đọc cả bài.).

+ Đọc xong, nêu chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài mình nhớ nhất, có thể giải thích vì sao thích bài đọc đó.

+ Các thành viên có thể nêu thêm câu hỏi về bài đọc để các bạn trong nhóm xung phong trả lời. Cả nhóm nhận xét và góp ý.

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét (có thể cho điểm).

## TIẾT 3 – 4

### 4. Đọc lời của chim hải âu và trả lời câu hỏi.

– GV nêu yêu cầu: Các em đọc lời của chim hải âu, sau đó thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi bên dưới.

– HS làm việc nhóm:

+ Yêu cầu thứ nhất (Trả lời câu hỏi: *Theo em, chim hải âu nói những câu trên với ai, trong tình huống nào?*), từng bạn trong nhóm nêu ý kiến cá nhân để trả lời, cả nhóm góp ý và thống nhất ý kiến. VD: Chim hải âu nói những câu đó với các loài chim khác khi đi đâu xa hoặc khi gặp những người bạn ở nơi khác đến./ Chim hải âu nói lời chào và lời tự giới thiệu về bản thân (tên, tính tình, nơi ở, sở thích của bản thân) với những người bạn mới./,…

+ Yêu cầu thứ hai (*Đóng vai một loài chim khác, đáp lời hải âu*), GV cho HS từng cặp đóng vai: một bạn nói (hoặc đọc) lời chào, lời tự giới thiệu của chim hải âu, một bạn đáp lại lời hải âu.

*Lưu ý*: Với yêu cầu 2, GV cần hướng dẫn HS chọn một loài chim mình biết rõ để nói được lời chào, lời tự giới thiệu về loài chim đó, đáp lời chim hải âu.

– GV và các nhóm nhận xét/ khen ngợi các bạn đưa ra ý kiến hay.

## 5. Thực hành luyện nói theo tình huống.

– GV hướng dẫn HS thực hành nói lời chào, lời tự giới thiệu theo nhóm dựa trên cách giới thiệu đã được học ở đầu năm học (HS có thể xem lại bài học đầu năm).

– Các nhóm thực hiện theo các bước như sau:

+ Đọc yêu cầu bài tập 5 (gồm 2 tình huống).

+ Nhóm trưởng điều hành các bạn thực hiện yêu cầu lần lượt từng tình huống:

*Tình huống a.*

(1) Nhóm trưởng đọc tình huống a, tất cả các bạn trong nhóm suy nghĩ và chuẩn bị lời giới thiệu về bản thân (có thể viết nhanh lời giới thiệu của mình trước khi nói).

(2) Nhóm trưởng mời từng bạn nói lời giới thiệu của mình. Cả nhóm góp ý.

(GV hướng dẫn HS đặt mình vào tình huống để giới thiệu tự nhiên. VD:

– Chào các bạn! Tôi tên là… Tôi mới từ trường…/ lớp… chuyển đến. Rất mong được các bạn giúp đỡ.

– Chào các bạn! Tôi là…, mới chuyển đến từ… Tôi thích học môn… Sở thích của tôi là… Rất vui được học cùng các bạn.

– …)

*Tình huống b.*

(1) Từng em đọc thầm tình huống b, chuẩn bị lời nói của mình trong tình huống b.

(2) Nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu ý kiến đã chuẩn bị. Cả nhóm góp ý và bình chọn các ý kiến thể hiện được sự thân thiện, đón chào bạn mới chuyển đến.

VD: Chào bạn… Rất vui vì lớp mình có thêm bạn./…

– GV hướng dẫn chữa bài trước lớp: một số HS lên nói trước lớp (có thể gộp 2 tình huống làm một: một bạn nói lời giới thiệu của người mới chuyển đến, một bạn đáp lời thể hiện sự thân thiện, đón chào bạn mới chuyển đến).

– GV cùng cả lớp nhận xét, khích lệ, động viên các bạn xung phong nói trước lớp.

## TIẾT 5 – 6

## 6. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ (chỉ người, chỉ vật; chỉ hoạt động).

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập 6:

– Tổ chức trò chơi ném bóng và nói từ ngữ : có thể thực hiện xong yêu cầu a (tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật) rồi mới chuyển sang yêu cầu b (tìm từ ngữ chỉ hoạt động) hoặc thực hiện 2 yêu cầu a và b cùng một lúc.

HS1 nói một từ ngữ (VD: người bán hàng) rồi ném bóng cho HS2 → HS2 nói một từ ngữ (VD: người đi chợ) rồi ném bóng cho HS3,…

– GV và các bạn trong lớp cùng làm trọng tài để xác định từ ngữ các bạn tìm được có đảm bảo yêu cầu hay không, đúng hay sai?

– Khen ngợi các bạn tìm từ nhanh.

(Gợi ý đáp án: HS có thể tìm các từ ngữ khác nhau để gọi tên sự vật, hoạt động trong tranh. VD:

– Từ ngữ chỉ người: người bán hàng, người bán chậu quất, người bán cây cảnh, người bán cành đào, người đàn ông, người mua cây cảnh, người mua chậu quất, người mua cành đào, người đi chợ, người phụ nữ, người nặn đồ chơi, bạn nhỏ, bạn nam, bạn nữ, trẻ em,…

– Từ ngữ chỉ vật: cành đào, chậu quất, cây quất, chậu cây cảnh, cây cảnh, cái túi, đồ chơi,…

– Từ ngữ chỉ hoạt động: bán hàng, mua hàng, nặn đồ chơi, xem, nhìn, đi chợ, đi chơi, mời mua cây cảnh,…)

**7. Nói 2 – 3 câu về một nhân vật trong tranh ở mục 6.**

– GV hướng dẫn HS làm mẫu: cho các em chỉ vào một nhân vật được vẽ trong tranh, một em khác trả lời với sự giúp đỡ của GV và HS trong lớp. VD:

+ Người đó là ai? → Người đó là bác bán cây cảnh.

+ Người đó đang làm gì? → Bác ấy đang bán cành đào.

+ Em có nhận xét gì về cử chỉ, hành động,... của người đó? → Bác ấy rất niềm nở với người mua hàng.

*Lưu ý:*

– Để nêu đúng việc người đó đang làm và nhận xét được đặc điểm nổi bật của người đó, cần quan sát kĩ nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,… của người đó.

– Tranh vẽ hơi nhỏ, có thể khó quan sát. Tranh 1 vẽ cảnh chợ Tết, có người đi bán người đi mua,... Tranh 2 vẽ cảnh các em nhỏ vây quanh xem bác bán tò he đang nặn đồ chơi tò he (tò he là đồ chơi của trẻ em, được nặn bằng bột gạo nếp có nhuộm phẩm màu). GV có thể sử dụng các tranh ảnh khổ lớn sưu tầm được để HS dựa vào đó hỏi đáp.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trước khi làm việc trong nhóm.

+ Làm việc cá nhân: Đọc yêu cầu bài tập 7, chọn một nhân vật trong tranh và chuẩn bị nói 2 – 3 câu về nhân vật đó theo gợi ý trong SHS (HS có thể chuẩn bị bằng cách viết ra các câu về nhân vật mình chọn trước khi nói).

+ Làm việc nhóm: Nhóm trưởng lần lượt mời từng bạn nói 2 – 3 câu đã chuẩn bị, cả nhóm góp ý, nhận xét.

– GV quan sát HS làm việc nhóm và mời một số HS nói trước lớp. GV và HS nhận xét, chủ yếu khen ngợi, động viên. (VD: Đây là bác bán đồ chơi cho trẻ em. Bác ấy đang nặn đồ chơi. Bác nặn đồ chơi rất đẹp nên các bạn nhỏ xúm quanh để xem./ Đây là người bán cây cảnh. Bác ấy đang mời mọi người mua cây. Bác ấy tươi cười chào đón mọi người./ Đây là một bạn nam. Bạn ấy đang chăm chú xem bác thợ nặn tò he (cùng nhiều bạn nhỏ khác). Bạn ấy thích đồ chơi tò he. Bạn ấy rất thán phục tài nặn tò he của bác thợ.)

**8. Chọn *dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than* thay cho ô vuông.**

– GV hướng dẫn chung cả lớp:

+ Làm việc theo cặp: Đọc lời trò chuyện của 2 chị em, suy nghĩ để chọn dấu thích hợp thay cho các ô vuông (nếu chuẩn bị phiếu học tập thì cho HS điền vào ô trống). Thống nhất ý kiến.

+ Các nhóm (cặp) đối chiếu kết quả.

– GV tổ chức chữa bài trước lớp:

+ Câu thứ nhất: *Em đang viết gì đấy* là câu hỏi → đặt dấu chấm hỏi cuối câu.

+ Câu thứ hai: *Em đang viết thư cho em* là câu trả lời, câu nêu hoạt động (kể việc), đặt dấu chấm.

+ Câu thứ ba: *Hay đấy* là câu bộc lộ cảm xúc, lời khen → đặt dấu chấm than.

+ Câu thứ tư: *Trong thư nói gì* là câu hỏi → đặt dấu chấm hỏi.

+ Câu thứ năm: *Ngày mai, nhận được thư em mới biết* là câu trả lời, câu nêu sự việc → đặt dấu chấm.

– Các cặp/ nhóm đối chiếu kết quả.

– GV và HS thống nhất đáp án (như trên).

## TIẾT 7 – 8

**9. Nghe – viết**

– GV nêu yêu cầu nghe – viết bài *Niềm vui là gì?*.

– GV đọc bài cho HS nghe và hỏi:

+ Trong câu chuyện có những nhân vật nào? (Có gấu, sóc và kiến)

+ Gấu hỏi các bạn điều gì? (Gấu hỏi các bạn: Niềm vui là gì?)

+ Gấu nhận được câu trả lời của các bạn thế nào? (GV có thể đọc lại bài một lần nữa hoặc cho HS nhìn vào SHS để tìm câu trả lời). GV nói thêm với HS: mỗi người bạn đã trả lời gấu theo suy nghĩ và cảm nhận riêng của mình, gắn với niềm vui riêng của mỗi bạn.

– GV hướng dẫn HS quan sát cách trình bày bài chính tả: có dấu hai chấm (xuất hiện 2 lần), có các dấu gạch ngang đặt trước lời nói của các nhân vật; viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại bài trước lớp; nhắc HS quan sát bài một lần nữa trước khi nghe – viết.

– GV đọc tên bài, đọc từng câu cho HS viết vào vở. Khi HS viết xong, GV đọc lại bài cho HS soát lỗi. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

### 10. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *iên* hoặc *yên* thay cho ô vuông.

– HS làm việc cá nhân, tìm và viết vào vở tiếng tìm được theo yêu cầu và phù hợp với tranh.

– Cả lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV. (**Biển** rộng mênh mông.; Xóm làng bình **yên**.; **Miền** núi có ruộng bậc thang./ **Triền** núi có ruộng bậc thang.).

### 11. Nói tiếp câu kể lại sự việc trong tranh.

– GV hướng dẫn chung cả lớp quan sát tranh 1, đọc lời dưới tranh và trả lời câu hỏi: Tranh 1 vẽ những gì? (Tranh vẽ gà trống gáy lúc mặt trời mới mọc, gà mẹ gọi các con dậy và ra khỏi chuồng).

– GV tổ chức cho HS làm bài theo nhóm (4 em/ nhóm) như sau:

+ Quan sát từng tranh, đọc lời dưới tranh rồi đoán xem 4 tranh cho biết điều gì về gà mẹ và các con. Nhóm trưởng mời các bạn nêu ý kiến, thảo luận để thống nhất nội dung các tranh. (VD: Tranh 1. Sáng sớm, gà mẹ gọi con dậy và ra khỏi chuồng; Tranh 2. Gà mẹ cho các con chạy nhảy, tắm nắng; Tranh 3. Gà mẹ dẫn các con đi kiếm giun/ kiếm ăn; Tranh 4. Buổi trưa, gà mẹ cho con nghỉ ngơi trong bóng mát.).

+ Mỗi bạn trong nhóm nói tiếp câu dưới mỗi tranh.

– GV tổ chức chữa bài trước lớp: các nhóm xung phong lên trình bày. GV cùng cả lớp nhận xét, khích lệ, động viên các bạn xung phong nói trước lớp.

## PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

## TIẾT 9 – 10

Tuần 18 có 10 tiết, trong đó:

– 8 tiết dành cho ôn tập.

– 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá cuối học kì.

SHS có giới thiệu để kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối học kì.

GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

– Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (trả lời miệng).

– Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

– Nghe – viết chính tả và làm bài tập chính tả.

– Viết 3 – 4 câu kể việc.

HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện của lớp.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập tái bản: LÊ THUÝ PHƯƠNG
Thiết kế sách: NGUYỄN THANH THUÝ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA – NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ
Sửa bản in: TRỊNH ĐÌNH DỰNG
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**
*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

**TIẾNG VIỆT 2 TẬP MỘT – SÁCH GIÁO VIÊN**

**Mã số:**

In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 19 x 26,5cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB:
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ..... tháng ..... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm ...
Mã số ISBN: Tập một:
Tập hai:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH




**BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 2 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

1. Tiếng Việt 2 – SGV, tập một
2. Tiếng Việt 2 – SGV, tập hai
3. Toán 2 – SGV
4. Tự nhiên và Xã hội 2 – SGV
5. Đạo đức 2 – SGV
6. Âm nhạc 2 – SGV
7. Mĩ thuật 2 – SGV
8. Hoạt động trải nghiệm 2 – SGV
9. Giáo dục thể chất 2 – SGV
10. Tiếng Anh 2 – SGV

**Website:** https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG